



TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT  
TP. HỒ CHÍ MINH  
1996

HỘI CÔNG CHỨNG VIÊN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**HỘI THẢO KHOA HỌC CẤP QUỐC GIA**

**XÁC THỰC THÔNG TIN  
DOANH NGHIỆP TẠI  
VIỆT NAM VÀ KINH  
NGHIỆM CỦA MỘT SỐ  
QUỐC GIA**

TP. HỒ CHÍ MINH – 11/9/2024



TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT  
TP. HỒ CHÍ MINH  
1996

HỘI CÔNG CHỨNG VIÊN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**TÀI LIỆU PHỤC VỤ HỘI THẢO**

**XÁC THỰC THÔNG TIN  
DOANH NGHIỆP TẠI  
VIỆT NAM VÀ KINH  
NGHIỆM CỦA MỘT SỐ  
QUỐC GIA**

TP. HỒ CHÍ MINH – 11/9/2024



TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT  
TP. HỒ CHÍ MINH  
1996

HỘI CÔNG CHỨNG VIÊN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

## HỘI THẢO KHOA HỌC

# “XÁC THỰC THÔNG TIN DOANH NGHIỆP TẠI VIỆT NAM VÀ KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA”

Thời gian: 8h00 đến 12h00, thứ Tư, ngày 11 tháng 9 năm 2024

Địa điểm: Hội trường A.1002 Trường Đại học Luật TP. HCM, số 2 Nguyễn Tất Thành,  
Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

### CHƯƠNG TRÌNH HỘI THẢO

7:50 – 8:00	Tiếp đón đại biểu	
8:00 – 8:10	Chào mừng các diễn giả và khách mời	
8:10 – 8:20	<b>Khai mạc Hội thảo</b> <b>GS. TS. Đỗ Văn Đại</b> <i>Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh</i>	
<b>Phiên 1</b>	<b>Chủ tọa:</b> <ul style="list-style-type: none"><li><b>GS. TS. Đỗ Văn Đại</b>, <i>Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh</i></li><li><b>CCV. Nguyễn Trí Hoà</b>, <i>Phó Chủ tịch Hiệp hội Công chứng viên Việt Nam</i></li><li><b>Bà Ung Thị Xuân Hương</b>, <i>Phó Chủ tịch Hội Luật gia TP. Hồ Chí Minh.</i></li></ul>	
	8:20 – 8:35	<b>“Thông tin doanh nghiệp và xác thực thông tin doanh nghiệp”</b> <b>PGS. TS. Nguyễn Văn Vân</b>

		<i>Khoa Luật Thương Mại - Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh</i>
	8:35 – 8:50	<p><b>“Xác thực thông tin khi thành lập công ty tại LUXEMBOURG”</b></p> <p><b>CCV. Trần Thị Hằng</b> <i>Trưởng Văn phòng Công chứng Phan Thị Kim Cúc</i></p>
	8:50 – 9:05	<p><b>“Cơ chế đảm bảo tính xác thực, hợp pháp của hồ sơ doanh nghiệp thông qua hoạt động công chứng - Kinh nghiệm một số quốc gia Châu Âu và gợi mở cho Việt Nam”</b></p> <p><b>TS. Phan Hoài Nam</b> <i>Phó Trưởng Khoa Luật Quốc tế - Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh</i></p> <p><b>Trần Ngọc Vân Quỳnh</b> <i>Công ty TNHH Novartis Việt Nam</i></p> <p><b>Nguyễn Hoàng Minh Như</b> <i>Công ty Luật TNHH Gruenkorn &amp; Partner</i></p>
	9:05 – 9:50	<b>Thảo luận</b>
	9:50 – 10:20	<b>Giảo lao, chụp hình</b>
<b>Phiên 2</b>		<p><b>Chủ tọa:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>PGS. TS. Hà Thị Thanh Bình</b>, <i>Trưởng Khoa Luật Thương mại, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh.</i></li> <li>- <b>Bà Ngô Minh Hồng</b>, <i>Chủ tịch Hội Công chứng viên TP. Hồ Chí Minh.</i></li> <li>- <b>Thẩm phán Nguyễn Thị Thùy Dung</b>, <i>Phó Chánh án Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh.</i></li> </ul>
	10:20 – 10h35	<p><b>“Công chứng điều lệ công ty - Những vấn đề lý luận và thực tiễn”</b></p> <p><b>TS. CCV. Ninh Thị Hiền</b> <i>Trưởng Văn phòng công chứng Ninh Thị Hiền</i></p>



	10:35 – 10:50	<p><b>“Xác thực biên bản cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến - Kinh nghiệm của Indonesia và gợi mở cho Việt Nam trong việc xây dựng khung pháp lý”</b></p> <p><b>ThS. Tăng Thị Bích Diễm</b> <i>Khoa Luật Thương Mại - Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh</i></p>
	10:50 – 11:30	<b>Thảo luận</b>
11:30 – 11:40	<p><b>Phát biểu kết luận và Bế mạc Hội thảo</b></p> <p><b>PGS. TS. Hà Thị Thanh Bình,</b> <i>Trưởng Khoa Luật Thương mại, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh</i></p> <p><b>Bà Ngô Minh Hồng</b> <i>Chủ tịch Hội Công chứng viên TP. Hồ Chí Minh</i></p>	

## MỤC LỤC



STT	Tên bài tham luận, tác giả	Trang
1	Thông tin doanh nghiệp và xác thực thông tin doanh nghiệp <b>PGS.TS. Nguyễn Văn Vân</b> <i>Giảng viên Khoa Luật Thương mại, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh</i>	1
2	Đánh giá lại cơ chế tiền kiểm trong việc thành lập doanh nghiệp <b>TS. Lương Thị Thu Hương</b> <i>Khoa Luật, Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh</i>	24
3	Xác thực thông tin doanh nghiệp theo pháp luật Việt Nam và kinh nghiệm của một số quốc gia <b>LS. Cao Đăng Duy</b> <i>Luật sư thành viên, Công ty Luật Rajah &amp; Tann LCT</i> <b>Trần Nguyễn Anh Thư</b> <i>Cộng sự, Công ty Luật Rajah &amp; Tann LCT</i>	33
4	Xác thực việc xác lập giao dịch nhân danh công ty đang thành lập – Kinh nghiệm các nước và bài học cho Việt Nam <b>Viện sĩ, PGSTS Nguyễn Ngọc Điện</b> <i>Trường Đại học Kinh tế - Luật ĐHQGTPHCM</i>	44
5	Xác thực thông tin khi thành lập Công ty tại Luxembourg <b>CCV. Trần Thị Hằng</b> <i>Trưởng Văn phòng Công chứng Phan Thị Kim Cúc</i>	53
6	Công chứng hồ sơ doanh nghiệp – Kinh nghiệm một số quốc gia Châu Á và gợi mở cho Việt Nam <b>TS. Phan Hoài Nam</b> <i>Phó Trưởng Khoa Luật Quốc tế, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh</i> <b>Huỳnh Thanh Thoảng</b>	61

	<p><i>Cử nhân Luật Thương mại quốc tế TMQT45B</i></p> <p><b>Dương Bạch Trúc Vy</b></p> <p><i>Cử nhân Luật Thương mại quốc tế TMQT45B</i></p>	
7	<p>Pháp luật về công chứng điều lệ doanh nghiệp – Kinh nghiệm quốc tế và gợi mở cho Việt Nam</p> <p><b>ThS. Lê Thị Hồng Liễu</b></p> <p><i>Giảng viên Khoa Luật, Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM, NCS tại Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP.HCM</i></p> <p><b>ThS. Hồ Thị Thanh Trúc</b></p> <p><i>Giảng viên Khoa Kinh tế - Luật, Trường Đại học Tài chính – Marketing, NCS tại Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP.HCM</i></p>	73
8	<p>Cơ chế đảm bảo tính xác thực, hợp pháp của hồ sơ doanh nghiệp thông qua hoạt động công chứng – Kinh nghiệm một số quốc gia Châu Âu và gợi mở cho Việt Nam</p> <p><b>TS. Phan Hoài Nam</b></p> <p><i>Phó Trưởng Khoa Luật Quốc tế, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh</i></p> <p><b>Trần Ngọc Văn Quỳnh</b></p> <p><i>Công ty TNHH Novartis Việt Nam</i></p> <p><b>Nguyễn Hoàng Minh Như</b></p> <p><i>Công ty Luật TNHH Gruenkorn &amp; Partner</i></p>	88
9	<p>Công chứng Điều lệ công ty – Những vấn đề lý luận và thực tiễn</p> <p><b>TS.CCV. Ninh Thị Hiền</b></p> <p><i>Trưởng Văn phòng công chứng Ninh Thị Hiền</i></p>	100
10	<p>Công chứng Điều lệ công ty, giải pháp góp phần lành mạnh hoá môi trường kinh doanh ở Việt Nam hiện nay</p> <p><b>Lê Ngọc Tình</b></p> <p><i>Công chứng viên, Phó Trưởng phòng,</i></p>	118

	<i>Phòng Công chứng số 2 TP. Hồ Chí Minh</i>	
11	<p>Xác thực biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến – Kinh nghiệm của Indonesia và gợi mở cho Việt Nam trong việc xây dựng khung pháp lý</p> <p style="text-align: center;"><b>ThS. Tăng Thị Bích Diễm</b> <i>Giảng viên Khoa Luật Thương mại, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh</i></p>	133
12	<p>Tính xác thực thông tin doanh nghiệp qua hoạt động công chứng – Kinh nghiệm cho Việt Nam</p> <p style="text-align: center;"><b>Nguyễn Thuỳ Linh</b> <i>Cử nhân Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh</i></p> <p style="text-align: center;"><b>Đặng Minh Thanh</b> <i>Cử nhân Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh</i></p> <p style="text-align: center;"><b>Nguyễn Thị Thanh Phương</b> <i>Thư ký nghiệp vụ Văn phòng công chứng Vũ Thị Hồng Thúy, tỉnh Đồng Nai</i></p>	148
13	<p>Xác thực thông tin doanh nghiệp trong thời kỳ chuyển đổi số - Thách thức và giải pháp từ hoạt động công chứng</p> <p style="text-align: center;"><b>ThS. CCV. Nguyễn Thị Thu Trang</b> <i>Thành viên văn phòng Hiệp hội Công chứng viên Việt Nam Thư ký Hội Công chứng viên TP. Hải Phòng Trưởng Văn phòng Công chứng Nguyễn Trang, TP. Hải Phòng</i></p>	160
14	<p>Đăng ký doanh nghiệp và quản lý thông tin doanh nghiệp: Thực tiễn và đề xuất giải pháp hoàn thiện</p> <p style="text-align: center;"><b>LS. Nguyễn Văn Phúc</b> <i>Luật sư điều hành, Công ty Luật TNHH HM&amp;P</i></p>	172
15	<p>Quy định về công khai thông tin doanh nghiệp: Bất cập và kiến nghị hoàn thiện</p> <p style="text-align: center;"><b>TS. Phan Phương Nam</b></p>	185

	<i>Phó Trưởng Khoa Luật Thương mại, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh</i>	
16	Bảo vệ tính xác thực thông tin của doanh nghiệp thông qua bảo vệ đăng ký và chuyển nhượng tên miền  <b>TS. Nguyễn Hải An</b> <i>Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh</i>	194
17	Pháp luật Vương quốc Anh về quản lý thông tin người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp – Kinh nghiệm cho Việt Nam  <b>TS.GVC. Võ Trung Tín</b> <i>Trưởng Bộ môn Đất đai – Môi trường, Khoa Luật Thương mại, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh</i>  <b>Nguyễn Hoàng Long</b> <i>Học viên Học viện Tư pháp</i>  <b>Huỳnh Cao Như Ngọc</b> <i>Học viên Học viện Tư pháp</i>	205
18	Minh bạch thông tin của chủ thể hoạt động kinh doanh trên nền tảng số - Kinh nghiệm từ một số quốc gia  <b>ThS. Nguyễn Tấn Hoàng Hải</b> <i>Giảng viên Khoa Luật Dân sự, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh</i>  <b>Trần Bảo Khánh</b> <i>Học viên, Học viện Tư pháp, DTLAW Miền Nam</i>	216
19	Pháp luật về quản lý thông tin doanh nghiệp – Thực trạng và một số kiến nghị hoàn thiện  <b>ThS. Trần Linh Huân</b> <i>Giảng viên Khoa Luật Thương mại, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh</i>  <b>Lê Phạm Anh Thơ</b>	235

	<i>Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Phú Gia Cát</i>	
20	Pháp luật về kiểm soát thông tin công bố của Công ty cổ phần – Động lực cho sự minh bạch thị trường  <b>TS. Trương Vĩnh Xuân</b> <i>Học viện Chính trị khu vực IV</i>	245

# THÔNG TIN DOANH NGHIỆP VÀ XÁC THỰC THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

PGS.TS. Nguyễn Văn Vân

*Giảng viên Khoa Luật Thương mại, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh*

## **Tóm tắt:**

Bài viết phân tích các đặc trưng pháp lý theo từng nhóm thông tin về doanh nghiệp, nhấn mạnh đến nội dung thông tin, hiệu lực và đánh giá mức độ tin cậy từ đó kết luận về nhu cầu phải xác thực thông tin về doanh nghiệp. Thông qua việc phân tích các đặc trưng pháp lý của Điều lệ, các biên bản họp, nghị quyết, quyết định, quy chế, quy định và các tài liệu nội bộ doanh nghiệp để kết luận về hiệu lực, giá trị pháp lý và sự cần thiết phải xác thực Điều lệ và các tài liệu nội bộ công ty. Dựa vào kết quả phân tích, tác giả đề xuất các nhóm giải pháp gia tăng độ tin cậy của thông tin về doanh nghiệp và hạn chế các rủi ro pháp lý cho các chủ thể tiếp cận, khai thác, sử dụng thông tin doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh, thương mại, nhấn mạnh đến sự cần thiết phải xác thực thông tin doanh nghiệp và cơ chế triển khai.

**Từ khóa:** Xác thực thông tin doanh nghiệp; công chứng; cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp; Điều lệ công ty; hiệu lực pháp lý đối với bên thứ ba

## **Abstract:**

*The article analyses the legal characteristics of information on enterprises, with the focus on the content, applicability and evaluation of reliability. From then the conclusion of the demand for information verification can be drawn. By analysing the legal characteristics of Charters, meeting minutes, resolutions, decisions, regulations and other internal documents, an evaluation on the validity, legal impact and necessity of verifying the Charter and other internal documents can be made. Based on the result, the author recommends solutions to increase the reliability of enterprise information, minimising the risks of parties attempting to make use of such information in business, trade, commercial activities with an emphasis on the necessity of verification of information and its operation mechanism.*

**Keywords:** *Enterprise information verification; notarisation; national database of enterprises; Charter; legal effect on third parties*

## **1. NHU CẦU MINH BẠCH THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Trong hoạt động kinh doanh, thông tin là một trong những yếu tố quyết định thành công. Chủ thể kinh doanh nào thu thập đủ thông tin, biết xử lý phân tích thông tin lựa chọn đúng thời điểm, đúng đối tác thì cơ hội thành công cao hơn. Các nhà kinh tế đã chứng minh rằng, minh bạch thông tin<sup>1</sup> là đại lượng ảnh hưởng đến chi phí và lợi nhuận của doanh nghiệp<sup>2</sup>. Nếu quyết định kinh doanh không dựa trên kết quả thu thập, xử lý thông tin do môi trường thông tin không minh bạch thì tiềm ẩn mức độ rủi ro lớn, chi phí kinh doanh tăng cao, giá thành hàng hóa, dịch vụ cao, khả năng cạnh tranh của hàng hóa, dịch vụ đó trên thị trường trong và ngoài nước giảm, lợi nhuận kinh doanh giảm. Một doanh nhân thông thái là khi người đó (i) biết thu thập thông tin; (ii) biết phân tích xử lý thông tin, để có quyết định kinh doanh đúng. Yếu tố (i) là tiền đề cho yếu tố (ii) bởi, nếu người có nghĩa vụ không cung cấp thông tin hoặc thông tin không chính xác thì năng lực phân tích thông tin của doanh nhân đó cũng trở nên vô dụng.

Ở phương diện vĩ mô, nếu nền kinh tế bao trùm “bóng tối” hoặc thông tin thật giả lẫn lộn thì sự thành bại trong kinh doanh sẽ lệ thuộc vào yếu tố may rủi. Khi đó môi trường kinh doanh không khác gì “sòng bài”; “hiệu ứng bầy đàn”<sup>3</sup> sẽ ngự trị.

Thông tin thông tin cần thiết cho hoạt động kinh doanh có phạm vi khá rộng, từ tin tức chiến tranh, xung đột, cấm vận, chính sách kinh tế, ngoại giao của các quốc gia, giá cả, tỷ giá, cung cầu nguyên liệu, hàng hóa trên thị trường trong và ngoài nước... đến thông tin về đối tác kinh doanh và các chủ thể liên quan đến đối tác kinh doanh như thông tin nhân sự quản trị điều hành, thông tin tài chính, kinh doanh của doanh nghiệp, thông tin tăng, thoái vốn đầu tư, tái cơ cấu doanh nghiệp....

Trong phạm vi bài viết chỉ đề cập đến nhóm thông tin về chủ thể kinh doanh, thương nhân(gọi chung là “thông tin về doanh nghiệp”).

## **2. CÁC NHÓM THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP VÀ MỨC ĐỘ TIN CẬY**

Chủ thể quan hệ pháp luật về thông tin doanh nghiệp gồm: (a) Chủ thể sử dụng: tiếp cận, khai thác và sử dụng thông tin doanh nghiệp; (b) Chủ thể cung cấp: chuyển giao, công bố, chia sẻ thông tin của mình trực tiếp cho công chúng hoặc gián tiếp thông qua các trung gian; (c) Chủ thể trung gian: tiếp nhận, quản lý, đồng bộ và tạo lập cơ sở dữ liệu quốc gia, địa phương để chia sẻ, cung cấp thông tin doanh nghiệp cho chủ thể sử dụng; (d) Chủ thể xác thực thông

---

<sup>1</sup> Theo tác giả Đậu Anh Tuấn: Minh bạch còn bao cả việc thiết lập cơ hội bình đẳng để tiếp cận thông tin và đặc biệt là tính tin cậy, tính nhất quán của thông tin, tính dự đoán trước được và sự cởi mở của cơ quan cung cấp thông tin. Xem: Đậu Anh Tuấn - Ban Pháp chế, VCCI, *Minh bạch và công khai*  
<http://www.thanhtra.gov.vn/webplus/viewer.asp?pgid=5&aid=1721>

<sup>2</sup> *Ảnh hưởng của việc kiểm soát thông tin trên thị trường*” Công trình nghiên cứu đạt giải Nôben kinh tế 2001 của GS. George A. Akerlof, GS. A. Michael Spence và GS. Joseph E. Stiglitz

<sup>3</sup> Lâm Tú Anh (2019) Nghiên cứu hiệu ứng bầy đàn của nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam : Luận văn tốt nghiệp Cao học. Chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng



tin: có thể là doanh nghiệp kiểm toán<sup>4</sup>, tổ chức định mức tín nhiệm<sup>5</sup>, tổ chức hành nghề công chứng, tổ chức giám định, thẩm định, tổ chức cấp chứng thư chữ ký điện tử, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số... thực hiện hoạt động xác thực nội dung và/ hoặc hình thức thông tin doanh nghiệp.

Về hình thức, thông tin doanh nghiệp chứa đựng trong văn bản, thông điệp dữ liệu, tồn tại dưới dạng bản viết, bản in, tranh, ảnh, bản vẽ, băng, đĩa, bản ghi hình, ghi âm hoặc các dạng khác. Văn bản có thể có chữ ký của người lập, duyệt, ký phát hành; thông điệp dữ liệu có thể có hoặc không chữ ký điện tử và chứng thư chữ ký điện tử, chữ ký số và chứng thư chữ ký số.

Về nội dung, thông tin về doanh nghiệp bao gồm: thông tin về loại hình doanh nghiệp (TNHH, CP...), tên doanh nghiệp; địa chỉ trụ sở chính, hệ thống chi nhánh, cơ sở kinh doanh; mã số thuế, tài khoản ngân hàng, địa chỉ email, điện thoại, người đại diện theo pháp luật; lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh; tài chính, năng lực, kinh nghiệm; phát hành, niêm yết chứng khoán; thông tin về kê biên, phong tỏa tài sản, cưỡng chế thuế, cưỡng chế thi hành án, tái cấu, giải thể, mở thủ tục phá sản.... Đây là những thông tin cần thiết mà mọi doanh nghiệp, doanh nhân có nhu cầu tiếp cận trong quá trình tìm hiểu, phân tích rủi ro để quyết định kinh doanh với doanh nghiệp đối tác.

Thông tin doanh nghiệp có thể có từ nhiều nguồn khác nhau, có mức độ tin cậy khác nhau. Không tồn tại các tiêu chí rạch ròi và định lượng để phân loại thông tin doanh nghiệp. Để phục vụ cho việc phân tích bản chất pháp lý và nhu cầu xác thực thông tin đề cập trong bài viết, có thể tạm chia thành các nhóm:

Nhóm 1: thông tin do cơ quan quản lý nhà nước cấp hoặc công nhận/ xác nhận và được công khai trên hệ thống dữ liệu quốc gia như Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán, các loại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động trong các lĩnh vực cụ thể.... Trước khi ban hành, cơ quan quản lý nhà nước đã thực hiện các thủ tục kiểm tra sơ bộ (theo quy trình đăng ký) hoặc thẩm định, phê duyệt (theo quy trình cấp giấy phép) các thông tin do doanh nghiệp cung cấp.

Về mặt hình thức và hiệu lực: những văn bản này do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp/ ban hành nên không cần phải xác thực và có thể thuộc nhóm chứng cứ không phải chứng minh trong tố tụng<sup>6</sup>.

---

<sup>4</sup> Tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp kiểm toán theo Luật Kiểm toán độc lập năm 2011

<sup>5</sup> Lê Vũ Nam (2002) Định mức tín nhiệm tại Việt Nam, NXB Tp HCM

<sup>6</sup> Khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015

Về mặt nội dung, nhóm thông tin này có mức độ tin cậy tương đối cao, so với các nhóm thông tin còn lại, nhưng không tuyệt đối. Thông thường, khi cấp giấy phép thành lập và hoạt động thì cơ quan nhà nước mới thực hiện đối chiếu, kiểm tra, thẩm định thông tin; còn khi “đăng ký kinh doanh”, “đăng ký nhà thầu”, “đăng ký giao dịch bảo đảm”... cơ quan quản lý nhà nước chấp nhận thông tin do doanh nghiệp cung cấp mà không trực tiếp xác nhận hoặc bảo đảm tính trung thực, chính xác các nội dung ghi nhận trong giấy chứng nhận đăng ký đó<sup>7</sup>.

Về hiệu lực đối với chủ thể sử dụng thông tin: nhóm thông tin này công khai trên hệ thống dữ liệu thông tin quốc gia, nên chúng có giá trị đối với tất cả mọi chủ thể trong và ngoài doanh nghiệp. Mọi cá nhân, tổ chức mặc nhiên đã biết (buộc phải biết) thông tin này và họ gánh chịu hậu quả pháp lý cũng như các rủi ro pháp lý từ việc không biết các thông tin nhóm này.

Nhóm 2. Thông tin do doanh nghiệp trực tiếp công bố ra công chúng theo quy định pháp luật hoặc do doanh nghiệp cung cấp dưới các hình thức khác nhau (chuyên giao, khai báo, chia sẻ, đồng bộ) theo quy định pháp luật khi phát sinh các sự kiện pháp lý cụ thể (khi trở thành công ty đại chúng, xác lập tư cách nhà thầu...) để tích hợp, đồng bộ vào hệ thống cơ sở dữ liệu chung. Cơ quan, tổ chức được giao quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu chung sẽ chia sẻ, cung cấp (có thể có phí) cho người có nhu cầu sử dụng.

Pháp luật chuyên ngành về chứng khoán, đấu thầu, thuế, vận tải, ngân hàng, bảo hiểm, du lịch, xây dựng... quy định chi tiết về hình thức, nội dung thông tin mà doanh nghiệp phải công bố trực tiếp hoặc gián tiếp ra công chúng.

Về hình thức và hiệu lực: pháp luật chuyên ngành quy định chi tiết hình thức, biểu mẫu thống nhất và thời điểm có hiệu lực đối với chủ thể sử dụng thông tin là người bên ngoài doanh nghiệp.

Về nội dung, nhóm thông tin này có mức độ tin cậy tương đối cao, lý do:

Thứ nhất, pháp luật quy định rõ cá nhân, tổ chức cung cấp thông tin phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin và áp dụng các chế tài hành chính, dân sự và cả hình sự trong trường hợp vi phạm.

Thứ hai, pháp luật hiện hành có yêu cầu một số thông tin nhóm này phải được thẩm định, xác thực, chứng nhận trước khi doanh nghiệp cung cấp, ví dụ: Báo cáo tài chính phải được kiểm toán bởi một doanh nghiệp kiểm toán độc lập, báo cáo thuế phải được xác nhận của cơ

---

<sup>7</sup> Ngay trang bìa Bản cáo bạch kèm Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán do Ủy Ban chứng khoán Nhà nước cấp luôn luôn có câu: “*Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng chỉ có nghĩa là việc đăng ký chào bán cổ phiếu đã thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan mà không hàm ý đảm bảo giá trị của cổ phiếu. Mọi tuyên bố trái với điều này là bất hợp pháp*”.

quan thuế, hồ sơ năng lực nhà thầu phải được xác nhận, hoặc yêu cầu phải công chứng, chứng thực các giấy tờ, văn bản.

Thứ ba, do tính chuyên môn cao và nội dung phức tạp nên không phải mọi cá nhân, tổ chức sử dụng thông tin có đủ năng lực để thẩm định tính chính xác (nội dung và hình thức) của nhóm thông tin này. Để gia tăng mức độ tin cậy, hạn chế rủi ro cho chủ thể sử dụng thông tin, pháp luật chuyên ngành cần có các quy định: (i) bổ sung các tài liệu, hồ sơ nào cần được thẩm định (về nội dung) bởi tổ chức chuyên môn; (ii) Bổ sung các tài liệu, hồ sơ nào cần được công chứng, chứng thực (về hình thức) hoặc hợp pháp hóa lãnh sự, chứng thực chữ ký điện tử, sử dụng dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số (iii) Quy định trách nhiệm liên đới của cá nhân, tổ chức tham gia xác thực nội dung, hình thức thông tin trước chủ thể sử dụng thông tin.

Thứ tư, trong phạm vi thẩm quyền của mình, cơ quan quản lý nhà nước tiến hành soát xét sơ bộ trước khi thông tin đó được công khai hoặc kết nối, đồng bộ vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia. Trường hợp cơ quan Nhà nước không thẩm định thì phải trực tiếp tuyên bố rõ điều này để chủ thể sử dụng thông tin không nhầm lẫn.

Như vậy, nhóm thông tin này khá đa dạng, không chỉ các thông tin pháp lý mà còn cả thông tin tài chính, kinh doanh, quản trị... của doanh nghiệp. Do được công khai theo thủ tục, quy trình luật định nên các chủ thể bên ngoài công ty có nghĩa vụ phải biết thông tin này khi tham gia các dự án đầu tư hoặc xác lập các giao dịch kinh doanh thương mại với doanh nghiệp đó.

### **3. TÀI LIỆU NỘI BỘ DOANH NGHIỆP: HIỆU LỰC VÀ NHU CẦU XÁC THỰC**

#### **3.1. Phạm vi và nội dung tài liệu nội bộ doanh nghiệp**

Tài liệu/ hồ sơ pháp lý nội bộ doanh nghiệp là các văn bản, dữ liệu điện tử chứa đựng thông tin về doanh nghiệp phục vụ công việc quản trị, điều hành nội bộ doanh nghiệp như: Điều lệ công ty, các biên bản họp, nghị quyết của các hội đồng, ủy ban; các quyết định của người quản trị, điều hành nội bộ công ty; các quy chế, quy định, bộ quy tắc ứng xử... áp dụng nội bộ công ty.

Thông thường, tài liệu thông tin nội bộ nói trên chỉ lưu hành và có hiệu lực nội bộ doanh nghiệp. Tuy vậy, một số trường hợp chúng có thể: (i) được tích hợp vào nhóm thông tin doanh nghiệp để công bố ra bên ngoài theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước (khi chào bán chứng khoán, niêm yết chứng khoán...); (ii) Doanh nghiệp tự nguyện công khai cho công chúng; (iii) Chuyển giao cho các cơ quan tổ chức cụ thể theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước phục vụ hoạt động thống kê, kiểm toán, thanh tra, kiểm tra, tố tụng...; (iv) Cung cấp trực tiếp cho đối tác trước khi ký kết hợp đồng hoặc trong quá trình thực hiện hợp đồng phục vụ công việc giao kết và thực hiện hợp đồng, theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp có thông tin và đối tác.

### 3.2 Hiệu lực của tài liệu nội bộ công ty đối với chủ thể ngoài công ty.

Để làm rõ hiệu lực của Điều lệ công ty và các tài liệu nội bộ công ty đối với các cá nhân, tổ chức bên ngoài công ty (gọi chung là bên thứ ba), có thể phân tích 2 trường hợp sau:

a) Trường hợp thứ nhất: phạm vi thẩm quyền của người đại diện theo pháp luật, ghi nhận trong Điều lệ công ty

Theo K 2 Điều 12 Luật Doanh nghiệp 2020: “Công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, chức danh quản lý và quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.”

So với Luật Doanh nghiệp 2014<sup>8</sup>, Luật Doanh nghiệp 2020 bổ sung: “Trường hợp việc phân chia quyền, nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật chưa được quy định rõ trong Điều lệ công ty thì mỗi người đại diện theo pháp luật của công ty đều là đại diện đủ thẩm quyền của doanh nghiệp trước bên thứ ba; tất cả người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm liên đới đối với thiệt hại gây ra cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan”.

Tưởng chừng quy định trên kết thúc mọi tranh luận và loại bỏ rủi ro về hợp đồng giao dịch bị vô hiệu do người ký kết là người đại diện theo pháp luật nhưng không có thẩm quyền. Tuy nhiên, xét về tính khả thi thì quy định “Điều lệ công ty quy định cụ thể quyền, nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật” thực sự “làm khó” và thậm chí gia tăng rủi ro cho bên thứ ba.

Để xác định đúng người có thẩm quyền ký hợp đồng, ngoài Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, bên thứ ba phải tiếp cận bản Điều lệ của doanh nghiệp đối tác, được cập nhật các sửa đổi, bổ sung cho đến thời điểm ký kết hợp đồng. Kể cả khi tiếp cận được bản Điều lệ và Điều lệ có quy định nhưng không liệt kê chi tiết từng loại hợp đồng, giao dịch mà chỉ quy định các lĩnh vực chung chung thì sẽ có sự khác biệt khi giải thích, đặc biệt khi phát sinh tranh chấp. Trường hợp Điều lệ công ty liệt kê chi tiết từng loại hợp đồng cũng không khả thi vì càng liệt kê chi tiết càng thiếu.

Nguy cơ hợp đồng bị tòa án tuyên vô hiệu rất cao, nếu bên thứ ba ký kết hợp đồng với người đại diện theo pháp luật nhưng không thuộc phạm vi thẩm quyền ghi nhận trong Điều lệ công ty, do bên thứ ba không tiếp cận được Điều lệ hoặc có tiếp cận được nhưng không phải là bản Điều lệ cuối cùng tính đến thời điểm ký kết hợp đồng.

---

<sup>8</sup> Luật Doanh nghiệp 2014 đã ghi nhận Công ty CP, Công ty TNHH có thể có hơn một người đại diện theo pháp luật nhưng không quy định chi tiết hơn. Thực tiễn áp dụng quy định này phát sinh một số hệ lụy pháp lý gây tranh cãi.

b) Trường hợp thứ hai: về các loại dự án đầu tư, hợp đồng giao dịch thuộc thẩm quyền thông qua/ quyết định bởi Hội đồng thành viên, chủ sở hữu công ty, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.<sup>9</sup>

Để xác định loại hợp đồng, giao dịch nào phải qua thủ tục thông qua/ phê duyệt; chủ thể nào có thẩm quyền thông qua/ phê duyệt; quy trình, thủ tục, điều kiện để thông qua/ phê duyệt....đòi hỏi bên thứ ba phải tiếp cận và phân tích nội dung bản Điều lệ.

Để kết luận giá trị hợp đồng/ giao dịch đó có vượt tỷ lệ % so với tổng giá trị tài sản công ty được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của công ty, bên thứ ba phải tiếp cận để phân tích, thẩm định, xác thực các nội dung trong báo cáo tài chính.

Để có minh chứng thuyết phục cho việc hợp đồng, giao dịch đã được thông qua/ phê duyệt đúng quy trình, đúng thẩm quyền đòi hỏi bên thứ ba phải tiếp cận được toàn bộ: (i) Nghị quyết/ Quyết định do Chủ tịch HĐQT/ Chủ tịch HĐQT ký; (ii) Biên bản cuộc họp có chữ ký của tất cả các thành viên dự họp; (iii) Văn bản của một tổ chức thẩm định độc lập xác nhận chữ ký tất cả các thành viên dự họp.

Những yêu cầu này thực sự “làm khó” cho bên thứ ba vì phải phải bỏ ra rất nhiều chi phí và thời gian nhưng chưa chắc có kết quả mong muốn.

Trong thực tế, để phòng ngừa rủi ro hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm vô hiệu do chưa tuân thủ quy trình nói trên, các ngân hàng thương mại hành động theo tiêu chí “thừa còn hơn thiếu” khi yêu cầu bên vay là doanh nghiệp phải cung cấp Biên bản họp/ Nghị quyết/ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/ Hội đồng quản trị/ Hội đồng thành viên.

Vậy, hợp đồng, giao dịch do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký kết nhưng Hội đồng thành viên/ Đại hội đồng cổ đông/ Hội đồng quản trị chưa thông qua/ quyết định/ phê duyệt theo thủ tục nội bộ doanh nghiệp theo quy định tại các điều 55, 76, 138 Luật Doanh nghiệp 2020 thì hợp đồng, giao dịch đó có hiệu lực và làm phát sinh nghĩa vụ cho doanh nghiệp hay không?

Để giải quyết các trường hợp trên cần tìm hiểu bản chất của Điều lệ và các tài liệu nội

---

<sup>9</sup> ví dụ như: “Điểm (d) Khoản 2 Điều 55 Luật Doanh nghiệp quy định quyền và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên: d) Thông qua hợp đồng vay, cho vay, bán tài sản và hợp đồng khác do Điều lệ công ty quy định có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của công ty hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty; Điểm (e) Khoản 1, Điều 76 quy định chủ sở hữu công ty TNHH 01 thành viên là tổ chức có quyền “Thông qua hợp đồng vay, cho vay, bán tài sản và các hợp đồng khác do Điều lệ công ty quy định có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty; Điểm (d) khoản 2 Điều 138 Quyền và nghĩa vụ của đại hội đồng cổ đông: d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;

bộ công ty.

### **3.3 Bản chất pháp lý của Điều lệ và các tài liệu nội bộ công ty**

Cho đến thời điểm hiện nay, mặc dù có vài khác biệt, nhưng pháp luật thực định các quốc gia và các lý thuyết pháp lý đều thống nhất rằng, Điều lệ công ty là bản hợp đồng đầu tiên có phạm vi điều chỉnh bao quát nhất và là văn bản có giá trị pháp lý cao nhất trong nội bộ công ty. Điều lệ công ty có các đặc trưng pháp lý sau:

- Điều lệ công ty là kết quả thỏa thuận “giữa những người trong cuộc” nên các thỏa thuận này luôn được tôn trọng và ưu tiên áp dụng. Thật vậy, trong pháp luật doanh nghiệp, bên cạnh các quy phạm cấm và quy phạm bắt buộc còn có rất nhiều quy phạm lựa chọn, quy phạm trao quyền. Cụm từ “*trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác*”; “*theo quy định tại Điều lệ công ty*” ... xuất hiện khá phổ biến trong pháp luật doanh nghiệp. Đây là minh chứng cho việc hiện thực hóa tư tưởng pháp lý về tự do hợp đồng.

- Không phủ nhận rằng, trong một số trường hợp ngoại lệ thì ý chí của nhà làm luật vẫn hiện hữu trong bản Điều lệ công ty dưới các hình thức và mức độ khác nhau, như: soát xét, thẩm định, công nhận/ phê duyệt bản Điều lệ hoặc yêu cầu/ khuyến nghị sử dụng bản Điều lệ mẫu do cơ quan Nhà nước ban hành. Tuy nhiên, đây chỉ là trường hợp đặc biệt, áp dụng cho các doanh nghiệp kinh doanh trong các lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán... hoặc đối với doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp xã hội, công ty đại chúng... Mục đích cuối cùng của các yêu cầu này là để bảo vệ cổ đông nhỏ, nhà đầu tư chứng khoán không chuyên nghiệp, giám sát quy trình quản trị rủi ro nội bộ, bảo đảm an toàn hệ thống tài chính, tiền tệ quốc gia, mà không phải để để phát sinh hiệu lực pháp lý cho người thứ ba.

- Mặc dù Điều lệ là bản “hiến pháp” của công ty, có giá trị pháp lý cao nhất nhưng phạm vi “phủ sóng” của nó chỉ giới hạn trong nội bộ công ty (bộ máy quản trị điều hành, kiểm soát, cho các cổ đông, thành viên góp vốn hiện hữu, kể cả khi cổ đông, thành viên góp vốn không dự họp, không tham gia biểu quyết hoặc biểu quyết phản đối nhưng bản Điều lệ đã được thông qua đúng thủ tục, quy trình).

- Điều lệ là thỏa thuận giữa các thành viên góp vốn/ cổ đông công ty, hiệu lực giới hạn trong phạm vi nội bộ công ty và chỉ ràng buộc nghĩa vụ cho các chủ thể bên trong công ty (cổ đông, thành viên góp vốn, bộ máy quản trị điều hành...). Những chủ thể bên ngoài công ty, không tham gia thỏa thuận, không có nghĩa vụ phải biết nội dung Điều lệ công ty và tuân thủ nó. Điều lệ công ty không làm phát sinh bất cứ nghĩa vụ, trách nhiệm nào cho người bên ngoài công ty, trừ trường hợp, ai đó tự nguyện kết nối và cam kết tuân sẽ tuân thủ.

- Trường hợp pháp luật quy định trong hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng, hồ sơ niêm yết chứng khoán phải có Điều lệ công ty là để cho nhà đầu tư có dự định

mua cổ phần, biết rằng họ đang tự nguyện kết nối, chấp nhận và sẽ tuân thủ bản Điều lệ nếu lệnh mua khớp lệnh và họ sẽ trở thành cổ đông của công ty đó.

- Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh yêu cầu doanh nghiệp cung cấp Điều lệ công ty cũng không nằm ngoài mục đích lưu trữ, dự phòng cho trường hợp có tranh chấp nội bộ công ty thì bản Điều lệ được lưu giữ đó là chứng cứ thuyết phục.

- Theo quan điểm tác giả, các các điều 55, 76, 138 Luật Doanh nghiệp 2020 là yêu cầu của nhà làm luật về phân quyền, phân cấp để kiểm soát quyền lực trong nội bộ công ty, bảo vệ cổ đông, thành viên góp vốn thiểu số... mà chúng không có giá trị ràng buộc cho người thứ ba ngoài công ty.

- Chỉ trong trường hợp hợp đồng, giao dịch giữa công ty và người có liên quan (Đ. 67, Đ. 86, Đ. 167 Luật Doanh nghiệp 2020) một bên trong quan hệ hợp đồng là người đại diện cho công ty bên còn lại chính là “người có liên quan” nên không thể nhìn nhận họ là “người thứ ba”, họ không thể “không biết và không có khả năng để biết” các tài liệu nội bộ công ty. Luật Doanh nghiệp trực tiếp dự liệu nếu hợp đồng, giao dịch được ký kết không đúng với quy định tại pháp luật về quy trình, thủ tục nội bộ có thể bị tòa án tuyên vô hiệu, là hợp lý.

Từ các phân tích trên có thể nhận định: không thể tuyên một hợp đồng giữa công ty với bên thứ ba vô hiệu với lý do hợp đồng đó trái/ vi phạm Điều lệ hoặc không có minh chứng về việc hợp đồng, giao dịch đó đã được phê duyệt, thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị/ Hội đồng thành viên, trừ trường hợp đó là hợp đồng giữa công ty và người có liên quan.

#### **4. GIẢI PHÁP GIA TĂNG MỨC ĐỘ TIN CẬY THÔNG TIN DOANH NGHIỆP VÀ HẠN CHẾ RỦI SỬ DỤNG THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Nội hàm của khái niệm minh bạch thông tin bao hàm: thông tin chính xác, rõ ràng, kịp thời và bình đẳng trong cơ hội tiếp cận thông tin. Nhu cầu minh bạch thông tin doanh nghiệp là xu thế, yêu cầu, mục tiêu không thể đảo ngược. Để góp phần thực hiện mục tiêu trên, thiết nghĩ có thể xem xét các nhóm giải pháp sau:

##### **4.1 Xây dựng, đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp**

(a) Cơ sở dữ liệu thông tin kinh tế nói chung, thông tin về doanh nghiệp nói riêng ở Việt nam hiện nay khá nhiều, nhưng chúng được quản lý bởi những bộ, ngành khác nhau. Cần thiết phải đồng bộ các cơ sở dữ liệu đang tồn tại rời rạc này, kể cả hệ thống dữ liệu quốc gia về dân cư. Khi đó sẽ giảm thiểu chi phí tuân thủ, vừa sàng lọc và loại bỏ các doanh nghiệp ảo, loại bỏ các sai sót hoặc thông tin không chính xác. Có thể áp dụng tương tự mô hình đồng bộ dữ liệu cá nhân đang thực hiện.

(b) Cập nhật thông tin trong thời gian thực, nghiên cứu và nhân rộng mô hình cung cấp thông tin bất thường trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

(c) Phân nhóm và định danh thông tin mà doanh nghiệp phải công bố trực tiếp ra công chúng và nhóm thông tin mà doanh nghiệp cung cấp gián tiếp, tức cung cấp cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia để cơ quan đó cung cấp cho người có nhu cầu sử dụng thông tin. Vì quy trình thủ tục, mức độ tin cậy và trách nhiệm của chủ thể cung cấp sẽ khác trong phụ thuộc vào phương thức trực tiếp hay gián tiếp;

(d) Giảm thiểu các hồ sơ tài liệu không cần thiết hoặc không có ý nghĩa kinh tế- pháp lý cho người sử dụng thông tin hoặc cơ quan Nhà nước không thể kiểm chứng (vốn Điều lệ) hoặc thông tin sẽ có nếu đồng bộ với hệ thống dữ liệu chung (thông tin kế toán trưởng, thông tin nhân thân người đại diện theo pháp luật, thành viên góp vốn, cổ đông sáng lập là cá nhân, số lượng lao động trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp...)

(e) Để người sử dụng thông tin không bị nhầm lẫn, khi công bố thông tin doanh nghiệp cần tuyên bố rõ: (i) Thông tin doanh nghiệp nhưng là các văn bản do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành (ii) thông tin đã được thẩm định bởi cơ quan quản lý Nhà nước; hoặc (iii) thông tin đã được xác thực bởi tổ chức độc lập; hoặc (iv) thông tin theo cung cấp của doanh nghiệp, chưa qua thẩm định, xác thực.

#### **4.2 Xác thực thông tin doanh nghiệp**

Xác thực (hình thức và nội dung) thông tin doanh nghiệp để góp phần minh bạch thông tin và giảm thiểu rủi ro cho người sử dụng thông tin.

- Trong bối cảnh các cơ quan quản lý Nhà nước không có đủ điều kiện để “ôm” trách nhiệm thẩm định thông tin doanh nghiệp thì việc tham gia các tổ chức phi nhà nước (tổ chức giám định, tổ chức kiểm toán, tổ chức hành nghề công chứng, thừa phát lại...) là hoàn toàn phù hợp.

- Xác thực nội dung và hình thức thông tin doanh nghiệp là nhu cầu chính đáng, tự thân và là xu thế tất yếu trong kinh doanh. Tuy nhiên, pháp luật chỉ yêu cầu bắt buộc xác thực thông tin doanh nghiệp trong những trường hợp đặc biệt. Những trường hợp còn lại sẽ do “người trong cuộc” tự quyết định. Nếu doanh nghiệp chấp nhận trả tiền để xác thực thông tin của doanh nghiệp mình, kể cả hồ sơ tài liệu nội bộ thì chắc chắn doanh nghiệp đó sẽ có tín nhiệm cao, thu hút được nhiều khách hàng và đối tác kinh doanh. Nếu là người sử dụng thông tin, để hạn chế rủi ro, đương nhiên họ sẽ tìm đến những thông tin đã được xác thực.

- Theo Luật Kiểm toán độc lập năm 2011, kiểm toán có 3 loại hình: Kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán tuân thủ và kiểm toán hoạt động<sup>10</sup>. Tuy nhiên, phần lớn các hợp đồng dịch

---

<sup>10</sup> Theo Khoản 9, 10 và 11 Điều 5 Luật Kiểm toán độc lập 2011: *Kiểm toán báo cáo tài chính* là việc kiểm toán viên hành nghề, doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam kiểm tra, đưa ra ý kiến về tính trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu của báo cáo tài chính của đơn vị được kiểm toán theo quy định của chuẩn mực kiểm toán. *Kiểm toán tuân thủ* là việc kiểm toán viên hành nghề, doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp



vụ kiểm toán hiện nay chủ yếu là dịch vụ kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính<sup>11</sup>. Dù quan trọng nhưng báo cáo tài chính chỉ là một trong số các thông tin doanh nghiệp. Do vậy, pháp luật cần có cơ chế khuyến khích, mở rộng phạm vi hoạt động công chứng sang công chứng (xác thực) nội dung (tương tự kiểm toán tuân thủ và kiểm toán hoạt động) và/ hoặc phối hợp các công ty kiểm toán độc lập để cung cấp cho khách hàng các dịch vụ đồng bộ và chất lượng trong lĩnh vực xác thực thông tin doanh nghiệp.

- Hệ quả pháp lý của việc xác thực thông tin doanh nghiệp khá lớn nên pháp luật chuyên ngành (kiểm toán, công chứng, giám định, ngân hàng..) quy định rõ trách nhiệm liên đới của các cá nhân, tổ chức tham gia xác thực thông tin doanh nghiệp, cho dù là xác thực về hình thức hay xác thực nội dung; hướng dẫn cơ chế chứng minh trong vụ kiện đòi yêu cầu bồi thường thiệt hại do sai sót từ tổ chức, cá nhân xác thực thông tin.

- Những thông tin doanh nghiệp có giá trị đối với người thứ ba là thông tin doanh nghiệp chứa đựng trong các văn bản do cơ quan Nhà nước ban hành như Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép thành lập, Giấy phép hoạt động, Giấy chứng nhận dự án đầu tư, Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán, các chứng chỉ kiểm định, nghiệm thu, Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm...)

- Điều lệ công ty là một hợp đồng, việc công chứng Điều lệ công ty kể cả các tài liệu nội bộ công ty chỉ có hiệu lực đối với các chủ thể nội bộ công ty (cổ đông, thành viên góp vốn, các bộ phận quản trị, điều hành, kiểm soát công ty) mà chưa thể phát sinh hiệu lực đối với người thứ ba (ngoài công ty).

- Điều lệ và tài liệu nội bộ doanh nghiệp nếu được công chứng sẽ là chứng cứ không cần phải chứng minh khi giải quyết các tranh chấp nội bộ công ty, sự tin cậy cho bên thứ ba và cơ quan quản lý nhà nước<sup>12</sup>.

- Pháp luật thực định về doanh nghiệp và các cơ quan, cá nhân thực thi pháp luật cần trả lại đúng bản chất pháp lý cho Điều lệ công ty là thỏa thuận nội bộ công ty. Trong mọi trường hợp, tài liệu nội bộ doanh nghiệp, kể cả khi được công chứng chúng không mặc nhiên phát

---

kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam kiểm tra, đưa ra ý kiến về việc tuân thủ pháp luật, quy chế, quy định mà đơn vị được kiểm toán phải thực hiện. *Kiểm toán hoạt động* là việc kiểm toán viên hành nghề, doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam kiểm tra, đưa ra ý kiến về tính kinh tế, hiệu lực và hiệu quả hoạt động của một bộ phận hoặc toàn bộ đơn vị được kiểm toán.

<sup>11</sup> Đào Thị Hằng (2016) Phát triển dịch vụ kiểm toán độc lập tại Việt Nam- Thực trạng và một số kiến nghị, Tạp chí Tài Chính, số 7/2016, tr. 34-36

<sup>12</sup> Điều 3 Luật Công chứng năm 2014 “Công chứng viên cung cấp dịch vụ công do Nhà nước ủy nhiệm thực hiện nhằm bảo đảm an toàn pháp lý cho các bên tham gia hợp đồng, giao dịch; phòng ngừa tranh chấp; góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức; ổn định và phát triển kinh tế - xã hội”.

sinh hiệu lực cho người thứ ba (bên ngoài công ty) trừ trường hợp người thứ ba đã tiếp nhận chúng, tự nguyện kết nối hoặc người thứ ba là người có liên quan.

### **4.3. Tự bảo vệ các rủi ro khi tiếp cận và sử dụng thông tin doanh nghiệp**

Trước hết, cần khẳng định rằng, không có một biện pháp duy nhất nào hữu hiệu và toàn năng có thể ngăn ngừa và loại bỏ toàn bộ các rủi ro thông tin khi xác lập và thực hiện các giao dịch trong kinh doanh, kể cả khi áp dụng biện pháp công chứng hợp đồng giao dịch, công chứng/ xác thực Điều lệ, hồ sơ pháp lý nội bộ công ty, xác thực chữ ký, thẩm quyền của người đại diện theo pháp luật công ty...

Các nội dung trình bày dưới đây là những gợi mở, có giá trị tham khảo hướng đến mục tiêu giảm thiểu các rủi ro trong việc cung cấp, tiếp cận, sử dụng thông tin về doanh nghiệp trong kinh doanh:

- Để giảm thiểu các rủi ro trong đầu tư, kinh doanh, các chủ thể kinh doanh phải chấp nhận thực tế (nghiệt ngã) về mức độ tin cậy đối với thông tin doanh nghiệp, từ đó xây dựng cơ chế tự bảo vệ thông qua việc tự mình (hoặc thuê nhà tư vấn) thu thập, phân tích, xử lý thông tin của đối tác, tiến hành đánh giá mức độ rủi ro trước khi quyết định đầu tư, kinh doanh, kể cả việc ký kết các hợp đồng giao dịch. Không ai có thể tự bảo mình tốt hơn chính mình. Nhà nước chỉ bảo vệ bên yếu thế trong một vài trường hợp và trong bối cảnh đặc biệt (tập trung kinh tế, thông tin bất cân xứng giữa các bên, sử dụng hợp đồng mẫu, điều khoản thương mại chung...). Kết luận kiểm toán, kiểm toán, định mức tín nhiệm, xếp hạng... hoặc xác thực của các tổ chức bảo trợ tư pháp (công chứng, thừa phát lại, chứng thực bản dịch...) chỉ là biện pháp bổ sung, dự phòng và gián tiếp để bảo vệ khỏi các rủi ro thông tin.

- Hình thành thói quen chấp nhận khoản chi phòng ngừa và xử lý rủi ro thông tin, rủi ro pháp lý như là một loại chi phí tất yếu trong đầu tư kinh doanh của doanh nghiệp. Pháp luật Việt Nam về tài chính, kế toán có khá nhiều các quy định về trích lập dự phòng, xử lý rủi ro thị trường, tỷ giá và các rủi ro kinh tế- tài chính khác trong kinh doanh nhưng chưa có các quy định giới hạn mức chi cho phòng ngừa, khắc phục rủi ro về thông tin, rủi ro pháp lý. Ngoài ra, cần dỡ bỏ các rào cản trong việc chứng minh để ghi nhận nhóm chi phí này vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập tính thuế.

- Không tuyệt đối hóa khái niệm minh bạch để đòi hỏi doanh nghiệp phải công khai chi tiết và toàn bộ thông tin doanh nghiệp mà quên đi lợi ích của doanh nghiệp có thông tin công khai. Không ai muốn “vạch áo cho người xem lưng”, cung cấp thông tin là bí mật kinh doanh (năng lực tài chính, dòng tiền, dự án, thị phần và thị trường, thông tin đối tác, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch thu tóm, tái cơ cấu công ty, thông tin cá nhân, đời tư của người quản trị điều hành doanh nghiệp). Do vậy, nguyên tắc dung hòa lợi ích giữa nghĩa vụ công khai thông tin và

quyền tiếp cận thông tin là nguyên tắc bao trùm và chi phối khi thực hiện pháp luật về cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Những thông tin doanh nghiệp được công khai trực tiếp hay gián tiếp ra công chúng chỉ là những thông tin cơ bản nhất, chưa đủ để đi đến quyết định ký kết hợp đồng hay hợp tác kinh doanh. Do vậy, các bên có thể ký kết một thỏa thuận bảo mật thông tin để chuyển giao thông tin cho nhau. Trong thỏa thuận đó bao hàm các cam kết về tính chính xác, trung thực thông tin, cam kết bảo mật và chế tài cụ thể trong trường hợp vi phạm.

- Ràng buộc cơ chế tự xác thực và cam kết tự chịu trách nhiệm về tính chính xác thông tin do mỗi bên cung cấp cho bên kia trong quan hệ hợp đồng. Nội dung này có thể trong thỏa thuận bảo mật thông tin và/ hoặc trong hợp đồng, nhưng phải ghi nhận cam kết của mỗi bên với bên còn lại về: (i) tính trung thực, chính xác của thông tin do mình cung cấp trước khi ký kết hợp đồng và trong quá trình thực hiện hợp đồng; (ii) tính trọn vẹn và toàn quyền của người đại diện ký kết hợp đồng; (iii) hệ quả pháp lý trong trường hợp có sai sót, nhằm lẫn về thẩm quyền ký kết hợp đồng hoặc không tuân thủ quy trình thủ tục phê duyệt nội bộ của mỗi bên....sẽ không ảnh hưởng đến hiệu lực của hợp đồng và nghĩa vụ của doanh nghiệp trong quan hệ hợp đồng

- Hiểu và tuân thủ đúng bản chất pháp lý của quy định người đại diện theo pháp luật của pháp nhân. Thay đổi quan niệm về hợp đồng vô hiệu do ký kết không đúng thẩm quyền hoặc chưa tuân thủ quy trình phê duyệt nội bộ; Không lạm dụng việc công khai Điều lệ và các tài liệu nội bộ công ty để ràng buộc nghĩa vụ của bên thứ ba và không tạo cơ hội để cho hành vi “gài bẫy” dẫn đến hợp đồng vô hiệu vì không có thẩm quyền ký kết và/ hoặc chưa tuân thủ thủ tục, quy trình nội bộ.

Kết luận: Nhu cầu và xu hướng xác thực thông tin về doanh nghiệp là hiển nhiên trong nền kinh tế để hướng đến một môi trường kinh doanh tin cậy và an toàn. Để đạt mục tiêu đó, phải ra soát không chỉ pháp luật chuyên ngành về cung cấp thông tin doanh nghiệp mà phải có các hành động thực tế để đồng bộ và tạo lập hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia thông tin doanh nghiệp, cắt giảm tối thiểu chi phí tuân thủ cho nền kinh tế. Mặt khác, không thể trông chờ hoàn toàn vào Nhà nước mà phải có sự trợ giúp của các tổ chức độc lập xác thực thông tin doanh nghiệp; mỗi chủ thể kinh doanh phải có các biện pháp hữu hiệu để thu thập phân tích thông tin để giảm thiểu các rủi ro trong kinh doanh./.

# ĐÁNH GIÁ LẠI CƠ CHẾ TIỀN KIỂM TRONG VIỆC THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP

**TS. Lương Thị Thu Hương**

*Khoa Luật, Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh*

## **Tóm tắt:**

Tại Việt Nam, tự do kinh doanh là quyền cơ bản của công dân, sau Đổi mới, nhà nước đã tạo mọi điều kiện để doanh nghiệp gia nhập thị trường. Hiện nay, thủ tục cấp phép đăng ký doanh nghiệp đã được cải thiện, chỉ cần hồ sơ hợp lệ chủ sở hữu có thể đăng ký doanh nghiệp thành công. Bên cạnh những thành tựu nhất định, thực tế đã xuất hiện các rủi ro, mất an toàn pháp lý, ảnh hưởng tới sự phát triển chung tới kinh tế - xã hội nguyên nhân một phần xuất phát từ các điều kiện đăng ký giản lược, dễ dãi. Bài viết trình bày thực tế các vụ việc liên quan đến quy định về thủ tục và quy trình cấp phép đăng ký doanh nghiệp và một số kinh nghiệm quốc tế, đồng thời đưa ra một vài gợi ý cải thiện quy trình này.

**Từ khóa:** Thủ tục đăng ký doanh nghiệp; Tiền kiểm; Hậu kiểm; dịch vụ công chứng; phòng ngừa rủi ro pháp lý.

## **Abstract:**

*In Vietnam, the freedom to conduct business is a fundamental right of citizens. Since the Đổi mới (Renovation) policy, Vietnam government has created favorable conditions for businesses to enter the market. Currently, the procedures for obtaining business registration have been improved, requiring only the submission of valid documentation for the business owner to successfully register. Despite certain achievements, risks and legal uncertainties have arisen, affecting the overall socio-economic development. Some of these issues stem from the simplified registration procedures and conditions. This article discusses practical cases related to the regulations on business registration procedures and processes, along with some international experiences, and offers suggestions for improving these processes.*

**Keywords:** Business registration procedures; Pre-registration inspection; Post-registration inspection; notary services; legal risk prevention

**1. Đơn giản hóa thủ tục thành lập doanh nghiệp và sự xuất hiện của các rủi ro, mất an toàn pháp lý, ảnh hưởng tiêu cực tới các bên thứ ba và tới phát triển kinh tế**

Từ khi thực hiện Chính sách Đổi mới những năm 1986 cho đến nay, nước ta đã mở rộng, đa dạng các hình thức sở hữu, xây dựng và hoàn thiện pháp luật thúc đẩy kinh tế khu vực tư nhân phát triển. Việt Nam đã tạo lập môi trường kinh doanh thân thiện với nhà đầu tư, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tư nhân có cơ hội gia nhập sâu hơn vào nền kinh tế toàn cầu. Kết quả đạt được là hàng triệu người dân Việt Nam thoát nghèo, đồng thời được dự báo vào năm 2035, hơn một nửa dân số Việt Nam sẽ gia nhập tầng lớp trung lưu toàn cầu theo bất kỳ tiêu chí quốc tế nào (Ngân hàng Thế giới, 2016).

Góp phần không nhỏ vào thành tựu này phải kể đến Luật Doanh nghiệp. Quá trình phát triển của Luật doanh nghiệp phản ánh quan điểm cởi mở, tạo cơ hội tối đa để người dân gia nhập thị trường của Việt Nam. Kể từ khi Luật doanh nghiệp đầu tiên có hiệu lực (Luật Doanh nghiệp 1999) cho tới nay, thay vì gây khó khăn với hàng chục loại giấy tờ đi kèm, cùng với thủ tục hành chính công kênh mới đăng ký thành công một doanh nghiệp, đến thời điểm hiện tại, nhà nước đã tiến hành rà soát nhiều đợt, các thủ tục và điều kiện kinh doanh liên tục được đơn giản hóa (VCCI, 2020), Luật Doanh nghiệp cho phép người dân sử dụng nhiều hình thức đăng ký khác nhau, với hồ sơ đơn giản, thậm chí nếu thuận tiện, trong vòng vài ba ngày làm việc có thể thành lập mới nhiều doanh nghiệp cùng lúc. Cơ chế cởi mở về thực chất là đơn giản hóa các chức năng tiền kiểm và hy vọng việc kiểm tra sẽ được thực hiện sau khi doanh nghiệp hoạt động (gọi là hậu kiểm), cơ chế này được đánh giá là phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cá nhân, tổ chức<sup>1</sup>.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc thành lập các doanh nghiệp một cách dễ dàng, thiếu sự kiểm tra và cơ chế hậu kiểm chưa hiệu quả, cũng đồng thời tạo ra một số rủi ro, gây ảnh hưởng tiêu cực cho an toàn pháp lý, ảnh hưởng xấu tới sự phát triển chung cho nền kinh tế. Có thể minh họa qua các rủi ro và mất an toàn pháp lý này từ thực tiễn đã được báo chí trong nước phản ánh rất nhiều trong thời gian qua.

Năm 2013, công an tỉnh Kiên Giang bắt giam các đối tượng đứng tên và thuê các đối tượng khác là xe ôm, thợ hồ đứng tên thành lập hàng loạt các công ty xuất khẩu ma (không tổ chức hoạt động, không trụ sở...) với doanh thu khổng lồ lên đến 1.100 tỷ đồng, chiếm đoạt trên thực tế 110 tỷ đồng tiền hoàn thuế<sup>2</sup>. Gây thiệt hại đáng kể cho ngân sách nhà nước.

Trong Vụ án Nguyễn Thái Luyện và đồng bọn, năm 2016, tại TP.HCM, đối tượng này đứng ra thành lập Công ty cổ phần Địa ốc Alibaba, vốn điều lệ ban đầu là 1 tỷ, sau 4 tháng tăng lên 20 tỷ, và sau 1 năm tăng lên 1.600 tỷ đồng. Thời điểm “thịnh” nhất của doanh nghiệp

---

<sup>1</sup> Nguyễn Như Chính, 2022. Thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp 2020 và những vấn đề cần tiếp tục hoàn thiện, Tạp chí Luật học, số 2.2022.

<sup>2</sup> <https://plo.vn/thue-xe-om-lam-giam-doc-chiem-doat-hang-tram-ty-dong-post244191.html>

đã thu hút khoảng 2.500 người lao động vào làm việc. Sau đó, khoảng 22 pháp nhân được thành lập với vốn đăng ký lên đến hàng trăm tỷ đồng. Năm 2022 Nguyễn Thái Luyện bị truy tố tội lừa đảo, trong một vụ án với hơn 5.000 người tham gia tố tụng, trong đó có tới hơn 4.500 người là nạn nhân và người có quyền và nghĩa vụ liên quan, số tiền bị thiệt hại lên đến hơn 2.260 tỷ đồng<sup>3</sup>. Việc thành lập các công ty một cách dễ dàng có thể đã là một kẽ hở pháp lý dẫn tới vụ án này, gây thiệt hại rất lớn cho người dân, tác động rất tiêu cực tới xã hội.

Đầu năm 2017, Công ty cổ phần Thép Quatron 100% vốn FDI do làm ăn thua lỗ bỏ trốn với khoản nợ 100 tỷ đồng khiến hàng trăm công nhân mất việc, mất toàn bộ quyền lợi bảo hiểm xã hội. Hay đại diện pháp luật Công ty KL Texwell Vina, 100% vốn Hàn Quốc, chuyên ngành may mặc tại khu công nghiệp Bàu Xéo, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai cùng 11 nhân viên đã bỏ về nước, để lại khoản nợ lương và bảo hiểm xã hội hơn 31 tỷ đồng. Gần hai nghìn công nhân lao động bị mất việc làm, nợ lương<sup>4</sup>.

Vào ngày 20 tháng 5 năm 2021, cơ quan chức năng tại thành phố Hồ Chí Minh cấp phép hoạt động hai doanh nghiệp cho ba cá nhân cùng đứng ra góp vốn, gồm: Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư công nghệ tự động Toàn Cầu (Auto Investment Group), số vốn đăng ký 500.000 tỷ đồng, và công ty cổ phần tập đoàn kinh doanh tự động Toàn Cầu (GAB Group) với số vốn đăng ký là 25.000 tỷ đồng. Thu hút quan tâm của công chúng dành cho hai doanh nghiệp này được cho là từ quy mô vốn điều lệ đăng ký có giá trị ngang bằng với tập đoàn Vingroup, ngân hàng Vietcombank và có thể mua lại được cả hai ngân hàng quốc doanh là VietinBank và BIDV, hai ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu là Techcombank và VPBank, hay hai doanh nghiệp sản xuất đứng đầu thị trường là Vinamilk và Hòa Phát<sup>5</sup>, mức vốn điều lệ tự kê khai của hai doanh nghiệp này tương đương tương đương 6% GDP Việt Nam năm 2021. Tuy nhiên, chỉ sau 6 tháng, đại diện pháp luật của hai doanh nghiệp trên phải ký giấy giải thể doanh nghiệp. Theo công bố từ phía cơ quan nhà nước, lý do giải thể của hai công ty này là do các cổ đông không thanh toán số cổ phần đã đăng ký mua như nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký lần đầu<sup>6</sup>. Vụ việc phản ánh thái độ thiếu tôn trọng pháp luật, xuất phát từ cơ chế dễ dãi trong hoạt động cấp phép hoạt động cho doanh nghiệp.

Gần đây, trong Vụ án Trương Mỹ Lan, khi hệ sinh thái của Tập đoàn Vạn Thịnh Phát đổ vỡ, gián tiếp cho thấy chủ doanh nghiệp này đồng thời sở hữu trên thực tế hàng ngàn doanh nghiệp khác tại Việt Nam. Bản án sơ thẩm số 157/2024/HS-ST tuyên ngày 11/04/2024 về Vụ

---

<sup>3</sup> [Toàn cảnh vụ án Alibaba trước ngày phán quyết: Nước mắt từ lòng tin vào sự viên vọng \(thanhnien.vn\); Vì sao ông trùm Nguyễn Thái Luyện và Công ty Alibaba dễ dàng lừa nghìn tỷ? \(vietnamnet.vn\)](#)

<sup>4</sup> <https://nhandan.vn/can-che-tai-manh-xu-ly-chu-doanh-nghiep-fdi-bo-tron-post321217.html>

<sup>5</sup> Vnexpress, 2/6/2021, <https://vnexpress.net/muc-von-500-000-ty-cua-sieu-doanh-nghiep-lon-the-nao-4288123.html>

<sup>6</sup> Cafebiz 12/01/2022 <https://cafebiz.vn/sieu-doanh-nghiep-500-nghin-ty-dong-o-nha-cap-4-chinh-thuc-giai-the-20220116133128523.chn>

án này, phần Kiến nghị có đoạn “”*Kiến nghị Chính phủ, các bộ, ngành có liên quan có quy định kiểm soát việc thành lập, quản lý doanh nghiệp để tránh bị các đối tượng xấu lợi dụng thực hiện hành vi phạm tội nhưng vẫn khuyến khích, tạo động lực để phát triển kinh tế như chủ trương của Chính phủ đề ra*””.<sup>7</sup>

Như vậy, việc đơn giản hóa thủ tục thành lập doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp, coi nhẹ cơ chế tiền kiểm, có thể đã tạo ra những sơ hở, rủi ro, mất an toàn pháp lý, gây bất ổn xã hội, thậm chí ở quy mô lớn. Cần có những nghiên cứu xem lại quy trình tiền kiểm và đưa ra giải pháp để đánh giá đúng vai trò của tiền kiểm, từng bước hạn chế những rủi ro nêu trên.

## **2. Nhìn lại thủ tục thành lập doanh nghiệp theo quy định pháp luật Việt Nam**

Đăng ký thành lập doanh nghiệp là một thủ tục hành chính. Quy định pháp luật về đăng ký kinh doanh điều chỉnh mối quan hệ pháp luật giữa nhà nước và cá nhân/tổ chức có nhu cầu thành lập doanh nghiệp. Về bản chất, nhà nước có quyền cho phép hoặc từ chối, đặt ra các điều kiện, giám sát việc thành lập doanh nghiệp. Do vậy, các bước trong quy trình thực hiện đăng ký doanh nghiệp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện, như vậy, một doanh nghiệp ra đời, trách nhiệm của nhà nước không chỉ dừng lại ở việc xác minh về tính hợp lệ của hồ sơ thành lập doanh nghiệp. Đây là các hoạt động theo cơ chế “Tiền kiểm”, trước khi cho ra đời một doanh nghiệp.

Đăng ký doanh nghiệp xuất phát từ nhu cầu của cá nhân hoặc tổ chức sáng lập, tuy nhiên, khi chính thức được cấp phép, doanh nghiệp được khai sinh, phạm vi ảnh hưởng của doanh nghiệp không dừng lại trong mối liên hệ giữa các chủ sở hữu với nhau hay giữa các chủ sở hữu với cơ quan cấp phép mà trực tiếp tác động tới đối tác, ngân hàng, cơ quan quản lý nhà nước về thuế, bảo hiểm xã hội và cả các đối tượng yếu thế là người lao động của doanh nghiệp. Vì vậy, bên cạnh việc đánh giá về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần được cung cấp thêm các công cụ để đánh giá cẩn trọng, kỹ lưỡng hồ sơ đăng ký và có các cơ chế để có thể theo dõi và đánh giá quá trình hoạt động của doanh nghiệp.

Tại Việt Nam, thủ tục đăng ký doanh nghiệp nói chung hiện được quy định tại Điều 26, Điều 30, Điều 31, Điều 45, Điều 198 đến Điều 206 Luật doanh nghiệp 2020, Theo đó, để tham gia, các chủ thể có nhu cầu kinh doanh cần chuẩn bị hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và Nghị định số 01/2021/NĐ-CP, thủ tục có thể thu gọn gồm 5 giai đoạn sau:

**(1) Chuẩn bị hồ sơ.** Đây là giai đoạn các chủ thể kinh doanh lên kế hoạch và lựa chọn mô hình của doanh nghiệp đồng thời soạn thảo hồ sơ như đơn đề nghị đăng ký doanh nghiệp, điều lệ công ty, danh sách thành viên hoặc cổ đông, bản sao giấy tờ tùy thân của các thành

---

<sup>7</sup> Bản án sơ thẩm Vụ án Trương Mỹ Lan, số 157/2024/HS-ST ngày 11/04/2024, trang 307/308.

viên sáng lập hoặc người đại diện theo pháp luật (CMND/CCCD/Hộ chiếu), văn bản ủy quyền nếu nộp hồ sơ qua đại diện, giấy tờ liên quan đến sở hữu hoặc thuê trụ sở của doanh nghiệp.

**(2) Nộp hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp**, thực hiện qua hai hình thức, trực tiếp tại Phòng đăng ký kinh doanh thuộc sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc trực tuyến qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp ([dangkykinhdoanh.gov.vn](http://dangkykinhdoanh.gov.vn));

**(3) Xử lý hồ sơ và trả kết quả**. Trong vòng 3 đến 5 ngày làm việc, nếu hồ sơ hợp lệ doanh nghiệp sẽ được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

**(4) Đăng ký con dấu, mã số thuế, chữ ký số, bảo hiểm xã hội**. Sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp chủ động thiết kế khắc dấu và thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh và tải lên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Việc mở tài khoản ngân hàng là bắt buộc, sau đó là đăng ký chữ ký số. Việc đăng ký mã số thuế cùng đồng thời thực hiện ở giai đoạn này. Đây là những công việc cuối cùng để doanh nghiệp bắt đầu gia nhập thị trường.

Đối với cơ quan đăng ký, cụ thể là tại phòng Đăng ký kinh doanh thuộc sở Kế hoạch và Đầu tư, để được cấp giấy đăng ký kinh doanh, hồ sơ về cơ bản được kiểm tra mang tính kỹ thuật như sau:

**Thứ nhất**, hồ sơ đăng ký đầy đủ, cá nhân/ tổ chức đại diện theo pháp luật điền đủ thông tin trong giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp theo Điều 25 Luật Doanh nghiệp 2020. Kèm Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp, tùy theo loại hình, sáng lập viên có thể cần nộp thêm các loại giấy tờ sau đây:

- Điều lệ công ty đã được ký bởi tất cả các thành viên/cổ đông sáng lập (căn cứ: Điều 24 Luật Doanh nghiệp 2020).

- Có danh sách thành viên/cổ đông sáng lập đã được ký xác nhận. (Căn cứ: Điều 25 Luật Doanh nghiệp 2020).

- Bản sao chứng minh nhân dân, căn cước công dân hoặc hộ chiếu đã được chứng thực hợp lệ của người đại diện theo pháp luật (Căn cứ: Điều 24 Luật Doanh nghiệp 2020).

- Giấy tờ pháp lý của các thành viên/cổ đông sáng lập được chứng thực theo (căn cứ: Điều 24 Luật Doanh nghiệp 2020).

- Giấy tờ pháp lý của tổ chức góp vốn (nếu có) (căn cứ Điều 22 Luật Doanh nghiệp 2020).

- Hợp đồng thuê trụ sở hoặc giấy tờ chứng minh quyền sử dụng địa chỉ trụ sở chính (căn cứ: quy định tại Điều 23 Luật Doanh nghiệp 2020).

- Giấy ủy quyền (nếu có).



**Thứ hai**, cơ quan cấp phép kiểm tra tính hợp lệ của tất cả các tài liệu trên, ví dụ điều lệ công ty hoặc giấy đề nghị được điền đầy đủ theo mẫu và có đủ chữ ký, đồng thời các thông tin trong hồ sơ phải khớp với các tài liệu/giấy tờ pháp lý.

**Thứ ba**, xem xét tính pháp lý để không có sai sót, ví dụ người đại diện không thuộc đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp/cấm kinh doanh theo Khoản 2 Điều 17 Luật DN 2020. Và cuối cùng là biên nhận lệ phí mà doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp.

Như vậy, hồ sơ được coi là đủ điều kiện để được cấp giấy đăng ký doanh nghiệp là hồ sơ đã được kiểm tra và hợp lệ, tức là tất cả các tài liệu cần thiết đã được nộp và đáp ứng yêu cầu về hình thức. Trong khi đó, để giảm bớt các rủi ro khi doanh nghiệp gia nhập thị trường cần đồng thời sử dụng nhiều phương thức khác nhau, bao gồm việc kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký cũng như tính hợp pháp của các tài liệu của hồ sơ.

Theo quy trình thủ tục của pháp luật hiện hành, với thời gian ngắn cùng nguồn lực hạn chế trong bối cảnh tích hợp/chia sẻ dữ liệu giữa các nguồn tài nguyên như dữ liệu cá nhân hoặc thông tin của cán bộ, công chức, viên chức... chưa hiệu quả thì việc xác định và kiểm tra chính xác hồ sơ đăng ký doanh nghiệp chưa thể ngăn ngừa được hết các rủi ro từ việc cấp phép đăng ký doanh nghiệp.

Ví dụ, đối với thông tin hợp pháp của người đứng đầu doanh nghiệp, để xác định chủ thể đạt điều kiện tức là không nằm trong danh sách bị cấm thuộc Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 2020, chủ yếu cơ quan cấp phép dựa vào sự cam kết về thông tin trung thực của doanh nghiệp, việc kết nối với cơ quan công an, cơ quan nội vụ phần lớn diễn ra sau khi doanh nghiệp đã gia nhập thị trường và có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc khi cơ quan cấp phép nhận được đơn thư khiếu nại hoặc tố cáo các đối tượng này.

Như vậy, khi chưa có bằng chứng về hiệu quả của cơ chế hậu kiểm, để tránh rủi ro, cần xem lại vai trò của cơ chế tiền kiểm. Chi phí tiền kiểm, nếu được không chế ở mức độ chấp nhận được, vẫn là hợp lý để ngăn ngừa đổ vỡ và rủi ro, mất an toàn pháp lý cho các bên thứ ba. Trong quá trình xem xét xiết lại cơ chế tiền kiểm, có thể các dịch vụ công chứng sẽ đóng một vai trò giải thích, ngăn ngừa rủi ro đáng kể, nhất là trong xác thực sự kiện hoặc ý chí của các bên liên quan trong quá trình đăng ký doanh nghiệp.

Việc công chứng, xác thực, hợp pháp hóa những giấy tờ thiết yếu trước khi tiến hành đăng ký doanh nghiệp, ví dụ bắt buộc công chứng các điều lệ công ty, các thỏa thuận giữa các cổ đông, dù có thể phát sinh một phần chi phí giao dịch, song sẽ là những hàng rào kiểm soát có thể là cần thiết để phòng ngừa, hạn chế bớt những hành vi lạm dụng công ty/doanh nghiệp vì mục đích trốn nghĩa vụ thuế, các nghĩa vụ với người lao động, hoặc lừa đảo bên thứ ba như đã từng xảy ra trong thực tiễn các năm qua.

### 3. Vai trò của dịch vụ công chứng trong quá trình thành lập công ty ở một số quốc gia

Trong khi Luật Doanh nghiệp 2020 của nước ta tương đối cởi mở với thủ tục tiền kiểm, thì một số nước khác quy định Điều lệ của công ty, nhất là công ty cổ phần phải được công chứng. Điều 23, phần về Thành lập công ty cổ phần, của Luật về Công ty cổ phần của CHLB Đức quy định Điều lệ công ty cổ phần phải được công chứng, các đại diện thực hiện thủ tục thành lập công ty cũng phải có Giấy ủy quyền đã được công chứng<sup>8</sup>.

Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, các sáng lập viên phải thỏa thuận và ký kết Hợp đồng thành lập công ty, và Hợp đồng này phải được chứng nhận bởi công chứng mới có hiệu lực, có chữ ký của các sáng lập viên, dù việc chứng nhận có thể thực hiện qua video. Điều 2 Luật Công ty trách nhiệm hữu hạn quy định rõ điều này. Thủ tục công chứng là điều kiện để Hợp đồng thành lập công ty TNHH có hiệu lực<sup>9</sup>.

Tương tự, theo Luật Công ty năm 2005 của Nhật bản, sửa đổi lần cuối 2014, phần về Điều lệ công ty cổ phần, cũng có quy định: Điều lệ công ty cổ phần chỉ có hiệu lực sau khi được chứng thực bởi công chứng<sup>10</sup>.

---

<sup>8</sup> Stock Corporation Law, sửa đổi cập nhật năm 2023, có thể tải về từ [https://www.gesetze-im-internet.de/englisch\\_aktg/index.html#gl\\_p0095](https://www.gesetze-im-internet.de/englisch_aktg/index.html#gl_p0095) (Điều) Section 23 Establishment of the by-laws quy định như sau:

*(1) The by-laws must be established by way of being recorded by a notary. Authorised representatives may act only if they have a power of attorney certified by a notary.*

*(2) The deed is to set out the following particulars:*

*1. the founders;*

*2. for par-value shares: the nominal amount; for no-par-value shares: their number, the issue price and, if several classes of stock exist, the classes of the stock that each founder will acquire;*

*3. the amount of the share capital that has been paid in.*

<sup>9</sup> Xem Luật Công ty TNHH của Đức, Act on Limited Liabilities Companies, bản cập nhật năm 2022, có thể tải về tại đây, [https://www.gesetze-im-internet.de/englisch\\_gmbhg/englisch\\_gmbhg.html](https://www.gesetze-im-internet.de/englisch_gmbhg/englisch_gmbhg.html) Điều 2 về Hình thức Hợp đồng thành lập công ty quy định như sau:

*(1) Articles of association require notarial form. They must be signed by all the shareholders.*

*(1a) A company may be formed under a simplified procedure if it has no more than three shareholders and one director. The Model Protocol provided in Annex 1 must be used to form a limited liability company under the simplified procedure. No further provisions which derogate from the law may be laid down. The Model Protocol also serves as the list of shareholders. In all other respects, the provisions of this Act concerning the articles of association apply accordingly to the Model Protocol.*

*(2) The articles of association may be signed by authorised representatives only on the basis of a power of attorney established or authenticated by a notary. Notarial recording of the power of attorney may also be effected via video link in accordance with sections 16a to 16e of the Notarial Recording Act (Beurkundungsgesetz).*

<sup>10</sup> Luật Công ty Nhật bản 2005 (sửa đổi 2014) có thể tải về từ <https://www.japaneselawtranslation.go.jp/en/laws/view/3206/en>; trong đó Điều 30 quy định về Công chứng xác thực Điều lệ công ty, quy định như sau:

#### 4. Một vài nhận xét và gợi ý chính sách

Quy định về đăng ký doanh nghiệp tại Việt Nam hiện nay thể hiện rõ quan điểm khuyến khích và cởi mở của nhà nước đối với kinh tế khu vực tư nhân. Trên thực tế vai trò của tiền kiểm đã được xem nhẹ. Nhà làm luật đã hy vọng việc giám sát sẽ được thực hiện thông qua cơ chế hậu kiểm, ví dụ qua chế độ báo cáo của doanh nghiệp, thanh, kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng, thông qua sự sàng lọc của thị trường, cũng như sự giám sát của cơ quan tư pháp (nếu có tranh chấp giữa các thành viên trong doanh nghiệp, hoặc giữa doanh nghiệp với các bên thứ ba). Một khi cơ chế hậu kiểm như mô tả ở trên chưa phát huy được hiệu quả, thì các rủi ro pháp lý sẽ ngày càng dễ xuất hiện.

Vì vậy, trong bối cảnh cơ chế hậu kiểm chưa có đầy đủ hoặc chưa phát huy được tác dụng, đã đến lúc cần nhìn nhận và đánh giá cẩn trọng hơn về các quy định pháp luật liên quan đến điều kiện gia nhập thị trường của doanh nghiệp. Thành tích thống kê số lượng doanh nghiệp với số vốn đăng ký trên giấy có thể không nên là tiêu chí ưu tiên để đánh giá sự phát triển kinh tế của khu vực tư nhân.

Để giảm bớt các rủi ro, loại bớt được các vi phạm chiếm dụng tiền thuế bằng cách thành lập “công ty ma” hay nhờ người thân đứng tên thành lập doanh nghiệp, khai vốn khổng lồ lên hàng ngàn lần chỉ sau một năm hoạt động, qua đó có thể gây thiệt hại tới hàng ngàn nạn nhân khác hoặc thực tế sở hữu hàng ngàn doanh nghiệp khi hệ sinh thái này sụp đổ đã kéo lùi tốc độ phát triển kinh tế quốc gia... đã đến lúc quay trở lại xem xét tầm quan trọng của cơ chế tiền kiểm (bên cạnh hậu kiểm) để đảm bảo rằng, tự do gia nhập thị trường của doanh nghiệp được tổ chức trong những khuôn khổ nhất định, nhà nước không can thiệp vào hoạt động của doanh nghiệp, nhưng nhà nước cần và nên đánh giá, kiểm duyệt tốt và hiệu quả tính khả thi gia nhập tuân thủ và tính khả thi gia nhập thị trường của doanh nghiệp.

Để thúc đẩy tiền kiểm trong thời đại số, một mặt, cần triển khai nhanh hệ thống thông tin về đăng ký doanh nghiệp theo hướng tích hợp và liên thông, chia sẻ nguồn dữ liệu, đối với nguồn cơ sở dữ liệu của cơ quan nội vụ, cơ quan công an, sở tư pháp... để nhanh chóng xác định được chính xác về các chủ thể tham gia như người đại diện doanh nghiệp hoặc thành viên/cổ đông góp vốn vào doanh nghiệp.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp, cơ quan đăng ký/cấp phép nên được hỗ trợ theo hướng thông tin hồ sơ khi được tiếp nhận đã được xác thực tương

---

*Article 30(1)Articles of incorporation set forth in Article 26, paragraph (1) do not become effective unless they are certified by a notary public.*

*(2)Articles of incorporation that are certified by a notary public pursuant to the preceding paragraph may not be amended before the formation of the Stock Company except when they are amended under the provisions of Article 33, paragraph (7) or (9), or Article 37, paragraph (1) or (2).*

đổi, ví dụ điều lệ công ty, tỷ lệ góp vốn, thông tin của người đại diện doanh nghiệp, thành viên góp vốn... về cơ bản đã được xác thực bởi các thiết chế chuyên nghiệp như công chứng. Cần xem xét để quy định có tính chất bắt buộc việc công chứng chứng thực điều lệ công ty hoặc thỏa thuận cổ đông/thành viên công ty, ít nhất đối với một số loại hình doanh nghiệp, ví dụ đối với công ty cổ phần, hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn, hoặc đối với các doanh nghiệp có mức vốn điều lệ lớn, vượt một ngưỡng nhất định do pháp luật quy định.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Công ty 1990
2. Luật Doanh nghiệp tư nhân 1990
3. Luật Doanh nghiệp 1999
4. Luật Doanh nghiệp 2005
5. Luật Doanh nghiệp 2014
6. Luật Doanh nghiệp 2020
7. Nghị định 01/2021/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp
8. Nghị định 47/2021/NĐ-CP hướng dẫn Luật Doanh nghiệp
9. Thông tư 01/2021/TT-BKHĐT hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành
10. Nguyễn Như Chính, 2022. *Thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp 2020 và những vấn đề cần tiếp tục hoàn thiện*, Tạp chí Luật học, Số 2/2022.
11. Ngân hàng thế giới, 2016, Việt Nam 2035: *Hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ*. (Việt Nam 2035: Hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ (worldbank.org) truy cập ngày 8 tháng 8 năm 2024.
12. Nguyễn Ngọc Anh, Nguyễn Thị Thu Nga, 2022. *Luật Doanh nghiệp năm 2020 với vấn đề “Công ti ma” ở Việt Nam*, Tạp chí Luật học, Số 2/2022.
13. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, 2020. *Báo cáo dòng chảy pháp luật kinh doanh 2020*. VCCI công bố báo cáo “Dòng chảy pháp luật kinh doanh Việt Nam năm 2020” (phaply.net.vn)
14. Pháp luật nước ngoài: Luật Công ty Cổ phần của CHLB Đức (bản cập nhật 2023) [https://www.gesetze-im-internet.de/englisch\\_aktg/index.html#gl\\_p0095](https://www.gesetze-im-internet.de/englisch_aktg/index.html#gl_p0095) , Luật Công ty TNHH của CHLB Đức (bản cập nhật 2022) [https://www.gesetze-im-internet.de/englisch\\_gmbhg/englisch\\_gmbhg.html](https://www.gesetze-im-internet.de/englisch_gmbhg/englisch_gmbhg.html) , Luật Công ty 2005, bản cập nhật năm 2014) của Nhật Bản <https://www.japaneselawtranslation.go.jp/en/laws/view/3206/en>

# XÁC THỰC THÔNG TIN DOANH NGHIỆP THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA

**LS. Cao Đăng Duy**

*Luật sư thành viên, Công ty Luật Rajah & Tann LCT*

**Trần Nguyễn Anh Thư**

*Cộng sự, Công ty Luật Rajah & Tann LCT*

## **Tóm tắt:**

Sự bùng nổ của thương mại điện tử và kinh tế dữ liệu đang đặt ra những yêu cầu pháp lý liên quan đến việc thu thập, lưu trữ, sử dụng, xử lý và quản lý giám sát đối với dữ liệu, thông tin của các chủ thể tham gia. Từ đó, vấn đề xác thực thông tin doanh nghiệp cũng là một trong những nội dung được thảo luận trong quá trình xây dựng chính sách pháp luật. Việc xác thực thông tin doanh nghiệp hiện đặt ra các yêu cầu liên quan đến cung cấp thông tin và phạm vi, nội dung của thông tin cung cấp. Bài viết này nhằm trao đổi về một số vấn đề như: Yêu cầu xác thực thông tin doanh nghiệp theo quy định pháp luật Việt Nam hiện hành như thế nào? Một số các quốc gia khác trong khu vực quy định về vấn đề này thế nào? Việt Nam có thể học hỏi kinh nghiệm gì từ kinh nghiệm quốc tế?

**Từ khóa:** thông tin doanh nghiệp, xác thực thông tin, công chứng số, kinh tế số.

## **Abstract:**

*The rapid growth of e-commerce and the data-driven economy is creating new legal challenges related to the collection, storage, use, processing, and management of data and information of participating parties. Accordingly, the authentication of business information has become a critical topic being discussed during the process of making laws and policies. Current practices in business information authentication raise questions about the requirements for providing information, as well as the scope and content of such information. This article explores several key issues, including: What are the current legal requirements for business information authentication in Vietnam? How do other countries in the region approach this issue? What can Vietnam learn from international practices?*

**Keywords:** *business information, information authentication, digital notarization, digital economy.*

## 1. Đặt vấn đề

Trong những năm qua, Nhà nước đặc biệt quan tâm các vấn đề về an ninh mạng, kinh doanh thương mại trên các nền tảng điện tử. Chính phủ đã và đang xem xét ban hành nhiều quy định liên quan như Nghị định Bảo vệ dữ liệu cá nhân, dự thảo Luật Công nghiệp công nghệ số, và dự thảo Luật Dữ liệu... trong bối cảnh và nhu cầu cấp thiết về quản lý, kiểm soát các hoạt động kinh doanh dựa trên các nền tảng thương mại và điện tử. Một trong những yếu tố trọng tâm tác động tới sự phát triển của các hoạt động kinh tế này là vấn đề *xác thực thông tin doanh nghiệp*. Pháp luật nhìn chung đã có những quy định liên quan yêu cầu các thương nhân (bao gồm cả doanh nghiệp) phải công khai các thông tin có thể gây ảnh hưởng tới trật tự công cộng hay quyền lợi của người thứ ba, làm rõ khả năng cung cấp hàng hóa hay dịch vụ và tránh nhầm lẫn.<sup>1</sup> Thông tin doanh nghiệp được xác thực giúp cơ quan quản lý Nhà nước nắm rõ các doanh nghiệp đang hoạt động trên thị trường, từ đó xây dựng và thực thi các chính sách, pháp luật phù hợp, tạo ra môi trường kinh doanh minh bạch, công bằng và bảo đảm hiệu quả công tác quản lý Nhà nước. Các thông tin được cung cấp đầy đủ và trung thực giúp mang lại lợi ích tích cực đến các bên hữu quan của doanh nghiệp, hướng đến lợi ích cổ đông và cộng đồng nhà đầu tư, làm giảm thiểu chi phí đại diện<sup>2</sup> trong trường hợp các nhà quản lý doanh nghiệp có động cơ tư lợi. Điều này ngày càng trở lên cần thiết hơn khi mà những năm gần đây Việt Nam đã chứng kiến nhiều vụ việc gian lận, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin dẫn đến những loạn thị trường và gây mất lòng tin của công chúng.

Hệ thống pháp luật Việt Nam ngày càng hoàn thiện hơn và quy định đầy đủ hơn liên quan tới các vấn đề thông tin kinh doanh và doanh nghiệp. Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật các Tổ chức Tín dụng, Luật Phòng chống Rửa tiền, Thông tư 96/2020/TT-BTC, Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ... đều có những quy định về nghĩa vụ cung cấp và đảm bảo tính xác thực thông tin của doanh nghiệp. Trong đó, pháp luật về công chứng cũng góp phần củng cố hành lang pháp lý để các bên có thể giao kết hợp đồng và giao dịch một cách đúng pháp luật,<sup>3</sup> thông qua việc xác thực thông tin doanh nghiệp bằng các nghiệp vụ công chứng. Bài viết này nhằm trao đổi thêm về một số các vấn đề liên quan như: Yêu cầu xác thực thông tin doanh nghiệp theo quy định pháp luật Việt Nam hiện hành như thế nào? Một số các quốc gia khác trong khu vực quy định về vấn đề này thế nào? Liệu Việt Nam có thể học hỏi kinh nghiệm gì từ họ, xét trong bối cảnh kinh tế số nói chung và sửa đổi Luật Công chứng nói riêng?

---

<sup>1</sup> Ngô Huy Cường, 2013, Giáo trình Luật Thương mại phần chung và thương nhân, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, tr. 48

<sup>2</sup> Cao Thị Miêu Thùy và cộng sự, 2023, Công bố thông tin trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và bất cân xứng thông tin: Bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam, HCMCOUJS-Kinh tế và Quản trị kinh doanh, 18(2), DOI:10.46223/HCMCOUJS.econ.vi.18.2.2220.2023, tr. 55-65.

<sup>3</sup> Đạo Thanh Tuấn, Phạm Thu Hằng, 2023, *Bình luận luật công chứng năm 2014*, NXB Tư pháp. tr.258.

## 2. Khái quát về xác thực thông tin doanh nghiệp

### 2.1. Yêu cầu xác thực thông tin doanh nghiệp

Yêu cầu xác thực thông tin doanh nghiệp được xem xét trong hoàn cảnh cân cân đối hài hòa giữa các lợi ích công và tư, giữa trật tự công cộng và nhu cầu ổn định nền kinh tế với các quyền, tự do của doanh nghiệp như quyền riêng tư, quyền được bảo vệ bí mật kinh doanh,... Các hoạt động thương mại có liên quan tới trật tự công cộng và đời sống chung của cộng đồng, và do đó Nhà nước cần can thiệp nhiều hơn và sâu hơn vào các quan hệ này, dẫn tới các thương nhân phải chịu các quy chế ngặt nghèo hơn.<sup>4</sup> Xác thực thông tin doanh nghiệp gồm hai yêu cầu cơ bản: *Một*, doanh nghiệp phải cung cấp một số thông tin cần thiết cho mục đích đảm bảo trật tự công cộng, bình ổn thị trường và bảo vệ quyền lợi của người thứ ba; và *Hai*, các thông tin cung cấp cần đảm bảo tính trung thực bởi sự tự nguyện tuân thủ của doanh nghiệp hay bởi các biện pháp cưỡng chế.

Về yêu cầu cung cấp thông tin, hai đối tượng chủ yếu mà doanh nghiệp cần cung cấp thông tin là cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và các nhà đầu tư, trái chủ, hay các bên thứ ba nói chung. Một số thông tin được xếp vào loại thông tin bắt buộc phải công khai như thông tin đăng ký doanh nghiệp, thông tin về thay đổi trong quản lý và điều hành doanh nghiệp phục vụ cho việc quản lý dữ liệu hoạt động kinh doanh, điển hình cho nhóm dữ liệu này là danh tính điện tử tổ chức.<sup>5</sup> Ngoài ra, cơ quan nhà nước cũng yêu cầu cung cấp thông tin để phục vụ hoạt động giám sát về chuyên môn, nghiệp vụ để đảm bảo an toàn trong hoạt động kinh doanh và hạn chế rủi ro ảnh hưởng tiêu cực thị trường, ví dụ như nghĩa vụ của công ty đại chúng phải công khai báo cáo tài chính hàng quý và hàng năm trên cổng thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.<sup>6</sup> Đối với nhà đầu tư hay trái chủ doanh nghiệp, nghĩa vụ cung cấp thông tin được thể hiện thông qua các quyền được tiếp cận thông tin hay quyền tự do giao kết hợp đồng, theo đó doanh nghiệp phải cung cấp các thông tin cần thiết để giúp các nhà đầu tư có các quyết định đầu tư hiệu quả, cũng như bảo đảm việc không có sự nhầm lẫn khi họ quyết định đầu tư, cho vay vốn, mua trái phiếu... Về điểm này, quy định của pháp luật Việt Nam cơ bản tương tự như thông lệ quốc tế ghi nhận một số thông tin về tình hình tài chính doanh nghiệp mà được OECD khái quát trong bộ nguyên tắc của mình gồm thông tin về: 1) Kết quả tài chính và hoạt động; 2) Mục tiêu và tính bền vững; 3) Cơ cấu vốn và sở hữu; 4) Quản trị, chính sách quản trị

---

<sup>4</sup> Ngô Huy Cường, 2013, Giáo trình Luật Thương mại phần chung và thương nhân, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, tr. 19.

<sup>5</sup> Nghị định số 59/2022/NĐ-CP của Chính phủ về Định danh điện tử, Điều 9 Danh tính điện tử tổ chức gồm: 1) Mã định danh điện tử của tổ chức; 2) Tên tổ chức gồm tên tiếng Việt, tên viết tắt (nếu có) và tên tiếng nước ngoài (nếu có); 3) Ngày, tháng, năm thành lập; 4) Địa chỉ trụ sở chính; 5) Số định danh cá nhân hoặc số định danh của người nước ngoài; họ, chữ đệm và tên người đại diện theo pháp luật hoặc người đứng đầu của tổ chức.

<sup>6</sup> Luật Chứng khoán 2019, Điều 32.1.

và thù lao cho ban quản trị; 5) Giao dịch trọng yếu; 6) Nợ.<sup>7</sup> Nhìn chung, những thông tin phải cung cấp đều có tính chất là thông tin trọng yếu.<sup>8</sup>

Mặt khác, pháp luật cũng ghi nhận một số thông tin mà doanh nghiệp không có nghĩa vụ phải công khai, gắn liền đến quyền riêng tư và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Các thông tin này có thể bao gồm, tùy theo các trường hợp liên quan, thông tin tài khoản ngân hàng, giao dịch kinh doanh, bí mật kinh doanh mà việc tiết lộ có thể khiến doanh nghiệp chịu bất lợi trước các đối thủ cạnh tranh hay trở nên dễ bị tổn thương trước thị trường tự do. Theo đó, doanh nghiệp được phép sử dụng các biện pháp cần thiết để tự bảo vệ quyền lợi của mình. Ví dụ như trong pháp luật lao động, dù quyền lợi của người lao động được ưu tiên bảo vệ trước người sử dụng lao động, doanh nghiệp vẫn được áp dụng hình thức xử lý kỷ luật sa thải đối với người lao động có hành vi tiết lộ bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người sử dụng lao động, có hành vi gây thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng về tài sản, lợi ích của người sử dụng lao động.<sup>9</sup>

Về yêu cầu về xác thực thông tin, doanh nghiệp nhìn chung phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong các hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo. Trong trường hợp phát hiện thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì doanh nghiệp phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.<sup>10</sup> Yêu cầu này đặt ra các nghĩa vụ rằng thông tin cung cấp cần trung thực ngay từ đầu, và cần được cập nhật theo thay đổi thực tế trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Ví dụ theo Luật Doanh nghiệp 2020, doanh nghiệp chịu trách nhiệm thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi. Một số thông tin phải đăng ký thay đổi bao gồm ngành, nghề kinh doanh, cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty cổ phần, trừ trường hợp đối với công ty niêm yết; và nội dung khác trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.<sup>11</sup> Nghị định 01/2021/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp cũng dành riêng Chương VI để quy định về thủ tục thay đổi, thông báo nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Về nguyên tắc, doanh nghiệp có nghĩa vụ phải trung thực và tuân thủ. Tuy nhiên, thực tế lại cho thấy rằng các thương nhân luôn cố gắng tìm kiếm và tối đa hóa lợi nhuận nên càng có xu hướng che đậy các thông tin tiêu cực về tình hình kinh doanh và thậm chí đánh bóng

---

<sup>7</sup> OECD (2024), Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty G20/OECD 2023, OECD Publishing, Paris, <https://doi.org/10.1787/5e30b009-vi>. tr. 28-31.

<sup>8</sup> Theo OECD, 2024, “Thông tin trọng yếu có thể được định nghĩa là thông tin mà việc không công bố hoặc công bố sai có thể được cho là có ảnh hưởng đối với đánh giá của nhà đầu tư về giá trị của công ty. Thông tin trọng yếu cũng có thể được định nghĩa là thông tin mà một nhà đầu tư bình thường có thể coi là quan trọng khi ra quyết định đầu tư hoặc biểu quyết.”

<sup>9</sup> Luật Lao động 2019, Điều 12.1.

<sup>10</sup> Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 8.3.

<sup>11</sup> Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 31.1 và 31.2



các báo cáo tài chính của mình. Do đó, yêu cầu xác thực luôn đi kèm với các biện pháp đảm bảo thực thi từ phía Nhà nước bao gồm các hệ thống thanh tra, kiểm tra, giám sát và chế tài. Ví dụ theo Nghị định 122/2021/NĐ-CP, doanh nghiệp có thể bị phạt đến 30.000.000 đồng nếu không đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;<sup>12</sup> bị phạt đến 15.000.000 đồng nếu không công khai hoặc công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp không đúng thời hạn trên Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;<sup>13</sup> và bị phạt tiền đến 30.000.000 với hành vi không thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.<sup>14</sup> Ngoài ra, các biện pháp xác thực có thể được thực hiện bởi các chủ thể khác trong xã hội như kiểm toán, công chứng, ... hoặc thông qua các biện pháp kỹ thuật và nghiệp vụ của từng lĩnh vực.

## **2.2. Xác thực thông tin doanh nghiệp ở Hoa Kỳ và Singapore**

Tại Hoa Kỳ, xác minh doanh nghiệp là một quy trình quan trọng để đảm bảo tính hợp pháp của các thực thể kinh doanh và ngăn chặn các tội phạm tài chính như rửa tiền và gian lận. Hướng dẫn toàn diện về Xác minh Doanh nghiệp (Know Your Business - KYB) cung cấp một cái nhìn tổng quan toàn diện về các quy trình và tầm quan trọng của việc xác minh doanh nghiệp, đặc biệt tập trung vào tuân thủ KYB. Xác minh doanh nghiệp bao gồm việc xác minh tên pháp lý, địa chỉ và chi tiết sở hữu của doanh nghiệp.<sup>15</sup> Mục tiêu chính là đánh giá rủi ro liên quan đến việc hợp tác kinh doanh với một chủ thể khác, đảm bảo rằng doanh nghiệp không tham gia vào các hoạt động bất hợp pháp. Theo KYB, phương pháp Xác minh Doanh nghiệp gồm:

1) Truy vấn Cơ sở Dữ liệu Thời gian Thực: Sử dụng các cơ sở dữ liệu trực tuyến chứa thông tin tín dụng, hồ sơ công khai và đăng ký trên cổng thông tin của chính quyền để có được kết quả xác minh ngay lập tức;

2) Hệ thống Tự động: Sử dụng trí tuệ nhân tạo và học máy để tự động hóa quy trình xác minh;

3) Phán đoán của Con người: Bao gồm sự giám sát của con người để đưa ra quyết định cuối cùng về việc có tiếp tục mối quan hệ kinh doanh dựa trên kết quả xác minh hay không. Đây là một nguồn tài nguyên quan trọng cho các doanh nghiệp nhằm tuân thủ các quy định KYB và giảm thiểu rủi ro liên quan đến các tội phạm tài chính.

---

<sup>12</sup> Nghị định 122/2021/NĐ-CP, Điều 44.

<sup>13</sup> Nghị định 122/2021/NĐ-CP, Điều 45.

<sup>14</sup> Nghị định 122/2021/NĐ-CP, Điều 49.

<sup>15</sup> The Ultimate Guide to Business Verification (KYB), 2023, Truy cập tại: <https://thekyb.com/blog/the-ultimate-guide-to-business-verification-kyb/> truy cập ngày 29/07/2024.

Với Singapore, BizFile<sup>16</sup> được coi là điểm sáng khi nó cho phép doanh nghiệp tương tác với Cơ quan Quản lý Kế toán và Công ty (ACRA). Về cơ bản, đây là một cửa sổ duy nhất để quản lý các vấn đề liên quan đến kinh doanh, cũng là cổng thông tin và một cơ sở dữ liệu lớn để tra cứu thông tin kinh doanh. Các chức năng chính của BizFile gồm:

1) Thành lập doanh nghiệp, doanh nghiệp có thể đăng ký là công ty địa phương, chi nhánh công ty nước ngoài hoặc doanh nghiệp tư nhân;

2) Đăng ký tên doanh nghiệp;

3) Cập nhật thông tin công ty, thay đổi thông tin công ty, giám đốc, cổ đông và địa chỉ đăng ký,

4) Báo cáo thường niên, nộp báo cáo thường niên và báo cáo tài chính;

5) Nộp hồ sơ, nộp các tài liệu pháp định như thay đổi vốn cổ phần, khoản phí và nghị quyết;

6) Truy xuất thông tin, truy cập thông tin công ty, tìm kiếm các thực thể kinh doanh và mua hồ sơ công ty. Giải pháp này của chính phủ đã giúp các thương nhân của Singapore rút gọn quy trình kinh doanh, tiết kiệm thời gian, khắc phục hạn chế của giờ làm việc hành chính, giảm thiểu lỗi và giảm chi phí hơn so với các thủ tục hành chính truyền thống. Cổng thông tin này cũng giúp tăng hiệu quả của các quy định pháp luật về quản lý doanh nghiệp.

### **3. Phương pháp kiểm tra và xác thực thông tin doanh nghiệp ở Việt Nam**

#### **3.1. Xác thực thông tin chính thức**

Xác thực thông tin chính thức được hiểu là hoạt động xác thực thông tin được thực hiện bởi các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, theo chuyên môn và nghiệp vụ được quy định trong các thủ tục hành chính.

Với doanh nghiệp, việc xác thực thông tin được bắt đầu ngay từ thủ tục đăng ký doanh nghiệp được thực hiện bởi cơ quan đăng ký kinh doanh. Liên quan đến quy trình này, Việt Nam đã triển khai cơ sở dữ liệu lớn là Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp<sup>17</sup>, là nguồn chính thống và được cho là tổng quát nhất về thông tin doanh nghiệp trong quá trình đăng ký kinh doanh, thành lập doanh nghiệp. Cổng thông tin lưu trữ các thông tin về đăng ký doanh nghiệp, vi phạm và báo cáo tài chính của doanh nghiệp, đồng thời cho phép nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp trực tuyến. Tuy nhiên, cơ sở dữ liệu này chỉ giới hạn chủ yếu ở các

---

<sup>16</sup> Truy cập tại: <https://www.bizfile.gov.sg/ngbbizfileinternet/faces/oracle/webcenter/portalapp/pages/BizfileHomepage.jspx>, truy cập ngày 29/07/2024.

<sup>17</sup> Truy cập tại: <https://dangkykinhdoanh.gov.vn/vn/Pages/Trangchu.aspx> truy cập ngày 29/07/2024.

thông tin chung về doanh nghiệp có tính chất như thông tin định danh tổ chức mà không đi sâu vào từng khía cạnh cụ thể.

Xác thực chính thức cũng được thực hiện thông qua các hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp. Thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp là hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền, nhằm xem xét, đánh giá việc chấp hành pháp luật và xử lý các hành vi vi phạm của doanh nghiệp trong các lĩnh vực quản lý Nhà nước.

Hoạt động của các cơ quan chuyên trách trong lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm việc kiểm tra, đánh giá mức độ tuân thủ các quy định về hoạt động kinh doanh, tiêu chuẩn, kỹ thuật và chuyên môn của ngành nghề cụ thể. Mục tiêu của hoạt động xác thực thông tin này là đảm bảo rằng doanh nghiệp cung cấp thông tin một cách trung thực và tuân thủ pháp luật trong quá trình kinh doanh.

### **3.2. Xác thực thông tin không chính thức**

Xác thực thông tin không chính thức là hình thức xác thực thông tin được thực hiện bởi các chủ thể trong xã hội mà được Nhà nước cấp phép hành nghề. Thông thường, các chủ thể này hoạt động dưới dạng dịch vụ tư vấn và cung cấp dịch vụ có liên quan tới việc xác thực tùy theo chuyên môn như các cá nhân, tổ chức hành nghề kiểm toán, pháp lý, công chứng, ... Với hoạt động kiểm toán, đối tượng được hướng đến là tính minh bạch của các báo cáo tài chính, xác thực tính chính xác và trung thực của các số liệu tài chính, và sự phù hợp của báo cáo với tình hình kinh doanh thực tế của doanh nghiệp. Kiểm toán giúp tạo sự tin tưởng của nhà đầu tư, trái chủ đối với doanh nghiệp. Hoạt động công chứng, với tư cách là hoạt động hỗ trợ tư pháp, hướng đến đối tượng là hình thức hợp pháp của hồ sơ, tài liệu giao dịch, sự trung thực của các thông tin trong các loại giao dịch gồm: thông tin chủ thể giao dịch, tính phù hợp của nội dung giao dịch với quy định của pháp luật. Theo Luật Công chứng 2014, công chứng văn bản được tiếp cận dưới góc độ là một quyền sử dụng dịch vụ. Song cụ thể ở một số các luật chuyên ngành, công chứng có thể là một thủ tục bắt buộc để tiến hành các giao dịch quan trọng. Ví dụ, Nghị định số 96/2024/NĐ-CP hướng dẫn Luật Kinh doanh Bất động sản 2023 quy định công chứng là điều kiện bắt buộc trong thủ tục chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản giữa bên chuyển nhượng, bên nhận và chủ đầu tư.<sup>18</sup>

## **4. Một số vấn đề tồn tại và giải pháp**

### **4.1. Đối với việc xác thực thông tin doanh nghiệp nói chung**

Nhìn chung, hành lang pháp lý của Việt Nam đối với việc xác thực thông tin doanh nghiệp đã đang được hoàn thiện, với các quy định liên quan nằm trong các văn bản pháp luật chuyên ngành và chủ yếu được thực hiện bởi các cơ quan hành chính, cơ quan chuyên môn

---

<sup>18</sup> Xem thêm tại Nghị định 96/2024/NĐ-CP Điều 13

quản lý. Tuy nhiên, thực tế hiện nay cho thấy nhiều doanh nghiệp chậm trễ hoặc không thực hiện thay đổi thông tin doanh nghiệp và nhiều doanh nghiệp niêm yết vẫn vi phạm các quy định về công bố thông tin. Hồ sơ đăng ký kinh doanh được sử dụng cho khâu đăng ký ban đầu nhưng sau đó doanh nghiệp lại không tuân thủ. Doanh nghiệp thay đổi thông tin đăng ký kinh doanh nhưng không nộp hồ sơ để cập nhập thông tin với cơ quan Nhà nước. Sự vi phạm thường nằm chủ yếu ở các thông tin quản trị và thông tin tài chính doanh nghiệp. Một số điểm hạn chế trong việc thực thi pháp luật có thể được chỉ ra gồm:

*Một*, thẩm quyền xác thực thông tin doanh nghiệp của cơ quan chức năng. Theo Khoản 3 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2020: “*Cơ quan đăng ký kinh doanh chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, không chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật của doanh nghiệp xảy ra trước và sau khi đăng ký doanh nghiệp*”. Do đó cơ quan đăng ký kinh doanh có thể không rà soát kỹ nội dung các tài liệu doanh nghiệp nộp mà vẫn thực hiện đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp, kết quả là thông tin trong cơ sở dữ liệu của cơ quan đăng ký kinh doanh có thể là không đúng.

*Hai*, thiếu sự giám sát và chế tài hiệu quả. Hiện nay chế độ công bố thông tin bất thường chỉ áp dụng cho doanh nghiệp niêm yết, các quy định về công bố thông tin chưa được giám sát chặt chẽ, dẫn đến tình trạng nhiều doanh nghiệp không tuân thủ mà không bị xử phạt. Nhiều doanh nghiệp không thực hiện đúng quy định về việc báo cáo và cập nhật thông tin, dẫn đến việc cơ sở dữ liệu không phản ánh đúng thực trạng hoạt động của doanh nghiệp<sup>19</sup>. Hệ quả là các thông tin quan trọng như tình hình tài chính, nhân sự, và các thay đổi trong cấu trúc doanh nghiệp có thể bị thiếu sót hoặc sai lệch. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến khả năng ra quyết định của các nhà đầu tư và đối tác kinh doanh mà còn gây khó khăn cho cơ quan quản lý trong việc giám sát và điều hành.

*Ba*, hạn chế trong tiếp cận thông tin. Cơ sở dữ liệu công bố thông tin chưa được xây dựng, quản lý một cách hiệu quả và không có sự liên kết, khiến cho việc truy cập thông tin gặp nhiều khó khăn. Hiện nay, các thông tin về doanh nghiệp được lưu trữ và quản lý bởi nhiều cơ quan khác nhau như Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, và các Sở Công thương..., dẫn đến sự phân tán và khó khăn trong việc tra cứu và kiểm tra tính chính xác của thông tin. Ví dụ, thông tin về đăng ký kinh doanh có thể được lưu trữ tại một cơ quan, trong khi thông tin về thuế lại do cơ quan khác quản lý. Một số thông tin quan trọng (đặc biệt về tình hình tài

---

<sup>19</sup> Đỗ Mến, 2022, Vì sao doanh nghiệp niêm yết vẫn liên tục vi phạm quy định công bố thông tin bất thường?, Tạp chí VnEconomy, trực tuyến tại:

<https://vneconomy.vn/vi-sao-doanh-nghiep-niem-yet-van-lien-tuc-vi-pham-quy-dinh-cong-bo-thong-tin-bat-thuong.htm>, truy cập ngày 29/07/2024.

chính, các quyết định đầu tư và dự án) chưa được công bố rộng rãi hoặc chỉ được cung cấp cho một nhóm nhỏ người dùng.

## 4.2. Đối với xác thực thông tin doanh nghiệp trong hoạt động công chứng

Hoạt động công chứng tại Việt Nam vẫn chủ yếu diễn ra theo phương thức thủ công, điều này gây ra nhiều khó khăn cho cả doanh nghiệp và cơ quan công chứng<sup>20</sup>. Các thủ tục giấy tờ phức tạp, quy trình xác thực kéo dài, và việc phải tiếp xúc trực tiếp tại các văn phòng công chứng tạo ra sự bất tiện lớn cho doanh nghiệp. Việc thiếu ứng dụng công nghệ thông tin không chỉ làm giảm hiệu quả và tính chính xác của quá trình công chứng, mà còn làm tăng nguy cơ sai sót và gian lận. Bên cạnh đó, nhiều văn phòng công chứng tại Việt Nam đang gặp khó khăn do thiếu hụt nguồn lực, cả về nhân lực lẫn cơ sở vật chất<sup>21</sup>. Số lượng công chứng viên còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng của doanh nghiệp và người dân. Điều này dẫn đến tình trạng quá tải, thời gian chờ đợi kéo dài và chất lượng dịch vụ giảm sút. Hơn nữa, nhiều văn phòng công chứng vẫn chưa được trang bị đầy đủ các thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến để hỗ trợ công việc.

## 4.3. Một số giải pháp

Để cải thiện hiệu quả hơn việc thực thi pháp luật về xác thực thông tin doanh nghiệp, một số giải pháp có thể cân nhắc như:

*Một*, Luật Công chứng trong lần sửa đổi, bổ sung tới đây cần ghi nhận rõ một số loại tài liệu bắt buộc phải công chứng. Ví dụ, một số tài liệu hồ sơ đăng ký doanh nghiệp có thể cần được yêu cầu công chứng trước khi gửi cho phòng đăng ký kinh doanh, như hợp đồng góp vốn, điều lệ công ty, hay giấy chứng nhận quyền sở hữu liên quan (nếu có). Việc công chứng này đảm bảo rằng các thông tin trong hồ sơ đăng ký là phù hợp với quy định của pháp luật mà không phải chỉ để chống đối với cơ quan đăng ký. Trong hoàn cảnh phát triển công chứng số,<sup>22</sup> việc công chứng từ xa đã giúp hoạt động xác thực thông tin giao dịch trở nên dễ dàng và tiết kiệm thời gian<sup>23</sup>, do đó bổ sung công chứng bắt buộc là một cách trao quyền với các tổ chức hành nghề chuyên nghiệp.

---

<sup>20</sup> Về vấn đề này, xem thêm tại Ái Chân, 2024, Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong hoạt động công chứng, tạp chí Sài Gòn giải phóng, trực tuyến tại: <https://www.sggp.org.vn/day-manh-ung-dung-cong-nghe-so-trong-hoat-dong-cong-chung-post731911.html> truy cập ngày 29/07/2024.

<sup>21</sup> Mỹ Phượng, 2023, Số lượng công chứng viên được bổ nhiệm thấp dẫn đến tình trạng thuê bằng, Cổng thông tin điện tử Quốc hội Việt Nam, trực tuyến tại: <https://quochoi.vn/pages/tim-kiem.aspx?ItemID=78680>, truy cập ngày 29/07/2024.

<sup>22</sup> Khanh, B.N., Linh, P.X. (2022). Electronic Notarization in the Context of Digital Transformation in Vietnam: Challenges and Recommendations. *International Transaction Journal of Engineering, Management, & Applied Sciences & Technologies*, 13(9), 13A9U, 1-13. <http://TUENGR.COM/V13/13A9U.pdf> DOI: 10.14456/ITJEMAST.2022.189

<sup>23</sup> Syaputra, D., Satoto, S., & Suryahartati, D. (2022). Responsibility of The Notary for The Establishment of a Village Owned Business Entity as A Legal Association in The Perspective of Legislation Regulations. *LITERATUS*, 4(1), 185–197. <https://doi.org/10.37010/lit.v4i1.694>

*Hai*, xây dựng cơ sở dữ liệu doanh nghiệp và tích hợp với cơ sở dữ liệu của ngành thuế, ngân hàng, bất động sản cũng như ngành công chứng giúp hình thành một siêu dữ liệu meta-data. Hiện nay, công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và các hệ thống cơ sở dữ liệu khác, như của cơ quan thuế, tòa án, ngân hàng, ... , chưa kết nối khiến cho việc tra cứu thông tin giữa các nguồn bị rời rạc. Nhiều cơ sở dữ liệu được thu thập, lưu trữ trùng lặp, chồng chéo, chưa thống nhất về danh mục dữ liệu dùng chung gây khó khăn khi kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu.<sup>24</sup> Việc tích hợp và thống nhất dữ liệu giúp đồng bộ và nhất quán hóa các dữ liệu, thông tin liên quan đến doanh nghiệp.

## 5. Kết luận

Thông tin doanh nghiệp là tài sản vô cùng quý giá, đóng vai trò cốt lõi trong sự tồn tại và phát triển của mọi tổ chức, là "huyết mạch" nuôi dưỡng mọi hoạt động kinh doanh. Thông tin doanh nghiệp đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc ra quyết định, quản lý và phát triển doanh nghiệp. Một hệ thống thông tin hiệu quả sẽ giúp doanh nghiệp hoạt động một cách trơn tru, linh hoạt và đạt được những mục tiêu đã đề ra.

Trước thực trạng tồn tại sự gian lận và vi phạm nghĩa vụ thông tin, các quy định pháp lý liên quan đến xác thực thông tin doanh nghiệp cần được xem xét hoàn thiện. Về lâu dài, cần thiết xây dựng, phát triển một hệ thống cơ sở dữ liệu chung về doanh nghiệp mà trong đó có sự tích hợp với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác của cơ quan Nhà nước để bảo đảm sự cập nhật, chính xác và thống nhất của thông tin dữ liệu về doanh nghiệp.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cao Thị Miêu Thùy và cộng sự, 2023, Công bố thông tin trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và bất cân xứng thông tin: Bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam, HCMCOUJS-Kinh tế và Quản trị kinh doanh, 18(2), DOI:10.46223/HCMCOUJS.econ.vi.18.2.2220.2023, tr. 55-65.
2. Đạo Thanh Tuấn, Phạm Thu Hằng, 2023, *Bình luận luật công chứng năm 2014*, NXB Tư pháp. tr.258.
3. Khanh, B.N., Linh, P.X. (2022). Electronic Notarization in the Context of Digital Transformation in Vietnam: Challenges and Recommendations. *International Transaction Journal of Engineering, Management, & Applied Sciences & Technologies*, 13(9), 13A9U, 1-13. <http://TUENGR.COM/V13/13A9U.pdf> DOI: 10.14456/ITJEMAST.2022.189
4. Luật Công chứng 2014.
5. Luật Chứng khoán 2019.

---

<sup>24</sup> Vấn đề này cũng được Bộ Công an đề cập trong Tờ trình Chính phủ Dự án Luật Dữ liệu vào giữa năm 2024, tr.3

6. Luật Doanh nghiệp 2020.
7. Luật Lao động 2019.
8. Nghị định số 01/2021/NĐ-CP của Chính phủ về Đăng ký doanh nghiệp.
9. Nghị định số 122/2021/NĐ-CP của Chính phủ về Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.
10. Nghị định số 59/2022/NĐ-CP của Chính phủ về Định danh điện tử.
11. Nghị định số 96/2024/NĐ-CP của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của luật kinh doanh bất động sản.
12. Ngô Huy Cương, 2013, Giáo trình Luật Thương mại phần chung và thương nhân, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, tr. 48
13. OECD (2024), Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty G20/OECD 2023, OECD Publishing, Paris, <https://doi.org/10.1787/5e30b009-vi>. tr. 28-31.
14. Park, IK (1996): National Competitiveness and EC, in: The Journal of Informatization (Korean), Vol. 3, December 1996, pp.20-41.
15. Syaputra, D., Satoto, S., & Suryahartati, D. (2022). Responsibility of The Notary for The Establishment of a Village Owned Business Entity as A Legal Association in The Perspective of Legislation Regulations. LITERATUS, 4(1), 185–197. <https://doi.org/10.37010/lit.v4i1.694>
16. The Ultimate Guide to Business Verification (KYB), 2023, Trục tuyến tại: <https://thekeyb.com/blog/the-ultimate-guide-to-business-verification-kyb/> truy cập ngày 29/07/2024.
17. Tờ trình Chính phủ Dự án Luật Dữ liệu vào giữa năm 2024, tr.3
18. Trục tuyến tại: <https://www.bizfile.gov.sg/ngbbizfileinternet/faces/oracle/webcenter/portalapp/pages/BizfileHomepage.jspx>, truy cập ngày 29/07/2024.
19. Trục tuyến tại: <https://dangkykinhdoanh.gov.vn/vn/Pages/Trangchu.aspx> truy cập ngày 29/07/2024.

# XÁC THỰC VIỆC XÁC LẬP GIAO DỊCH NHÂN DANH CÔNG TY ĐANG THÀNH LẬP – KINH NGHIỆM CÁC NƯỚC VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

Viện sĩ, PGSTS Nguyễn Ngọc Điện

Trường Đại học Kinh tế - Luật ĐHQGTPHCM

## Tóm tắt

Sự ra đời của một công ty đòi hỏi các hoạt động chuẩn bị cần thiết. Quy mô công ty càng lớn thì việc chuẩn bị càng phải được chặt chẽ và chu đáo. Nếu đợi đến khi công ty chính thức có tư cách pháp nhân mới thực hiện các công việc ấy thì uổng phí thời gian. Thực tiễn ghi nhận rất nhiều trường hợp công ty chủ động xác lập các giao dịch cần thiết cho hoạt động tương lai. Trong bối cảnh giao dịch được xác lập vì lợi ích của một pháp nhân chưa chính thức ra đời về mặt pháp lý tại thời điểm xác lập giao dịch, cần đặt giao dịch không một khung pháp lý đặc biệt cho phép ngăn chặn rủi ro gây thiệt hại cho các bên liên quan. Thực tiễn cũng ghi nhận hai loại pháp nhân thực sự có nhu cầu về xác lập giao dịch trong thời gian chuẩn bị thành lập. Đó là hợp tác xã và công ty. Cả hai đều là pháp nhân thương mại, có thể được gọi chung là công ty. Luật các nước tập trung quan tâm chi phối loại giao dịch này. Kinh nghiệm của các nước là bài học quý giá cho Việt Nam.

**Từ khóa:** Pháp nhân. Công ty. Giao dịch vì lợi ích của công ty đang thành lập. Công chứng.

## Abstract

*The creation of a company implies necessary preparatory activities. The larger the company size is, the more rigorous and thoughtful the preparation should be. In practice, many companies proactively carry out necessary transactions for future settlement. In the context of a transaction performed for the benefit of a legal entity that has not officially come into existence legally, it is necessary to place the transactions in a specific legal framework set up for the purpose of prevention of risk of causing damage to related parties. The experiences of other countries are useful for the improvement of the Vietnamese legislation at this point.*

**Keywords:** Legal entity. Company. Pre-iregistration contract. Notary.

## 1. Tổng quan

Sự ra đời của một công ty đòi hỏi các hoạt động chuẩn bị cần thiết. Nội dung chuẩn bị không chỉ bao gồm thực hiện việc vận động thành lập (gọi vốn) và các thủ tục pháp lý để cho



pháp nhân công ty ra đời; công ty cũng cần chuẩn bị các điều kiện vật chất cho hoạt động trong tương lai: thuê nhà làm trụ sở, mua sắm tài sản, tuyển dụng nhân sự cần thiết tối thiểu như lái xe, bảo vệ,..... Quy mô công ty càng lớn thì việc chuẩn bị càng phải được chặt chẽ và chu đáo. Nếu đợi đến khi công ty chính thức có tư cách pháp nhân mới thực hiện các công việc ấy thì uổng phí thời gian. Thực tiễn ghi nhận rất nhiều trường hợp công ty chủ động xác lập các giao dịch cần thiết cho hoạt động tương lai<sup>1</sup>. Trong bối cảnh giao dịch được xác lập vì lợi ích của một pháp nhân chưa chính thức ra đời về mặt pháp lý tại thời điểm xác lập giao dịch, cần đặt giao dịch không một khung pháp lý đặc biệt cho phép ngăn chặn rủi ro gây thiệt hại cho các bên liên quan.

Luật có quy định chung về việc xác lập, thực hiện giao dịch để thành lập, đăng ký pháp nhân, tại Bộ luật Dân sự Điều 87.

### **Điều 87. Trách nhiệm dân sự của pháp nhân**

1...

Pháp nhân chịu trách nhiệm dân sự về nghĩa vụ do sáng lập viên hoặc đại diện của sáng lập viên xác lập, thực hiện để thành lập, đăng ký pháp nhân, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

Dựa theo quy định chung đó Luật Doanh nghiệp năm 2020 có quy định riêng tại Điều 18 được áp dụng cho trường hợp pháp nhân đang hình thành là doanh nghiệp.

### **Điều 18. Hợp đồng trước đăng ký doanh nghiệp**

1. Người thành lập doanh nghiệp được ký hợp đồng phục vụ cho việc thành lập và hoạt động của doanh nghiệp trước và trong quá trình đăng ký doanh nghiệp.
2. Trường hợp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp phải tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết quy định tại khoản 1 Điều này và các bên phải thực hiện việc chuyển giao quyền, nghĩa vụ theo hợp đồng theo quy định của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp trong hợp đồng có thỏa thuận khác.
3. Trường hợp doanh nghiệp không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người ký kết hợp đồng theo quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm thực hiện hợp đồng; trường hợp có người khác tham gia thành lập doanh nghiệp thì cùng liên đới chịu trách nhiệm thực hiện hợp đồng đó.

---

<sup>1</sup> Có trường hợp công ty, đặc biệt là doanh nghiệp mà thủ tục thành lập phức tạp trong đó có khâu kiểm tra các điều kiện vật chất cần thiết. Việc thành lập văn phòng công chứng là ví dụ điển hình về áp dụng Điều 87 Bộ luật Dân sự: trước khi được cấp phép thành lập, văn phòng tương lai phải được tổ chức theo các điều kiện của một văn phòng đích thực. Bởi vậy, ứng viên xin thành lập văn phòng công chứng phải thực hiện rất nhiều giao dịch nhằm xây dựng diện mạo của văn phòng công chứng ngay từ lúc văn phòng chưa tồn tại về mặt pháp lý: thuê trụ sở, mua sắm và lắp đặt trang thiết bị, tuyển nhân viên,...

Quy định của Luật Doanh nghiệp tương đối rành mạch; tuy nhiên, chúng đó chưa đủ để đặt cơ sở cho việc giải quyết một loạt các vấn đề liên quan đến việc xác lập, thực hiện giao dịch liên quan đến việc thành lập pháp nhân. Đặc biệt, thực tiễn ghi nhận vướng mắc liên quan đến việc xác định điều kiện để pháp nhân chịu trách nhiệm về giao dịch và thể thức tiếp nhận giao dịch của pháp nhân trong bối cảnh giao dịch được xác lập trước khi pháp nhân được chính thức thành lập. Trường hợp có tranh chấp, chẳng hạn do pháp nhân từ chối tiếp nhận giao dịch, do bên giao dịch từ chối bàn giao tư cách chủ thể xác lập giao dịch cho pháp nhân, do không đạt được thỏa thuận về quyền và nghĩa vụ được bàn giao giữa bên xác lập giao dịch nhân danh pháp nhân và pháp nhân,... cũng chưa có quy tắc cụ thể đặt cơ sở pháp lý để giải quyết. Đặc biệt, vấn đề bảo đảm tính chặt chẽ của giao dịch để ngăn ngừa tranh chấp và vấn đề thiết lập chứng cứ về giao dịch để giải quyết tranh chấp chưa được quan tâm đặt ra và xử lý một cách thấu đáo.

Thực tiễn cũng ghi nhận hai loại pháp nhân thực sự có nhu cầu về xác lập giao dịch trong thời gian chuẩn bị thành lập. Đó là hợp tác xã và công ty. Cả hai đều là pháp nhân thương mại, có thể được gọi chung là công ty. Luật các nước tập trung quan tâm chi phối loại giao dịch này. Kinh nghiệm của các nước là bài học quý giá cho Việt Nam.

## **2. Kinh nghiệm của các nước**

### **2.1. Luật của Pháp**

**Cơ sở pháp lý.** Người làm luật của Pháp cũng ghi nhận tính phổ biến của việc xác lập giao dịch vì lợi ích của công ty đang hình thành so với các loại pháp nhân khác. Bởi vậy, Bộ luật Dân sự Pháp có Điều 1843 áp dụng cho tất cả các tổ chức tư nhân có tư cách pháp nhân và Bộ luật Thương mại có Điều L-210-6 áp dụng cho trường hợp pháp nhân đang thành lập là công ty thương mại. Thật ra, các quy định tại các điều luật dẫn trên cũng chung chung như Điều 87 Bộ luật Dân sự Việt Nam. Cụ thể Điều 1843 Bộ luật Dân sự Pháp quy định “Những người giao dịch nhân danh một công ty đang thành lập trước khi công ty được đăng ký phải chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch, theo nguyên tắc liên đới nếu công ty được thành lập là công ty thương mại, không liên đới trong những trường hợp khác. Công ty được đăng ký hợp lệ có thể tiếp nhận các cam kết đã được xác lập và khi đó được coi là các cam kết được xác lập nhân danh công ty ngay từ đầu”<sup>2</sup>. Các quy định tại Điều L-210-6 của Bộ luật Thương mại cũng có nội dung tương tự.

---

<sup>2</sup> Nguyên bản Điều 1843 Bộ luật Dân sự Pháp: “Les personnes qui ont agi au nom d'une société en formation avant l'immatriculation sont tenues des obligations nées des actes ainsi accomplis, avec solidarité si la société est commerciale, sans solidarité dans les autres cas. La société régulièrement immatriculée peut reprendre les engagements souscrits, qui sont alors réputés avoir été dès l'origine contractés par celle-ci”.

Tuy nhiên, học thuyết pháp lý và nhất là thực tiễn xét xử cũng như thực tiễn ngoại tư pháp can thiệp rất tích cực để xây dựng và hoàn thiện khung chuẩn mực ứng xử của các bên liên quan trong khuôn khổ các giao dịch loại này. Ngoài ra, cơ quan quản lý cũng ban hành văn bản lập quy để quy định chi tiết về điều kiện và thể thức chuyển giao các giao dịch này.

**Điều kiện xác lập giao dịch vì lợi ích của công ty đang thành lập.** Cũng như người làm luật Việt Nam, người làm luật của Pháp, khi đề cập đến các giao dịch được xác lập vì lợi ích của công ty đang hình thành, sử dụng từ “giao dịch” (acte). Tuy nhiên, thực tiễn có xu hướng giới hạn việc áp dụng các quy định của luật viết đối với các hợp đồng; các giao dịch đơn phương, như hứa thưởng, không thuộc phạm vi điều chỉnh của các quy định này.

Về tính chất<sup>3</sup>, giao dịch được xác lập nhân danh và vì lợi ích của công ty đang thành lập phải mang các yếu tố nhận dạng đặc trưng.

Thứ nhất, giao dịch được xác lập nhằm mục đích chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho sự ra đời và hoạt động tương lai của công ty đang hình thành. Ví dụ, thuê nhà để chuẩn bị trụ sở của công ty tương lai; mua sắm trang thiết bị để lắp đặt tại trụ sở công ty tương lai;...

Thứ hai, có ghi nhận rõ ràng trong văn bản giao dịch theo đó giao dịch được xác lập nhân danh và vì lợi ích của công ty đang thành lập. Các thông tin về công ty trong tương lai phải đầy đủ và chính xác cho phép nhận diện công ty chịu trách nhiệm thực hiện giao dịch sau này mà không sợ nhầm lẫn, bao gồm tên công ty, loại hình công ty, trụ sở dự kiến.

**Thủ tục tiếp nhận giao dịch.** Luật và thực tiễn phân biệt hai loại giao dịch được xác lập nhân danh và vì lợi ích của công ty đang thành lập: giao dịch được xác lập trước khi điều lệ công ty được ký thông qua và giao dịch được xác lập giữa thời điểm ký thông qua điều lệ và thời điểm đăng ký công ty. Tuy nhiên, còn loại thứ ba là giao dịch được xác lập trước khi công ty được đăng ký nhưng vì lý do gì đó không được tiếp nhận theo thể thức thông thường; sau khi công ty được đăng ký, vấn đề tiếp nhận giao dịch này mới được đặt ra.

Giao dịch được xác lập trước khi các sáng lập viên ký thông qua điều lệ công ty. Theo Sắc lệnh ngày 3/7/1978 Điều 6 khoản 1 và 2, các giao dịch xác lập nhân danh công ty phải được liệt kê trong một bản danh sách đính kèm theo điều lệ công ty. Các sáng lập viên ký điều lệ công ty và đính kèm danh sách các giao dịch được xác lập vì lợi ích của công ty đang thành lập vào điều lệ đã được ký hàm ý việc công ty phê duyệt các giao dịch này và thừa nhận đó là các giao dịch được xác lập nhân danh công ty

Giao dịch được xác lập trong khoảng thời gian giữa thời điểm ký điều lệ và thời điểm đăng ký công ty. Việc xác lập giao dịch vì lợi ích của công ty đang thành lập trong khoảng

---

<sup>3</sup> Xem, Ph. Merle, Droit commercial – Sociétés commerciales, Dalloz, Paris 2008, tr. 111.

thời gian giữa thời điểm ký điều lệ công ty và thời điểm đăng ký công ty được điều chỉnh bởi Sắc lệnh ngày 3/7/1978 Điều 6 khoản 3. Theo đó, các sáng lập viên có thể ủy quyền, bằng một điều khoản trong điều lệ công ty hoặc một văn bản độc lập, cho một hoặc nhiều người trong số họ hoặc cho người được thuê làm giám đốc của công ty trách nhiệm hữu hạn xác lập giao dịch. Việc công ty tiếp nhận giao dịch loại này được thực hiện theo thể thức ghi nhận tại giấy ủy quyền và việc công ty hoàn tất đăng ký hàm ý sự tiếp nhận đầy đủ các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch

Trường hợp vì lý do gì đó mà việc tiếp nhận giao dịch không thể được thực hiện theo các thể thức kể trên, thì công ty vẫn có thể tiếp nhận giao dịch này sau thời điểm đăng ký. Theo Sắc lệnh ngày 3/7/1978 Điều 6 khoản 4, việc tiếp nhận này mang tính ngoại lệ, được ghi nhận bằng một nghị quyết của công ty với sự tán thành của đa số thành viên, trừ trường hợp điều lệ công ty ghi nhận tỷ lệ khác.

**Hiệu lực của việc tiếp nhận.** Luật quy định trường hợp giao dịch được công ty tiếp nhận hợp lệ, thì giao dịch được coi như do chính công ty xác lập ngay từ đầu (Bộ luật Thương Mại Điều L-210- 6). Nói cách khác, việc tiếp nhận giao dịch có hiệu lực hồi tố. Nếu giao dịch thuộc loại phải chịu lệ phí trước bạ và lệ phí đã được nộp, thì công ty không phải chịu lệ phí trước bạ lần nữa do tiếp nhận giao dịch.

Trường hợp công ty từ chối tiếp nhận các giao dịch xác lập nhân danh công ty đang thành lập thì tất nhiên, người chịu trách nhiệm thực hiện các giao dịch này vẫn là người đã xác lập giao dịch. Theo BLDS Pháp Điều 1843, những người xác lập giao dịch vì lợi ích của một công ty đang thành lập phải liên đới chịu trách nhiệm về việc thực hiện giao dịch cho đến khi công ty tiếp nhận giao dịch một cách hợp lệ. Điều đó có nghĩa là nếu công ty không tiếp nhận giao dịch, thì trách nhiệm của người xác lập giao dịch đối với việc thực hiện giao dịch vốn đã được thừa nhận sẽ tiếp tục được ghi nhận không gián đoạn. Người này có quyền yêu cầu tòa án buộc công ty phải tiếp nhận và thực hiện các giao dịch. Tòa án quyết định trên cơ sở xem xét, đánh giá các chứng cứ liên quan.

**Vai trò của công chứng viên.** Hợp đồng xác lập vì lợi ích của công ty đang thành lập không thuộc diện bắt buộc công chứng theo luật của Pháp, trừ những trường hợp công chứng là cần thiết do bản chất của giao dịch (như mua bán bất động sản, thế chấp tài sản,...). Tuy nhiên, thực tiễn ghi nhận sự cần thiết của việc công chứng hợp đồng loại này nhằm bảo đảm phòng ngừa rủi ro cho các bên liên quan<sup>4</sup>. Trên thực tế, các giao dịch quan trọng, có giá trị lớn, đều được công chứng.

---

<sup>4</sup> Xem, ví dụ: <https://137notaires.com/promesse-de-vente-et-societe-en-formation-la-vigilance-du-redacteur-dacte-est-de-rigueur/>, truy cập ngày 31/7/2024.

Với vai trò người bảo đảm tính xác thực của giao dịch, công chứng viên có điều kiện và có trách nhiệm hỗ trợ các bên trong việc bảo đảm giá trị chứng cứ, cũng như sự an toàn của giao dịch: ngày giao dịch được xác định; các quyền và nghĩa vụ của các bên được minh định và không trái luật Bên cạnh đó, việc xác lập hợp đồng dưới hình thức văn bản công chứng có tác dụng bảo đảm việc thực hiện hợp đồng như một bản án<sup>5</sup>. Điều này có tác dụng đơn giản hóa việc cưỡng chế thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng: bên bị vi phạm chỉ cần xuất trình cho cơ quan thi hành án bằng chứng về việc bên kia vi phạm nghĩa vụ, cùng với bản sao văn bản công chứng hợp đồng; cơ quan thi hành án có trách nhiệm tiến hành thủ tục bắt buộc thực hiện hợp đồng theo cùng một cách như bắt buộc thi hành bản án có hiệu lực pháp luật.

## 2.2. Luật của Úc

**Cơ sở pháp lý.** Hợp đồng xác lập vì lợi ích của một công ty đang hình thành (được gọi là pre- registration contract). Giao dịch được xác lập vì lợi ích của công ty đang thành lập được điều chỉnh bởi Luật Công ty năm 2001 (Corporations Act 2001).

**Điều kiện, thể thức và hiệu lực của việc tiếp nhận giao dịch<sup>6</sup>.** Giao dịch có thể được công ty đang thành lập tiếp nhận sau khi được đăng ký thành lập hợp lệ phải thỏa mãn các điều kiện sau đây (Điều 131 (1) Luật Công ty năm 2001).

Thứ nhất, giao dịch phải được xác lập trước khi công ty được đăng ký thành lập Người giao dịch phải minh định ý chí của mình là xác lập giao dịch nhân danh hoặc vì lợi ích của công ty đang thành lập. Giao dịch phải ghi nhận rõ lại lịch công ty, bao gồm tên, loại hình, trụ sở dự kiến của công ty tương lai.

Thứ hai, công ty đang thành lập phải có thể được nhận dạng một cách hợp lý. Trên nguyên tắc, công ty sau khi đăng ký phải mang đúng tên như được ghi nhận trong giao dịch. Trường hợp công ty mang tên khác thì phải có đầy đủ các dấu hiệu cho thấy công ty này chính là công ty đã được nhắc đến ở thời điểm xác lập giao dịch.

Trong trường hợp công ty được chính thức thành lập, nghĩa là được đăng ký hợp lệ (registered), và phê chuẩn giao dịch thì giao dịch được coi là giao dịch do công ty xác lập. Luật không quy định thời hạn phê chuẩn giao dịch. Theo học thuyết, việc phê chuẩn phải được thực hiện trong thời hạn hợp lý. Học thuyết và án lệ cũng thừa nhận rằng việc tiếp nhận giao dịch có thể được thực hiện một cách minh thị hoặc mặc nhiên bằng thái độ ứng xử của các bên liên quan<sup>7</sup>. Thời điểm có hiệu lực của việc tiếp nhận do các bên ấn định.

---

<sup>5</sup> Xem: Jean – Francois Pillebout và Jean Yaigre (2015), Droit professionnel notarial, LexisNexis, tr. 89 và 90.

<sup>6</sup> Xem: [https://lawcentral.com.au/LCNewsArchive/LCNewsIssueDetails\\_Public.asp?NormalViewIssueNumber=689](https://lawcentral.com.au/LCNewsArchive/LCNewsIssueDetails_Public.asp?NormalViewIssueNumber=689)

<sup>7</sup> Xem: <https://www.studocu.com/en-au/document/murdoch-university/company-law/aztech-science-pty-ltd-v-atlanta-aerospace-woy-woy-pty-ltd-and-another/75744292>

**Vai trò của công chứng viên.** Cũng như luật của Pháp, luật của Úc không quy định việc công chứng bắt buộc đối với giao dịch xác lập vì lợi ích của công ty đang thành lập. Luật chỉ quy định sự cần thiết của việc công chứng giao dịch do tính chất giao dịch. Theo luật hiện hành<sup>8</sup>, các giao dịch sau đây cần được công chứng.

- Lập văn bản trong giao dịch quốc tế, ví dụ, liên quan đến xuất khẩu hàng hóa qua biên giới;
- Ủy quyền;
- Cho thuê tài sản vì mục đích thương mại;
- Vay tiền;
- Tặng cho tài sản có giá trị lớn;
- Lập tờ khai danh dự;
- Lập chứng thư ngân hàng.

Trong trường hợp giao dịch mang tính chất như trên được xác lập vì lợi ích của công ty đang thành lập, thì sự can thiệp của công chứng viên sẽ giúp cho giao dịch có điều kiện được xác lập hợp lệ và được thực hiện suôn sẻ.

Khác với công chứng viên ở Pháp, công chứng viên ở Úc không chịu trách nhiệm về tính xác thực của nội dung giao dịch mà chỉ chịu trách nhiệm về tính xác thực của lai lịch bên giao dịch, ngày giao dịch và chữ ký của bên giao dịch<sup>9</sup>. Tuy nhiên, sự can thiệp của công chứng viên giúp văn bản giao dịch có giá trị chứng cứ, cũng như có tác dụng làm rõ nội dung quan hệ giữa các bên, từ đó tạo điều kiện để giao dịch được thực hiện suôn sẻ.

### **2.3. Luật của Bỉ**

**Cơ sở pháp lý.** Vấn đề tiếp nhận giao dịch được xác lập vì lợi ích của công ty đang thành lập được quy định tại Điều 60 Bộ luật Công ty. So với luật của Pháp, các quy định mang tính nguyên tắc trong luật của Bỉ có nội dung về cơ bản giống nhau. Luật của Bỉ không có quy định chi tiết trong văn bản lập quy về điều kiện và thể thức tiếp nhận giao dịch.

**Điều kiện, thể thức và hiệu lực của việc tiếp nhận giao dịch.** Theo Điều 60 Bộ luật Công ty, giao dịch được xác lập vì lợi ích của công ty đang thành lập, trên nguyên tắc, ràng buộc những người xác lập giao dịch một cách liên đới. Tuy nhiên, giao dịch sẽ được coi là của công ty ngay từ lúc được xác lập với hai điều kiện: thứ nhất, công ty hoàn tất việc đăng ký thành lập trong vòng hai năm kể từ ngày giao dịch được xác lập; thứ hai, công ty xác nhận

---

<sup>8</sup> Xem: <https://legalvision.com.au/notarised-document-australia/>, truy cập ngày 01/8/2024.

<sup>9</sup> Xem: <https://legalvision.com.au/what-is-a-notary-public/>, truy cập ngày 05/8/2024.

việc tiếp nhận giao dịch trong vòng hai tháng kể từ ngày công ty được đăng ký.

**Vai trò của công chứng viên.** Luật của Bỉ đặc biệt coi trọng vai trò của công chứng viên trong việc thành lập và đăng ký công ty. Theo Bộ luật Công ty và Hội, Điều 2.6, trường hợp thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần thì toàn bộ giấy tờ thành lập công ty phải được lập bằng văn bản công chứng và công chứng viên chịu trách nhiệm tiến hành thủ tục đăng ký thành lập<sup>10</sup>. Điều đó cũng có nghĩa rằng các giao dịch, đặc biệt là các hợp đồng, được xác lập vì lợi ích của công ty đang thành lập phải có hình thức văn bản được công chứng. Công chứng viên ở Bỉ, giống như công chứng viên ở Pháp, chịu trách nhiệm về nội dung của văn bản công chứng<sup>11</sup>. Quy định như thế cho phép công chứng viên can thiệp nhằm bảo đảm tính xác thực và tính hợp pháp của giao dịch.

### 3. Bài học nào cho Việt Nam?

**Hoàn thiện cơ sở pháp lý.** Như đã nêu ở trên, Bộ luật Dân sự và Luật Doanh nghiệp đã có những quy định mang tính nguyên tắc liên quan đến việc xác lập giao dịch nhân danh công ty trong giai đoạn thành lập và đăng ký hoạt động. Cần có các quy định cụ thể về điều kiện và thể thức tiếp nhận nhận các giao dịch này. Các quy định cụ thể này có thể được ghi nhận trong một nghị định chính phủ. Riêng việc công chứng giao dịch loại này cần được chính thức ghi nhận trong Luật Công chứng.

**Quy định rõ các điều kiện, thể thức và hiệu lực của việc tiếp nhận giao dịch.** Cần có quy định rõ ràng trong văn bản lập quy về điều kiện để một giao dịch, cụ thể là hợp đồng, được coi là được xác lập vì lợi ích của một công ty trong giai đoạn thành lập và đăng ký hoạt động. Có thể vận dụng kinh nghiệm của Pháp ở điểm này: bên giao dịch phải tuyên bố rành mạch về việc xác lập giao dịch vì lợi ích của công ty X, Y gì đó đang hình thành. Tên gọi công ty phải được ghi rõ (bao gồm loại hình tổ chức và tên riêng); trụ sở dự kiến của công ty cũng phải được ghi rõ. Có trường hợp lúc đầu, công ty được dự kiến mang tên nhất định, đặt trụ sở tại một nơi nhất định; nhưng cuối cùng, sau khi đăng ký, lại mang tên khác, đặt trụ sở ở một nơi khác. Việc tiếp nhận giao dịch trong các trường hợp này vẫn có thể được thực hiện nhờ sự xác nhận của các bên liên quan.

Thể thức tiếp nhận giao dịch vì lợi ích của cần được quy định rõ để tránh tranh cãi. Chẳng hạn, cần có nghị quyết phê chuẩn của hội đồng thành viên công ty; cũng cần ấn định thời hạn tối đa để công ty xác nhận việc tiếp nhận giao dịch, như luật của Bỉ.

Liên quan đến hiệu lực của việc tiếp nhận giao dịch được xác lập vì lợi ích của công ty

---

<sup>10</sup> <https://www.notaire.be/faq/entreprendre/quel-est-le-role-du-notaire-lorsque-je-constitue-une-societe%20,%20truy%20c%E1%BA%ADp%20ng%C3%A0y%2003/8/2024>.

<sup>11</sup> <https://www.notaire.be/le-notaire/quel-est-le-role-du-notaire,%20truy%20c%E1%BA%ADp%20ng%C3%A0y.%2003/8/2024>.

đang thành lập, quy định tại Luật Doanh nghiệp Điều 18 khoản 2 rất khó áp dụng và dễ dẫn đến tranh chấp. Tốt nhất là quy định như luật của Pháp: một khi công ty tiếp nhận giao dịch, thì giao dịch coi như được công ty xác lập ngay từ đầu. Tất cả các nghĩa vụ của bên giao dịch nhân danh công ty là nghĩa vụ của công ty ngay từ lúc mới phát sinh do hiệu lực của giao dịch. Để có được điều này tất nhiên cần sửa Luật Doanh nghiệp. Trong bối cảnh áp dụng các quy định của Luật Doanh nghiệp như hiện tại, các bên giao dịch nên thỏa thuận theo đó, việc hoàn tất đăng ký công ty mặc nhiên có tác dụng chuyển giao các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch cho công ty.

**Xác định vai trò của công chứng viên trong việc xác lập giao dịch vì lợi ích của công ty đang hình thành.** Không nhất thiết ghi nhận vai trò trung tâm của công chứng viên trong thực hiện thủ tục thành lập công ty như trong luật của Bỉ. Tuy nhiên, từ kinh nghiệm của các nước và trong điều kiện có sự tương đồng trong việc xây dựng chế định công chứng giữa Việt Nam và một số nước, vai trò của công chứng viên đối với giao dịch được xác lập vì lợi ích của công ty đang thành lập là không thể thiếu. Sự can thiệp của công chứng viên sẽ giúp cho giao dịch có được sự chặt chẽ về nội dung, góp phần ngăn chặn tranh chấp đáng tiếc.

Cần chính thức ghi nhận, trong Luật Công chứng, việc công chứng giao dịch, hay cụ thể hơn nữa là hợp đồng, được xác lập nhân danh công ty đang trong quá trình thành lập và đăng ký hoạt động là việc thuộc chức năng nghề nghiệp của công chứng viên.

Với sự ghi nhận như thế, thì đương nhiên công chứng viên, khi công chứng hợp đồng loại này, phải chịu trách nhiệm về tính xác thực (và cả tính hợp pháp) của nội dung giao dịch, ngày giao dịch, lai lịch, năng lực và chữ ký của các bên giao dịch. Văn bản hợp đồng được công chứng có giá trị chứng cứ vượt trội và trở thành căn cứ vững chắc để đánh giá hành vi ứng xử của các bên trong khuôn khổ thực hiện giao dịch, cũng như để giải quyết tranh chấp, nếu có.



# XÁC THỰC THÔNG TIN KHI THÀNH LẬP CÔNG TY TẠI LUXEMBOURG

**CCV. Trần Thị Hằng**

*Trưởng Văn phòng Công chứng Phan Thị Kim Cúc*

## **Tóm tắt:**

Công ty là sản phẩm của hợp đồng hay còn gọi là khế ước lập hội. Công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn là những pháp nhân được tạo lập bởi ý chí của một hoặc nhiều con người cụ thể, có tài sản độc lập với cá nhân, pháp nhân khác và chỉ chịu trách nhiệm hữu hạn bằng tài sản đó. Bài viết này phân tích, đánh giá các quy định pháp luật của Luxembourg về công ty có tính chất chịu trách nhiệm hữu hạn từ đó tìm ra những điểm phù hợp về quy định xác thực thông tin của công ty có thể học hỏi để hoàn thiện các quy định pháp luật hiện hành ở Việt Nam.

**Từ khóa:** xác thực, thông tin thành lập công ty, chứng thư thành lập công ty, lạm dụng pháp nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn.

## **Abstract:**

*A company is a product of a contract, also known as a the deed of incorporation. Joint stock companies and limited liability companies are legal entities created by the will of one or more specific people, have assets independent of founder and legal entities, and are only limited liability. This article analyzes and evaluates Luxembourg's legal regulations on limited liability companies, thereby finding appropriate points about the company's information authentication regulations and makes some recommendations to improve the current legal regulations in Vietnam.*

**Keywords:** *authentication, company establishment information, the deed of incorporation, abuse of legal entities, joint stock companies, limited liability companies.*

**SA: Công ty đại chúng**

**SARL: Công ty TNHH**

## **1. Dẫn nhập**

Luật Công ty “suy cho cùng là khuyến khích mọi người dân đầu tư vốn, tham gia kinh doanh”<sup>1</sup>. Theo quan điểm “sinh tồn rồi mới khi sinh lời”, để thực hiện được điều này thì trước

---

<sup>1</sup> Phạm Duy Nghĩa (2011), Giáo trình Luật kinh tế (tái bản lần ba) NXB Công an nhân dân, tr.162.

tiên các quy định phải đảm bảo việc góp vốn được an toàn, sau đó mới tính tới sinh ra lợi nhuận.

“Công ty là một hợp đồng”, công ty ở Việt Nam hiện nay hoạt động theo cơ chế hợp đồng, điều lệ công ty là một bản hợp đồng quan trọng, có giá trị lớn, ảnh hưởng đến quyền lợi của nhiều người, bao gồm cả thành viên góp vốn, các thành viên khác và quyền lợi của các bên thứ ba trong một chừng mực nhất định khi giao dịch với công ty.

Vậy những giao dịch dân sự nhằm hình thành nên công ty cũng như việc sáp nhập, thay đổi công ty có nên thực hiện công chứng bắt buộc hay không? Việc chứng nhận điều lệ công ty và các văn bản thỏa thuận của các cổ đông, thành viên góp vốn, thành viên hợp danh, nhằm tránh tình trạng giả mạo chữ ký trong các hồ sơ, tài liệu khi thành lập công ty hoặc khi quyết định các vấn đề quan trọng khác của công ty, từ đó hạn chế việc khai không vốn điều lệ, hợp thức hóa các hành vi rửa tiền, mua bán hóa đơn thông qua việc thành lập không công ty và việc lạm quyền của người đại diện theo pháp luật của công ty có cần thiết hay không?<sup>2</sup>

Để tham khảo kinh nghiệm lập pháp của các quốc gia phát triển trong bài viết tác giả sẽ giới thiệu quy định về xác thực thông tin công ty khi thành lập công ty tại Luxembourg.

## **2. Lý do nghiên cứu quy định về thành lập công ty tại Luxembourg:**

Tác giả chọn nghiên cứu quy định về thành lập công ty tại Luxembourg bởi Luxembourg là một thành viên của Liên Minh Châu Âu (EU) và bởi vì các lý do sau:

### **2.1 Thành lập công ty tại Luxembourg có sự tham gia của công chứng viên:**

Đối với các loại hình công ty có sự tách bạch chặt chẽ giữa tài sản cá nhân và tài sản của công ty yêu cầu bắt buộc khi thành lập công ty là thông qua văn bản công chứng. Các thỏa thuận, hay điều lệ để giúp hình thành được các loại công ty này đều có sự tham gia của công chứng viên.

### **2.2 Quy định về xác thực thông tin danh nghiệp của Luxembourg có tính ổn định và lịch sử lâu đời.**

Ngày 10/8/1915 Luxembourg ban hành luật công ty thương mại, luật này hiện vẫn được sử dụng cho tới hiện nay (có sửa đổi bổ sung)<sup>3</sup>. Trải qua lịch sử hơn 100 năm các quy định về thành lập công ty đã giúp tạo nên một môi trường kinh doanh hấp dẫn.

Luxembourg nổi tiếng với lịch sử lâu dài về sự ổn định chính trị, với cam kết mạnh mẽ đối với các nguyên tắc dân chủ và hệ thống pháp luật đáng tin cậy. Hơn nữa, Luxembourg tự

---

<sup>2</sup> <https://quochoi.vn/hoatdongcuquochoi/cackyhopquochoi/quochoikhoaXIII/Pages/danh-sach-ky-hop.aspx?ItemID=87620&CategoryId=0> truy cập ngày 21/8/2024

<sup>3</sup> <https://incorporations.io/companies-act/luxembourg>

hào có một xã hội hòa bình và toàn diện, với mức sống cao và tỷ lệ tội phạm thấp. Sự ổn định xã hội này thu hút lực lượng lao động có tay nghề và tài năng. Với vị thế là một trung tâm tài chính toàn cầu, Luxembourg tự hào có lực lượng lao động đa dạng và đa văn hóa. Đất nước này thu hút một lượng lớn người nước ngoài mang kỹ năng, kinh nghiệm và quan điểm của họ đến nơi làm việc. Lực lượng lao động đa văn hóa này thúc đẩy sự sáng tạo, đổi mới và hợp tác quốc tế.

Trong khi tiếng Anh được sử dụng rộng rãi trong bối cảnh kinh doanh, Luxembourg có ba ngôn ngữ chính thức: tiếng Pháp, tiếng Đức và tiếng Luxembourg. Sự đa dạng phát triển của nền kinh tế với sự đóng góp lớn của các công ty đã tạo nên một nguồn lao động đa ngôn ngữ với nhiều nền văn hóa khác nhau.<sup>4</sup>

### **2.3. Luxembourg là trung tâm tài chính được quốc tế công nhận**

Trung tâm tài chính của Luxembourg là một trong những trung tâm tài chính quốc tế lớn nhất trên thế giới. Ngành tài chính của đất nước này có danh tiếng tuyệt vời, thu hút các nhà đầu tư và công ty toàn cầu. Trên thực tế, hoạt động quốc tế chiếm một phần đáng kể, khoảng 60%, trong tổng hoạt động tài chính của Luxembourg.

Sức mạnh tài chính của Luxembourg cho phép các công ty huy động được nguồn vốn và đầu tư đáng kể. Tùy chọn niêm yết trái phiếu trên Sàn giao dịch chứng khoán Luxembourg cung cấp cho các công ty quyền tiếp cận nhiều cơ hội tài trợ. Là minh chứng cho sự nổi bật về tài chính của mình, Luxembourg là trung tâm quỹ đầu tư lớn thứ hai trên toàn cầu.

Sự phát triển kinh tế tài chính như hiện nay của Luxembourg không thể không kể đến những quy định về thành lập công ty đã được thực hiện hàng thế kỷ tại quốc gia này.

### **3. Các hoạt động của công chứng viên có liên quan tới thành lập và hoạt động của công ty tại Luxembourg.**

Để giảm thiểu rủi ro, nhiều doanh nhân chọn thành lập một công ty có sự phân tách chặt chẽ giữa tài sản cá nhân và tài sản của công ty. Trong trường hợp này, trách nhiệm pháp lý của các đối tác được giới hạn ở số tiền đóng góp của họ. Hai hình thức công ty được thành lập phổ biến tại Luxembourg gồm:

Công ty Đại chúng (société anonyme -SA) được thành lập thông qua việc **lập văn bản công chứng**<sup>5</sup>. Số vốn tối thiểu €30.000 phải được đăng ký đầy đủ và thanh toán lên tới 25% (€7.500) khi thành lập công ty. Loại hình SA cho phép sự xuất hiện của các cổ đông mới cũng

---

<sup>4</sup> <https://www.ocorian.com/insights-news-press-releases/four-reasons-why-companies-incorporate-luxembourg> truy cập ngày 21/8/2024.

<sup>5</sup> Điều 4 Luật công ty 1915 (sửa đổi bổ sung): Luật công ty Luxembourg ngày 10/8/1915 được sửa đổi bổ sung và tổng hợp tại <https://incorporations.io/companies-act/luxembourg>

nhu khả năng tiếp cận thị trường vốn. Theo thống kê riêng. Theo thống kê của House of Entrepreneurship trong năm 2017 có khoảng 8.500 SA đăng ký tại Luxembourg.

Công ty trách nhiệm hữu hạn (société à responsabilité limitée - SARL) cũng phải được thành lập thông qua việc **lập văn bản công chứng**<sup>6</sup>. Vốn tối thiểu €12.000 phải được đăng ký và thanh toán đầy đủ tại thời điểm thành lập công ty. Một lợi thế của SARL là các cổ đông ban đầu được cấp quyền kiểm soát lớn hơn quyền sở hữu cổ phiếu vì chúng không thể được giao dịch tự do. Cũng theo thống kê do House of Entrepreneurship trong năm 2017 có khoảng 18.000 SARL đăng ký tại Luxembourg

Theo số liệu trên có thể thấy số lượng công ty đại chúng và TNHH được thành lập tại Luxembourg rất lớn, việc thành lập công ty một cách chặt chẽ khi công ty đại chúng và công ty TNHH chỉ được thành lập bằng văn bản công chứng. Nếu việc thỏa thuận của các thành viên công ty không thỏa mãn điều kiện được chứng nhận bởi công chứng viên thì các công ty này sẽ không được công nhận sự tồn tại.<sup>7</sup>

Một công ty có thể được thành lập bởi nhiều một hoặc nhiều văn bản thỏa thuận thành lập có công chứng.<sup>8</sup> Công ty cũng có thể được thành lập bằng cách đăng ký. Nhưng trước đó chứng thư thành lập công ty phải được lập trước dưới dạng chứng thư công chứng và được công bố dưới dạng dự thảo. Các bên tham gia giao dịch đó sẽ được coi là người sáng lập công ty.<sup>9</sup>

Việc tăng vốn sẽ được ghi vào văn bản công chứng, được lập theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban điều hành, nếu phù hợp, khi xuất trình các tài liệu chứng minh việc đăng ký và thanh toán, trong trường hợp tăng vốn bằng hình thức đăng ký hoặc theo sự ủy quyền quy định tại Điều 32. Chứng thư công chứng phải được lập trong vòng một tháng kể từ khi kết thúc thời hạn đăng ký hoặc trong vòng ba tháng kể từ khi bắt đầu thời hạn đó.<sup>10</sup>

Việc chuyển nhượng cổ phần phải được lập thành công chứng thư hoặc tư chứng thư. Chúng không có giá trị ràng buộc đối với công ty và bên thứ ba cho đến khi được thông báo cho công ty hoặc được công ty chấp nhận theo quy định tại điều 1690 của Bộ luật Dân sự<sup>11</sup>.

Việc sáp nhập công ty cũng có sự hiện diện của công chứng viên theo quy định tại Điều 271 Luật công ty Luxembourg 1915 (sửa đổi bổ sung) như sau:

---

<sup>6</sup> Điều 4 Luật công ty 1915 (sửa đổi bổ sung)

<sup>7</sup> Điều 12ter Luật công ty 1915 (sửa đổi bổ sung)

<sup>8</sup> Điều 28 Luật công ty 1915 (sửa đổi bổ sung)

<sup>9</sup> Điều 29 Luật công ty 1915 (sửa đổi bổ sung)

<sup>10</sup> Điều 30 Luật công ty 1915 (sửa đổi bổ sung)

<sup>11</sup> Điều 190 Luật công ty 1915 (sửa đổi bổ sung)

*Biên bản đại hội quyết định việc sáp nhập được lập bằng chứng thư công chứng; điều tương tự cũng áp dụng cho dự án sáp nhập chung mà việc sáp nhập không cần phải được đại hội đồng cổ đông của tất cả các công ty sáp nhập chấp thuận.*

*Công chứng viên phải xác minh và chứng thực sự tồn tại và hợp pháp của các văn bản và thủ tục đương nhiệm đối với công ty mà trước đó họ đang điều hành và của dự án sáp nhập chung. Trong trường hợp một công ty Châu Âu (SE) được thành lập bằng cách sáp nhập hoặc trong trường hợp sáp nhập xuyên biên giới, công chứng viên sẽ cấp ngay giấy chứng nhận chứng thực một cách dứt khoát rằng các hành động và thủ tục trước khi sáp nhập có liên quan đến luật Luxembourg đơn vị đã được hoàn thành hợp lệ.*

Ngoài ra Luxembourg là một quốc gia thuộc Liên Minh Châu Âu nên các trường hợp sáp nhập công ty xuyên quốc gia cũng rất phổ biến. Trong những trường hợp này cũng có sự tham gia của Công chứng viên bên cạnh các quy định của Liên Minh Châu Âu về sáp nhập công ty.

Việc chia tách công ty được quy định tại Điều 300 Luật công ty Luxembourg 1915 (sửa đổi bổ sung) có sự tham gia của công chứng viên như sau:

*(1) Biên bản họp đại hội quyết định việc chia được lập bằng chứng thư công chứng; điều tương tự cũng áp dụng cho dự án phân chia mà việc phân chia không cần phải được thông qua bởi cuộc họp chung của tất cả các công ty tham gia vào phân chia.*

*(2) Công chứng viên phải xác minh và chứng thực sự tồn tại và tính hợp pháp của các văn bản và thủ tục đương nhiệm đối với công ty mà trước đó họ đang điều hành và của dự án phân chia.*

#### **4. Quy định về thành lập công ty thông qua văn bản công chứng tại Luxembourg.**

Việc thành lập một công ty đại chúng Luxembourg (société anonyme) (SA) hoặc một công ty trách nhiệm hữu hạn (SARL), thường yêu cầu các bước sau:

##### **4.1 Thành lập.**

- Kiểm tra xem tên công ty có sẵn tại Cơ quan đăng ký thương mại và công ty Luxembourg (Registre de Commerce et des Sociétés de Luxembourg – RCS).

- Mở tài khoản ngân hàng Luxembourg cho công ty đang được thành lập, trong đó số vốn cổ phần phải được ký gửi. Các khoản tiền sẽ bị phong tỏa cho đến khi công ty được thành lập. Vốn cổ phần cũng có thể được thanh toán bằng sự đóng góp bằng hiện vật, trong trường hợp đó có thể không cần phải có tài khoản ngân hàng để thành lập công ty.

- Trường hợp vốn thành lập được thanh toán bằng tiền mặt thì phải có xác nhận của ngân hàng (giấy chứng nhận) **gửi cho công chứng viên** xử lý việc thành lập rằng vốn cổ phần có sẵn để thành lập công ty.

- (Các) tuyên bố chống rửa tiền của (các) chủ sở hữu hưởng lợi cuối cùng của công ty.

- Soạn thảo điều lệ công ty (Điều lệ). Ngôn ngữ sử dụng có thể bằng tiếng Anh (có bản dịch bắt buộc sang tiếng Đức hoặc tiếng Pháp).

- Được sự đồng ý của (các) giám đốc/người quản lý và kiểm toán viên (nếu có) về việc bổ nhiệm khi thành lập công ty.

Việc thành lập công ty với sự **có mặt của công chứng viên Luxembourg** sau khi giấy chứng nhận vốn đã được ngân hàng chuyển cho công chứng viên. Thông thường, việc thành lập công ty được thực hiện bằng giấy ủy quyền của (các) cổ đông được chuyển cho công chứng viên. Công ty đi vào hoạt động ngay sau khi thành lập, kể từ ngày vốn cổ phần của công ty được phát hành và được cung cấp miễn phí cho công ty và các giám đốc/người quản lý có thể sử dụng nó để điều hành hoạt động kinh doanh của công ty. **Công chứng viên** cung cấp một chứng nhận gửi tới ngân hàng rằng công ty đã được thành lập và vốn cổ phần bị phong tỏa đã được giải phóng. Đồng thời, cuộc họp đại hội bất thường đầu tiên của (các) cổ đông của công ty được tổ chức để bổ nhiệm và xác định nhiệm kỳ giám đốc/người quản lý công ty.

- Công chứng viên sẽ gửi điều lệ của công ty lên RCS bằng phương thức điện tử trong vòng một tháng và chúng được xuất bản đầy đủ trên Tạp chí Điện tử của các Công ty và Hiệp hội Luxembourg (Recueil Electronique des Sociétés et Associations).

- Công ty phải tuân thủ luật Luxembourg ngày 13 tháng 1 năm 2019 về việc thiết lập sổ đăng ký chủ sở hữu hưởng lợi (Registre des Bénéficiaires Effectifs – RBE) và phải xác định, thu thập và duy trì thông tin cập nhật cụ thể liên quan đến (các) chủ sở hữu hưởng lợi và nộp hồ sơ thông tin đó với RBE trong vòng một tháng sau khi thành lập. Việc nộp lần đầu tiên trên RBE được thực hiện bởi **công chứng viên** thành lập công ty. RBE có thể được truy cập trực tuyến (với một số điều kiện nhất định) bởi các chuyên gia tuân theo luật Luxembourg ngày 12 tháng 11 năm 2004 về quy định chống rửa tiền và tài trợ khủng bố, đã được sửa đổi (Luật AML).

- Sau đó, hội đồng quản trị/người quản lý chỉ định các nhà cung cấp dịch vụ của mình.

#### **4.2 Văn bản điều lệ công ty**

Luật Luxembourg ngày 10 tháng 8 năm 1915 về các công ty thương mại, đã được sửa đổi (Luật Công ty), điều chỉnh các công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước và tư nhân cũng như nội dung bắt buộc của Điều lệ (và các tài liệu liên quan) cần thiết để thành lập SA hoặc SARL. Không có Điều lệ “mẫu” nào, mặc dù các nhà cung cấp dịch vụ địa phương đã tiêu chuẩn hóa

cấu trúc và cách soạn thảo Điều lệ. Cả luật pháp Luxembourg và thông lệ công ty đều dựa trên quyền tự do hợp đồng và có sự linh hoạt cao trong cách soạn thảo các Điều lệ của công ty Đại chúng và công ty trách nhiệm hữu hạn.

Việc sử dụng "công ty thực tế Self-company)" (nghĩa là các công ty được thành lập trước với các Điều khoản tiêu chuẩn) bị hạn chế sử dụng do yêu cầu phải thanh toán các chi phí của công ty trước khi thành lập. Các nhà đầu tư thường thích thành lập một công ty phù hợp với nhu cầu riêng của họ vì khi tài khoản ngân hàng của công ty được mở, công ty có thể được thành lập trong một khoảng thời gian ngắn. Điều lệ của SA hoặc SARL được công khai trên RCS. Thỏa thuận cổ đông thường được sử dụng ở Luxembourg và không được công bố. Một số điều khoản trong thỏa thuận của cổ đông có thể được đưa vào điều lệ.

### **4.3 Trụ sở của công ty**

Một công ty cần phải có địa chỉ đăng ký tại Luxembourg kể từ thời điểm thành lập. Tùy thuộc vào mức độ nội dung cần đạt được, công ty có thể ký thỏa thuận cư trú với đại lý cư trú được quản lý hoặc thuê văn phòng riêng và thực hiện các bước cần thiết để tuyển dụng nhân viên và/hoặc tổ chức thuê ngoài một số nhiệm vụ nhất định.

### **4.4 Giấy phép kinh doanh và các giấy phép khác**

Tùy thuộc vào mục đích của công ty, luật pháp Luxembourg có thể yêu cầu giấy phép kinh doanh và/hoặc sự cho phép trước để công ty thực hiện các hoạt động của mình. Tuy nhiên, không cần có giấy phép hoặc giấy phép kinh doanh đối với một công ty cổ phần thuần túy.

## **5. Kết luận**

Từ phân tích các quy định về công ty của Luxembourg cũng như các kết quả mà Luxembourg đạt được nên chăng Việt Nam cũng có thể học hỏi để xây dựng các quy định về công ty hiện nay.

### **5.1 Quy định về góp vốn:**

Vốn góp trong công ty phải được thực hiện xong trước khi công ty được đăng ký, đây là một yêu cầu quan trọng trong quá trình xem xét hồ sơ đăng ký thành lập công ty. Nếu thiếu công ty sẽ không được đăng ký thành lập. Nếu vốn góp bằng tiền được xác nhận bởi một ngân hàng nơi các chủ sở hữu phần vốn góp công ty gửi tiền, nếu tài sản bằng hiện vật có sự xác nhận của công chứng viên, quy định này nếu được áp dụng tại Việt Nam chắc chắn sẽ giảm được rất nhiều các công ty ma, công ty khai khống vốn như hiện nay.

### **5.2 Vai trò của công chứng trong việc xác thực thông tin.**

Luật công ty Luxembourg áp dụng rất nhiều các quy định có sự tham gia của công chứng viên trong quá trình đăng ký cũng như quá trình hoạt động sau khi công ty đã thực hiện đăng ký xong. Như vai trò của công chứng khi chứng nhận các hợp đồng thành lập công ty (kê ước lập hội), điều lệ, giao dịch sáp nhập, chia tách đối với công ty đại chúng và công ty cổ phần. Quy định này góp phần giảm thiểu hiện tượng lạm dụng pháp nhân trong hoạt động thương mại, tránh được các hành vi dùng màn “che công ty” để tạo ra trách nhiệm hữu hạn gây tổn hại cho những bên giao dịch với công ty.

Các công ty Việt Nam lạm dụng pháp nhân trong hoạt động thương mại không phải hiếm. Gần đây một số vụ việc đáng chú ý như: Bà Trương Mỹ Lan đã thành lập hơn 1000 công ty ma trong hệ sinh thái Vạn Thịnh Phát để đứng tên các khoản vay không, chuyển nhượng cổ phần, lấy pháp nhân góp vốn đầu tư các dự án<sup>12</sup>. Hay ông Trịnh Văn Quyết tập đoàn FLC đã tăng vốn không trong các công ty lên rất nhiều lần thao túng thị trường chứng khoán (năm 2017-2022). Tập đoàn FLC do ông Quyết thành lập, điều hành từ năm 2009, có 82 công ty, 5 mã cổ phiếu niêm yết trên sàn chứng khoán<sup>13</sup>.

Từ thực tiễn các vấn đề phát sinh trong hoạt động của các công ty Việt Nam có thể thấy rằng các quy định về thành lập công ty cũng cần sửa đổi để khắc phục được các vấn đề hiện nay. Một trong các biện pháp hữu hiệu đã cho thấy kết quả là sự tham gia của công chứng viên vào quá trình thành lập công ty. Đối với các giao dịch quan trọng như hợp đồng thành lập công ty, điều lệ, hay các hoạt động sáp nhập, chia tách công ty nên chẳng cần có sự chứng nhận của công chứng viên.

Vai trò của văn bản công chứng “Đảm bảo giá trị pháp lý và độ tin cậy cho hợp đồng, giao dịch, hành vi pháp lý”<sup>14</sup> cũng như “Phòng ngừa tranh chấp và giảm kiện tụng”<sup>15</sup>. Có thể thấy sự phù hợp khi áp dụng quy định về công chứng đối với các hợp đồng thành lập công ty (nếu có), điều lệ, sáp nhập, chia tách trong công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn tại Việt Nam. Hai hình thức công ty có sự tách bạch rõ ràng giữa tài sản của chủ công ty và tài sản của công ty có nên áp dụng các quy định về xác thực thông tin công ty để đảm bảo minh bạch thông tin và an toàn cho các chủ thể thi giao dịch với các loại hình công ty này.

---

<sup>12</sup> <https://thanhnien.vn/vai-tro-cua-hon-1000-cong-ty-ma-trong-tap-doan-van-thinh-phat-185240306104104415.htm> truy cập 31/08/2024

<sup>13</sup> <https://vnexpress.net/cac-doanh-nhan-ao-giup-trinh-van-quyet-gop-von-khong-nghin-ty-dong-4772868.html> truy cập 31/08/2024

<sup>14</sup> TS.CCV.Ninh Thị Hiền (2024), Hoạt động công chứng, những vấn đề lý luận và thực tiễn NXB Công an nhân dân, tr.200.

<sup>15</sup> TS.CCV.Ninh Thị Hiền (2024), tldd, tr202



# CÔNG CHỨNG HỒ SƠ DOANH NGHIỆP – KINH NGHIỆM MỘT SỐ QUỐC GIA CHÂU Á VÀ GỢI MỞ CHO VIỆT NAM

**TS. Phan Hoài Nam**

*Phó Trưởng Khoa Luật Quốc tế, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh*

**Huỳnh Thanh Thoảng**

*Cử nhân Luật Thương mại quốc tế TMQT45B*

**Dương Bạch Trúc Vy**

*Cử nhân Luật Thương mại quốc tế TMQT45B*

## **Tóm tắt:**

Theo thống kê của Bộ Kế Hoạch và Đầu tư ghi nhận số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập của cả nước mỗi năm đều có sự tăng trưởng nhất định, từ đó số doanh nghiệp đang hoạt động cũng tăng lên đáng kể. Tuy nhiên, tình trạng “công ty ma”, giả dạng chữ ký văn bản của doanh nghiệp hay lạm quyền của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ngày càng gia tăng xuất phát từ nguyên nhân thủ tục thông thoáng về thành lập doanh nghiệp cũng như không đặt ra yêu cầu công chứng đối với các thông tin trong quá trình hoạt động. Từ thực trạng trên đặt ra nhu cầu phải có cơ chế nâng cao tính xác thực cho hệ thống thông tin doanh nghiệp. Hai quốc gia châu Á thuộc trường phái công chứng La-tinh tương tự Việt Nam là Nhật Bản và Indonesia đã ghi nhận theo hướng bắt buộc công chứng đối với hồ sơ doanh nghiệp điển hình như điều lệ công ty. Trong phạm vi bài tham luận này, nhóm tác giả sẽ tập trung sơ khảo về quy định công chứng hồ sơ doanh nghiệp tại hai quốc gia, từ đó gợi mở kinh nghiệm cho Việt Nam trong bối cảnh góp ý cho Dự thảo Luật Công chứng sửa đổi trong tương lai.

**Từ khóa:** Công chứng, Indonesia, Nhật Bản, thông tin doanh nghiệp, xác thực

## **Abstract:**

*According to annual statistics published by the Ministry of Planning and Investment, the number of newly registered enterprises rose significantly, resulting in a rise in present enterprises. However, due to the loose procedure of setting up a new corporation and lack of mandatory enterprise documents notarization, shell entities, signatures forgery, or authority abuse happen more often. From the current situation, there is a need for mechanisms to enhance the accuracy of business information systems. Two Asian countries - Japan and Indonesia applying the Latin notary system similar to Vietnam have prescribed mandatory notarization for business documents, such as company charters. In this article, the authors will focus on a preliminary*

*overview of the regulations on notarizing business documents in these countries, thereby proposing some future experiences for Vietnam in the context of the Draft Amended Notary Law.*

**Keywords:** *Notarization, Japan, Indonesia, business information, authentication*

## **1. Đặt vấn đề**

Doanh nghiệp - lực lượng nòng cốt của kinh tế đất nước<sup>1</sup> ngày càng phát huy vai trò của mình trong việc phát triển kinh tế xã hội. Tuy nhiên không phải doanh nghiệp nào từ khi thành lập đến lúc hoạt động đều mang lại những tác động tích cực đến nền kinh tế và xã hội. Vụ án Vạn Thịnh Phát với hàng loạt hành vi làm giả hồ sơ doanh nghiệp, lập hồ sơ vay vốn không, thuê người đứng tên cổ phần là một trong những điển hình về tình trạng giả mạo chữ ký trong điều lệ doanh nghiệp, biên bản họp hội đồng quản trị, hội đồng thành viên và các văn bản nội bộ doanh nghiệp đã và đang diễn ra, dẫn đến nhiều vụ án liên quan và để lại hậu quả rất lớn trong thời gian qua.<sup>2</sup> Từ đại án trên, nhiều đại biểu Quốc hội đã đưa ra những ý kiến, quan điểm về các biện pháp tăng cường tính xác thực cho hồ sơ thành lập cũng như hồ sơ trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp, trong đó có phương án bắt buộc công chứng các loại tài liệu liên quan.

Trên thế giới, liên quan đến vấn đề trên, nhiều quốc gia áp dụng trường phái công chứng nội dung tại khu vực châu Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, Indonesia... đã quy định bắt buộc công chứng hồ sơ thành lập doanh nghiệp kèm theo các điều kiện tùy quốc gia như công chứng đối với hồ sơ của công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn. Quy định này thể hiện vai trò của công chứng viên (CCV) với tư cách “lá chắn” phòng ngừa các hành vi tiêu cực trong việc thành lập doanh nghiệp, bảo vệ quyền lợi của bên thứ ba khi giao dịch với các doanh nghiệp. Các quy định của các quốc gia châu Á theo đuổi cùng mô hình công chứng với Việt Nam như Nhật Bản, Indonesia đã mang lại các lợi ích nhất định. Do đó, việc tìm hiểu quy định và thực tiễn các quốc gia này sẽ mang đến các kinh nghiệm nhất định cho Việt Nam trong bối cảnh Dự thảo Luật Công chứng sửa đổi và đề xuất sửa đổi Luật Doanh nghiệp năm 2020.

## **2. Pháp luật các quốc gia châu Á về công chứng hồ sơ doanh nghiệp**

### **2.1 Quy định pháp luật Nhật Bản**

Pháp luật Công chứng Nhật Bản đặt ra yêu cầu công chứng đối với hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp. Điều 62-2 Luật Công chứng 1908 (sửa đổi, bổ sung 2023) thống nhất các

---

<sup>1</sup> Nguyễn Đức Kha (2021), “Phát triển doanh nghiệp Việt Nam lớn mạnh trở thành nòng cốt của kinh tế đất nước theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng”, *Tap chí Cộng sản điện tử*,

[<https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/824009/phat-trien-doanh-nghiep-viet-nam-lon-manh-tro-thanh-nong-cot-cua-kinh-te-dat-nuoc-theo-tinh-than-dai-hoi-xiii-cua-dang.aspx>] (truy cập ngày 03/8/2024).

<sup>2</sup> Hải An (2024), “Bắt buộc công chứng đối với hồ sơ thành lập doanh nghiệp”, [<https://daibieunhandan.vn/y-kien-dai-bieu/bat-buoc-cong-chung-doi-voi-ho-so-thanh-lap-doanh-nghiep-i377286/>] (truy cập ngày 03/8/2024).

yêu cầu tại Đạo Luật Công ty, Đạo luật về các hiệp hội hợp nhất chung và các tổ chức hợp nhất chung quy định hiệu lực của các điều khoản thành lập sẽ không được công nhận trừ khi chúng được công chứng bởi một CCV thuộc thẩm quyền của Bộ Tư Pháp. CCV là chuyên gia pháp lý được Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm trong số những người có liên quan đến công tác pháp luật như thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư, Giám đốc Bộ Tư pháp và thực hiện công chứng tại cơ quan công chứng. Yêu cầu được đặt ra đối với một số loại hình doanh nghiệp nhất định, cụ thể: Công ty cổ phần (Điều 30(1) Luật Công ty năm 2005 (sửa đổi, bổ sung 2020) ghi nhận việc thành lập công ty cổ phần sẽ không có hiệu lực trừ khi điều lệ của công ty phải được CCV chứng nhận<sup>3</sup>); Các hiệp hội hợp nhất chung và các quỹ hợp nhất chung; Công ty khảo sát đất đai và nhà ở, công ty tư vấn lao động, bảo hiểm xã hội, công ty luật, công ty kiểm toán,... Việc yêu cầu công chứng điều lệ không đặt ra yêu cầu đối với các loại hình công ty: Điều lệ của các loại công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty tương hỗ. Yêu cầu công chứng đối với điều lệ công ty cổ phần xuất phát từ lý do công ty cổ phần là loại công ty có sự phân biệt không rõ ràng về trách nhiệm và sự quản lý giữa nhiều thực thể, nên để khả năng phòng ngừa tranh chấp, gian lận sau thành lập thì yêu cầu công chứng được đặt ra.

Các điều khoản của công ty, về cơ bản là hiến pháp của một công ty (bắt buộc phải lập ra khi thành lập công ty), đặt ra các quy tắc để điều hành một công ty, được tạo ra với sự đồng ý của tất cả nhà sáng lập, là những quy định liên quan đến mục đích, tổ chức và hoạt động nội bộ của nó, bao gồm các tài liệu được viết hoặc ghi lại hoặc các bản ghi điện tử.<sup>4</sup> Khi thành lập các loại hình công ty trên nhất thiết phải được CCV chứng nhận. Tuy nhiên, chỉ điều lệ công ty tại thời điểm thành lập (còn được gọi là điều lệ ban đầu của công ty) mới cần được CCV chứng nhận và không yêu cầu chứng nhận của công chứng đối với những thay đổi của điều lệ sau khi đăng ký thành lập tại Cục Pháp chế. Công chứng điều lệ công ty là bước để CCV xác thực nội dung các điều khoản của công ty từ đó xác nhận rằng các điều khoản của công ty đã được tạo ra thông qua các thủ tục phù hợp, nội dung rõ ràng và hợp pháp. Công việc liên quan đến việc xác thực này chỉ có thể được chứng nhận bởi một CCV thuộc Phòng Pháp chế hoặc Phòng Pháp chế Quận có thẩm quyền đối với địa điểm đặt trụ sở chính của công ty.<sup>5</sup>

Do sửa đổi một phần Pháp lệnh thi hành luật công chứng, từ ngày 30 tháng 11 năm 2018, những người yêu cầu chứng nhận các điều khoản thành lập công ty cổ phần, hiệp hội thành lập chung hoặc tổ chức hợp nhất chung hiện nay phải tuyên bố cho CCV tên, địa chỉ, ngày sinh,... của người sẽ là chủ sở hữu hưởng lợi tại thời điểm thành lập công ty, cũng như

---

<sup>3</sup> Điều 30 (1) Luật Công ty.

<sup>4</sup> 公証人連合会, [[https://www.koshonin.gr.jp/notary/ow09\\_4](https://www.koshonin.gr.jp/notary/ow09_4)] (truy cập ngày 05/8/2024).

<sup>5</sup> Điều 62-2 Luật Công chứng.

xác định liệu người đó có phải là thành viên của một nhóm tội phạm có tổ chức và/hoặc khủng bố quốc tế tại thời điểm thành lập pháp nhân.

Các điều khoản thành lập được chứng nhận bởi CCV kết hợp với phân sửa đổi Pháp lệnh là biện pháp nhằm tăng cường tính minh bạch của các pháp nhân, chống rửa tiền bằng cách xác định các chủ sở hữu nắm quyền kiểm soát của họ, ngăn chặn các tranh chấp sau khi thành lập công ty,... ngoài ra còn có thể ngăn chặn các doanh nghiệp khởi nghiệp, thành lập công ty lừa đảo. Hơn nữa, điều lệ của công ty cổ phần cần được công chứng xuất phát từ hai lý do: (i) so với các hình thức công ty khác (công ty trách nhiệm hữu hạn, v.v.), công ty cổ phần cần bảo vệ lợi ích của một số bên liên quan không xác định và (ii) nếu các điều khoản thành lập ban đầu là bất hợp pháp thì sẽ có nguy cơ gây ảnh hưởng pháp lý nghiêm trọng như việc thành lập vô hiệu hoặc công ty không tồn tại so với những thay đổi đối với các điều khoản thành lập sau khi thành lập.<sup>6</sup>

Pháp luật Nhật Bản cho phép điều lệ công ty tồn tại dưới hai dạng: văn bản và điện tử. Từ năm 2002, các điều khoản của công ty đã được chấp nhận và từ đó có thể đăng ký chứng nhận các điều khoản của công ty thông qua phương thức trực tuyến hoặc trực tiếp. Có hai cách để gửi các điều khoản của công ty: tài liệu in/đóng bìa giấy và tài liệu điện tử (tệp PDF), tùy theo phương thức đăng ký chứng nhận mà các chi phí liên quan đến thủ tục chứng nhận sẽ khác nhau. Mặc dù tồn tại hai phương thức nhưng nhìn chung, những tài liệu cần để chứng nhận điều lệ công ty sẽ bao gồm: 02 bản sao của các điều khoản công ty (Điều 62-3 Luật Công chứng); Giấy chứng nhận chữ ký, con dấu của tổ chức thành lập; Trường hợp người sáng lập là công ty thì phải có bản sao có chứng thực sở đăng ký của công ty cùng với giấy chứng nhận đăng ký con dấu của người đại diện.

Một quy trình chính của thủ tục chứng nhận các điều khoản của công ty gồm các bước. Đầu tiên là thủ tục tư vấn, kiểm tra trước: Người được ủy quyền tham khảo trước ý kiến của CCV bằng bất kỳ phương thức nào (điện thoại, email, v.v.); Nội dung các điều lệ công ty đã được hoàn thiện sau khi được nhắc nhở và tư vấn sửa đổi. Tiếp đến người được ủy quyền ký và đóng dấu điều lệ công ty (điều lệ công ty bằng giấy) hoặc ký điện tử (điều lệ công ty điện tử). Người có yêu cầu sẽ mang điều lệ công ty đến cơ quan công chứng (điều lệ công ty bằng giấy) hoặc yêu cầu thông qua hệ thống đăng ký trực tuyến của Bộ Tư pháp (điều lệ công ty điện tử). Tiếp đến là bước kiểm tra đối chiếu của CCV được ủy quyền sẽ thực hiện kiểm tra lần cuối về nội dung các điều khoản của công ty để đảm bảo rằng nội dung kiểm tra sơ bộ được phản ánh. Các bên có thể xác nhận tính xác thực của tên mà các điều khoản thành lập được sử dụng trước sự chứng kiến của CCV. Trong trường hợp điều lệ điện tử của công ty cũng có thể được tổ chức thông qua hội nghị trên web. Cuối cùng ở bước Chứng nhận: CCV

---

<sup>6</sup> “公証人による定款認証について”, [<https://www.moj.go.jp/content/001406605.pdf>] (truy cập ngày 06/8/2024).

ký và đóng dấu điều lệ công ty (điều lệ công ty bằng giấy) hoặc ký hiệu điện tử (điều lệ công ty điện tử), nếu việc xác nhận trực tiếp được thực hiện thông qua hội thảo trên web thì phía doanh nghiệp có thể tải kết quả đã công chứng trực tuyến.

Với số lượng lớn các doanh nghiệp khởi nghiệp, số lượng hồ sơ chứng thực điều lệ tại các văn phòng công chứng quá tải. Với lời kêu gọi của thủ tướng tại Hội đồng Xúc tiến Cải cách Quy định lần thứ 17 khẩn trương xem xét các nỗ lực cải thiện môi trường tương trường của các công ty khởi nghiệp, “Công cụ hỗ trợ sáng tạo các điều khoản của công ty” dành cho các công ty khởi nghiệp đã được Liên đoàn công chứng Nhật Bản phát hành với sự tham gia của Bộ Tư pháp được đưa ra bởi ủy ban đánh giá chuyên môn được thành lập tại Bộ Tư pháp. Để đáp ứng nhu cầu kinh doanh của các công ty khởi nghiệp có hình thức tổ chức nhỏ và đơn giản, lần đầu tiên một công cụ kỹ thuật số hỗ trợ việc tạo ra các điều khoản của công ty sẽ được phát hành, các điều khoản của công ty có thể được tạo dễ dàng và nhanh chóng bằng cách điền vào biểu mẫu Công cụ kỹ thuật số. Bộ Tư pháp cũng sẽ tham gia và công cụ kỹ thuật số này sẽ có sẵn trên trang web của Liên đoàn Công chứng Nhật Bản, một hoạt động mới đã bắt đầu triển khai thí điểm ở Tokyo và Quận Fukuoka sẽ cho phép hoàn thành thủ tục chứng nhận trong vòng 48 giờ kể từ khi nộp đơn, trừ khi có bất kỳ thiếu sót nào, ). Bản thảo các điều khoản hợp nhất được tạo bằng công cụ này có thể được sử dụng tại tất cả các văn phòng công chứng trên toàn quốc sau khi phát hành.

Về việc kiểm tra trực tiếp của CCV, một quy tắc đã được thiết lập là nó phải được tiến hành thông qua hội nghị trên web mà không cần đến văn phòng công chứng, trừ khi người dùng yêu cầu cụ thể. Tất cả các văn phòng công chứng trên toàn quốc sẽ sử dụng web Bộ Tư pháp và Cục Pháp chế sẽ hướng dẫn và giám sát kỹ lưỡng để các dịch vụ kỹ thuật số có thể được cung cấp phù hợp và ổn định tại các văn phòng công chứng trên toàn quốc. Bằng cách này, thời gian chờ đợi ở phòng công chứng được giảm đi đáng kể.

## **2.2 Quy định pháp luật Indonesia về công chứng hồ sơ doanh nghiệp**

Tương tự với Nhật Bản, pháp luật Indonesia cũng yêu cầu một số hồ sơ doanh nghiệp phải được CCV chứng nhận tính hợp pháp. Xuất phát từ hoạt động chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp sẽ được thực hiện và quản lý với Bộ Pháp luật và Nhân Quyền Indonesia (“Bộ Pháp luật”). Bộ Pháp luật và Nhân Quyền Indonesia sẽ chứng nhận thành lập cho doanh nghiệp thông qua văn bản được gọi là chứng thư thành lập (tạm dịch từ “*deed of establishment*”). Đây là một quy định mới được ghi nhận trong Quy định số 17/2018 của Bộ Pháp luật yêu cầu: “...*Yêu cầu đăng ký thành lập Công ty Trách nhiệm hữu hạn, Công ty hợp danh, Hợp tác kinh doanh phải được nộp bằng hệ thống quản lý doanh nghiệp đến Bộ Pháp luật và Nhân quyền.*” Trong đó, căn cứ vào Điều 15 đoạn 1 Luật số 30/2004 sửa đổi Luật số 2 năm 2014 quy định quyền hạn của CCV là “*lập ra các chứng thư có hiệu lực*”, vì vậy CCV sẽ tham gia vào quy trình chứng nhận các tài liệu của doanh nghiệp.

Công chứng Indonesia chịu sự ảnh hưởng lâu của Hà Lan với nền công chứng trường phái La tinh nên vị thế nghề nghiệp của CCV được đánh giá là một nghề nghiệp “cao quý”, được giao trọng trách thực hiện tạo ra các văn bản có giá trị pháp lý cao nhất. Từ đó chứng thư doanh nghiệp được CCV lập ra sẽ được xác định có giá trị làm bằng chứng mạnh mẽ, đáng tin cậy. CCV cũng được tin tưởng là bên đưa ra các giải thích, lý giải pháp luật liên quan đến lĩnh vực của nhà đầu tư thực hiện.<sup>7</sup>

Về phạm vi công chứng hồ sơ doanh nghiệp, theo Điều 7 khoản 1 Luật số 40 năm 2007 về Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) (Công ty TNHH theo cổ phần - tạm dịch từ Liability Limited Company by Shares) yêu cầu: “*Công ty trách nhiệm hữu hạn phải được thành lập bởi ít nhất hai người và dựa trên một chứng thư thành lập được công chứng.*” Cụ thể hơn, theo Điều 8 Luật số 40 năm 2007 về Công ty TNHH Indonesia quy định chứng thư thành lập công ty sẽ bao gồm điều lệ và một số tài liệu khác. Việc chứng thư thành lập sẽ áp dụng đối với Công ty TNHH hai thành viên trở lên, không áp dụng đối với công ty TNHH 1 thành viên. Theo một số học giả, Chính phủ Indonesia đưa ra chính sách đặc biệt thông qua thủ tục thành lập Công ty TNHH 1 thành viên dễ dàng hơn nhằm đẩy nhanh quá trình phục hồi kinh tế, tăng tính thuận tiện, giảm chi phí công chứng cũng như hướng đến các thực thể vừa và nhỏ hơn đáp ứng điều kiện về vốn.<sup>8</sup> Hơn nữa, CCV tham gia vào quá trình này với vai trò xác thực ý định thực sự khi thành lập của các chủ sở hữu, thành viên mong muốn thành lập một thực thể pháp lý đóng góp phát triển vào nền kinh tế đất nước và lợi nhuận doanh nghiệp, không vì mục đích phi pháp khác.

Bên cạnh chứng thư thành lập công ty TNHH, trong quá trình hoạt động nếu có thay đổi một hoặc các nội dung trong điều lệ công ty cũng cần được lập thành chứng thư thay đổi điều lệ bởi CCV và trải qua thủ tục duyệt và lưu vào hệ thống bởi Bộ Pháp luật.<sup>9</sup> Ngoài ra, phạm vi công chứng hồ sơ doanh nghiệp còn mở rộng đến chứng thư liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phần trong công ty TNHH. Theo Điều 56 khoản 1 Luật số 40, quyền đối với phần vốn góp sẽ được chuyển nhượng bằng một chứng thư chuyển nhượng quyền, lập bởi CCV. Lý do cho yêu cầu công chứng đối với loại tài liệu trên có thể thấy xuất phát từ nỗ lực của CCV trong việc phòng chống nạn rửa tiền thông qua hành vi mua và bán cổ phần. Bởi lẽ, không thể loại trừ khả năng hoạt động chuyển nhượng quyền đối với cổ phần có chủ ý của các đối tượng nhằm “*hợp thức hóa*” nguồn gốc tài sản phạm tội. Sự có mặt của CCV trong hoạt động này với mục đích nhằm với kiến thức của mình, CCV có thể xem xét được nguồn gốc tài sản của

---

<sup>7</sup> Rino Iqbal Akta Pratama - Asep Suherdin - Gunarto (2019), “Notary Role In The Process Of Establishment Limited Liability Company (PT)”, *Jurnal Akta*, Volume 6, Issue 3, tr. 479.

<sup>8</sup> Azzurba, M. - A., Borahima - A., Sitorus, W. (2023), “Validity Of Deed of Confirmation In Opening of Individual Limited Liability Company Account In Indonesia”, *JOURNAL OF LAW AND SUSTAINABLE DEVELOPMENT*, Vol 11, No. 12, tr. 12-13.

<sup>9</sup> Điều 21 Luật số 40 năm 2007.

các bên, từ đó phát hiện ra các hành vi đáng ngờ cấu thành hành vi rửa tiền. Nếu doanh nghiệp lợi dụng sự hiểu biết của CCV cũng như CCV tham gia giúp sức vào hành vi rửa tiền của doanh nghiệp, CCV đó cũng sẽ chịu các hậu quả pháp lý theo trách nhiệm của CCV.

Mặc dù quy định phải có chứng thư doanh nghiệp thì các hoạt động thành lập, sửa đổi điều lệ mới có hiệu lực nhưng trên thực tiễn với quy định giao cho CCV lập chứng thư doanh nghiệp ở Indonesia có ghi nhận một số bất cập trên thực tế. CCV sẽ cần phải kiểm tra đối chiếu một cách thủ công với Bộ Pháp luật nên thời gian xử lý phê duyệt chứng thư thành lập lên đến 60 ngày sau khi nhận được yêu cầu đăng ký thành lập.<sup>10</sup> Thiếu sót một cơ chế trực tuyến hiệu quả chính là một điểm cần được khắc phục trong quy trình kiểm tra và phê chuẩn chứng thư doanh nghiệp tại Indonesia. Hiện tại, Indonesia đã thừa nhận giá trị của công chứng trực tuyến tại Điều 15 đoạn 3 Luật về quyền hạn của CCV, cho phép xác thực giao dịch điện tử. Tuy đã được ghi nhận nhưng công chứng trực tuyến ở Indonesia ở thời điểm hiện tại được đánh giá còn theo hướng khiên cưỡng<sup>11</sup>, nhiều điểm chưa hoàn thiện, triển khai chưa hiệu quả trên thực tế nên thực tiễn, số liệu tình hình triển khai công chứng hồ sơ doanh nghiệp trực tuyến chưa ghi nhận nhiều số liệu và đánh giá nhận xét.

### **3. Pháp luật Việt Nam hiện hành và một số gợi mở từ kinh nghiệm các quốc gia cho hoạt động công chứng hồ sơ doanh nghiệp**

#### **3.1 Pháp luật Việt Nam hiện hành về xác thực hồ sơ doanh nghiệp**

Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định khá thông thoáng về thủ tục thành lập và thay đổi đăng ký doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp năm 2020 tiếp tục ban hành đã nâng cao hơn một bước sự đơn giản hoá các quy định về thủ tục đăng ký doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, tháo gỡ hầu hết các “nút thắt” về sự phức tạp, phiền hà trong hoạt động đăng ký kinh doanh.<sup>12</sup> Theo quy định pháp luật hiện hành tại Luật Doanh nghiệp năm 2020, Nghị định 01/2021/NĐ-CP hay Luật Công chứng năm 2014, chưa có quy định nào bắt buộc hồ sơ doanh nghiệp phải được công chứng để hồ sơ có hiệu lực khi nộp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. Thay vào đó, pháp luật quy định nghĩa vụ cho doanh nghiệp trong việc chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo.<sup>13</sup> Theo nhóm tác giả, thủ tục thành lập doanh nghiệp hoặc thủ

---

<sup>10</sup> Điều 9, đoạn 2, Luật số 01 năm 1995 (Luật Công ty Indonesia).

<sup>11</sup> Nabilah Apriani, Irgi Alfian, Melia Putri Purnama Sari (2024), “The application of Cyber Notary in Indonesia”, *Jurnal Ius Constituendum*, Volume 9, Nomor 1, tr. 113.

<sup>12</sup> Lê Trung Sơn (2021), “Bất cập về quy định “hồ sơ hợp lệ” trong đăng ký doanh nghiệp - Thực tiễn và giải pháp”, *Tạp chí Luật sư Việt Nam điện tử*,

[<https://lsvn.vn/bat-cap-ve-quy-dinh-ho-so-hop-le-trong-dang-ky-doanh-nghiep-thuc-tien-va-giai-phap1631705975.html>] (truy cập ngày 08/8/2024).

<sup>13</sup> Điều 8 khoản 3 Luật Doanh nghiệp 2020.



tục thay đổi các nội dung đăng ký doanh nghiệp theo cách quy định hiện nay không phải là thủ tục gây khó khăn cho các doanh nghiệp. Ví dụ như thủ tục thành lập công ty TNHH 1 thành viên tại Điều 24 Nghị định 01/2021/NĐ-CP, hồ sơ thành lập bao gồm các loại tài liệu sau: Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Bản sao các giấy tờ pháp lý như giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành. Nếu hồ sơ hợp lệ thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Phòng đăng ký kinh doanh sẽ quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Với thủ tục thông thoáng như trên, chuyên viên của Phòng đăng ký kinh doanh khó có thể kiểm soát về độ minh bạch của chữ ký trong Giấy đề nghị đăng ký thành lập doanh nghiệp cũng như Điều lệ của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, không chỉ trong thủ tục thành lập doanh nghiệp, pháp luật hiện hành cũng chưa đưa ra yêu cầu công chứng đối với các loại tài liệu trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Ngay cả hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp, hợp đồng chuyển nhượng cổ phần và giấy đề nghị thay đổi thành viên góp vốn cũng không có yêu cầu bắt buộc phải công chứng mới có hiệu lực.<sup>14</sup>

Bên cạnh mặt tích cực của các quy định pháp luật, trong thực tiễn đã phát sinh không ít những bất cập, hệ lụy liên quan đến sự thông thoáng, đơn giản về hồ sơ, tài liệu đăng ký doanh nghiệp. Quy định và thực hiện nguyên tắc cơ quan đăng ký kinh doanh chỉ chịu trách nhiệm về “hồ sơ hợp lệ” về mặt hình thức là một trong những bất cập đang tồn tại, gây ra nhiều tranh chấp trong nội bộ doanh nghiệp thời gian gần đây. Thủ tục thành lập doanh nghiệp, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp có phần dễ dãi hiện tại là một “khẽ hở” để thực hiện các hành vi phạm tội. Đại án Vạn Thịnh Phát là ví dụ điển hình, theo hội đồng xét xử, việc thành lập doanh nghiệp quá dễ dàng đã trở thành một phương thức, thủ đoạn để các bị cáo trong vụ án Vạn Thịnh Phát thực hiện hành vi phạm tội. Những cá nhân đứng tên thành lập doanh nghiệp, cá nhân đứng tên vốn góp, đứng tên đại diện pháp luật đều là người lao động làm thuê, trình độ học vấn hạn chế, nhiều công ty có chung địa chỉ trụ sở. Bên cạnh đó có sự chông chéo về thành viên góp vốn, những người này hoàn toàn không biết gì hoặc được mượn giấy tờ tùy thân để thành lập doanh nghiệp nhằm thực hiện các khoản vay, giao dịch lên đến hàng trăm, hàng ngàn tỉ đồng.<sup>15</sup> Ngoài ra, không khó để tìm thấy các công ty thực hiện

<sup>14</sup> Điều 127 khoản 2 Luật Doanh nghiệp 2020.

<sup>15</sup> Đan Thuần (2024), “Thấy gì từ hàng ngàn công ty ‘ma’ trong vụ án bà Trương Mỹ Lan?”, [<https://tuoitre.vn/thay-gi-tu-hang-ngan-cong-ty-ma-trong-vu-an-ba-truong-my-lan-20240513174504512.htm>] (truy cập ngày 10/8/2024).



dịch vụ đăng ký cấp giấy phép cho doanh nghiệp khác và tình trạng các công ty dịch vụ này thực hiện các chiêu thức giả chữ ký doanh nghiệp ký vào hồ sơ yêu cầu là hoàn toàn có thể diễn ra. Với tâm lý của doanh nghiệp mong muốn đẩy nhanh tiến độ các thủ tục nhằm thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh thuận lợi, thủ tục dễ dàng sẽ là điểm tích cực vì vừa tăng tính trách nhiệm của doanh nghiệp, đơn giản hóa thủ tục hành chính. Tuy điểm tích cực như trên nhưng không đồng nghĩa pháp luật sẽ là khe hở để các đối tượng có mục đích xấu lợi dụng qua các vấn nạn giả chữ ký, thuê người làm người đại diện theo pháp luật, thành lập công ty “ma” để mua bán hóa đơn, hợp pháp hóa hành vi rửa tiền, chuyển nhượng vốn góp, cổ phần bất hợp pháp... Tại kỳ họp Quốc hội đã có ý kiến cho rằng rằng chỉ cần có một bản sao căn cước công dân và 2 triệu đồng phí dịch vụ là có thể thành lập một doanh nghiệp mà chủ doanh nghiệp không cần xuất hiện, thậm chí không cần ký vào hồ sơ. Ngoài ra, đại biểu nhận định, việc giả mạo chữ ký trong điều lệ doanh nghiệp, biên bản họp hội đồng quản trị, hội đồng thành viên và các văn bản nội bộ doanh nghiệp diễn ra nhiều, đã có nhiều vụ án liên quan, để lại hậu quả lớn.<sup>16</sup>

### **3.2 Một số gợi mở cho Việt Nam khi yêu cầu công chứng tính xác thực của hồ sơ doanh nghiệp**

Từ những phân tích về quy định Việt Nam hiện hành và kinh nghiệm các quốc gia, nhóm tác giả xin đưa ra một số gợi mở liên quan đến triển khai công chứng bắt buộc đối với hồ sơ doanh nghiệp nói chung như sau:

*Thứ nhất, bổ sung quy định yêu cầu công chứng bắt buộc đối với hồ sơ doanh nghiệp.*

Sự thiếu vắng của một cơ chế xác thực hồ sơ doanh nghiệp cũng có tác dụng ngược lại khi các đối tượng xấu dễ dàng trục lợi từ cơ chế này, đây không còn là khả năng vi phạm mà trên thực tế đã diễn ra với đại án Vạn Thịnh Phát với hàng ngàn công ty ma được lập ra. Vì vậy, công chứng bắt buộc hồ sơ doanh nghiệp có thể được cân nhắc là cơ chế xác thực tăng cường tính hợp pháp đảm bảo. Hiện tại đã có dự thảo Luật Công chứng sửa đổi, tuy nhiên phạm vi tài liệu nào sẽ cần công chứng lại không quy định chi tiết tại Luật Công chứng mà quy định rải rác ở các văn bản như Bộ luật Dân sự, Luật Kinh doanh Bất động sản, Luật Đất đai... Bên cạnh đó, hồ sơ doanh nghiệp cũng thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp 2020 và văn bản dưới luật liên quan, vì vậy khi đặt ra yêu cầu công chứng hồ sơ doanh nghiệp cần xem xét sửa đổi cả Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật Công chứng 2014. Theo đó, Luật Công chứng 2014 hiện đang có Dự thảo sửa đổi, nhóm tác giả đề xuất bổ sung một điều luật mới quy định về phạm vi công chứng theo đó liệt kê tất cả các tài liệu cần phải công chứng mới có hiệu lực, trong đó có “*Một số hồ sơ doanh nghiệp như thông báo đăng ký doanh*

---

<sup>16</sup> Trung Hưng (2024), “Yêu cầu cao nhất khi sửa Luật Công chứng là để phục vụ nhân dân”, [<https://nhandan.vn/yeu-cau-cao-nhat-khi-sua-luat-cong-chung-la-de-phuc-vu-nhan-dan-post814785.html>] (truy cập ngày 10/8/2024).

*nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp biên bản họp hội đồng thành viên,...”*. Đối với Luật Doanh nghiệp và văn bản dưới luật cũng cần sửa đổi theo hướng bổ sung yêu cầu công chứng đối với các loại hồ sơ như trong khoản 1 Điều 23, 24 Nghị định 01/2021/NĐ-CP về Đăng ký doanh nghiệp quy định thủ tục thành lập công ty TNHH các loại, có thể quy định sửa đổi yêu cầu từ “*Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp*” sang “*Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp có công chứng hợp pháp theo quy định pháp luật về công chứng*”.

Đối với phạm vi công chứng hồ sơ doanh nghiệp, kinh nghiệm Nhật Bản và Indonesia quy định phạm vi công chứng khác nhau. Nhật Bản chỉ yêu cầu bắt buộc công chứng điều lệ công ty cổ phần khi thành lập (điều lệ thay đổi sau khi thành lập không yêu cầu công chứng) còn Indonesia sẽ yêu cầu lập chứng thư doanh nghiệp khi thành lập, thay đổi điều lệ, biên bản họp cũng như chứng thư khi chuyển nhượng quyền đối với cổ phần của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh... Nhóm tác giả kiến nghị mở rộng công chứng đối với tất cả các loại hình doanh nghiệp ở bước thành lập doanh nghiệp vì hiện nay thủ tục thành lập theo Luật Doanh nghiệp năm 2020 ở mức đơn giản không phân biệt vốn điều lệ hay quốc tịch của nhà đầu tư... Trong quá trình hoạt động, nhóm tác giả đề xuất một số tài liệu sau đây cần được công chứng bắt buộc là Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (các trường hợp cần Đăng ký thay đổi, không phải Thông báo thay đổi nội dung).

*Thứ hai, cho phép công chứng điện tử với một số hồ sơ doanh nghiệp nhằm một mặt vẫn đảm bảo tính xác thực hồ sơ nhưng vẫn đảm bảo xu hướng số hóa thủ tục hành chính*

Nhóm tác giả đưa ra kiến nghị áp dụng công chứng điện tử đối với cả hồ sơ doanh nghiệp, đây là kinh nghiệm nên được tiếp thu từ sự thành công của Nhật Bản cũng như khắc phục được những thiếu sót ở Indonesia. Hiện tại hành lang pháp lý cho việc triển khai công chứng điện tử đã được cụ thể hóa nhất định tại dự thảo Luật Công chứng và dự thảo Nghị định quy định chi tiết Luật Công chứng sửa đổi. Với cách quy định tại Điều 35 khoản 1 Dự thảo Nghị định chi tiết hiện tại sẽ tạo điều kiện dễ dàng cho công chứng điện tử đối với cả hồ sơ doanh nghiệp. Nhật Bản là quốc gia được xem là ứng dụng công chứng điện tử thành công, đặc biệt công chứng điều lệ điện tử với số liệu tăng đột biến từ 1,000 trường hợp công chứng điều lệ điện tử vào năm 2004 lên đến 82,000 lượt vào năm 2020, tức tăng gần 82 lần.<sup>17</sup> Lượt công chứng điện tử điều lệ doanh nghiệp ở Nhật Bản đã chứng minh sự thành công của hệ thống này vẫn đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp mong muốn hoàn thành thủ tục thành lập nhanh gọn, đỡ tốn kém, tiết kiệm chi phí cũng như thời gian nhất nhưng CCV vẫn xác thực được tính hợp pháp của điều lệ thành lập doanh nghiệp. Hiện nay, khung pháp lý và cơ sở hạ tầng tạo nền tảng ứng dụng công chứng điện tử ở Việt Nam đang được đẩy nhanh tiến độ để

---

<sup>17</sup> “How to make good use of Japanese Notaries”, [<https://www.koshonin.gr.jp/pdf/english2.pdf>] (truy cập ngày 11/8/2024).

hệ thống này có thể đi vào đời sống, tiếp cận hỗ trợ cho người dân cũng như doanh nghiệp. Công chứng điện tử được áp dụng sẽ là cơ hội để kết nối liên thông cơ sở dữ liệu công chứng và cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, nếu CCV được quyền dễ dàng truy cập vào cơ sở dữ liệu doanh nghiệp và ngược lại sẽ thúc đẩy nhanh chóng thủ tục công chứng hồ sơ doanh nghiệp và đảm bảo tính xác thực của hồ sơ doanh nghiệp.

#### 4. Kết luận

Trước tình trạng hồ sơ doanh nghiệp khi đăng ký thành lập, trong quá trình hoạt động thiếu chính xác, không phù hợp với quy định pháp luật, bắt buộc công chứng hồ sơ doanh nghiệp có thể là phương án các nhà làm luật xem xét. Phương án này đã được các quốc gia theo trường phái công chứng La tinh đi trước là Nhật Bản và Indonesia áp dụng đạt được những điểm tiến bộ nhất định. Do đó, kinh nghiệm của các nước nghiên cứu gợi mở cho Việt Nam trong việc quy định về vấn đề công chứng hồ sơ doanh nghiệp như điều lệ doanh nghiệp, biên bản họp, quyết định trong quá trình hoạt động... Trong đó, chủ yếu nhất là những kinh nghiệm liên quan đến việc điều chỉnh khung pháp luật được quy định cụ thể trong Luật Công chứng 2014 và Luật Doanh nghiệp 2020 thông qua bổ sung bắt buộc công chứng một số tài liệu doanh nghiệp và triển khai công chứng điện tử với hồ sơ doanh nghiệp.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hải An (2024), “Bắt buộc công chứng đối với hồ sơ thành lập doanh nghiệp”, [<https://daibieunhandan.vn/y-kien-dai-bieu/bat-buoc-cong-chung-doi-voi-ho-so-thanh-lap-doanh-nghiep-i377286/>];
2. Azzurba, M. - A., Borahima - A., Sitorus, W. (2023), “Validity Of Deed of Confirmation In Opening of Individual Limited Liability Company Account In Indonesia”, *JOURNAL OF LAW AND SUSTAINABLE DEVELOPMENT*, Vol 11, No. 12;
3. Nabilah Apriani, Irgi Alfian, Melia Putri Purnama Sari (2024), “The application of Cyber Notary in Indonesia”, *Jurnal Ius Constituendum*, Volume 9, Nomor 1;
4. Nippon Koshonin Rengokai, “How to make good use of Japanese Notaries”, [<https://www.koshonin.gr.jp/pdf/english2.pdf>].
5. Rino Iqbal Akta Pratama - Asep Suherdin - Gunarto (2019), “Notary Role In The Process Of Establishment Limited Liability Company (PT)”, *Jurnal Akta*, Volume 6, Issue 3;
6. Lê Trung Sơn (2021), “Bắt cập về quy định “hồ sơ hợp lệ” trong đăng ký doanh nghiệp - Thực tiễn và giải pháp”, *Tạp chí Luật sư Việt Nam điện tử*, [<https://lsvn.vn/bat-cap-ve-quy-dinh-ho-so-hop-le-trong-dang-ky-doanh-nghiep-thuc-tien-va-giai-phap1631705975.html>];

7. The Japanese Ministry of Justice, “公証人による定款認証について”, 事務局説明資料 (Tài liệu hội nghị) [<https://www.moj.go.jp/content/001406605.pdf>];
8. Đan Thuần (2024), “Thấy gì từ hàng ngàn công ty ‘ma’ trong vụ án bà Trương Mỹ Lan?”, [<https://tuoitre.vn/thay-gi-tu-hang-ngan-cong-ty-ma-trong-vu-an-ba-truong-my-lan-20240513174504512.htm>];

# PHÁP LUẬT VỀ CÔNG CHỨNG ĐIỀU LỆ DOANH NGHIỆP - KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ GỢI MỞ CHO VIỆT NAM

**ThS. Lê Thị Hồng Liễu**

*Giảng viên Khoa Luật, Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM, NCS tại Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP.HCM*

**ThS. Hồ Thị Thanh Trúc**

*Giảng viên Khoa Kinh tế - Luật, Trường Đại học Tài chính – Marketing, NCS tại Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP.HCM*

## **Tóm tắt**

Công chứng điều lệ doanh nghiệp là hoạt động cần thiết trong quá trình thành lập và phát triển công ty, giúp thúc đẩy lòng tin và sự an toàn trong nhiều giao dịch truyền thống và hiện đại. Tuy nhiên, tại Việt Nam hiện nay điều lệ doanh nghiệp chưa quy định bắt buộc phải công chứng. Điều này dẫn đến các hành vi vi phạm pháp luật dễ dàng diễn ra như làm giả hồ sơ, giả mạo chữ ký hay khai khống tài liệu, gây ra nhiều tổn thất cho xã hội. Vì vậy, việc quy định công chứng bắt buộc hồ sơ doanh nghiệp là điều cần thiết, nhằm hướng đến mục tiêu kép là phát huy vai trò của công chứng và đồng bộ với các quy định pháp luật dân sự có liên quan. Bài viết nghiên cứu kinh nghiệm pháp luật một số quốc gia trên thế giới, điển hình như Hoa Kỳ, Liên Minh Châu Âu, Bỉ, Indonesia về công chứng hồ sơ doanh nghiệp. Trên cơ sở kế thừa có chọn lọc, hướng đến đề xuất hoàn thiện pháp luật về công chứng hồ sơ doanh nghiệp tại Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khóa:** công chứng hồ sơ doanh nghiệp, luật công chứng, hồ sơ doanh nghiệp

## **Abstract**

*Notarization of corporate charters is an essential activity in the process of establishing and developing a company, helping to promote trust and safety in many traditional and modern transactions. However, in Vietnam, transactions or business charters are not regulated to be notarized. This leads to easy violations of the law such as forging documents, forging signatures or falsifying documents, causing many losses to society. Therefore, it is essential to stipulate the compulsory notarization of business documents, aiming at the dual goal of promoting the role of notarization and synchronizing with relevant civil law*

*regulations. The article researches the legal experience of digital fashion countries in the world, typically the United States, the European Union, and Singapore on notarization of business records. On the basis of selective inheritance, it is aimed at proposing to complete the law on notarization of business records in Vietnam in the coming time.*

**Keyword:** *notarization of business documents, law on Notarization, business documents*

## **1. Đặt vấn đề**

Thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam hiện nay rất thông thoáng theo hướng tạo điều kiện, khuyến khích cho nhà đầu tư, sản xuất, kinh doanh. Tuy nhiên, để đánh đổi việc phát triển doanh nghiệp, pháp luật Việt Nam đang đề cao tư tưởng về đơn giản hóa thủ tục hành chính, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh để các chủ thể trong xã hội có điều kiện thuận lợi tốt nhất khi tham gia vào nền kinh tế. Cái giá phải trả là, xuất hiện những kẽ hở pháp lý trong thủ tục thành lập doanh nghiệp, nhiều đối tượng đã lợi dụng để thực hiện những hành vi trái pháp luật như: giả mạo hồ sơ doanh nghiệp, nâng khống vốn điều lệ, thuê người đứng tên doanh nghiệp<sup>1</sup>, thành lập doanh nghiệp nhằm những mục đích phi pháp như: bán hoá đơn<sup>2</sup>, trốn thuế, rửa tiền, thao túng giá cả thị trường, gian lận trong đấu giá, đấu thầu... Bên cạnh hồ sơ thành lập doanh nghiệp, nhiều hồ sơ, giao dịch trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp không được kiểm soát chặt chẽ, dẫn đến những hành vi như giả mạo chữ ký trong các biên bản họp, nghị quyết quan trọng của doanh nghiệp, thuê người đứng tên cổ phần, lập khống hồ sơ vay, người quản lý công ty thực hiện giao dịch nhằm trục lợi... Có thể minh chứng bằng hàng loạt những vụ đại án điển hình như vụ Vạn Thịnh Phát, thông qua lập khống hồ sơ thành lập doanh nghiệp và hồ sơ giao dịch, một cá nhân có thể thao túng 95% cổ phần của một ngân hàng thương mại cổ phần, gây ra nhiều hệ lụy cho xã hội.<sup>3</sup>

Giải pháp hữu hiệu nhất cho các vấn đề nêu trên là cần có cơ chế kiểm soát tính xác thực của các điều lệ doanh nghiệp. Trên thế giới, vấn đề này không mới, một số quốc gia như Hoa Kỳ, Bỉ, Indonesia hay Liên Minh Châu Âu giải quyết bằng quy định bắt buộc công chứng điều lệ doanh nghiệp. Cộng đồng, dân cư và chủ thể hoạt động kinh doanh thường dựa vào

---

<sup>1</sup> Minh Ngọc (2024), Vụ án Trịnh Văn Quyết FLC: Nhiều bị cáo khai nhận chỉ được nhờ đứng tên, <https://phunuvietnam.vn/vu-an-trinh-van-quyet-flc-nhieu-bi-cao-khai-nhan-chi-duoc-nho-dung-ten-20240722183955698.htm>, truy cập ngày 19/08/2024

<sup>2</sup> Hoàng Hải, Nguyễn Ngọc (2024), Khởi tố 16 đối tượng trong đường dây mua bán trái phép hóa đơn, trốn thuế với tổng số tiền hơn 3.200 tỷ đồng, <https://bocongan.gov.vn/tin-an-ninh-trat-tu/khoi-to-16-doi-tuong-trong-duong-day-mua-ban-trai-phep-hoa-don-tron-thue-voi-tong-so-tien-hon-3200-ty-dong-d22-t40186.html>, truy cập ngày 19/08/2024

<sup>3</sup> Ngô Nguyên (2024), Xét xử “đại án lịch sử” Vạn Thịnh Phát: Gần 95% tài sản của Trương Mỹ Lan có được do thao túng SCB, Nguồn: <https://baodautu.vn/xet-xu-dai-an-lich-su-van-thinh-phat-gan-95-tai-san-cua-truong-my-lan-co-duoc-do-thao-tung-scb-d212149.html>, truy cập ngày 19/08/2024

dịch vụ công chứng để thực hiện giao dịch pháp lý, cũng từ đó công chứng được xem là cần thiết ở cấp độ toàn cầu, đóng vai trò là tiền thân của công lý<sup>4</sup>. Nhu cầu về công chứng viên đối với điều lệ doanh nghiệp là quan trọng để phát triển công ty có tư cách pháp nhân. Hoạt động công chứng được nhiều hệ thống pháp luật trên thế giới thừa nhận, điều này cũng thể hiện sự tham gia của chính phủ trong việc thúc đẩy nền kinh tế toàn cầu làm cơ sở cho sự tiến bộ trong chính sách quản lý kinh tế của mỗi quốc gia. Vì thế cần nghiên cứu kinh nghiệm các quốc gia và đưa ra khuyến nghị cho Việt nam về công chứng điều lệ doanh nghiệp - hồ sơ mang tính chất quan trọng nhất cần được xác thực.

## **2. Nội dung**

### **2.1. Khái quát về công chứng điều lệ doanh nghiệp**

#### **2.1.1. Khái niệm công chứng điều lệ doanh nghiệp**

Từ Thế kỷ XXII, công chứng được hình thành như một thể chế trung tâm của dòng họ pháp luật Dân luật<sup>5</sup>. Đây là hoạt động pháp lý quan trọng vì thông qua công chứng viên tạo ra các tài liệu mang tính thuyết phục không thể bác bỏ, đảm bảo rằng thông tin được đề cập là chính xác. Hệ thống pháp luật các quốc gia thường ghi nhận nó chủ yếu là hành vi của công chứng viên. Theo pháp luật Indonesia “ *Công chứng viên là công chức được ủy quyền lập văn bản công chứng và có các thẩm quyền khác theo quy định tại Luật này hoặc dựa trên các luật khác. Văn bản công chứng có thể được sử dụng làm bằng chứng trong các phiên tòa dân sự và hình sự*”<sup>6</sup>. Tại Hoa Kỳ, luật pháp Liên bang quy định công chứng như dịch vụ chứng thực, và vì thế công chứng viên không chịu trách nhiệm về nội dung của các tài liệu họ công chứng, mà tập trung vào tính xác thực của chữ ký và các thủ tục của văn bản. Đối với tiểu bang, chính quyền bổ nhiệm công chứng viên nhằm làm chứng cho hoạt động pháp lý, kinh doanh, tài chính và bất động sản<sup>7</sup>. Theo khoản 1 Điều 2 Luật Công chứng 2014: “Công chứng là việc công chứng viên của một tổ chức hành nghề công chứng chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của hợp đồng, giao dịch dân sự khác bằng văn bản (sau đây gọi là hợp đồng, giao dịch), tính chính xác, hợp pháp, không trái đạo đức xã hội của bản dịch giấy tờ, văn bản từ

---

<sup>4</sup> Putri, K. M., Anwary, I., & Haiti, D. (2022). Kewajiban Notaris melakukan Pembacaan dan Penandatanganan Akta di Depan Semua Pihak secara Bersama-Sama. *Notary Law Journal*, 1(2), 157–175. <https://doi.org/10.32801/nolaj.v1i2.21>

<sup>5</sup> Ivan Milotić (2018), Historical Uniformity and Diversity of Notaries in the Shadow of Their Modern Transformation, in *Transformation of Civil Justice. Ius Gentium: Comparative Perspectives on Law and Justice*, vol 70. Springer, Cham. [https://doi.org/10.1007/978-3-319-97358-6\\_21](https://doi.org/10.1007/978-3-319-97358-6_21)

<sup>6</sup> Article 1 point 1 of Law No. 2 of 2014 concerning Amendments to Law No. 30 of 2004 of Indonesia

<sup>7</sup> California Secretary of State (2023), *NotaryPublicHandbook* tại <https://notary.cdn.sos.ca.gov/forms/notary-handbook-current.pdf> truy cập ngày 19/8/2024



tiếng Việt sang tiếng nước ngoài hoặc từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt (sau đây gọi là bản dịch) mà theo quy định của pháp luật phải công chứng hoặc cá nhân, tổ chức tự nguyện yêu cầu công chứng.” Khái niệm này có sự thay đổi trong Dự thảo Luật Công chứng năm 2024 “*Công chứng là việc công chứng viên của một tổ chức hành nghề công chứng chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của giao dịch dân sự bằng văn bản (sau đây gọi là giao dịch) mà theo quy định của pháp luật phải công chứng hoặc cá nhân, tổ chức tự nguyện yêu cầu công chứng.*” Có thể thấy, dù diễn đạt bằng nhiều thuật ngữ khác biệt những mục tiêu của hoạt động công chứng luôn được thể hiện (i) Là hoạt động đảm bảo tính hợp pháp của các giao dịch trong đời sống xã hội; (ii) Giúp ngăn ngừa tranh chấp phát sinh.

Theo khoản 10 Điều 2 Luật lưu trữ năm 2011: “*Hồ sơ là một tập tài liệu có liên quan với nhau về một vấn đề, một sự việc, một đối tượng cụ thể hoặc có đặc điểm chung, hình thành trong quá trình theo dõi, giải quyết công việc thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân*”. Trong đó, tài liệu là vật mang tin được hình thành trong quá trình hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Tài liệu bao gồm văn bản, dự án, bản vẽ thiết kế, bản đồ, công trình nghiên cứu, sổ sách, biểu thống kê; âm bản, dương bản phim, ảnh, vi phim; băng, đĩa ghi âm, ghi hình; tài liệu điện tử; bản thảo tác phẩm văn học, nghệ thuật; sổ công tác, nhật ký, hồi ký, bút tích, tài liệu viết tay; tranh vẽ hoặc in; ấn phẩm và các vật mang tin khác.<sup>8</sup>

Hồ sơ doanh nghiệp có thể được hiểu là các tài liệu có liên quan đến một vấn đề, một sự kiện trong suốt quá trình thành lập hoạt động đến chấm dứt hoạt động của một doanh nghiệp. Trong đó, ta có thể chia cơ bản thành 3 loại: (1) Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp; (2) Hồ sơ trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp (hồ sơ các cuộc họp trong doanh nghiệp, hồ sơ các giao dịch...); (3) Hồ sơ chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp. Theo cách hiểu này, hồ sơ doanh nghiệp rất rộng là tập hợp tất cả các tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Trong khuôn khổ bài viết này, nhóm tác giả nghiên cứu kinh nghiệm pháp luật một số quốc gia và thực tiễn tại Việt Nam về công chứng điều lệ doanh nghiệp. Vì đây là hồ sơ quan trọng, chứa đựng những nội dung trọng yếu của một doanh nghiệp cần được đảm bảo tính xác thực và thể hiện rõ ràng các cam kết về mục đích thành lập, việc tổ chức quản lý hoạt động và được cơ quan đăng ký kinh doanh xác nhận.

Không có định nghĩa trong văn bản quy phạm pháp luật, nhưng ta có thể hiểu điều lệ

---

<sup>8</sup> Khoản 2 Điều 2 Luật Lưu trữ năm 2011



công ty là là một hợp đồng nhiều bên dựa trên nguyên tắc tự nguyện, thoả thuận để quy định các quyền và nghĩa vụ của các bên, tổ chức, quản lý, hoạt động của Công ty. Công ty là những doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, được pháp luật thừa nhận là chủ thể độc lập về tư cách pháp lý. Theo khoản 1 Điều 24 Luật Doanh nghiệp năm 2020, điều lệ công ty gồm: (1) Điều lệ khi đăng ký doanh nghiệp; (2) Điều lệ được sửa đổi, bổ sung trong quá trình hoạt động.

Theo khoản 2 Điều 24 Luật Doanh nghiệp năm 2020, Điều lệ công ty chứa đựng những nội dung quan trọng vì thế nó được coi là bản Hiến pháp của mỗi công ty. Đây là những nội dung cần xác thực để kiểm soát tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp. Nội dung điều lệ, gồm: (i) Tên, địa chỉ trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện; (ii) Ngành, nghề kinh doanh; (iii) Vốn điều lệ; thông tin về cổ phần đối với Công ty cổ phần; (iv) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch của thành viên hợp danh, chủ sở hữu công ty, thành viên, cổ đông sáng lập và phần vốn góp/cổ phần của họ; (v) Quyền và nghĩa vụ của cổ đông/thành viên đối với công ty; (vi) Cơ cấu tổ chức quản lý; (vii) Số lượng, chức danh quản lý và quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật; phân chia quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật nếu có nhiều hơn một người đại diện theo pháp luật; (viii) Thể thức thông qua quyết định của công ty; nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ; (ix) Căn cứ và phương pháp xác định tiền lương, thù lao, thưởng của người quản lý và Kiểm soát viên; (x) Trường hợp thành viên, cổ đông có quyền yêu cầu công ty mua lại phần vốn góp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc cổ phần đối với công ty cổ phần; (xi) Nguyên tắc phân chia lợi nhuận sau thuế và xử lý lỗ trong kinh doanh; (xii) Trường hợp giải thể, trình tự giải thể và thủ tục thanh lý tài sản công ty; (xiii) Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.

Và quan trọng, Điều lệ công ty khi đăng ký doanh nghiệp phải bao gồm họ, tên và chữ ký: (i) Thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh; (ii) Chủ sở hữu công ty là cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu công ty là tổ chức đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; (iii) Thành viên là cá nhân và người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của thành viên là tổ chức đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; (iv) Cổ đông sáng lập là cá nhân và người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập là tổ chức đối với công ty cổ phần. Và, Điều lệ công ty được sửa đổi, bổ sung phải bao gồm họ, tên và chữ ký của những người sau đây: (i) Chủ tịch Hội đồng thành viên đối với công ty hợp danh; (ii) Chủ sở hữu, người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; (iii) Người đại diện theo pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty cổ phần.

Như vậy, công chứng điều lệ doanh nghiệp có thể được hiểu là việc công chứng viên của một tổ chức hành nghề công chứng chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của điều lệ doanh nghiệp - tài liệu thể hiện sự cam kết các thành viên công ty về việc thành lập, quản lý và hoạt động của doanh nghiệp.

### ***2.1.2. Ý nghĩa của việc công chứng điều lệ doanh nghiệp***

Kinh doanh và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đóng vai trò then chốt trong đời sống, nó không chỉ là động lực chính thúc đẩy sự phát triển của kinh tế mà còn xây dựng cơ sở hạ tầng, phục vụ mục tiêu phát triển bền vững. Công chứng các giao dịch trong hoạt động kinh doanh hay hồ sơ doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc xác định tư cách pháp lý của công ty, xác minh hồ sơ pháp lý tạo điều kiện thuận lợi giao dịch, bảo mật chống trộm cắp thông tin<sup>9</sup>. Nếu không có hệ thống công chứng điều lệ doanh nghiệp khi thành lập hoặc thay đổi điều lệ dễ dẫn đến hành vi vi phạm pháp luật, khó phát hiện hành vi vi phạm, Tòa án thiếu sự hỗ trợ chuyên môn trong quá trình xét xử vụ án. Trong bối cảnh phát triển kinh tế, hệ thống công chứng không chỉ góp phần tạo ra dịch vụ pháp lý đơn thuần mà còn thể hiện tính minh bạch, kiểm soát các thông tin thay đổi trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp, đảm bảo quyền lợi của bên thứ ba khi thực hiện giao dịch với doanh nghiệp đó.

### **2.2. Quy định pháp luật một số quốc gia về công chứng điều lệ doanh nghiệp**

Công chứng điều lệ doanh nghiệp được coi trọng ở nhiều quốc gia trên thế giới, một số trường hợp điển hình được chọn nghiên cứu như Liên minh Châu Âu, Hoa Kỳ, Bỉ là những quốc gia có hệ thống pháp quy phạm pháp luật tương đối hoàn chỉnh về vấn đề này và Indonesia là một quốc gia đang phát triển ở chung khu vực Đông Nam Á với Việt Nam. Pháp luật về công chứng điều lệ doanh nghiệp ở các quốc gia này có những điểm chính như sau:

(1) Tại Bỉ: Điều 73 Bộ luật Công ty 1999 quy định “*Bản trích lục tài liệu công ty phải được công chứng viên ký đối với các văn bản xác thực, và đối với các văn bản có chữ ký cá nhân phải được tất cả các đối tác cùng nhau ký riêng hoặc một trong số họ được những người khác ủy quyền thực hiện*”. Việc công chứng điều lệ doanh nghiệp tại Bỉ là thủ tục bắt buộc đầu tiên khi bắt đầu hoạt động kinh doanh. Mẫu đơn này phải được ký trước mặt công chứng viên để chính thức đăng ký công ty với cơ quan có thẩm quyền của Bỉ, công bố đến công chúng trong vòng 15 ngày thông qua trang website chính thức của Moniteur Belge, được quản

---

<sup>9</sup> Tajana Petrović (2022), The Impact of the Notary Profession on Money Laundering Risk Assessment, International Scientific Conference EMAN Economics & Management: How to Cope With Disrupted Times DOI: <https://doi.org/10.31410/EMAN.2022.275>

lý bởi Cơ quan Công lý Dịch vụ Công cộng Liên bang (FPS Justice)<sup>10</sup>. Bên cạnh đó, Sắc lệnh Hoàng gia 2001 đặt ra yêu cầu về thông tin mà Moniteur Belge công bố phải đảm bảo tính nguyên bản, không chỉnh sửa hay biên tập dưới bất kỳ hình thức nào<sup>11</sup>. Trong trường hợp các cá nhân, tổ chức muốn tìm kiếm tài liệu liên quan đến thông tin doanh nghiệp có thể liên hệ qua đường dây điện thoại của Moniteur Belge, dịch vụ này đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của công chúng về hồ sơ thành lập doanh nghiệp.

Ngoài ra, pháp luật Bỉ cũng đặt ra yêu cầu bắt buộc đối với công chứng hồ sơ thay đổi điều lệ doanh nghiệp trong quá trình hoạt động. Yêu cầu về thủ tục công chứng và công bố công khai cũng thực hiện tương tự như khi đăng ký điều lệ công ty ban đầu. Bản chất của việc công bố thông tin tại Moniteur Belge là công khai xuất bản và lưu trữ tài liệu chính thức của doanh nghiệp cho bên thứ ba. Thực hiện điều này giúp hệ thống pháp luật công ty minh bạch, đạt được mục tiêu kép là vừa đảm bảo tính xác thực trong hồ sơ doanh nghiệp và an toàn pháp lý cho các giao dịch của các chủ thể khác với công ty.

(2) Tại Liên minh Châu Âu: Dưới góc độ về bảo vệ dữ liệu công ty, việc công chứng hồ sơ doanh nghiệp và công khai các thông tin sau khi công chứng được xem là phù hợp với Chỉ thị 2017/1132 của Liên minh Châu Âu về biện pháp ngoài hành chính hoặc tư pháp mang tính phòng ngừa tại thời điểm thành lập công ty, văn bản sửa đổi đối với tài liệu đó được lập hoặc chứng nhận theo đúng trình tự pháp lý<sup>12</sup>. Có thể thấy, Chỉ thị được xây dựng dựa trên khuyến nghị các biện pháp hữu hiệu nhằm chứng nhận hồ sơ doanh nghiệp, hành vi pháp lý này được xem là kiểm soát dữ liệu doanh nghiệp. Điều này được thể hiện rõ thông qua Án lệ C-231/22/2023 tại Liên minh Châu Âu. Việc công bố thông tin doanh nghiệp sau khi công chứng được xuất bản và lưu trữ các tài liệu chính thức trên website của nhà nước, nhằm mục đích bảo vệ hiệu quả và toàn diện cho các chủ thể dữ liệu, đây được coi là đơn vị kiểm soát hồ sơ doanh nghiệp<sup>13</sup>, phù hợp với quy định về bảo vệ dữ liệu chung tại Liên minh Châu Âu<sup>14</sup>.

(3) Tại Hoa Kỳ: Ở cấp liên bang, Theo Tiêu đề 28 Mục 1746 Bộ luật USC 2006 quy định về hiệu công chứng không theo nghĩa truyền thống mà tương đương như chứng thực, người thực hiện công chứng phải có văn bản tuyên bố chịu hình phạt khai man được thể hiện

---

<sup>10</sup> Article 475 The Programme Law I of 24 December 2002 of Belgium

<sup>11</sup> Article 11 The Royal Decree 2001 of Belgium

<sup>12</sup> Article 10 Directive 2017/1132/EU relating to certain aspects of company law

<sup>13</sup> Case C-231/22 Belgian State v Data Protection Authority, tại <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/HTML/?uri=CELEX:62022CC0231> truy cập ngày 17/8/2024

<sup>14</sup> Article 4 the Regulation (EU) 2016/679 General Data Protection Regulation

bằng văn bản, có ký tên của người này<sup>15</sup>. Đối với dịch vụ công chứng đảm bảo tính hợp pháp của giao dịch, văn bản được thể hiện trong luật Tiểu bang. Các tài liệu yêu cầu bắt buộc công chứng tại Hoa Kỳ được chia thành ba loại chính (i) Tài liệu tài chính (ii) tài liệu kinh doanh và (iii) tài liệu pháp lý. Đối với doanh nghiệp, ngay khi nộp điều lệ thành lập công ty, nhà đầu tư và chủ sở hữu công ty phải công chứng điều lệ thành lập công ty để tránh các rào cản pháp lý tiềm ẩn<sup>16</sup>. Nếu không công chứng, điều lệ thành lập công ty sẽ không được chấp nhận.

Ở mỗi Tiểu bang của Hoa Kỳ, quy định về hành nghề và thủ tục công chứng được Thống đốc bang ban hành Sổ tay hành nghề công chứng (Notary Public Handbook). Tại Bang California, việc bắt buộc công chứng hồ sơ doanh nghiệp đặt ra yêu cầu đối với công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn. Sau khi thực hiện việc công chứng hồ sơ doanh nghiệp, công chứng viên sẽ nộp chứng thư cho Bộ trưởng Bộ ngoại giao California. Tiếp đó, công ty cổ phần phải nộp báo cáo thông tin hàng năm vào tháng đăng ký với Bộ trưởng Ngoại giao. Đối với các công ty trách nhiệm hữu hạn phải nộp hai năm một lần vào tháng đăng ký vào các năm chẵn hoặc lẻ dựa trên năm đăng ký. Tất cả các doanh nghiệp phải nộp Báo cáo thông tin khi thông tin thay đổi và phải nộp Báo cáo thông tin mới khi người đại diện phục vụ thủ tục tố tụng của họ từ chức hoặc hết nhiệm kỳ<sup>17</sup>.

(4) Tại Indonesia: Quốc gia này ban hành Nghị định số số M01 PR.08.01 năm 1996 về việc đăng ký chứng thư thành lập công ty thông qua xây dựng hệ thống quản lý pháp nhân, được gọi là SIMIBAKUM. Luật này phác thảo việc triển khai hệ thống quản lý thực thể pháp lý tại Tổng cục quản lý pháp lý của Bộ Tư pháp và Nhân quyền Cộng hòa Indonesia. Đồng thời, Nghị định M.01-HT.01.01 năm 2001 cũng quy định rõ thủ tục phê chuẩn thành lập và thay đổi thông tin công ty. Như vậy, thông qua hai văn bản chủ đạo này quy trình công chứng hồ sơ thành lập doanh nghiệp tại Indonesia được thực hiện: (i) Người sáng lập công ty ký và nộp trực tiếp đơn xin cấp giấy chứng nhận thành lập, tờ trình và đơn xin phê duyệt thay đổi thông tin doanh nghiệp; (ii) Công chứng viên giám sát việc lập hồ sơ thành lập phải thừa nhận tư cách đại diện của người sáng lập công ty và văn bản được yêu cầu; (iii) Chứng thư thành lập hoặc văn bản sửa đổi điều lệ công ty được công chứng viên nộp lên Bộ Trưởng Bộ Tư pháp và Nhân quyền để được phê chuẩn; (iv) Công chứng viên truy cập vào SISMINBAKUM thể hiện toàn bộ dữ liệu công chứng về hồ sơ doanh nghiệp<sup>18</sup>. Bên cạnh đó, theo Luật Công ty

---

<sup>15</sup> 28 U.S.C. 1746 Unsworn Declarations Under Penalty Of Perjury 2006, modified 2012

<sup>16</sup> Blue Notary, <https://bluenotary.us/legal-documents-required-to-start-a-business/> truy cập ngày 19/8/2024

<sup>17</sup> <https://www.sos.ca.gov/business-programs/business-entities/faqs>

<sup>18</sup> Article 2 The Decree number M.01-HT.01.01 of 2011 of the Republic of Indonesia

2007 Indonesia quy định để công ty trách nhiệm hữu hạn được xác nhận là có tư cách pháp nhân khi tất cả những người sáng lập phải cùng nhau nộp đơn thông qua hệ thống quản lý pháp nhân điện tử dịch vụ công nghệ thông tin cho Bộ trưởng Bộ Tư pháp và nhân quyền, thông qua việc điền vào mẫu đơn với những thông tin cơ bản được quy định tại Điều 9 Luật Công ty. Văn bản thành lập công ty thể hiện rõ tỉ lệ sở hữu của từng thành viên được xác thực bởi công chứng viên, nếu điều này không được thực hiện đầy đủ, các hành động pháp lý của doanh nghiệp sẽ không phát sinh quyền và nghĩa vụ. Từ đó, văn bản thành lập doanh nghiệp bị vô hiệu và công ty chưa có tư cách pháp nhân sẽ bị giải thể<sup>19</sup>

Như vậy, tại Hoa Kỳ, EU, Bỉ, Indonesia đều quy định bắt buộc thực hiện công chứng điều lệ doanh nghiệp nhằm vào mục tiêu kiểm soát thông tin của doanh nghiệp. Tuy nhiên, nếu Hoa Kỳ tập trung vào việc công chứng từ đó thực hiện nhiệm vụ báo cáo hoạt động pháp nhân hằng năm thì EU, Bỉ và Indonesia hướng đến việc công khai thông tin công chứng cho công chúng sau khi chứng thư được hoàn thành. Có thể thấy, dù với mục tiêu quản lý hay minh bạch thông tin cho bên thứ ba thì việc công chứng điều lệ doanh nghiệp đảm bảo tính chắc chắn về mặt pháp lý và lòng tin trong giao dịch thương mại, từ đó thúc đẩy phát triển bình ổn nền kinh tế.

### **2.3. Thực trạng giả mạo hồ sơ doanh nghiệp, sự cần thiết phải bắt buộc công chứng điều lệ doanh nghiệp tại Việt Nam và một số khuyến nghị**

#### **2.3.1. Thực trạng giả mạo hồ sơ doanh nghiệp tại Việt Nam hiện nay**

Hiện nay, pháp luật Việt Nam không quy định bắt buộc công chứng điều lệ doanh nghiệp. Thủ tục thành lập đơn giản đến mức chỉ cần bản sao căn cước công dân là có thể đăng ký thành lập doanh nghiệp<sup>20</sup>, kéo theo đó là nhiều hệ lụy xã hội như:

*Thứ nhất*, đánh cắp thông tin cá nhân của người khác để thành lập doanh nghiệp. Do không có cơ chế kiểm soát tính xác thực của hồ sơ doanh nghiệp, chỉ cần có bản sao căn cước công dân, thông qua cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp là có thể dễ dàng thực hiện việc đăng ký thành lập doanh nghiệp. Nhiều vụ việc được ghi nhận trên thực tế như trường hợp anh Nguyễn Tuấn L, trước tết Nguyên đán Giáp Thìn, tình cờ trong lúc hướng dẫn người bạn tra cứu mã số thuế bằng số căn cước công dân trên hệ thống điện tử, anh rất bất ngờ khi thấy mình đang đứng tên giám đốc, đại diện pháp luật cho Công ty TNHH Dịch

<sup>19</sup> Article 12 The Law Number 40 concerning limited liability company 2007 of Indonesia

<sup>20</sup> Minh Minh (2024), Từ vụ Vạn Thịnh Phát, đề nghị bắt buộc công chứng hồ sơ doanh nghiệp, <https://www.tinnhanhchungkhoan.vn/tu-vu-van-thinh-phat-de-nghi-bat-buoc-cong-chung-ho-so-doanh-nghiep-post347557.html>, truy cập ngày 19/08/2024

vụ Kỹ thuật Thương mại Đại An Phát. Theo Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM, hồ sơ đăng ký thành lập Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Thương mại Đại An Phát được nộp qua cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp bởi tài khoản đăng ký kinh doanh mang tên Nguyễn Tuấn L; hồ sơ có các giấy tờ theo quy định nêu trên thể hiện chữ ký của ông Nguyễn Tuấn L và bản sao căn cước công dân mang tên Nguyễn Tuấn L (có sao y, chứng thực bản sao theo quy định)<sup>21</sup>.

*Thứ hai*, thuê người đứng tên thành lập doanh nghiệp. Việc thuê người đứng tên thành lập doanh nghiệp, thuê người đứng tên phần vốn góp, cổ phần ghi nhận từ những năm 1990 như vụ đại án Minh Phụng – Epc, Tăng Minh Phụng đã lập ra 47 công ty ma nhờ và thuê người đứng tên nhằm mục đích vay vốn ngân hàng hay gần đây vụ án Trịnh Văn Quyết thuê người đứng tên sở hữu cổ phần để nâng khống vốn.

*Thứ ba*, khai khống vốn điều lệ mà không được chứng thực, kiểm soát.<sup>22</sup> Hành vi khai khống vốn điều lệ có thể xuất phát từ nhiều lý do, nhưng một lý do hàng đầu là nhằm tìm kiếm lợi nhuận trong kinh doanh. Vốn điều lệ của doanh nghiệp là thông tin cơ sở cho đối tác, khách hàng khi xem xét hợp tác kinh doanh với doanh nghiệp.<sup>23</sup> Nếu đặt ra quy định bắt buộc công chứng thông tin về điều lệ doanh nghiệp hướng đến việc xác định trách nhiệm của người thành lập công ty, điều này giúp nâng cao trách nhiệm người sáng lập doanh nghiệp, ngăn chặn vi phạm về hành vi khai khống này.

Đối với hồ sơ trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp có liên quan đến các thông tin quan trọng cần có sự kiểm soát như quyết định sửa đổi điều lệ, biên bản cuộc họp có thay đổi thông tin về nghĩa vụ thành viên trong doanh nghiệp... pháp luật Việt Nam hiện hành cũng không bắt buộc công chứng cũng như không có cơ chế kiểm soát tính xác thực của các tài liệu hồ sơ đó. Những hệ lụy ghi nhận trên thực tế như:

*Thứ nhất*, hiện tượng lạm quyền của người đại diện theo pháp luật. Vụ án Vạn Thịnh Phát, bằng thủ đoạn thuê người đứng tên cổ phần, Trương Mỹ Lan đã nắm giữ 95% cổ phần của Ngân hàng SCB, thao túng các hoạt động của ngân hàng, ký khống các hồ sơ vay vốn

---

<sup>21</sup>Lê Thu (2024), Công an điều tra làm rõ vụ đánh cắp thông tin thành lập doanh nghiệp “ma”, Nguồn: <https://haiduonline.com.vn/cong-an-dieu-tra-lam-ro-vu-danh-cap-thong-tin-thanh-lap-doanh-nghiep-ma-184283.html>, truy cập ngày 19/08/2024

<sup>22</sup>Hồ Thị Kim Phước (2021), Thực trạng góp vốn “ảo” khi đăng ký doanh nghiệp, nguồn: <https://digital.lib.ueh.edu.vn/handle/UEH/63304>, truy cập ngày 19/08/2024

<sup>23</sup> Phan Huy Quyền (2022), Vì sao doanh nghiệp không ngần ngại khai khống vốn điều lệ? , nguồn: <https://thesaigontimes.vn/vi-sao-doanh-nghiep-khong-ngan-ngai-khai-khong-von-dieu-le/>, truy cập ngày 19/08/2024



gây thất thoát tài sản của ngân hàng SCB.<sup>24</sup>

*Thứ hai*, do không có cơ chế kiểm soát, xác thực các hồ sơ trong quá trình tăng vốn đều lệ bằng hình thức phát hành cổ phần, hiện tượng nhờ người đứng tên và làm giả hồ sơ nhằm nâng khống vốn trong quá trình hoạt động, điển hình như Vụ án Trịnh Văn Quyết thuê người đứng tên sở hữu cổ phần để nâng khống vốn nhằm thao túng thị trường chứng khoán.<sup>25</sup>

Như vậy, minh họa bằng một số vụ việc thực tế cho thấy các thủ đoạn lợi dụng kẽ hở của thủ tục thành lập và hoạt động của doanh nghiệp ngày càng tinh vi và những hệ lụy không nhỏ cho xã hội. Cần cấp thiết giải quyết các vấn đề trên, giải pháp được đưa ra là bắt buộc công chứng điều lệ doanh nghiệp.

### **2.3.2. Sự cần thiết phải công chứng điều lệ doanh nghiệp và một số khuyến nghị**

Hiện nay, Hiện nay, tại Việt Nam chưa có quy định bắt buộc công chứng hồ sơ doanh nghiệp, việc công chứng hồ sơ doanh nghiệp hoàn toàn tự nguyện khi các bên có yêu cầu. Sự cần thiết phải công chứng hồ sơ doanh nghiệp:

*Thứ nhất*, việc công chứng hồ sơ doanh nghiệp giúp khắc phục được tình trạng giả chữ ký trong hồ sơ thành lập doanh nghiệp, sử dụng thông tin của người khác để thành lập doanh nghiệp nhằm mục đích phi pháp, hạn chế tình trạng thành lập công ty ma và tình trạng lạm quyền của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

*Thứ hai*, kiểm soát được việc khai vốn điều lệ, kiểm soát việc giả chữ ký trong các văn bản quan trọng như hợp đồng, giao dịch, biên bản họp, nghị quyết của hội đồng quản trị, hội đồng thành viên, ngăn chặn việc hợp thức hóa hành vi rửa tiền, mua bán hóa đơn thông qua thành lập doanh nghiệp.

*Thứ ba*, đảm bảo quyền lợi của bên thứ 3 khi giao dịch với doanh nghiệp, đảm bảo các thông tin được công bố trong điều lệ là chính xác đặc biệt là vốn, người đại diện theo pháp luật, các thành viên, cổ đông, tránh tình trạng người đại diện theo pháp luật lạm quyền dẫn đến các giao dịch vô hiệu, cũng như việc lập khống các chứng nhận cổ phần, chứng nhận góp vốn để chuyển nhượng trái pháp luật.

### **2.3.3. Một số khuyến nghị**

---

<sup>24</sup>Vụ án Vạn Thịnh Phát và bà Trương Mỹ Lan, <https://vnexpress.net/topic/chu-tich-van-thinh-phat-truong-my-lan-bi-bat-26453>, truy cập ngày 19/08/2024

<sup>25</sup>Tuyển Phan (2024), Vụ án Trịnh Văn Quyết: 'Màn kịch' nâng khống vốn từ 1,5 tỉ lên tới 4.300 tỉ, <https://thanhnien.vn/vu-an-trinh-van-quyet-man-kich-nang-khong-von-tu-15-ti-len-toi-4300-ti-185240227003722801.htm>, truy cập ngày 19/08/2024

*Thứ nhất*, cần quy định bắt buộc công chứng các hồ sơ quan trọng của doanh nghiệp, phân loại những hồ sơ bắt buộc công chứng, những hồ sơ không bắt buộc công chứng theo hướng liệt kê cụ thể. Theo đó, những loại hồ sơ bắt buộc công chứng là những hồ sơ liên quan đến quyền và nghĩa vụ công ty, các thông tin tài chính quan trọng giúp minh bạch thông tin doanh nghiệp. Việc lập điều lệ doanh nghiệp là bước khởi đầu để xây dựng công ty mới, tuy nhiên thông tin cập nhật mới của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động cũng cần có sự kiểm soát từ công tác quản lý của nhà nước. Do đó, nhóm tác giả đề xuất công chứng bắt buộc điều lệ doanh nghiệp khi đăng ký thành lập và công chứng sửa đổi điều lệ trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp đó. Ngoài ra những hồ sơ quan trọng khác trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp cũng cần cân nhắc đưa vào Dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi 2024) như biên bản cuộc họp của công ty có thay đổi cơ bản về thông tin doanh nghiệp như cập nhật về nhân sự quản lý điều hành, thay đổi địa chỉ doanh nghiệp, cập nhật và xác thực chữ ký của người quản lý doanh nghiệp...

*Thứ hai*, cần thiết xây dựng thủ tục công chứng hồ sơ doanh nghiệp chặt chẽ. Theo đó, quy trình công chứng điều lệ doanh nghiệp thông qua cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Dù dưới hình thức nào quá trình này cũng cần có sự hiện diện của các thành viên sáng lập, thống nhất khâu xác nhận việc nộp đơn. Để thực hiện điều này, nhóm tác giả đề xuất học tập kinh nghiệm của Indonesia được thực hiện như sau: (i) Người sáng lập công ty ký và nộp hồ sơ yêu cầu công chứng điều lệ thành lập doanh nghiệp hoặc thay đổi thông tin doanh nghiệp thông qua việc nộp trực tiếp hoặc công chứng điện tử; (ii) Đối với công chứng trực tiếp, Công chứng viên giám sát việc lập hồ sơ thành lập hoặc sửa đổi điều lệ doanh nghiệp phải thừa nhận tư cách đại diện của người sáng lập công ty và văn bản được yêu cầu; Đối với trường hợp công chứng điện tử, Công chứng viên phải xác thực chữ ký để xác thực tài liệu và thừa nhận tư cách pháp lý của người quản lý công ty; (iii) Chứng thư thành lập hoặc văn bản sửa đổi điều lệ công ty được công chứng viên nộp lên Bộ Trưởng Bộ Công Thương để được phê chuẩn; (iv) Công chứng viên truy cập vào cổng thông tin quốc gia về doanh nghiệp<sup>26</sup> để hiện toàn bộ dữ liệu công chứng về hồ sơ doanh nghiệp<sup>26</sup>.

Thứ ba, hướng đến công khai thông tin doanh nghiệp sau khi công chứng lên Cổng thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Có thể thấy, công chứng hồ sơ doanh nghiệp nói chung và điều lệ doanh nghiệp nói riêng không chỉ thực hiện chức năng quản lý nhà nước, mà còn đến bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng cho nhiều bên liên quan. Tiếp thu kinh nghiệm từ Bỉ về việc công khai thông tin doanh nghiệp thông qua website Moniteur Belge. Việt Nam

---

<sup>26</sup> Article 2 The Decree number M.01-HT.01.01 of 2011 of the Republic of Indonesia



cần cho phép việc lưu trữ thông tin doanh nghiệp sau khi công chứng lên Cổng công tin trực thuộc quản lý của Bộ Công Thương miễn là đảm bảo tính nguyên bản, không được biên tập hay chỉnh sửa. Khi thông tin cơ bản của công ty được công khai sẽ giúp phát huy trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, đồng thời đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của công chúng đối với hoạt động kinh tế.

### **Kết luận**

Đơn giản hoá thủ tục hành chính, tạo điều kiện cho nhà đầu tư, người sản xuất, kinh doanh được thuận tiện trong khởi nghiệp và trong quá trình hoạt động kinh doanh, Việt Nam đã nỗ lực thực hiện và đạt được nhiều thành tựu trong phát triển kinh tế. Tuy nhiên, cần nhìn nhận rằng, ta phải trả giá cho sự dễ dãi của mình trong một số thủ tục hành chính quan trọng trong đó có thủ tục thành lập doanh nghiệp và việc kiểm soát tính xác thực trong các hồ sơ và tài liệu của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động. Sau nhiều vụ án lớn, ta cần phải nhìn lại và có biện pháp khắc phục những kẽ hở trong quy định pháp luật. Công chứng điều lệ doanh nghiệp là giải pháp hữu hiệu được áp dụng ở nhiều quốc gia trên thế giới, việc nghiên cứu, học hỏi và cấy ghép vào hệ thống pháp luật Việt Nam là cần thiết nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật phòng chống tội phạm trong lĩnh vực kinh tế, góp phần phát triển kinh tế một cách bền vững, bảo vệ môi trường kinh doanh trong sạch cho các nhà đầu tư và người dân.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Blue Notary, <https://bluenotary.us/legal-documents-required-to-start-a-business/> truy cập ngày 19/8/2024
2. Case C-231/22 Belgian State v Data Protection Authority, tại <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/HTML/?uri=CELEX:62022CC0231> truy cập ngày 17/8/2024
3. California Secretary of State (2023), NotaryPublicHandbook tại <https://notary.cdn.sos.ca.gov/forms/notary-handbook-current.pdf> truy cập ngày 19/8/2024
4. Directive 2017/1132/EU relating to certain aspects of company law
5. Hoàng Hải, Nguyễn Ngọc (2024), Khởi tố 16 đối tượng trong đường dây mua bán trái phép hóa đơn, trốn thuế với tổng số tiền hơn 3.200 tỷ đồng, <https://bocongan.gov.vn/tin-an-ninh-trat-tu/khoi-to-16-doi-tuong-trong-duong-day-mua-ban-trai-phep-hoa-don-tron-thue-voi-tong-so-tien-hon-3200-ty-dong-d22-t40186.html>, truy cập ngày 19/08/2024

6. Hồ Thị Kim Phước (2021), Thực trạng góp vốn “ảo” khi đăng ký doanh nghiệp, nguồn: <https://digital.lib.ueh.edu.vn/handle/UEH/63304>, truy cập ngày 19/08/2024
7. <https://www.sos.ca.gov/business-programs/business-entities/faqs>
8. Ivan Milotić (2018), Historical Uniformity and Diversity of Notaries in the Shadow of Their Modern Transformation, in Transformation of Civil Justice. Ius Gentium: Comparative Perspectives on Law and Justice, vol 70. Springer, Cham. [https://doi.org/10.1007/978-3-319-97358-6\\_21](https://doi.org/10.1007/978-3-319-97358-6_21)
9. Lê Thu (2024), Công an điều tra làm rõ vụ đánh cắp thông tin thành lập doanh nghiệp “ma”, Nguồn: <https://haiquanonline.com.vn/cong-an-dieu-tra-lam-ro-vu-danh-cap-thong-tin-thanh-lap-doanh-nghiep-ma-184283.html>, truy cập ngày 19/08/2024
10. Law No. 2 of 2014 concerning Amendments to Law No. 30 of 2004 of Indonesia
11. Luật Lưu trữ năm 2011
12. Minh Minh (2024), Từ vụ Vạn Thịnh Phát, đề nghị bắt buộc công chứng hồ sơ doanh nghiệp, <https://www.tinnhanhchungkhoan.vn/tu-vu-van-thinh-phat-de-nghi-bat-buoc-cong-chung-ho-so-doanh-nghiep-post347557.html>, truy cập ngày 19/08/2024
13. Minh Ngọc (2024), Vụ án Trịnh Văn Quyết FLC: Nhiều bị cáo khai nhận chỉ được nhờ đứng tên, <https://phunuvietnam.vn/vu-an-trinh-van-quyet-flc-nhieu-bi-cau-khai-nhan-chi-duoc-nho-dung-ten-20240722183955698.htm>, truy cập ngày 19/08/2024
14. Ngô Nguyên (2024), Xét xử “đại án lịch sử” Vạn Thịnh Phát: Gần 95% tài sản của Trương Mỹ Lan có được do thao túng SCB, Nguồn: <https://baodautu.vn/xet-xu-dai-an-lich-su-van-thinh-phat-gan-95-tai-san-cua-truong-my-lan-co-duoc-do-thao-tung-scb-d212149.html>, truy cập ngày 19/08/2024
15. Phan Huy Quyền (2022), Vì sao doanh nghiệp không ngần ngại khai không vốn điều lệ? , nguồn: <https://thesaigontimes.vn/vi-sao-doanh-nghiep-khong-ngan-ngai-khai-khong-von-dieu-le/>, truy cập ngày 19/08/2024
16. Putri, K. M., Anwary, I., & Haiti, D. (2022). Kewajiban Notaris melakukan Pembacaan dan Penandatanganan Akta di Depan Semua Pihak secara Bersama-Sama. Notary Law Journal, 1(2), 157–175. <https://doi.org/10.32801/nolaj.v1i2.21>
17. Tajana Petrović (2022), The Impact of the Notary Profession on Money Laundering Risk Assessment, International Scientific Conference EMAN Economics & Management: How to Cope With Disrupted Times DOI: <https://doi.org/10.31410/EMAN.2022.275>

18. The Decree number M.01-HT.01.01 of 2011 of the Republic of Indonesia
19. The Decree number M.01-HT.01.01 of 2011 of the Republic of Indonesia
20. The Law Number 40 concerning limited liability company 2007 of Indonesia
21. The Programme Law I of 24 December 2002 of Belgium
22. The Regulation (EU) 2016/679 General Data Protection Regulation
23. The Royal Decree 2001 of Belgium
24. Tuyền Phan (2024), Vụ án Trịnh Văn Quyết: 'Màn kịch' nâng khống vốn từ 1,5 tỉ lên tới 4.300 tỉ, <https://thanhnien.vn/vu-an-trinh-van-quyet-man-kich-nang-khong-von-tu-15-ti-len-toi-4300-ti-185240227003722801.htm>, truy cập ngày 19/08/2024
25. U.S.C. 1746 Unsworn Declarations Under Penalty Of Perjury 2006, modified 2012
26. Vụ án Vạn Thịnh Phát và bà Trương Mỹ Lan, <https://vnexpress.net/topic/chu-tich-van-thinh-phat-truong-my-lan-bi-bat-26453>, truy cập ngày 19/08/2024

# CƠ CHẾ ĐẢM BẢO TÍNH XÁC THỰC, HỢP PHÁP CỦA HỒ SƠ DOANH NGHIỆP THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG CÔNG CHỨNG - KINH NGHIỆM MỘT SỐ QUỐC GIA CHÂU ÂU VÀ GỢI MỞ CHO VIỆT NAM

**TS. Phan Hoài Nam**

*Phó Trưởng Khoa Luật Quốc tế, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh*

**Trần Ngọc Văn Quỳnh**

*Công ty TNHH Novartis Việt Nam*

**Nguyễn Hoàng Minh Như**

*Công ty Luật TNHH Gruenkorn & Partner*

## **Tóm tắt:**

Tại Việt Nam hiện nay, thủ tục thành lập doanh nghiệp được đánh giá là tương đối đơn giản, tiềm ẩn nhiều lỗ hổng cho các hành vi gian lận. Tình trạng giả mạo chữ ký trong điều lệ công ty, biên bản họp hội đồng và các văn bản nội bộ đã gây ra hậu quả nghiêm trọng như giả mạo hồ sơ doanh nghiệp, thành lập doanh nghiệp bừa bãi nhằm trốn thuế, rửa tiền, thao túng giá cả thị trường, hay "đóng vai quân xanh" trong các hoạt động đấu thầu, đấu giá. Ở các quốc gia Châu Âu, từ những năm 2000 việc xác nhận thông tin doanh nghiệp được thực hiện bởi các công chứng viên (CCV) thuộc các tổ chức hành nghề công chứng thay vì cơ quan quản lý đăng ký doanh nghiệp. Điều này bắt buộc doanh nghiệp phải công chứng hồ sơ thành lập doanh nghiệp, qua đó tăng cường tính xác thực, tính hợp pháp góp phần tạo dựng môi trường kinh doanh an toàn và minh bạch. Thông qua kinh nghiệm lập pháp của các quốc gia Châu Âu, bài viết đề xuất giải pháp bắt buộc công chứng điều lệ công ty, hồ sơ doanh nghiệp và các biên bản họp của hội đồng quản trị, đại hội đồng cổ đông, hội đồng thành viên cũng như các văn bản khác có liên quan.

**Từ khóa:** công chứng hồ sơ doanh nghiệp, công chứng hồ sơ thành lập doanh nghiệp

## **Abstract:**

*In Vietnam, the current business establishment procedures are generally considered relatively simple, but they harbor vulnerabilities to fraudulent activities. Instances of forged signatures in corporate charters, board meeting minutes, and internal documents can lead to serious consequences, including falsification of business profiles and haphazard business establishment aimed at tax evasion, money laundering, market price manipulation, or even interference in bidding and auctions. In certain European countries, corporate information is*

*verified by notary offices rather than registration authorities from 2000s. This practice compels businesses to notarize their establishment documents, thereby enhancing authenticity and legal compliance, and contributing to a safe and transparent business environment. Drawing from legislative experiences in these European countries, this article proposes the mandatory notarization of corporate charters, business establishment documents, and minutes of meetings for boards of directors, shareholders, executive boards and other relevant documents.*

**Keywords:** business profile notarization, enterprise establishment profile notarization

## **Đặt vấn đề**

Tại buổi thảo luận về dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi) trong khuôn khổ kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XV ngày 25 tháng 6 năm 2024, nhiều ý kiến của Đại biểu Quốc hội cho rằng việc bắt buộc công chứng những văn bản, giấy tờ có liên quan đến hồ sơ thành lập doanh nghiệp nên được xem xét đưa vào dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi)<sup>1</sup>. Một trong số những góp ý của Đại biểu Quốc hội được trình bày tại buổi thảo luận cho rằng, nhằm đạt được mục tiêu thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về cải cách hành chính, cải cách tư pháp, đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của tư pháp, đổi mới tổ chức và hoạt động công chứng, cần thiết phải rà soát và bổ sung các quy định về yêu cầu công chứng đối với hồ sơ thành lập doanh nghiệp<sup>2</sup>. Trên thực tế, hàng loạt những vụ án lớn như vụ việc Vạn Thịnh Phát với hàng ngàn công ty ma được lập ra, vụ việc Công ty Cổ phần Tân Tân,...nếu có quy định bắt buộc công chứng giấy tờ thành lập doanh nghiệp sẽ hạn chế tình trạng người đại diện theo pháp luật lạm dụng chức vụ, quyền hạn, lợi dụng các thủ tục hành chính thông thoáng về thành lập doanh nghiệp nhằm mục đích lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, hay thậm chí là rửa tiền.

### **1. Khái quát về công chứng tài liệu hồ sơ thành lập doanh nghiệp**

Công chứng là việc CCV của một tổ chức hành nghề công chứng chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của hợp đồng, giao dịch dân sự khác bằng văn bản mà theo quy định của pháp luật phải công chứng hoặc cá nhân, tổ chức tự nguyện yêu cầu công chứng theo Điều 2 Luật Công chứng năm 2014. Công chứng viên có thể xác minh danh tính trong trường hợp người yêu cầu công chứng đề nghị, năng lực của người ký, xác nhận việc lập và giao văn bản và đóng dấu và chữ ký của CCV. Qua đó xác minh tính hợp lệ và tính toàn vẹn của tài liệu, đặc biệt khi được sử dụng cho các giao dịch kinh doanh xuyên biên giới. Điều này liên quan đến việc xác minh nguồn gốc, nội dung và chữ ký của tài liệu để đảm bảo nó là bản gốc, chính xác

---

<sup>1</sup> Chương trình Kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XV ngày 25 tháng 6 năm 2024.

<sup>2</sup> Cổng Thông tin điện tử Quốc hội Việt Nam (2024), “ Tổng thuật trực tiếp sáng 25/6: Quốc hội thảo luận về dự án Luật Công chứng (sửa đổi)”, [<https://quochoi.vn/hoatdongcuquochoi/cackyhoppquochoi/quochoikhoaXIII/Pages/danh-sach-ky-hop.aspx?ItemID=87614&CategoryId=0>] (truy cập ngày 08/8/2024).

kể cả trường hợp được ủy quyền. Việc công chứng hồ sơ thành lập doanh nghiệp và các văn bản nội bộ doanh nghiệp là điều cần thiết để thiết lập niềm tin trong các giao dịch kinh doanh vì nó có thể ngăn chặn gian lận, giả mạo và trình bày sai. Một số lợi ích của việc công chứng hồ sơ doanh nghiệp có thể kể đến như:

(i) Bảo vệ quyền và lợi ích của các bên tham gia giao dịch, bên bán, bên mua, nhà đầu tư, bên cho vay hoặc cơ quan quản lý nhà nước<sup>3</sup>;

(ii) Tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện giao dịch suôn sẻ và hiệu quả thông qua việc giải thích pháp luật của Công chứng viên, qua đó hạn chế được rủi ro tranh chấp về sau;

(iii) Đảm bảo được tính minh bạch và độ tin cậy của các bên tham gia giao dịch, vì các văn bản liên quan đến hồ sơ doanh nghiệp đã được công chứng, tuân thủ theo các tiêu chuẩn pháp lý có liên quan.

Vì vậy, nhất thiết cần có một cơ chế bắt buộc nhằm kiểm soát tính trung thực, chính xác, hợp pháp đối với hồ sơ thành lập doanh nghiệp và các giao dịch nội bộ doanh nghiệp đối với bên thứ ba khi giao kết với doanh nghiệp. Quy định bắt buộc công chứng đối với hồ sơ thành lập doanh nghiệp và các văn bản nội bộ doanh nghiệp (như Điều lệ công ty, biên bản họp hội đồng thành viên/ hội đồng quản trị, quyết định bổ nhiệm thành viên...) sẽ đảm bảo được tính pháp lý cho các giao dịch, đặc biệt là đảm bảo tính an toàn pháp lý cho bên thứ ba khi tiến hành các giao dịch với các bên trong nội bộ doanh nghiệp đó.

Dưới góc độ kinh nghiệm các nước cho thấy đã có nhiều quốc gia trên thế giới như Ba Lan, Đức, Nhật Bản, Indonesia... ghi nhận các quy định về công chứng hồ sơ thành lập doanh nghiệp như một biện pháp kiểm soát hành chính hoặc tư pháp phòng ngừa. Các quốc gia đã tiến hành quy định này với mục tiêu có thể bảo đảm được tính hợp pháp, trung thực của các văn bản nội bộ doanh nghiệp (như văn bản chuyển nhượng, mua bán phần vốn góp, điều lệ, hồ sơ doanh nghiệp) trong việc công bố thông tin minh bạch đối với bên thứ ba.

## **2. Pháp luật của một số quốc gia Châu Âu về quy định bắt buộc công chứng đối với hồ sơ thành lập doanh nghiệp**

Tại Điều 11 của Chỉ thị 2009/101/EC nêu rõ rằng “*tại tất cả các Quốc gia thành viên mà pháp luật không quy định về kiểm soát hành chính hoặc tư pháp phòng ngừa, tại thời điểm thành lập công ty, giấy đăng ký thành lập doanh nghiệp, điều lệ công ty và bất kỳ sửa đổi nào đối với các tài liệu đó sẽ được lập và chứng nhận hợp lệ về mặt pháp lý*”<sup>4</sup>. Chỉ thị chung Châu

---

<sup>3</sup> Điều 3 Luật Công chứng năm 2014, Công chứng viên cung cấp dịch vụ công do Nhà nước ủy nhiệm thực hiện nhằm bảo đảm an toàn pháp lý cho các bên tham gia hợp đồng, giao dịch; phòng ngừa tranh chấp; góp phần bảo

<sup>4</sup> Điều 11 Chỉ thị số 2009/101/EC: “*In all Member States whose laws do not provide for preventive administrative or judicial control, at the time of formation of a company, the instrument of constitution, the company statutes and any amendments to those documents shall be drawn up and certified in due legal form.*”

Âu từ lâu đã có những quy định bắt buộc về việc chứng nhận hồ sơ doanh nghiệp thông qua hình thức công chứng như một biện pháp tư pháp, “lá chắn phòng ngừa” nhằm bảo vệ quyền lợi đối với bên thứ ba trong giao dịch. Phần lớn các Quốc gia thành viên như Công hòa Séc, Đức, Ý, Luxembourg và Tây Ban Nha có quy định chặt chẽ hơn trong việc yêu cầu phải có sự tham gia của CCV với vai trò tư vấn cho người đăng ký doanh nghiệp, làm rõ nội dung điều lệ công ty và các tài liệu khác và các tài liệu khác thông qua đó xác minh tính tuân thủ pháp luật của các văn bản này<sup>5</sup> Điều này mang lại sự chắc chắn về mặt pháp lý giúp người đăng ký thận trọng và kĩ càng khi đưa ra quyết định và chịu trách nhiệm đối với quyết định của mình.

## 2.1. Quy định của pháp luật Ba Lan

Theo hình thức truyền thống tại Ba Lan, hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp phải được CCV chứng nhận tính hợp pháp, trong đó giấy đăng ký thành lập doanh nghiệp được ký bởi tất cả các thành viên/ chủ sở hữu phải lập thành “chứng thư công chứng” (tạm dịch từ “*Akt notarialny*”) trước sự chứng kiến của CCV tại các tổ chức hành nghề công chứng. Cụ thể, hình thức này được áp dụng đối với (i) Công ty trách nhiệm hữu hạn và (ii) Công ty cổ phần ở Ba Lan. Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, Điều 106 Bộ luật Doanh nghiệp Thương mại Ba Lan 2000 nêu rõ: “*Giấy chứng nhận đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn phải được ký kết dưới hình thức chứng thư công chứng*”. Mặt khác, khoản 2 Điều 73 Bộ luật Dân sự Ba Lan 1964 quy định: “*Nếu pháp luật yêu cầu một giao dịch phải được thực hiện thông qua một hình thức nhất định mà giao dịch đó không tuân thủ theo quy định thì được xem là vô hiệu*”.

Điều này có thể được hiểu là việc không tuân thủ hình thức chứng thư công chứng khi ký kết giấy đăng ký thành lập doanh nghiệp sẽ dẫn đến việc giao kết thành lập doanh nghiệp trở nên vô hiệu tuyệt đối, Tòa án tiếp nhận sẽ từ chối nhập thông tin vào sổ đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Quy định về hình thức này được áp dụng tương tự đối với công ty cổ phần<sup>6</sup> trong nhiều trường hợp và thời điểm khác nhau. Tại thời điểm thành lập công ty cổ phần, điều lệ công ty phải được công chứng và cam kết của các cổ đông về cổ phần quy định trong điều lệ được lập thành chứng thư công chứng.<sup>7</sup> Sau khi thành lập, hình thức chứng thư công chứng vẫn là yêu cầu bắt buộc, cần phải được duy trì đối với các tài liệu nội bộ như Quyết định thay đổi liên quan đến tăng/ giảm điều lệ công ty và cần thiết ban hành các quyết định như quyết định của thành viên về việc mua một hoặc nhiều cổ phần hiện có<sup>8</sup> hay Quyết định bổ nhiệm

---

<sup>5</sup> Paul Kruger Andersen, Jan Bertil Andersson (2017), “European Model Companies Act”, *LSN Research Paper Series*, số 16-26, tr59.

<sup>6</sup> Điều 300<sup>6</sup> Bộ Luật Doanh nghiệp thương mại 2000 (Kodeks spółek handlowych): *Umowa prostej spółki akcyjnej powinna być zawarta w formie aktu Notarialnego (Giấy chứng nhận đăng ký Công ty cổ phần phải được ký kết dưới hình thức chứng thư công chứng)*.

<sup>7</sup> Khoản 2,4 Điều 310 Bộ luật Doanh nghiệp thương mại.

<sup>8</sup> Khoản 2 Điều 258 Bộ luật Doanh nghiệp thương mại.

cổ đông<sup>9</sup>. Trong nội dung của giấy chứng nhận đăng ký cổ phần đồng thời cần phải nêu rõ mỗi cổ đông mới trong tương lai khi ký vào chứng thư đã được đọc báo cáo của người sáng lập và ý kiến của kiểm toán viên được chứng nhận khi thành lập công ty. Quy định này giúp cho những cổ đông mới sau này nắm được thông tin của công ty từ giai đoạn thành lập một cách chính xác, rõ ràng vì đã được thông qua hoạt động công chứng. Nhìn chung, công chứng được siết chặt ở Ba Lan trước khi thành lập và ngay cả trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp khi ban hành các văn bản liên quan đến vấn đề thay đổi hồ sơ đăng ký doanh nghiệp từ tăng vốn góp của cổ đông, giảm vốn điều lệ, bổ nhiệm cổ đông mới.

Pháp luật Ba Lan giao quyền hạn này cho CCV xuất phát từ Luật Công chứng 1991 yêu cầu CCV “*phải lập chứng thư công chứng nếu pháp luật quy định hoặc đây là ý chí của các bên*”. Khi thực hiện thủ tục công chứng, CCV chủ yếu đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên và bên thứ ba mà có thể có hiệu lực pháp lý.<sup>10</sup> Công chứng viên ở Ba Lan được Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm, do đó, chứng thư công chứng chính là bằng chứng có giá trị pháp, đáng tin cậy, bảo vệ các bên khi có tranh chấp xảy ra. Ngay từ những bước đầu thành lập một doanh nghiệp, CCV không chỉ phải phân tích kỹ lưỡng các tài liệu, văn bản được sử dụng hay cấu trúc quản lý và quy tắc của công ty mà cả ý định thực tế của các bên khi giao kết thành lập doanh nghiệp của các chủ sở hữu, thành viên là không vì mục đích phi pháp có nguy cơ dẫn đến hậu quả pháp lý nghiêm trọng cho cá nhân, xã hội.<sup>11</sup> Sau cùng, hoạt động lưu giữ sổ đăng ký cổ đông cũng được giao cho CCV điều hành một văn phòng công<sup>12</sup> chứng trên lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan<sup>13</sup> thay vì được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ so với pháp luật Việt Nam.

## 2.2. Quy định của pháp luật Cộng hòa Liên bang Đức

Tương tự pháp luật Ba Lan, việc thành lập các doanh nghiệp tại Đức phải được thực hiện thông qua một CCV tại khu vực nơi có trụ sở doanh nghiệp hoặc nơi cư trú của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Theo đó, pháp luật Đức cho rằng việc công chứng hồ sơ thành lập doanh nghiệp sẽ đảm bảo tính xác thực, hợp pháp của các văn bản liên quan đến việc thành lập doanh nghiệp và ràng buộc của chủ thể có liên quan đến pháp nhân này.

---

<sup>9</sup> Điều 259 Bộ luật Doanh nghiệp thương mại.

<sup>10</sup> Khoản 2 Điều 80 Luật Công chứng Ba Lan

<sup>11</sup> Rafał Wrzecionek (2022), *Postępowanie notarialne w Kodeksie spółek handlowych* (Thủ tục Công chứng trong Bộ Luật Doanh nghiệp thương mại), Nxb. Wolters Kluwer Polska, tr.12.

<sup>12</sup> Khoản 3 Điều 122 Luật Doanh nghiệp 2020: “*Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông công ty trong sổ đăng ký cổ đông.*”

<sup>13</sup> Điều 300<sup>31</sup>.1.2 Bộ luật Doanh nghiệp thương mại: “*§ 1. Rejestr akcjonariuszy prowadzi: notariusz prowadzący kancelarię notarialną na terytorium Rzeczypospolitej Polskiej.*”



*Thứ nhất*, về quy định công chứng Điều lệ Công ty có trong Hồ sơ doanh nghiệp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp. Đối với những Công ty Trách nhiệm hữu hạn (“*Công ty TNHH*”), Luật Công ty Trách nhiệm hữu hạn (“*Luật Công ty TNHH*”) quy định Điều lệ công ty phải được công chứng và ký kết bởi tất cả thành viên của Hội đồng thành viên<sup>14</sup> Công ty TNHH. Theo đó, tại khoản 2 Điều 2 Luật Công ty TNHH Đức<sup>15</sup> quy định: “*Điều lệ công ty TNHH chỉ có thể được ký bởi những người được ủy quyền trên cơ sở một giấy ủy quyền*” được lập hoặc xác thực bởi một CCV. Đồng thời, khoản 2 và khoản 3 của Điều 2 Luật Công ty TNHH còn cho phép công chứng điện tử đối với Điều lệ công ty theo quy định tại Điều 16a đến Điều 16 Luật Công chứng<sup>16</sup>. Đối với những Công ty Cổ phần, căn cứ theo khoản 1 Điều 23 Luật Công ty Cổ phần<sup>17</sup> quy định về việc lập Điều lệ Công ty như sau: “*Điều lệ phải được xác lập bằng văn bản công chứng. Người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền được chứng thực bởi một CCV*”. Tương ứng với những quy định trên, khoản 3 Điều 21 Luật Công chứng viên<sup>18</sup> quy định về trách nhiệm của CCV trong việc cấp giấy chứng nhận quyền đại diện được xác lập trong các giao dịch pháp luật (hay còn được gọi là chứng nhận giấy ủy quyền). CCV chỉ tiến hành việc cấp giấy chứng nhận quyền đại diện khi đã xác minh được tính hợp lý hợp pháp của quyền đại diện của người được ủy quyền thông qua việc kiểm tra tài liệu ủy quyền hoặc chứng nhận việc ủy quyền công khai. Đối với trường hợp kiểm tra tài liệu ủy quyền, CCV sẽ tiến hành ghi nhận hình thức ủy quyền và ngày mà giấy ủy quyền được trình cho CCV trên chứng nhận quyền đại diện.

Như vậy, có thể nhận thấy rằng, pháp luật Đức quy định rất chặt chẽ về vấn đề công chứng Điều lệ công ty trong quá trình thành lập doanh nghiệp, việc công chứng Điều lệ công ty chỉ có thể được thực hiện khi Điều lệ này được ký kết bởi những những người có thẩm quyền của Công ty và đã được ủy quyền trên cơ sở giấy ủy quyền được lập hoặc xác thực bởi CCV theo quy định. Trong khi đó, pháp luật Việt Nam hiện nay chưa có bất kỳ quy định nào đề cập về việc bắt buộc công chứng giấy ủy quyền khi tiến hành thủ tục nộp hồ sơ thành lập doanh nghiệp.

*Thứ hai*, về quy định liên quan đến Giấy đề nghị đăng ký thành lập doanh nghiệp có

---

<sup>14</sup> Khoản 1 Điều 2 Luật Công ty TNHH (Gesetz betreffend die Gesellschaften mit beschränkter Haftung – GmbHG): “*Der Gesellschaftsvertrag bedarf notarieller Form. Er ist von sämtlichen Gesellschaftern zu unterzeichnen.*”

<sup>15</sup> Khoản 2 Điều 2 Luật Công ty TNHH Gesetz betreffend die Gesellschaften mit beschränkter Haftung – GmbHG)

<sup>16</sup> Tiểu mục 3 công chứng thông qua hội nghị truyền hình; công chứng điện tử Luật Công chứng (Beurkundungsgesetz (BeurkG))

<sup>17</sup> Khoản 1 Điều 23 Luật Công ty Cổ phần (Aktiengesetz)

<sup>18</sup> Khoản 3 Điều 21 Luật Công chứng viên (Bundesnotarordnung (BNotO): “*Die Notare sind ferner dafür zuständig, Bescheinigungen über eine durch Rechtsgeschäft begründete Vertretungsmacht auszustellen. Der Notar darf die Bescheinigung nur ausstellen, wenn er sich zuvor durch Einsichtnahme in eine öffentliche oder öffentlich beglaubigte Vollmachtsurkunde über die Begründung der Vertretungsmacht vergewissert hat. In der Bescheinigung ist anzugeben, in welcher Form und an welchem Tag die Vollmachtsurkunde dem Notar vorgelegen hat.*”

trong Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp tại Đức, các Công ty khi đăng ký thành lập tại Đức đều được ghi nhận vào Sổ Đăng ký thương mại (*Handelsregister*). Đơn đăng ký thành lập doanh nghiệp của Công ty TNHH được ghi nhận vào Sổ đăng ký thương mại phải được nộp cho tòa án nơi công ty có địa điểm trụ sở đăng ký<sup>19</sup>. Tương tự đối với Đơn đăng ký của Công ty TNHH, khoản 1 Điều 36 Luật Công ty Cổ phần Đức quy định: *“Công ty phải được tất cả các thành viên sáng lập, thành viên ban quản trị và thành viên hội đồng giám sát đăng ký tại tòa án để đưa vào Sổ đăng ký kinh doanh”*.

Tương thích với pháp luật về doanh nghiệp tại Đức, tại Điều 12 Mục 2 Luật Thương mại Đức quy định Đơn đăng ký Công ty (Giấy đề nghị thành lập) vào Sổ đăng ký thương mại phải được nộp dưới dạng điện tử theo mẫu được chứng nhận chính thức. Việc nộp Đơn đăng ký Công ty này phải được kèm theo giấy ủy quyền hoặc giấy chứng nhận quyền đại diện đã được cấp bởi CCV theo khoản 3 Điều 21 Luật Công chứng viên đã được nêu trên<sup>20</sup>. Ngoài ra, đối với trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của loại hình Công ty Cổ phần, Công ty có trách nhiệm nộp Đơn đăng ký vào Sổ đăng ký thương mại về việc đăng ký thay đổi các nội dung có trong Điều lệ Công ty. Toàn bộ nội dung Điều lệ sửa đổi bổ sung phải được đính kèm với Đơn đăng ký. Đồng thời, Điều lệ và Đơn đăng ký này phải được chứng nhận bởi CCV<sup>21</sup> rằng các quy định sửa đổi tương ứng với quy định được Nghị quyết thông qua đối với việc sửa đổi và các điều khoản không thay đổi được giữ nguyên tương ứng với nội dung của quy định được nộp lần cuối cùng trước đó tại Sổ đăng ký thương mại.

*Thứ ba*, về quy định công chứng Danh sách thành viên, Danh sách cổ đông có trong hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp. Đối với loại hình Công ty TNHH, danh sách Hội đồng thành viên hiện hành phải được Ban Điều hành hoặc Công chứng viên phụ trách công chứng Điều lệ trước đó có liên quan nộp vào sổ đăng ký thương mại ngay lập tức khi công ty được thành lập. Đối với trường hợp thay đổi cơ cấu sở hữu, Danh sách thành viên này phải được cung cấp cùng với chứng nhận công chứng rằng các mục đã sửa đổi tương ứng với các thay đổi mà CCV đã tham gia và các mục còn lại tương ứng với nội dung của danh sách cuối cùng

---

<sup>19</sup> Khoản 1 Điều 7 Luật Công ty TNHH (Gesetz betreffend die Gesellschaften mit beschränkter Haftung – GmbHG): *“Die Gesellschaft ist bei dem Gericht, in dessen Bezirk sie ihren Sitz hat, zur Eintragung in das Handelsregister anzumelden.”*

<sup>20</sup> Điều 12 Luật Thương mại (Handelsgesetzbuch): *“Anmeldungen zur Eintragung in das Handelsregister sind elektronisch in öffentlich beglaubigter Form einzureichen. Die gleiche Form ist für eine Vollmacht zur Anmeldung erforderlich. Anstelle der Vollmacht kann die Bescheinigung eines Notars nach § 21 Absatz 3 der Bundesnotarordnung eingereicht werden. Rechtsnachfolger eines Beteiligten haben die Rechtsnachfolge soweit tunlich durch öffentliche Urkunden nachzuweisen.”*

<sup>21</sup> Khoản 1 Điều 181 Luật Công ty Cổ phần: *“Der Vorstand hat die Satzungsänderung zur Eintragung in das Handelsregister anzumelden. Der Anmeldung ist der vollständige Wortlaut der Satzung beizufügen; er muß mit der Bescheinigung eines Notars versehen sein, daß die geänderten Bestimmungen der Satzung mit dem Beschluß über die Satzungsänderung und die unveränderten Bestimmungen mit dem zuletzt zum Handelsregister eingereichten vollständigen Wortlaut der Satzung übereinstimmen.”*

đã được ghi nhận tại Sổ đăng ký thương mại<sup>22</sup>.

Bên cạnh đó, pháp luật về doanh nghiệp Đức còn đặt ra yêu cầu công chứng đối với nhiều trường hợp làm thay đổi lớn đến cơ cấu sở hữu cũng như hoạt động của công ty như yêu cầu bắt buộc công chứng. Đối với loại hình Công ty TNHH, pháp luật Đức quy định bắt buộc công chứng đối với Thỏa thuận mua bán phần vốn góp<sup>23</sup>; Quyết định sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty<sup>24</sup>; Tăng phần vốn góp<sup>25</sup>; Giảm phần vốn góp<sup>26</sup>. Đối với loại hình Công ty Cổ phần, những trường hợp pháp luật về doanh nghiệp Đức yêu cầu công chứng bao gồm: Nghị quyết sửa đổi bổ sung Điều lệ công ty<sup>27</sup>; Quyết định bổ nhiệm Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Kiểm toán<sup>28</sup>; Biên bản Họp nội bộ<sup>29</sup>; sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty<sup>30</sup>; Tăng vốn<sup>31</sup>; Báo cáo tài chính hằng năm<sup>32</sup>; Nghị quyết họp Đại hội đồng Cổ đông<sup>33</sup>.... Đồng thời khoản 2 Điều 241 Luật Công ty Cổ phần Đức quy định bất kỳ Quyết định bổ nhiệm nào được ban hành theo Điều 130 của Luật này đều sẽ bị vô hiệu nếu không được ghi nhận bởi một CCV.

Tóm lại, pháp luật Đức ghi nhận khá nhiều nhiệm vụ và vai trò đối với CCV trong việc hỗ trợ doanh nghiệp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp cũng như khi tiến hành thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. Theo quy định của Luật Công chứng viên, bên cạnh nhiệm vụ chứng nhận đại diện. Công chứng viên tại Đức còn chịu trách nhiệm trong việc cấp giấy chứng nhận về sự tồn tại của một pháp nhân có năng lực pháp lý, chứng nhận việc thay đổi thông tin doanh nghiệp, chuyển đổi hoặc các trường hợp liên quan đến pháp lý khác phát sinh ghi nhận

---

<sup>22</sup> Khoản 2 Điều 40 Luật Công ty TNHH: *“Hat ein Notar an Veränderungen nach Absatz 1 Satz 1 mitgewirkt, hat er unverzüglich nach deren Wirksamwerden ohne Rücksicht auf etwaige später eintretende Unwirksamkeitsgründe die Liste anstelle der Geschäftsführer zu unterschreiben oder mit seiner qualifizierten elektronischen Signatur zu versehen, zum Handelsregister einzureichen und eine Abschrift der geänderten Liste an die Gesellschaft zu übermitteln. Die Liste muss mit der Bescheinigung des Notars versehen sein, dass die geänderten Eintragungen den Veränderungen entsprechen, an denen er mitgewirkt hat, und die übrigen Eintragungen mit dem Inhalt der zuletzt im Handelsregister aufgenommenen Liste übereinstimmen.”*

<sup>23</sup> Khoản 3, khoản 4 Điều 15 Luật Công ty TNHH (Gesetz betreffend die Gesellschaften mit beschränkter Haftung – GmbHG)

<sup>24</sup> Khoản 2 Điều 53 Luật Công ty TNHH (Gesetz betreffend die Gesellschaften mit beschränkter Haftung – GmbHG)

<sup>25</sup> Khoản 1 Điều 54 Luật Công ty TNHH (Gesetz betreffend die Gesellschaften mit beschränkter Haftung – GmbHG)

<sup>26</sup> Khoản 1 Điều 58f Luật Công ty TNHH (Gesetz betreffend die Gesellschaften mit beschränkter Haftung – GmbHG)

<sup>27</sup> Khoản 2 Điều 248 Luật Công ty Cổ phần (Aktiengesetz)

<sup>28</sup> Điều 30 Luật Công ty Cổ phần (Aktiengesetz)

<sup>29</sup> Điều 130 Luật Công ty Cổ phần (Aktiengesetz)

<sup>30</sup> Điều 181 Luật Công ty Cổ phần (Aktiengesetz)

<sup>31</sup> Điều 235 Luật Công ty Cổ phần (Aktiengesetz)

<sup>32</sup> Khoản 3 Điều 256 Luật Công ty Cổ phần (Aktiengesetz)

<sup>33</sup> Khoản 3 Điều 285 Luật Công ty Cổ phần (Aktiengesetz)

vào Sổ đăng ký thương mại hoặc tương tự.<sup>34</sup>

### **3. Thực tiễn pháp luật Việt Nam và gợi mở từ kinh nghiệm từ một số quốc gia Châu Âu**

#### **3.1. Quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành**

Luật Công chứng Việt Nam hiện hành cũng như các văn bản hướng dẫn luật chuyên ngành chưa có sự ghi nhận về trường hợp công chứng bắt buộc đối với đối với hồ sơ thành lập doanh nghiệp cũng như văn bản, giấy tờ nội bộ của doanh nghiệp như điều lệ công ty, giấy ủy quyền, các biên bản họp Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông và đặc biệt là hồ sơ doanh nghiệp. Bộ luật Dân sự năm 2015 không quy định cụ thể về việc công chứng giấy ủy quyền, mà chỉ chỉ dừng lại ở việc quy định chung về thời hạn, hình thức ủy quyền. Tương tự như tại Điều 24 Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Nghị định 01/2021/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp<sup>35</sup>, có thể thấy thủ tục thành lập và thay đổi đăng ký doanh nghiệp tương đối dễ dàng, không bắt buộc hồ sơ khi nộp đến Phòng Đăng ký kinh doanh phải thông qua công chứng, dường như “nút thắt” về sự phức tạp, phiền hà trong hoạt động đăng ký kinh doanh được tháo gỡ<sup>36</sup>. Khác với pháp luật Ba Lan và Cộng hòa Liên bang Đức, CCV tại các quốc gia này có nhiệm vụ xác minh tính tuân thủ pháp luật của các văn bản được yêu cầu công chứng trong hồ sơ thành lập doanh nghiệp thì theo pháp luật Việt Nam, căn cứ theo Điều 8.3 Luật Doanh nghiệp 2020, doanh nghiệp phải tự chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo nội bộ doanh nghiệp. Thậm chí, hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp, hợp đồng chuyển nhượng cổ phần và giấy đề nghị thay đổi thành viên góp vốn cũng không có yêu cầu bắt buộc phải công chứng theo quy định pháp luật.<sup>37</sup> Xuất phát từ quy định thông thoáng về mặt thủ tục, các doanh nghiệp không gặp quá nhiều khó khăn khi thành lập đã vô tình tạo nên khe hở khiến cho các đối tượng có mục đích xấu lợi dụng qua các vấn nạn giả chữ ký, thuê người làm người đại diện theo pháp luật, thành lập công ty “ma” để mua bán hóa đơn, hợp pháp hóa hành vi rửa tiền, chuyển nhượng vốn góp, cổ phần bất hợp pháp.

#### **3.2. Gợi mở chính sách cho Việt Nam**

Trên cơ sở những bất cập và vướng mắc hiện nay đối với quá trình quản lý hồ sơ đăng

---

<sup>34</sup> Khoản 1 Điều 21 Luật Công chứng viên (Bundesnotarordnung (BNotO))

<sup>35</sup> Nội dung này cũng được quy định tương tự trong Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 21/NĐ-CP. Nguồn: <https://thuvienphapluat.vn/chinh-sach-phap-luat-moi/vn/ho-tro-phap-luat/chinh-sach-moi/70524/tai-ve-du-thao-nghi-dinh-ve-dang-ky-doanh-nghiep-thay-the-nghi-dinh-01-2021> (truy cập ngày 05/8/2024).

<sup>36</sup> Lê Trung Sơn (2021), “Bất cập về quy định “hồ sơ hợp lệ” trong đăng ký doanh nghiệp - Thực tiễn và giải pháp”, Tạp chí Luật sư Việt Nam điện tử, [<https://lsvn.vn/bat-cap-ve-quy-dinh-ho-so-hop-le-trong-dang-ky-doanh-nghiep-thuc-tien-va-giai-phap1631705975.html>] (truy cập ngày 19/8/2024).

<sup>37</sup> Khoản 2 Điều 127 Luật Doanh nghiệp 2020.

ký doanh nghiệp tại Việt Nam, dựa trên cơ sở kinh nghiệm của một số nước nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất một số gợi mở cho Việt Nam một số kiến nghị và giải pháp như sau:

*Thứ nhất*, hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp cần được ràng buộc chặt chẽ hơn thông qua hoạt động công chứng. Liên quan đến việc thành lập doanh nghiệp tại Đức và Ba Lan, hai quốc gia này đã xây dựng khung pháp lý chặt chẽ, có sự tương thích giữa các quy định các văn bản pháp luật trong hệ thống pháp luật từ Luật Thương mại, Luật Công ty đến Luật Công chứng nhằm đảm bảo ràng buộc quyền hạn và trách nhiệm các bên tham gia từ CCV, cơ quan đăng ký đến chủ sở hữu doanh nghiệp hay bên thứ ba. Vấn đề thành lập doanh nghiệp thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp 2020, do đó, cần bổ sung hình thức công chứng đối với các hồ sơ cụ thể Hồ sơ hợp lệ được định nghĩa tại Điều 4.1 Luật này cần được bổ sung thành “là hồ sơ có đầy đủ giấy tờ được kê khai đầy đủ theo quy định của luật này và nội dung các giấy tờ đó được công chứng hợp lệ theo quy định của pháp luật về công chứng”. Các văn bản dưới Luật doanh nghiệp như Nghị định 01/2021/NĐ-CP về Đăng ký doanh nghiệp cần thiết cũng phải sửa đổi yêu cầu đối với các tài liệu trong hồ sơ doanh nghiệp như giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.

Song song đó, Luật công chứng 2014 hiện đang có Dự thảo sửa đổi, nhóm tác giả khuyến nghị bổ sung thêm quyền hạn của CCV đối với các loại tài liệu cần công chứng đã được quy định trong luật doanh nghiệp từ khi thành lập doanh nghiệp đến những tài liệu nội bộ trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Chẳng hạn như các loại hợp đồng, giao dịch, hồ sơ thành lập doanh nghiệp, điều lệ công ty, các biên bản họp Hội đồng quản trị, Đại hội cổ đông, Hội đồng thành viên trong doanh nghiệp là trường hợp cần công chứng trong dự thảo Luật nhằm đảo bảo tính xác thực, hợp pháp, công khai, minh bạch và thuận lợi hơn cho quá trình thực hiện hoạt động kinh doanh. Việc ghi nhận bổ sung các quy định bắt buộc đối với việc công chứng hồ sơ doanh nghiệp và các văn bản nội bộ của doanh nghiệp đối với bên thứ ba vào Luật Công chứng (sửa đổi) sẽ đảm bảo được tính thống nhất và tương thích trong hệ thống pháp luật theo các quy định pháp luật hiện hành như Luật doanh nghiệp 2020, Nghị định 01/2021/NĐ-CP,... Qua đó, đảm bảo được tính chặt chẽ, trung thực và minh bạch hơn trong các giao dịch và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp.

Hơn nữa, việc xây dựng và ban hành quy định về các trường hợp công chứng bắt buộc đối với các giấy tờ, văn bản nội bộ có liên quan đến hồ sơ thành lập doanh nghiệp là hoàn toàn cấp thiết và phù hợp với thông lệ chung của quốc tế về cơ chế lập pháp trong lĩnh vực công chứng. Nhìn chung, việc điều chỉnh khung pháp luật góp phần khắc phục được tình trạng giả chữ ký trong hồ sơ thành lập doanh nghiệp, hạn chế tình trạng thành lập doanh nghiệp tràn lan. Thông qua những quy định chặt chẽ, cơ quan nhà nước một phần kiểm soát được việc khai vốn điều lệ, giảm thiểu tình trạng khai khống, hợp thức hóa.

*Thứ hai*, về phạm vi công chứng hồ sơ doanh nghiệp. Đối với phạm vi công chứng hồ

sơ doanh nghiệp, học hỏi kinh nghiệm từ các quốc gia ở Liên minh Châu Âu nói chung và pháp luật hai quốc gia được nghiên cứu trong bài viết là Ba Lan và Đức nói riêng, có thể thấy, CCV tham gia vào hầu hết trong quy trình chứng nhận các tài liệu có trong hồ sơ doanh nghiệp của Công ty cổ phần và Công ty Trách nhiệm hữu hạn. Đề xuất mở rộng công chứng không chỉ đối với Công ty cổ phần, Công ty Trách nhiệm hữu hạn mà tất cả các loại hình tổ chức kinh tế còn lại bởi lẽ thủ tục thành lập theo Luật Doanh nghiệp năm 2020 hiện nay chỉ ở mức đơn giản không phân biệt vốn điều lệ hay quốc tịch của nhà đầu tư... Mặt khác, hoạt động công chứng cần được duy trì từ thời điểm thành lập doanh nghiệp cho đến sau khi doanh nghiệp được thành lập có phát sinh những thay đổi liên quan đến hồ sơ ban đầu cần ban hành như biên bản họp Đại hội đồng cổ đông công ty cổ phần, quyết định bổ nhiệm thành viên,... Những doanh nghiệp đã được thành lập hiện nay, đối với những thay đổi, bổ sung so với điều lệ công ty sẽ phải thực hiện công chứng nhằm rà soát một lần nữa tình hình hoạt động thực tế của các doanh nghiệp và bảo vệ tốt nhất quyền lợi của người tham gia sau này.

#### **4. Kết luận**

Theo cập nhật của Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) đến ngày 24/3/2024,<sup>38</sup> doanh nghiệp thành lập mới tăng nhanh cả về số lượng và vốn đăng ký song doanh nghiệp vốn được xem là lực lượng nòng cốt của kinh tế đất nước<sup>39</sup>, có những tác động và ảnh hưởng nhất định đến việc phát triển kinh tế xã hội. Do đó, để ngăn chặn những hậu pháp lý nghiêm trọng xuất phát từ sự thiếu sót của một cơ chế đảm bảo tính xác thực, hợp pháp của hồ sơ doanh nghiệp trên thực tế, các nhà lập pháp cần cân nhắc bổ sung, sửa đổi quy định pháp luật hiện hành sao cho phù hợp với xu hướng và thông lệ quốc tế. Thông qua bài viết, nhóm tác giả nhận thấy công chứng hồ sơ thành lập doanh nghiệp và các tài liệu nội bộ trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp là phương án bắt buộc ở Ba Lan và Đức khi góp phần tăng cường tuân thủ pháp luật và đảm bảo tính hợp pháp của giao dịch kinh doanh mà Việt Nam có thể học hỏi.

#### **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Công Thông tin điện tử Quốc hội Việt Nam (2024), “ Tổng thuật trực tiếp sáng 25/6: Quốc hội thảo luận về dự án Luật Công chứng (sửa đổi)”,

---

<sup>38</sup> “Doanh nghiệp thành lập mới tăng cả về số lượng và vốn đăng ký”, *Tạp chí Công thương điện tử*, [<https://tapchicongthuong.vn/doanh-nghiep-thanh-lap-moi-tang-ca-ve-so-luong-va-von-dang-ky-118889.htm>] (truy cập ngày 26/8/2024).

<sup>39</sup> “Phát triển doanh nghiệp Việt Nam lớn mạnh trở thành nòng cốt của kinh tế đất nước theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng”, *Tạp chí Công sản điện tử*, [<https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/824009/phat-trien-doanh-nghiep-viet-nam-lon-manh-tro-thanh-nong-cot-cua-kinh-te-dat-nuoc-theo-tinh-than-dai-hoi-xiii-cua-dang.aspx>] (truy cập ngày 23/8/2024).

[\[https://quochoi.vn/hoatdongcuaquochoi/cackyhoppquochoi/quochoikhoaXIII/Pages/danh-sach-ky-hop.aspx?ItemID=87614&CategoryId=0\]](https://quochoi.vn/hoatdongcuaquochoi/cackyhoppquochoi/quochoikhoaXIII/Pages/danh-sach-ky-hop.aspx?ItemID=87614&CategoryId=0) (truy cập ngày 08/8/2024);

2. Nabilah Apriani, Irgi Alfian, Melia Putri Purnama Sari (2024), “The application of Cyber Notary in Indonesia”, *Jurnal Ius Constituendum*, Volume 9, Nomor 1;
3. Paul Kruger Andersen, Jan Bertil Andersson (2017), “European Model Companies Act”, LSN Research Paper Series, số 16-26;
4. Rafał Wrzecionek (2022), *Postępowanie notarialne w Kodeksie spółek handlowych* (Thủ tục Công chứng trong Bộ Luật Doanh nghiệp thương mại), Nxb. Wolters Kluwer Polska;
5. Nguyễn Đức Kha (2021), “Phát triển doanh nghiệp Việt Nam lớn mạnh trở thành nòng cốt của kinh tế đất nước theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng”, *Tạp chí Công sản điện tử*, [\[https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/824009/phan-trien-doanh-nghiep-viet-nam-lon-manh-tro-thanh-nong-cot-cua-kinh-te-dat-nuoc-theo-tinh-than-dai-hoi-xiii-cua-dang.aspx\]](https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/824009/phan-trien-doanh-nghiep-viet-nam-lon-manh-tro-thanh-nong-cot-cua-kinh-te-dat-nuoc-theo-tinh-than-dai-hoi-xiii-cua-dang.aspx);
6. Việt Hằng (2024), “Doanh nghiệp thành lập mới tăng cả về số lượng và vốn đăng ký”, *Tạp chí Công thương điện tử*, [\[https://tapchicongthuong.vn/doanh-nghiep-thanh-lap-moi-tang-ca-ve-so-luong-va-von-dang-ky-118889.htm\]](https://tapchicongthuong.vn/doanh-nghiep-thanh-lap-moi-tang-ca-ve-so-luong-va-von-dang-ky-118889.htm) (truy cập ngày 26/8/2024).

# CÔNG CHỨNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY - NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

**TS.CCV. Ninh Thị Hiền**

*Trưởng Văn phòng công chứng Ninh Thị Hiền*

## **Tóm tắt:**

Bài viết phân tích về bản chất và các tiêu chuẩn của Điều lệ công ty; thực trạng pháp luật về xác lập, sửa đổi, bổ sung Điều lệ và thực tiễn áp dụng nội dung Điều lệ công ty trong quá trình hoạt động. Cùng với việc so sánh pháp luật một số các quốc gia khi Điều lệ được xác thực bởi công chứng viên, tác giả đã đề xuất một số giải pháp cho việc công chứng Điều lệ công ty nên được quy định trong dự thảo luật Công chứng (sửa đổi) lần này.

**Từ khóa:** Công chứng; Điều lệ công ty; Bản chất Điều lệ công ty; Tiêu chuẩn Điều lệ công ty

## **Abstract:**

*The article analyzes the nature and standards of company charters; the current legal framework regarding the establishment, amendment, and supplementation of the charter, and the practical application of the company charter during operation. Along with a comparison of the laws of several countries where the company charter is authenticated by a notary, the author proposes several solutions, suggesting that the notarization of company charters should be regulated in the draft Law on Notarization (amended).*

**Keywords:** *Notarization; Company Charter; Nature of Company Charter; Standards of Company Charter.*

## **Dẫn nhập:**

Từ những ngày đầu, Điều lệ công ty là “bản cam kết của tất cả thành viên về thành lập và hoạt động của công ty, được thông qua tại Đại hội đồng thành lập” Luật Công ty năm 1990. Tại một số quốc gia trên thế giới, Điều lệ công ty hay Văn bản thỏa thuận thành lập doanh nghiệp được công chứng trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đã trở thành chuẩn mực pháp lý mà nhà nước đặt ra để các bên thực hiện việc quản lý, hoạt động, kiểm tra, giám sát và bảo vệ tài sản đã chuyển vào công ty dưới nhiều hình thức khác nhau.



Tại Việt Nam, pháp luật chưa quy định Điều lệ công ty, các biên bản họp nội bộ doanh nghiệp làm thay đổi nội dung Điều lệ công ty buộc phải công chứng là một trong nhiều nguyên nhân gây ra các vụ việc như: thành lập doanh nghiệp “ma” để lừa đảo<sup>1</sup>, người quản lý công ty, cơ quan quản lý công ty thực hiện không đúng quyền và trách nhiệm được quy định trong Điều lệ làm thiệt hại đến tài sản của thành viên và cổ đông... Bài viết tập trung trình bày về bản chất, tiêu chuẩn và sự cần thiết công chứng Điều lệ công ty, đối sánh kinh nghiệm nước ngoài với thực trạng về vi phạm pháp luật liên quan đến Điều lệ công ty trong nước nhằm quy định công chứng Điều lệ công ty trong dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi).

## **1. Bản chất của Điều lệ công ty**

### *i) Điều lệ công ty là một hợp đồng đặc biệt*

Điều lệ công ty là một hợp đồng đặc biệt liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia vào hoạt động của công ty. Điều lệ của công ty có sự khác biệt nhất định so với hợp đồng, giao dịch thông thường. Một trong bốn sự khác biệt cơ bản của Điều lệ so với hợp đồng là<sup>2</sup>: (i) các bên tham gia Điều lệ, (ii) cách sửa đổi Điều lệ, (iii) hiệu lực của Điều lệ và (iv) các biện pháp khắc phục áp dụng đối với vi phạm Điều lệ.

Điều lệ công ty điều chỉnh mối quan hệ giữa ba nhóm chủ thể cơ bản là (i) thành viên hoặc cổ đông, (ii) công ty (bao gồm các cơ quan quản lý và người quản lý doanh nghiệp) và (iii) bên thứ ba. Khác với hợp đồng thông thường, bản Điều lệ ban đầu không được thảo luận và ký bởi tất cả các bên kể trên mà chỉ được ký bởi các thành viên hoặc cổ đông sáng lập. Thành viên hoặc cổ đông không phải thành viên hoặc cổ đông sáng lập không cần ký vào Điều lệ tại thời điểm công ty được thành lập. Các thành viên hoặc cổ đông tự nguyện tham gia vào công ty sau thời điểm công ty được thành lập không cần ký vào Điều lệ. Cũng tương tự như vậy, công ty và bên thứ ba không phải là một bên ký Điều lệ ban đầu, do đó Điều lệ công ty không ràng buộc nghĩa vụ với bên thứ ba. Điều lệ công ty cũng có thể được sửa đổi, bổ sung trong quá trình công ty hoạt động.

Điều lệ của mỗi công ty chính là bản “hiến pháp” cá thể hóa các nội dung về Điều lệ công ty do Luật Doanh nghiệp quy định. Điều lệ công ty sẽ được ưu tiên áp dụng trước các văn bản pháp luật khi công ty có những hoạt động tác động đến quyền của thành viên hoặc cổ đông. Một số quốc gia yêu cầu Công chứng viên (CCV) phải kiểm tra nội dung Điều lệ công ty có đủ nội dung mà pháp luật quy định hay không, kiểm tra tính không trái luật, đạo đức xã

---

<sup>1</sup> Văn bản số: 4900/VPCP-TH ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Văn phòng Chính phủ V/v Tăng cường kiểm soát, quản lý việc đăng ký thành lập doanh nghiệp.

<sup>2</sup> Trương Nhật Quang, *Pháp luật về doanh nghiệp các vấn đề pháp lý cơ bản*, Nxb Dân Trí, tr. 351.

hội và trật tự công<sup>3</sup> với mục đích để bảo vệ quyền và lợi ích của các bên tham gia vào hoạt động của công ty.

ii) *Điều lệ công ty là căn cứ để các bên thực hiện quyền thành viên và quyền cổ đông*

Điều lệ công ty quy định cấu trúc về quyền sở hữu vốn góp và cổ phần. Mục đích của thành viên và cổ đông góp vốn vào công ty để tìm kiếm lợi nhuận. Khi thành viên hoặc cổ đông chuyển tài sản của mình cho công ty thì xem như họ đã chuyển quyền sở hữu tài sản có cấu trúc quyền sở hữu do Bộ luật dân sự điều chỉnh thành quyền của chủ sở hữu vốn góp hoặc cổ phần có mà việc thực hiện quyền được Luật doanh nghiệp và các văn bản liên quan khác điều chỉnh.

Cấu trúc quyền của thành viên hoặc cổ đông tương tự gồm hai nhóm: Quyền về kinh tế và quyền phi kinh tế: có 6 quyền về kinh tế gồm: 1) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác; 2) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; 3) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông; 4) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác trừ một số trường hợp theo quy định; 5) Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty; 6) Quyền yêu cầu công ty mua lại phần vốn góp hoặc cổ phần của mình.

Có 7 (bảy) quyền phi tài sản gồm: 1) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết; 2) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; 3) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có điều kiện khác sẽ được quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty; 4) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông; 5) Có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. 6) Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. 7) Tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện người quản lý công ty.

Khi thành viên hoặc cổ đông thực hiện quyền tài sản và quyền phi tài sản được Điều lệ và pháp luật quy định có nghĩa là họ thực hiện quyền đối với quyền sở hữu tài sản của mình trong công ty. Có sự phân biệt về quyền giữa hai nhóm cổ đông: Quyền được xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại

---

<sup>3</sup> Xem thêm luật công chứng Hàn Quốc tại [https://elaw.klri.re.kr/eng\\_mobile/viewer.do?hseq=46308&type=sogan&key=9](https://elaw.klri.re.kr/eng_mobile/viewer.do?hseq=46308&type=sogan&key=9)

hội đồng cổ đông (Điều 115 LDN 2020) là quyền căn bản và là quyền tối thiểu của cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông. Riêng cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty mới có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác. Có nghĩa là những quyết định hàng ngày của người quản lý và cơ quan quản lý có ảnh hưởng trực tiếp đến giá trị tài sản của cổ đông đã bị giới hạn đối với cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông.

Do đó, Điều lệ doanh nghiệp chính là văn bản pháp lý quan trọng nhất hỗ trợ quá trình ra quyết định của các nhà đầu tư, đồng thời để thành viên, cổ đông thực hiện quyền sở hữu tài sản của mình trong hoạt động của doanh nghiệp.

*iii) Quyền và trách nhiệm của cơ quan và người điều hành pháp nhân quy định trong Điều lệ tác động đến quyền sở hữu tài sản của thành viên và cổ đông công ty*

Nội dung của Điều lệ công ty quy định về cơ cấu tổ chức quản lý, số lượng, chức danh quản lý, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Điều 83 BLDS năm 2015 quy định cơ cấu tổ chức của pháp nhân phải có cơ quan điều hành. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan điều hành của pháp nhân được quy định trong Điều lệ của pháp nhân hoặc trong quyết định thành lập pháp nhân.

Trong cơ cấu tổ chức quản lý công ty TNHH hai thành viên trở lên<sup>4</sup> và Cơ cấu tổ chức quản lý công ty cổ phần<sup>5</sup> đều quy định: nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan quản lý và người quản lý, số lượng, chức danh quản lý và quyền, phạm vi nghĩa vụ của người từng người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Pháp luật dân sự quy định “Pháp nhân phải chịu trách nhiệm dân sự về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự do người đại diện xác lập, thực hiện nhân danh pháp nhân. Pháp nhân chịu trách nhiệm dân sự bằng tài sản của mình”.

Ví dụ, Điều 153 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao, Điều 162 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

---

<sup>4</sup> Điều 54 Luật Doanh nghiệp năm 2020 về Cơ cấu tổ chức quản lý công ty đối với Công ty TNHH hai thành viên trở lên.

<sup>5</sup> Điều 137 Luật Doanh nghiệp năm 2020 về Cơ cấu tổ chức quản lý công ty cổ phần.

Quy định trên cho thấy sự tách rời giữa quyền sở hữu (property rights) và quyền quản lý (management rights) trong doanh nghiệp. Việc tách rời hai quyền này đặt yêu cầu nhà nước cần tăng cường cơ chế quản lý, giám sát và đảm bảo rằng mọi doanh nghiệp hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam đều tuân thủ đúng các quy định pháp luật.

Nhà nước thông qua quy định của pháp luật đảm bảo rằng Điều lệ là công cụ để bảo vệ khi các bên khi cơ quan, người quản lý công ty có thể đã làm thiệt hại đến tài sản là phần vốn góp, cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu của mình trong công ty. Đồng thời tòa án căn cứ vào Điều lệ để làm căn cứ thụ lý và giải quyết vụ án<sup>6</sup>. Do đó, Điều lệ công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn không phải chứng minh của chứng cứ.

## **2. Tiêu chuẩn của Điều lệ công ty**

Với vai trò và bản chất của Điều lệ công ty như trên thì Điều lệ công ty ban đầu (initial articles of incorporation) và bản Điều lệ được sửa đổi, bổ sung cần phải có những tiêu chuẩn sau đây:

### **Thứ nhất: Nội dung của Điều lệ công ty phải phù hợp với quy định của pháp luật.**

Điều lệ công ty ghi nhận những thông tin cơ bản thỏa thuận giữa các bên cùng nhau thực hiện các công đoạn của quá trình từ đầu tư, sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích tìm kiếm lợi nhuận. Điều 24 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định 13 nội dung cần phải có của Điều lệ. Các nội dung này được doanh nghiệp sử dụng để công bố thông tin doanh nghiệp đồng thời cũng là nội dung trên Bản cáo bạch<sup>7</sup> của công ty cổ phần đại chúng sử dụng để huy động vốn từ thị trường chứng khoán. Do đó, nội dung Điều lệ công ty phải đầy đủ, chính xác, trung thực, phù hợp quy định của pháp luật và là công cụ để nhà đầu tư ra quyết định đầu tư và Nhà nước quản lý doanh nghiệp.

Bản Điều lệ là một thỏa thuận nên các thành viên thành lập doanh nghiệp tuân thủ nguyên tắc “Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội”, Điều 3 BLDS năm 2015.

### **Thứ hai: Điều lệ công ty phải được các bên xác lập, thực hiện một cách thiện chí, trung thực.**

Điều 8 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định: Doanh nghiệp phải có nghĩa vụ chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh

---

<sup>6</sup> Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 V/v Thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong xét xử.

<sup>7</sup> Điều 19 Luật Chứng khoán năm 2019.

nghiệp và các báo cáo; trường hợp phát hiện thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.

Để đảm bảo an toàn trong môi trường đầu tư, pháp luật quy định “đối với hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán phải cung cấp thông tin chính xác, trung thực, đầy đủ những nội dung quan trọng và không gây hiểu nhầm ảnh hưởng đến quyết định của nhà đầu tư”<sup>8</sup>. Pháp luật một số quốc gia yêu cầu CCV, bên trung gian giữa nhà nước và doanh nghiệp, gián tiếp kiểm soát tính trung thực, tự chịu trách nhiệm về nội dung tuyên bố bằng cách buộc công chứng Điều lệ công ty.

### **Thứ ba: Điều lệ công ty phải đảm bảo tính xác thực**

Thông tin về thành viên sáng lập, nội dung mà các bên tuyên bố phải phù hợp với quy định của pháp luật, thời gian, địa điểm mà các bên xác lập Điều lệ phải đảm bảo tính xác thực (hợp pháp, trung thực và chính xác). Tại Việt Nam, tính xác thực được cung cấp bởi CCV của tổ chức hành nghề công chứng là người được nhà nước uỷ nhiệm cung cấp dịch vụ công độc lập với các bên xác lập Điều lệ.

Ý nghĩa của hoạt động công chứng trong việc chứng nhận tính xác thực cho văn bản công chứng là làm cho văn bản công chứng có giá trị pháp lý, có độ tin cậy cao cho việc thực thi và là chứng cứ trong trường hợp có tranh chấp xảy ra. Hoạt động công chứng còn có ý nghĩa cảnh báo và định hướng hành vi của người yêu cầu công chứng. Chức năng cảnh báo đóng vai trò kiểm tra hành động thiếu cân nhắc của người yêu cầu công chứng, nhắc nhở người cam kết phải dựa trên cơ sở vững chắc cho việc thực hiện lời hứa của mình. Chức năng định hướng đảm bảo việc người tham gia giao dịch không chỉ ghi nhớ lời hứa mà còn báo hiệu về sự ràng buộc nghĩa vụ<sup>9</sup>.

Chức năng định hướng hành vi có tác dụng cảnh báo người quản lý doanh nghiệp thực hiện quyền và nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty; Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác<sup>10</sup>.

---

<sup>8</sup> Trương Nhật Quang, tldđ, tr. 779.

Điều 4 Luật chứng khoán năm 2019 cũng đặt ra tiêu chuẩn về thông tin của bản cáo bạch chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán hoặc niêm yết chứng khoán của tổ chức phát hành. Nội dung bản cáo bạch gồm: Thông tin tóm tắt về tổ chức phát hành bao gồm mô hình tổ chức bộ máy, hoạt động kinh doanh, tài sản, tình hình tài chính, Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và cơ cấu cổ đông (nếu có);

<sup>9</sup> Ninh Thị Hiền (2024), *Hoạt động công chứng những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, tr.140.

<sup>10</sup> Điều 71 và Điều 165 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Liên minh Công chứng Quốc tế (UINL) gợi ý sáu đặc điểm của tính xác thực gồm<sup>11</sup>: 1) Văn bản công chứng phải được lập hoặc soạn thảo, xác nhận bởi cơ quan công quyền hoặc người được ủy nhiệm từ nhà nước; 2) Tài liệu được soạn thảo như là một tài liệu xác thực (tùy theo từng loại tài liệu sẽ những mức độ xác thực khác nhau); 3) Tuân thủ quy trình, thủ tục pháp lý; 4) Tính xác thực của các thông tin liên quan khác (thời gian, chữ ký, nội dung, quan hệ pháp luật...); 5) Tính bền vững; 6) Tính có hiệu lực của văn bản công chứng.

Việc công chứng Điều lệ công ty xác nhận sự tồn tại của Điều lệ một cách khách quan kể cả trong trường hợp nội dung Điều lệ được thay đổi trong quá trình cải tổ hay chuyển đổi hình thức doanh nghiệp cũng phải thông qua bằng một thủ tục công chứng. Sau khi Điều lệ được công chứng, Điều lệ sẽ là văn bản pháp lý có nội dung được công bố công khai và là công cụ huy động vốn hiệu quả của doanh nghiệp. Điều này ngăn chặn các công ty, các tập đoàn tùy tiện thay đổi Điều lệ công ty mà không tuân theo các thủ tục pháp lý thích hợp.

#### **Thứ tư: Điều lệ công ty phải là chứng cứ chứa đựng những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh**

Điều lệ công ty phải là chứng cứ chứa đựng những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh nhằm hỗ trợ thành viên, cổ đông hoặc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thuận tiện trong việc cung cấp chứng cứ cho cơ quan tiến hành tố tụng.

Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định “Tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận”.

Điều 92 BLTTDS năm 2025 quy định những tình tiết, sự kiện đã được ghi trong văn bản và được công chứng, chứng thực hợp pháp chứa đựng sự kiện tình tiết không phải chứng minh<sup>12</sup>. Thành viên, cổ đông hoặc những người có liên quan có thể trích lục Điều lệ tại các tổ chức hành nghề công chứng để làm chứng cứ trong quá trình bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình<sup>13</sup>.

Do đó, Điều lệ công ty phải là chứng cứ chứa đựng những tình tiết, sự kiện có thật, được xác lập một cách khách quan theo một thủ tục công khai, hợp pháp được pháp luật quy định.

---

<sup>11</sup> Xem thêm Ninh Thị Hiền (2024), tldd, tr.156.

<sup>12</sup> Dalgetty, Elizabeth. "The Role of a Notary Public in England and Wales." *Elder Law Journal*, vol. 2011, no. 3, 2011, pp. 324-327.

<sup>13</sup> Điều 5 Luật Công chứng năm 2014 “Hợp đồng, giao dịch được công chứng có giá trị chứng cứ; những tình tiết, sự kiện trong hợp đồng, giao dịch được công chứng không phải chứng minh, trừ trường hợp bị Tòa án tuyên bố là vô hiệu”.

## **Thứ năm: Điều lệ công ty có nội dung và hình thức đáp ứng nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.**

Nội dung và hình thức Điều lệ công ty phải tương thích với một số chuẩn mực mà tập quán quốc tế thừa nhận nhằm đảm bảo sự đồng bộ, ổn định, thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam theo nhiều cách khác nhau.

Gần đây, Việt Nam đã là thành viên của Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái bình dương (CPTPP) và Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam Và Liên Minh châu Âu (EVFTA) với quyết tâm góp phần vào sự phát triển hài hòa và mở rộng thương mại quốc tế bằng cách xóa bỏ rào cản thương mại và để tránh tạo ra những rào cản mới cho thương mại và đầu tư giữa hai Bên mà có thể làm suy giảm những lợi ích của Hiệp định. Các quốc gia tham gia hai Hiệp định cùng với Việt Nam đa phần thuộc hai truyền thống Thông luật (common law) và Dân luật (civil law), tương ứng là hệ thống công chứng Anglo-Saxon (Anglo-Saxon notary system) và hệ thống công chứng dân luật (Civil notary system).

Có sự khác nhau giữa hai hệ thống công chứng này. Nhiều quốc gia trên thế giới yêu cầu công chứng Điều lệ công ty nhằm đảm bảo vai trò, bản chất và đặc điểm trên của Điều lệ công ty với vai trò của công chứng chứng nhận tính xác thực, hợp pháp thì văn bản công chứng là chứng cứ trong trường hợp kiện tụng, phòng ngừa tranh chấp và giảm kiện tụng. Tùy theo sự kiểm soát của nhà nước với xã hội mà các quốc gia xây dựng hệ thống công chứng có mức độ xác thực khác nhau. Đại diện cho hệ thống công chứng Dân luật, Liên Minh công chứng quốc tế đang nỗ lực xây dựng những chuẩn mực chung về công chứng cho gần 100 quốc gia và vùng lãnh thổ là thành viên.

### **3. Thực trạng xác lập và thực hiện nội dung cam kết trong Điều lệ công ty**

Minh bạch thông tin doanh nghiệp làm cho nhà đầu tư có niềm tin, Nhà nước tạo môi trường kinh doanh minh bạch, an toàn, thu hút vốn đầu tư từ nhiều nguồn khác nhau trong xã hội nhằm thúc đẩy kinh tế phát triển. Tuy nhiên, việc xác lập và thực hiện nội dung các cam kết trong điều lệ công ty tại Việt Nam hiện nay chưa hoàn toàn đáp ứng được các tiêu chí của điều lệ để Điều lệ công ty thực sự là công cụ hỗ trợ người dân và tổ chức bảo quyền sở hữu tài sản của nhà đầu tư, thể hiện ở các vấn đề sau:

#### **Một là: Ý chí của thành viên sáng lập doanh nghiệp chưa được xác thực thông qua một thủ tục do pháp luật quy định.**

Ý chí của thành viên sáng lập thể hiện thông qua việc chọn ngành nghề kinh doanh, nội dung hoạt động, hình thức doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Ý chí còn thể hiện ở khả năng quyết định từ thành viên sáng lập về vốn, tài sản, năng lực quản lý, khả năng chuyên môn của thành viên sáng lập. Khi thành viên sáng lập đứng trước CCV, người được nhà nước

ủy nhiệm để chứng nhận tính xác thực về ý chí, thành viên sáng lập ý thức được quyền và nghĩa vụ cũng như trách nhiệm pháp lý khi thành lập doanh nghiệp sẽ có những hành xử cẩn trọng hơn khi được CCV tư vấn, giải thích pháp luật.

Điều 24 Luật Doanh nghiệp năm 2020 yêu cầu Điều lệ công ty có họ, tên và chữ ký của những thành viên sáng lập hoặc chủ sở hữu công ty, người đại diện theo pháp luật, đại diện theo ủy quyền, cổ đông sáng lập. Quy định này không chặt chẽ sẽ dẫn đến sự tùy tiện của những người sáng lập. Pháp luật doanh nghiệp chưa tập trung vào tính xác thực ý chí của thành viên sáng lập mà chỉ cần có họ, tên và chữ ký của thành viên sáng lập và cũng không có cơ quan nhà nước kiểm tra tính xác thực của các cá nhân này trên Điều lệ công ty. Kết quả là, có nhiều trường hợp người đứng tên thành lập doanh nghiệp là thật nhưng họ không thực sự là người thực hiện hành vi sản xuất kinh doanh.

Ví dụ: đã có trường hợp “một người đứng tên đại diện pháp luật 116 doanh nghiệp ở TP. Hồ Chí Minh trong khoảng thời gian ngắn”<sup>14</sup>, Văn phòng Chính phủ phải có công văn chấn chỉnh nhằm ngăn chặn tiêu cực cho xã hội<sup>15</sup>. Hay trường hợp nhờ người “đứng tên hộ để mở công ty để thực hiện hành vi mờ ám”<sup>16</sup>.

Như vậy, khi người thành lập doanh nghiệp cam kết về những nội dung của Điều lệ mà mình tuyên bố trước CCV sẽ cảnh báo và định hướng hành vi, làm giảm sự vi phạm pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

### **Thứ hai: Không có thủ tục công khai, hợp pháp để bảo đảm tính xác thực nội dung Điều lệ công ty nhằm bảo vệ tốt nhất quyền của các bên.**

Điều 24 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định nội dung của Điều lệ công ty phải có số lượng, chức danh quản lý và quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; phân chia quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn một người đại diện theo pháp luật. Theo đó người đại diện của pháp nhân theo Điều lệ của pháp nhân được thực hiện các quyền nhân danh và vì lợi ích của pháp nhân xác lập, thực hiện giao dịch dân sự. Thông qua việc xác lập, thực hiện giao dịch dân sự mà người đại diện theo pháp luật, người quản lý công ty, cơ quan quản lý công ty thu được lợi nhuận về

---

<sup>14</sup> Văn bản số: 4900/VPCP-TH ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Văn phòng chính phủ V/v tăng cường kiểm soát, quản lý việc đăng ký thành lập doanh nghiệp.

<sup>15</sup> Hồng Đức, “Công an TPHCM triệt phá đường dây lập 116 công ty để rửa hàng nghìn tỷ đồng”, <https://baochinhphu.vn/cong-an-tphcm-triet-pha-duong-day-lap-116-cong-ty-de-rua-hang-nghin-ty-dong-102240701121206052.htm>

<sup>16</sup> Xem thêm “Cảnh báo tình trạng lập công ty “ma” thuê người làm giám đốc” truy cập ngày 10/8/2024 từ <https://dangcongsan.vn/kinh-te-va-hoi-nhap/canh-bao-tinh-trang-lap-cong-ty-ma-thue-nguoi-lam-giam-doc-620847.html>.



cho công ty trên tinh thần “Trung thành với lợi ích của công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác” hoặc ngược lại sẽ xuất hiện hành vi tư lợi làm thiệt hại đến tài sản của công ty, giảm giá trị phần vốn góp, giảm giá trị cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp gây thiệt hại cho thành viên hoặc cổ đông về tài sản.

Với tầm quan trọng như vậy của Điều lệ công ty, pháp luật doanh nghiệp quy định việc xác lập Điều lệ hay sửa đổi bổ sung Điều lệ chỉ cần họ tên và chữ ký của người sáng lập còn sửa đổi, bổ sung Điều lệ thì chỉ cần họ tên và chữ ký của Chủ tịch Hội đồng thành viên đối với công ty hợp danh; Chủ sở hữu, người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; Người đại diện theo pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty cổ phần ký, không thông qua một thủ tục nghiêm ngặt dẫn đến Điều lệ dễ dàng được thay đổi một cách tùy tiện làm ảnh hưởng đến quyền của các bên liên quan.

Ví dụ: Một bản án thể hiện “Ông H giả mạo chữ kí, thay đổi Giấy phép kinh doanh lần thứ 5 với mục đích tăng vốn điều lệ, tăng cổ phần của bản thân để đủ điều kiện lên vị trí Giám đốc Công ty, sau đó đề nghị thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty”<sup>17</sup>. Một bản án khác thể hiện<sup>18</sup>: Ông Y cố tình từ chối việc tổ chức đối thoại làm rõ các vấn đề tranh chấp về quyền cổ đông giữa ông X và những người quản lý điều hành công ty như ông X yêu cầu. Ông Y làm giả hồ sơ, cung cấp các thông tin giả mạo trong hồ sơ đăng ký kinh doanh nhằm qua mặt cơ quan chức năng, cổ đông công ty. Hay “Sự lạm dụng đa số trong công ty thể hiện khi các cổ đông lớn bắt tay nhau để thông qua một quyết định không vì lợi ích chung của công ty”<sup>19</sup>. Hay lập công ty giả để chiếm tiền công thật<sup>20</sup>.

Sự xác lập, thay đổi Điều lệ công ty không thông qua một thủ tục minh bạch có kiểm soát từ Nhà nước phần nào là nguyên nhân gây ra những hậu quả ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh trong thời gian vừa qua.

**Thứ ba: Cơ quan đăng ký kinh doanh khó xác định thông tin nào không trung thực, không chính xác.**

---

<sup>17</sup> Khởi tố đối tượng giả chữ kí Giám đốc công ty để lên làm... sếp, truy cập ngày 10/8/2024 từ <https://baovephapluat.vn/cong-to-kiem-sat-tu-phap/khoi-to/khoi-to-doi-tuong-gia-chu-ki-giam-doc-cong-ty-de-len-lam-sep-160734.html>.

<sup>18</sup> Bản án số 64/2023/KDTM-PT ngày 26/06/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh.

<sup>19</sup> Nguyễn Văn Lâm, “Nhận diện các hành vi lạm dụng trong hoạt động của công ty cổ phần và sự điều chỉnh của pháp luật Việt Nam”, Tạp chí Công Thương, Số 4 tháng 2 năm 2023.

<sup>20</sup> Trong bài viết, “Lập công ty giả để chiếm đoạt tiền của công ty thật”, truy cập ngày thể hiện “Bà T cho biết về thủ tục đăng ký kinh doanh, bà thuê dịch vụ làm chứ không trực tiếp đi nộp hồ sơ. Bên làm dịch vụ chỉ yêu cầu bà cung cấp CMND/CCCD của người đứng tên thành lập Công ty C. Ngoài ra, họ không yêu cầu người thành lập ký tên vào giấy tờ gì. Tùy vào thời gian nhanh chậm mà mức giá làm dịch vụ sẽ khác nhau”.

Điều 216 Luật doanh nghiệp năm 2020 Cơ quan đăng ký kinh doanh chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp không chịu trách nhiệm về những vi phạm của doanh nghiệp xảy ra trước và sau khi đăng ký doanh nghiệp<sup>21</sup>. Một trong những nguyên tắc trong đăng ký doanh nghiệp là “Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp tự kê khai hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của các thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo”<sup>22</sup>. Trường hợp thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp là không trung thực, không chính xác, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời thông báo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp trên cơ sở hồ sơ đăng ký có thông tin kê khai không trung thực, không chính xác là không có hiệu lực, yêu cầu doanh nghiệp hoàn chỉnh và nộp lại hồ sơ theo quy định trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày gửi thông báo để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp<sup>23</sup>.

Hay pháp luật về chứng khoán quy định: Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố<sup>24</sup>.

Vấn đề đặt ra là nếu như có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp mà thông tin công bố không đầy đủ, không trung thực, không chính xác, không tin cậy, hồ sơ có “lỗ hổng”<sup>25</sup> nhưng không bị phát hiện thì những doanh nghiệp này vẫn hoạt động ngoài xã hội, điều này phần nào làm giảm tính minh bạch thông tin về doanh nghiệp trên thị trường.

Tác giả Hernando De Soto cho rằng: “Đối với hầu hết hàng hóa, không có nơi nào các câu trả lời được xác định một cách tin cậy. Đó cũng chính là lý do vì sao sự chuyển nhượng của hầu hết tài sản ở các nước không thuộc phương Tây lại bị hạn chế chỉ trong giới hạn hàng kinh doanh địa phương”<sup>26</sup>.

Tác giả Phạm Duy Nghĩa cho rằng: Niềm tin là một thứ khó có, song lại dễ mất. Trong thị trường chứng khoán, người quản trị các công ty niêm yết là người biết rõ nhất về tình hình

---

<sup>21</sup> Điều 216 Luật doanh nghiệp năm 2020

<sup>22</sup> Nghị định số: 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 Về đăng ký doanh nghiệp.

<sup>23</sup> Điều 69 Nghị định số: 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021.

<sup>24</sup> Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

<sup>25</sup> Xem thêm, Bình Nam, “Bị lỗ hổng từ khâu đăng ký kinh doanh”, truy cập ngày 20/8/2024 từ <https://haiquanonline.com.vn/bit-lo-hong-tu-khau-dang-ky-kinh-doanh-187538-187538.html>.

<sup>26</sup> Hernando De Soto, *Bí ẩn của vốn, vì sao chủ nghĩa tư bản thành công ở Phương tây và thất bại ở mọi nơi khác*, Nxb Chính trị Quốc gia, tr. 50.

công ty của họ. Tạo ra pháp luật buộc họ cung cấp thông tin thì dễ, nhưng buộc họ cung cấp thông tin chính xác, có thể tin cậy được, thì rất khó. Tương tự như vậy, ngăn ngừa người quản trị công ty lợi dụng thông tin (nội gián) để làm lợi cho mình và gây thiệt hại cho cổ đông, quả là vô cùng khó khăn<sup>27</sup>.

Vậy các quốc gia khác, đặc biệt là các quốc gia trong cùng khu vực châu Á với Việt Nam đã làm gì để bảo đảm tính xác thực, minh bạch thông tin của doanh nghiệp, bảo đảm niềm tin cho xã hội vào môi trường kinh doanh, thúc đẩy nền kinh tế phát triển và hội nhập quốc tế một cách an toàn và hiệu quả.

#### **4. Công chứng điều lệ công ty tại một số quốc gia và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam**

##### *4.1. Công chứng Điều lệ công ty tại Hàn Quốc*

Tại Hàn Quốc<sup>28</sup>, Điều 292 Luật Thương Mại (Commercial Act)<sup>29</sup> quy định “Điều lệ công ty có hiệu lực sau khi được CCV chứng nhận”. Điều 302 Luật Thương mại còn quy định về hình thức của phiếu đăng ký mua cổ phiếu (Share Subscription) phải có nội dung về ngày công chứng Điều lệ công ty và tên của CCV viên. Theo đó Luật Công chứng Hàn Quốc, Điều 2 quy định về phạm vi công chứng, CCV quản lý và giải quyết các loại việc gồm<sup>30</sup>: 1) Chuẩn bị văn bản công chứng (soạn thảo hoặc kiểm tra nội dung văn bản công chứng do người yêu cầu công chứng soạn thảo) về hành vi pháp lý và sự kiện pháp lý của quyền tư nhân; 2) Xác thực các văn bản do một cá nhân ký hoặc một văn bản điện tử; 3) Quản lý/giải quyết các công việc do Luật Công chứng và các luật khác quy định. Luật Công chứng Hàn Quốc quy định việc do CCV giải quyết thông qua từng thủ tục công chứng.

Điều 63 Luật Công chứng Hàn Quốc quy định thủ tục công chứng Điều lệ công ty (Procedures for Authentication of Articles of Association)<sup>31</sup>. Một điểm quan trọng việc công chứng Điều lệ có nội dung CCV chứng nhận tính xác thực của lời tuyên thệ (Authentication of Oath). Khi CCV chứng nhận Điều lệ công ty, người yêu cầu công chứng tuyên thệ xác nhận

---

<sup>27</sup> Phạm Duy Nghĩa, *Giáo trình luật kinh tế*, Nxb Công an nhân dân, tr.325.

<sup>28</sup> Hàn Quốc cũng là thành viên trong Liên minh Công chứng quốc tế với Việt Nam.

<sup>29</sup> Nguyên văn: Article 292 (Effectuation of Articles of Incorporation) “The articles of incorporation shall take effect upon being notarized by a public notary”. Truy cập ngày 10/8/2024 tại [https://elaw.klri.re.kr/eng\\_mobile/viewer.do?hseq=54525&type=part&key=8](https://elaw.klri.re.kr/eng_mobile/viewer.do?hseq=54525&type=part&key=8)

<sup>30</sup> Nguyên văn: “1. Preparation of notarial deeds on juristic acts or facts concerning any other private right; 2. Authentication on deeds signed by a private person or an electronic document, etc. (excluding the same prepared officially by a public official); 3. Affairs to be managed by notaries public as prescribed by this Act and other statutes”.

Xem thêm Luật Công chứng Hàn Quốc (Republic of Korea Notary Public Act) tại [https://elaw.klri.re.kr/eng\\_mobile/viewer.do?hseq=46308&type=sogan&key=9](https://elaw.klri.re.kr/eng_mobile/viewer.do?hseq=46308&type=sogan&key=9).

<sup>31</sup> Xem thêm Luật Công chứng Hàn Quốc (Republic of Korea Notary Public Act) tại [https://elaw.klri.re.kr/eng\\_mobile/viewer.do?hseq=46308&type=sogan&key=9](https://elaw.klri.re.kr/eng_mobile/viewer.do?hseq=46308&type=sogan&key=9).

tính xác thực của nội dung Điều lệ trước mặt CCV và ký hoặc đóng dấu vào văn bản, hoặc xác nhận chữ ký hoặc đóng dấu trên văn bản do một cá nhân ký, thì người yêu cầu công chứng phải ghi sự kiện tuyên thệ đó vào văn bản công chứng. CCV sẽ yêu cầu người yêu cầu công chứng đọc lời tuyên thệ, viết tay và ký tên, đóng dấu, trong trường hợp khách hàng không thể viết hoặc đọc lời tuyên thệ viết tay hoặc ký tên, đóng dấu hoặc ký tên vào lời tuyên thệ, CCV sẽ yêu cầu một người tham gia (participant participate) hỗ trợ người yêu cầu công chứng.

Bên cạnh đó Điều 66.2 Luật Công chứng Hàn Quốc quy định về thủ tục công chứng các biên bản họp của công ty (Authentication of Minutes of Corporation). Khi công chứng biên bản họp, CCV phải có mặt tại nơi diễn ra buổi họp và phải xác nhận xem các thủ tục và nội dung của biên bản, nghị quyết, quyết định do đại hội đồng cổ đông, v.v. đưa ra có phù hợp với sự thật hay không. CCV nghe các tuyên bố từ những người dự họp hoặc người đại diện của họ, so sánh các tuyên bố đó với các chi tiết của biên bản cuộc họp để thực hiện công chứng.

Pháp luật Hàn Quốc xem Công chứng Điều lệ là cần thiết, do đó các quy định liên quan đều được quy định trong luật Thương mại, luật Công chứng và các luật liên quan khác. Điều này tạo cơ chế bảo vệ các quyền tư nhân, tạo lập chứng cứ, phòng ngừa tranh chấp và giảm kiện tụng trong quá trình đầu tư, kinh doanh của các chủ thể tại Hàn Quốc.

#### 4.2. Công chứng Điều lệ tại Nhật Bản

Điều 1 Luật Công chứng Nhật Bản liệt kê phạm vi công chứng, trong đó CCV được phép chứng nhận Điều lệ công ty (Certification of Articles of Incorporation)<sup>32</sup> theo quy định tại Luật Công ty (Companies Act) và Điều lệ của các Hiệp hội và các Quỹ hợp nhất chung theo Luật các Hiệp hội và các Quỹ hợp nhất chung (Act on General Incorporated Associations and General Incorporated Foundations).

Tại Nhật Bản, để thành lập Công ty cổ phần, Hiệp hội và Quỹ hợp nhất chung người thành lập phải chuẩn bị Điều lệ và tất cả những người thành lập phải ký, đóng dấu vào Điều lệ, “Điều lệ sẽ không có hiệu lực trừ khi được CCV chứng nhận”<sup>33</sup>. Điều lệ có thể được lập

---

<sup>32</sup> Nguyên văn “certifying articles of incorporation pursuant to Article 30, paragraph (1) of the [Companies Act](#) (Act No. 86 of 2005) and the provisions pursuant to which Article 30, paragraph (1) of the [Companies Act](#) applies mutatis mutandis, as well as Articles 13 and 155 of the [Act on General Incorporated Associations and General Incorporated Foundations](#) (Act No. 48 of 2006)” Xem thêm Luật Công chứng Nhật bản tại <https://www.japaneselawtranslation.go.jp/en/laws/view/2619/en>.

<sup>33</sup> Nguyên văn “Article 30(1)Articles of incorporation set forth in Article 26, paragraph (1) do not become effective unless they are certified by a notary public”. Xem thêm luật Công ty của Nhật Bản (Companies Act) tại [https://www.japaneselawtranslation.go.jp/en/laws/view/3206#je\\_pt2ch1sc2at5](https://www.japaneselawtranslation.go.jp/en/laws/view/3206#je_pt2ch1sc2at5).

Nguyên văn “Article 13 The articles of incorporation stated in Article 10, paragraph (1) do not take effect unless they are certified by a notary”; “Article 155 The articles of incorporation stated in Article 152, paragraph (1) and paragraph (2) do not take effect unless they are certified by a notary”.

Xem thêm Luật các Hiệp hội và các Quỹ hợp nhất chung (Act on General Incorporated Associations and General Incorporated Foundations) tại [https://www.japaneselawtranslation.go.jp/en/laws/view/4354#je\\_ch2sc1sb1at4](https://www.japaneselawtranslation.go.jp/en/laws/view/4354#je_ch2sc1sb1at4)

dưới hình thức hồ sơ công chứng truyền thống hoặc hồ sơ công chứng điện tử hay từ tính (electronic or magnetic record).

Nội dung chính của Điều lệ công ty được quy định cụ thể tại Điều 26, Điều 28 Luật Công ty Nhật bản. Điều 33 Luật Công ty quy định, ngay sau khi Điều lệ được CCV chứng nhận thì người thành lập công ty phải nộp đơn xin bổ nhiệm thanh tra viên (inspector) lên tòa án để yêu cầu thanh tra viên kiểm tra các nội dung được tuyên bố trong Điều lệ.

Trong trường hợp công ty cổ phần huy động vốn, Điều 59 Luật Công ty quy định người thành lập công ty phải thông báo trong lời đề nghị mua cổ phần nội dung về “ngày và tên CCV đã thực hiện việc chứng nhận Điều lệ công ty”<sup>34</sup>.

Thủ tục công chứng Điều lệ công ty (Processes relating to the certification of articles of corporations) được quy định tại Điều 62 Luật Công chứng Nhật Bản. Theo đó, các thủ tục liên quan đến việc chứng nhận Điều lệ sẽ được thực hiện bởi một CCV có thẩm quyền tại địa điểm đặt trụ sở chính hoặc văn phòng chính của công ty. CCV đề nghị người yêu cầu công chứng ký tên, đóng dấu vào mỗi bản Điều lệ trước mặt CCV. CCV xác nhận rằng, chữ ký và con dấu là của chính người yêu cầu công chứng và phải nêu rõ việc này trong bản Điều lệ. Điều lệ được lập thành hai bản, một bản lưu tại Tổ chức hành nghề công chứng và một bản gửi lại cho người yêu cầu công chứng.

Ngoài ra Luật Công chứng Nhật bản quy định CCV không được lập bất kỳ văn bản nào có nội dung vi phạm pháp luật, hành vi pháp lý vô hiệu (juridical acts that are void) hoặc hành vi pháp lý do người yêu cầu công chứng bị hạn chế hay mất năng lực hành vi thực hiện. Luật Công chứng còn quy định ngôn ngữ sử dụng trong văn bản công chứng là tiếng Nhật, cách lưu giữ hồ sơ công chứng Điều lệ công ty, cách truy cập, xác minh, đối chiếu hồ sơ công chứng nhằm tránh tình huống gây nguy hiểm và để bảo toàn chứng cứ...

Như vậy, Tại Nhật Bản, Luật Công ty, Luật Công chứng và các luật liên quan khác đã xem công chứng Điều lệ công ty là một thủ tục bắt buộc khi thành lập doanh nghiệp. Việc công chứng Điều lệ do CCV thực hiện là công cụ để nhà nước giám sát và quản lý công ty, tổ chức đảm bảo trật tự công trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua vai trò tạo lập chứng cứ, phòng ngừa tranh chấp và giảm kiện tụng của hoạt động công chứng tại Nhật Bản.

Bên cạnh Hàn Quốc và Nhật Bản, tác giả tìm thêm được một số các quốc gia mà văn bản thành lập công ty (Deed of Incorporation) hay Điều lệ công ty phải được công chứng như:

---

<sup>34</sup> Nguyên văn Article 59(1) (i) “the date of the certification of the articles of incorporation and the name of the notary public who effected such certification”.

Italia<sup>35</sup>, Thụy Sĩ, Đức, Mỹ<sup>36</sup>, Anh<sup>37</sup>. Điều này càng khẳng định vai trò của hoạt động công chứng đóng góp cho trật tự chung của xã hội đã trở thành thể chế được nhiều quốc gia thừa nhận. Điều này đặt ra thách thức cho Việt Nam trong việc hài hòa hóa pháp luật trong nước về công chứng Điều lệ nhằm đáp ứng nhu cầu huy động nguồn lực đầu tư trong nước cũng như mời gọi đầu tư từ nước ngoài.

### 4.3. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Công chứng là việc CCV của một tổ chức hành nghề công chứng chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của hợp đồng, giao dịch dân sự khác bằng văn bản...mà theo quy định của pháp luật phải công chứng hoặc cá nhân, tổ chức tự nguyện yêu cầu công chứng, Điều 2 Luật Công chứng năm 2014.

Việc công chứng Điều lệ công ty nếu được thực hiện sẽ đem đến những hiệu quả nhất định, gia tăng việc bảo đảm về minh bạch thông tin doanh nghiệp, khắc phục phần nào những tồn tại bất cập trong thị trường trong thời gian vừa qua, cung cấp công cụ từ Nhà nước nhằm đảm bảo thu hút nguồn lực xã hội. Gần đây, Chủ tịch UBND TP.HCM cho rằng: “Thành phố cần thu hút 4,4 triệu tỉ đồng vốn đầu tư xã hội giai đoạn 2026-2030, TP.HCM hoàn toàn có khả năng để thực hiện những vấn đề cốt lõi là phải xác định được nguồn từ đâu và có cơ chế chính sách để thu hút được nguồn lực xã hội. Vì Chủ tịch đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM và các sở ngành nghiên cứu, đề xuất những giải pháp thiết thực”<sup>38</sup>. Công chứng Điều lệ công ty là một trong những giải pháp thiết thực này.

Hiện nay, năng lực của thể chế công chứng Việt Nam đã đáp ứng được nhu cầu cung cấp dịch vụ công về công chứng đối với Điều lệ công ty và hoàn toàn có thể đáp ứng được nhu cầu xã hội trong giai đoạn này.

Có quan điểm cho rằng: các công ty đại chúng có nhiều cơ chế kiểm soát thông tin doanh nghiệp hơn như: Đối với việc chào bán cổ phiếu, trái phiếu ra công chúng, Bản cáo bạch phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty; Tổng giám đốc (Giám đốc); Giám đốc tài chính hoặc Kế toán trưởng của tổ chức phát hành; người đại diện theo pháp luật của tổ chức tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng, tổ chức bảo lãnh phát hành hoặc tổ chức bảo lãnh phát hành chính (nếu có). Trường

---

<sup>35</sup> Jwaalaa Suresh, Memorandum and Articles of Association: An Analysis of Their Role in Corporate Governance as Foundation of a Company, 5 INT'L J.L. MGMT. & HUMAN. 539 (2022).

<sup>36</sup> Hanns H. Winkhaus & Gunter Stratmann, GmbH: The Close Corporation in Germany -Management and Capitalization Problems for U.S. Controlled Subsidiaries, 28 BUS. LAW. 1275 (1973).

<sup>37</sup> Dalgetty, Elizabeth. "The Role of a Notary Public in England and Wales." Elder Law Journal, vol. 2011, no. 3, 2011, pp. 324-327.

<sup>38</sup> Thảo Lê, “Chuyên gia hiến kế gì để TP.HCM thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình?”, Truy cập ngày 25/8/2024 từ <https://tuoitre.vn/chuyen-gia-hien-ke-gi-de-tp-hcm-thoat-khoi-bay-thu-nhap-trung-binh-20240824130522206.htm>.

hợp ký thay phải có văn bản ủy quyền, Điều 19 Luật Chứng khoán năm 2019. Tuy nhiên, nhiều quốc gia trên thế giới có nhiều cơ chế giám sát, kiểm tra, hậu kiểm tốt hơn chúng ta nhưng các quốc gia đó đều sử dụng thể chế công chứng với vai trò chính là cung cấp văn bản công chứng có độ tin cậy cao, là chứng cứ trong trường hợp có tranh chấp, là công cụ phòng ngừa tranh chấp và giảm kiện tụng. Hoạt động công chứng chính là một trong nhiều công cụ để Nhà nước quản lý doanh nghiệp và tăng cường minh bạch thông tin doanh nghiệp đối với xã hội.

Quan điểm khác nữa cho rằng: công chứng Điều lệ sẽ làm tăng chi phí thành lập doanh nghiệp cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh. Khi công chứng Điều lệ thì CCV cung cấp tính xác thực về người yêu cầu công chứng, kiểm tra nội dung của Điều lệ không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, công chứng Điều lệ công ty không có giá ngạch nên phí công chứng được Nhà nước quy định thấp, không làm phát sinh chi phí đáng kể cho doanh nghiệp so với những thiệt hại lớn từ việc không công chứng Điều lệ như trong thời gian vừa qua.

Hiện nay, công chứng Điều lệ chưa được quy định trong luật Doanh nghiệp hay luật Đầu tư, nếu người yêu cầu công chứng tự nguyện yêu cầu thì thủ tục công chứng Điều lệ công ty có nhiều đặc thù và chưa có sẵn để CCV lẫn người yêu cầu công chứng thực hiện. Thời điểm này, dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp sẽ thay thế Nghị định số: 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 Về đăng ký doanh nghiệp đang được Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì soạn thảo và xin ý kiến hoàn thiện. Nghị định nên quy định “Điều lệ công ty được công chứng” trong thành phần hồ sơ đăng ký, hồ sơ điều chỉnh thông tin doanh nghiệp. Đồng thời khi tiến hành sửa đổi bổ sung Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Chứng khoán nội dung “Điều lệ công ty được công chứng” nên được bổ sung vào các Luật này.

Riêng dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi) lần này, trong phần phạm vi công chứng nên quy định những việc CCV được làm gồm: những việc phải công chứng được quy định trong các văn bản pháp luật và những việc do người yêu cầu công chứng tự nguyện yêu cầu (có thể liệt kê các việc thường xuyên công chứng như công chứng các giao dịch về bất động sản; Điều lệ công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, các quỹ... Đồng thời dự thảo luật Công chứng (sửa đổi) nên bổ sung quy định về thủ tục công chứng Điều lệ công ty để tạo cơ chế thực hiện chuyên nghiệp cho toàn hệ thống công chứng. Từ đây, hệ thống công chứng góp phần xây dựng một thể chế công chứng tiến bộ đáp ứng nhu cầu hội nhập của Việt Nam trong thời gian tới.

#### **Tài liệu tham khảo:**

1. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019.
2. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.

3. Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20 tháng 06 năm 2014 đã được sửa đổi bổ sung Luật Công chứng số 07/VBHN-VPQH ngày 29 tháng 6 năm 2018.
4. Nghị định số: 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 Về đăng ký doanh nghiệp.
5. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 V/v thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong xét xử.
7. Văn bản số: 4900/VPCP-TH ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Văn phòng chính phủ V/v Tăng cường kiểm soát, quản lý việc đăng ký thành lập doanh nghiệp.
8. Hồng Đức, Công an TP.HCM triệt phá đường dây lập 116 công ty để rửa hàng nghìn tỷ đồng, <https://baochinhphu.vn/cong-an-tphcm-triet-pha-duong-day-lap-116-cong-ty-de-rua-hang-nghin-ty-dong-102240701121206052.htm>.
9. Ninh Thị Hiền (2024), *Hoạt động công chứng những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân.
10. Nguyễn Văn Lâm, “Nhận diện các hành vi lạm dụng trong hoạt động của công ty cổ phần và sự điều chỉnh của pháp luật Việt Nam”, Tạp chí Công Thương, Số 4 tháng 2 năm 2023.
11. Thảo Lê, “Chuyên gia hiến kế gì để TP.HCM thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình?”, Truy cập ngày 25/8/2024 từ <https://tuoitre.vn/chuyen-gia-hien-ke-gi-de-tp-hcm-thoat-khoi-bay-thu-nhap-trung-binh-20240824130522206.htm>.
12. Bình Nam, “Bị lỗ hồng từ khâu đăng ký kinh doanh”, truy cập ngày 20/8/2024 từ <https://haiquanonline.com.vn/bit-lo-hong-tu-khau-dang-ky-kinh-doanh-187538-187538.html>.
13. Phạm Duy Nghĩa, *Giáo trình luật kinh tế*, Nxb Công an nhân dân.
14. Trương Nhật Quang, *Pháp luật về doanh nghiệp các vấn đề pháp lý cơ bản*, Nxb Dân Trí.



15. “Cảnh báo tình trạng lập công ty “ma” thuê người làm giám đốc” truy cập ngày 10/8/2024 từ <https://dangcongsan.vn/kinh-te-va-hoi-nhap/canh-bao-tinh-trang-lap-cong-ty-ma-thue-nguoi-lam-giam-doc-620847.html>.

16. Khởi tố đối tượng giả chữ kí Giám đốc công ty để lên làm... sếp, truy cập ngày 10/8/2024 từ <https://baovephapluat.vn/cong-to-kiem-sat-tu-phap/khoi-to/khoi-to-doi-tuong-gia-chu-ki-giam-doc-cong-ty-de-len-lam-sep-160734.html>.

17. Bản án số 64/2023/KDTM-PT ngày 26/06/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh.

18. Luật Công chứng Hàn Quốc (Republic of Korea Notary Public Act) tại [https://elaw.klri.re.kr/eng\\_mobile/viewer.do?hseq=46308&type=sogan&key=9](https://elaw.klri.re.kr/eng_mobile/viewer.do?hseq=46308&type=sogan&key=9).

19. Luật Luật các Hiệp hội và các Quỹ hợp nhất chung Nhật Bản (Act on General Incorporated Associations and General Incorporated Foundations) tại [https://www.japaneselawtranslation.go.jp/en/laws/view/4354#je\\_ch2sc1sb1at4](https://www.japaneselawtranslation.go.jp/en/laws/view/4354#je_ch2sc1sb1at4).

20. Dalgetty, Elizabeth. "The Role of a Notary Public in England and Wales." *Elder Law Journal*, vol. 2011, no. 3, 2011, pp. 324-327.

21. Hanns H. Winkhaus & Gunter Stratmann, GmbH: The Close Corporation in Germany -Management and Capitalization Problems for U.S. Controlled Subsidiaries, 28 BUS. LAW. 1275 (1973).

22. Hernando De Soto, *Bí ẩn của vốn, vì sao chủ nghĩa tư bản thành công ở Phương tây và thất bại ở mọi nơi khác*, Nxb Chính trị Quốc gia.

23. Jwaalaa Suresh, Memorandum and Articles of Association: An Analysis of Their Role in Corporate Governance as Foundation of a Company, 5 INT'l J.L. MGMT. & HUMAN. 539 (2022).

# CÔNG CHỨNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY, GIẢI PHÁP GÓP PHẦN LÀNH MẠNH HÓA MÔI TRƯỜNG KINH DOANH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

**Lê Ngọc Tình**

*Công chứng viên, Phó Trưởng phòng, Phòng Công chứng số 2 TP. Hồ Chí Minh*

## **Tóm tắt:**

Điều lệ công ty là văn bản quan trọng nhất trong quản trị, điều hành và hoạt động của công ty, đồng thời cũng là là cơ sở pháp lý để phân định quyền và nghĩa vụ giữa các cổ đông, thành viên. Tuy nhiên, hiện nay cơ quan đăng ký kinh doanh chỉ chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của thành phần hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, không chịu trách nhiệm về quá trình xây dựng, thông qua điều lệ nên không bảo đảm tính xác thực của chủ thể thành lập doanh nghiệp cũng như ý chí, năng lực hành vi của họ. Đây phần nào là nguyên nhân phát sinh nhiều tranh chấp trong nội bộ doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc ra đời những “doanh nghiệp ma”, ảnh hưởng xấu đến môi trường kinh doanh thời gian vừa qua. Trên cơ sở phân tích bản chất và chức năng của công chứng, tác giả thống nhất với đề xuất quy định công chứng điều lệ công ty trong thời gian tới để góp phần khắc phục hạn chế, bất cập này.

**Từ khóa:** “Điều lệ công ty”, “Công chứng”, “môi trường kinh doanh”

## **Abstract:**

*The corporate charter is the most important document in the management, operation and operations of the company, and is also the legal basis for determining rights and obligations between shareholders and members. However, currently the business registration agency is only responsible for the validity of the business registration dossier, not responsible for the process of building or approving the charter, so authenticity is not guaranteed. of the entity establishing the business as well as their will and behavioral capacity. This is partly the cause of many disputes within businesses, creating favorable conditions for the creation of "ghost businesses", negatively affecting the business environment recently. Based on the analysis of the nature and functions of notarization, the author agrees with the proposal to regulate notarization of corporate charters in the near future to contribute to overcoming this limitation and change.*

**Keywords:** “Corporate charter”, “Notarization”, “business environment”

## 1. Đặt vấn đề

Kinh doanh và thực hiện quyền tự do kinh doanh là quyền của công dân và để quản lý hoạt động kinh doanh đối với các chủ thể kinh doanh, Nhà nước quy định doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp. Thực tế cơ quan đăng ký doanh nghiệp chỉ là cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp, ghi nhận sự ra đời của một pháp nhân kinh doanh, chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, không chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật của doanh nghiệp xảy ra trước và sau khi đăng ký doanh nghiệp<sup>1</sup>. Khi nhà đầu tư có nhu cầu khởi sự thực hiện hoạt động kinh doanh chỉ cần chuẩn bị 01 bộ hồ sơ theo quy định của pháp luật tiến hành đăng ký trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh, qua dịch vụ bưu chính viễn thông, qua mạng thông tin điện tử<sup>2</sup> để cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét và cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nếu hồ sơ hợp lệ.

Tuy nhiên, trong thời gian vừa qua, nhiều doanh nghiệp đã lợi dụng thủ tục đăng ký doanh nghiệp đơn giản, thuận lợi này để thành lập nên những “doanh nghiệp ma”, “doanh nghiệp ảo”, thậm chí còn mượn cả tên người tàn tật, người mất trí nhớ để thành lập doanh nghiệp, kể cả trường hợp lợi dụng việc có được giấy tờ tùy thân của người khác để thành lập doanh nghiệp nhằm trốn thuế, kinh doanh ngành nghề bất hợp pháp, mua bán hóa đơn VAT ..., gây ra bao hệ lụy cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến môi trường kinh doanh, suy giảm niềm tin vào thị trường, điển hình như vụ án Công ty cổ phần Địa ốc Alibaba về các tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, rửa tiền đã bị truy tố vào cuối tháng 3/2022 và đưa ra xét xử vào cuối năm 2022<sup>3</sup> đối với bị cáo Nguyễn Thái Luyện cùng đồng bọn đã thành lập 22 pháp nhân, vẽ ra 58 dự án bất động sản không có thật tại các tỉnh Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu và Bình Thuận, tự phân lô, tách thửa trái pháp luật để bán cho 4.361 bị hại, chiếm đoạt số tiền 2.264 tỉ đồng; tiếp sau đó là vụ đại án Vạn Thịnh Phát<sup>4</sup> với hơn 1.000 công ty 'ma' được bị cáo Trương Mỹ Lan chỉ đạo thành lập để đứng tên các khoản vay khổng lồ, hồ sơ thế chấp, đứng tên tài sản, chuyển nhượng cổ phần, lấy pháp nhân góp vốn đầu tư vào các dự án vay vốn ngân hàng,

---

<sup>1</sup> Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp

<sup>2</sup> Xem khoản 1 Điều 26 Luật Doanh nghiệp năm 2020

<sup>3</sup> Đức Hà (2022), Những kỷ lục ở phiên tòa xét xử Công ty địa ốc Alibaba, <https://cand.com.vn/Vu-an-noi-tieng/nhung-ky-luc-o-phiên-toa-xet-xu-cong-ty-dia-oc-alibaba-i677697/>, truy cập 9h37 ngày 24/7/2024

<sup>4</sup> Báo điện tử Chính phủ (2024), *Toàn cảnh ĐẠI ÁN VẠN THỊNH PHÁT*, <https://xaydungchinh sach.chinhphu.vn/dai-an-van-thinh-phat-truy-to-truong-my-lan-va-85-bi-can-119231215145320997.htm> ; <https://thanhvien.vn/hon-1000-cong-ty-ma-trong-he-sinh-thai-cua-tap-doan-van-thinh-phat-185240305152315506.htm>, truy cập 9h54 ngày 24/7/2024.

thực hiện việc đảo nợ hoặc ký hợp đồng hợp tác, thi công... không có hoạt động sản xuất – kinh doanh ngoài mục đích là tạo vỏ bọc, làm bình phong cho hoạt động vi phạm pháp luật đã gây ra thiệt hại cả triệu tỷ đồng, làm mất lòng tin của người dân vào hoạt động ngân hàng, ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội, để lại hậu quả vô cùng lớn, khó khắc phục.

Vậy nếu thực hiện công chứng điều lệ trong hồ sơ thành lập doanh nghiệp có thanh lọc “doanh nghiệp ma”, “doanh nghiệp ảo” không? Đây là vấn đề mới được đặt ra từ thực tiễn, đòi hỏi nhà nước phải có một giải pháp chính sách pháp luật phù hợp, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, trên cơ sở đánh giá về công cụ pháp lý nào là hiệu quả, chi phí hợp lý, thích hợp để thúc đẩy sự phát triển đất nước theo chiều hướng tốt hơn, bền vững hơn là điều không hề dễ dàng. Đề xuất công chứng điều lệ công ty không phải là việc hoàn toàn mới, chưa có tiền lệ ở nước ta<sup>5</sup>, nhưng sẽ là vấn đề có nhiều ý kiến trái chiều, thậm chí phản đối mạnh mẽ với không ít lý do xác đáng. Bởi cái gì mới khác đi thì cũng rất khó được chấp nhận ngay, nhưng liệu rằng đây có xứng đáng là giải pháp để chúng ta cân nhắc luật hóa vào thời điểm hiện nay và kiên trì thực hiện thì để góp phần lành mạnh hóa môi trường kinh doanh, củng cố niềm tin thị trường? Để làm rõ giải pháp công chứng điều lệ công ty, chúng ta cần làm sáng tỏ một số vấn đề pháp lý liên quan điều lệ công ty, xem thực tiễn tại một số nước trên thế giới để học hỏi kinh nghiệm và từ đó rút ra những điều bổ ích, thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tiễn hiện nay ở Việt Nam thì giải pháp này có thực sự hài hòa lợi ích của doanh nghiệp mà vẫn đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước hướng đến mục tiêu phát triển đất nước phồn vinh, thịnh vượng không.

## **2. Một số vấn đề liên quan đến điều lệ công ty và việc công chứng điều lệ công ty**

### **2.1. Một số vấn đề liên quan đến điều lệ công ty**

Trước đây, Điều 10 Luật công ty năm 1990 có định nghĩa “Điều lệ công ty là bản cam kết của tất cả thành viên về thành lập và hoạt động của công ty, được thông qua tại Đại hội đồng thành lập”. Tuy nhiên, trải qua nhiều giai đoạn phát triển và hoàn thiện của hệ thống pháp luật, có nhiều quan hệ pháp luật thay đổi, phát sinh nên định nghĩa này một phần nào đó không còn phù hợp để giải thích về “Điều lệ công ty”. Luật Doanh nghiệp 1999, 2005,

---

<sup>5</sup> Trước đây tại Điều 5 “Quy định về công ty tư nhân sản xuất công nghiệp, dịch vụ công nghiệp, xây dựng, vận tải, nông lâm ngư nghiệp và kinh doanh thương mại, dịch vụ” ban hành kèm theo Quyết định số 639/QĐ-UB ngày 26/10/1989 của Ủy ban Nhân dân TP.HCM có quy định: “Việc kết ước giữa các tư nhân được thể hiện bằng bảng Điều lệ công ty. Bảng Điều lệ công ty được thành lập không được trái pháp luật và trái với bảng quy định này và phải được Phòng Công chứng thành phố chứng nhận.”

2014 và 2020 và các quy định pháp luật khác hiện hành đều không đưa ra định nghĩa như thế nào là “Điều lệ công ty”. Vì vậy để tìm hiểu về như thế nào là “Điều lệ công ty” thì đầu tiên ta sẽ dựa trên cơ sở định nghĩa của từ điển.

Theo từ điển tiếng Việt<sup>6</sup> thì “Điều lệ là văn bản quy định mục đích, nguyên tắc cơ bản về tổ chức và hoạt động của một đoàn thể, một tổ chức”, còn “Công ty là tổ chức do nhiều người góp vốn” (định nghĩa công ty này chưa phù hợp với loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập bởi một chủ sở hữu). Theo từ điển luật học<sup>7</sup> thì “Điều lệ công ty là bản cam kết của tất cả thành viên công ty về mục đích thành lập, về tổ chức quản lý và tổ chức hoạt động công ty, được các thành viên công ty thông qua và được cơ quan đăng ký kinh doanh xác nhận. Điều lệ công ty được xây dựng từ sự thỏa thuận tự nguyện của các thành viên trên cơ sở không trái với quy định của pháp luật. Các quy định của điều lệ có giá trị bắt buộc thi hành đối với công ty và các thành viên của nó.”

Theo pháp luật Hoa Kỳ thì điều lệ công ty được gọi là "Điều lệ" hoặc "Điều khoản thành lập doanh nghiệp", đây là văn bản do chính những người sáng lập của một công ty đệ trình lên cơ quan nhà nước Hoa Kỳ nhằm mô tả chi tiết các thành phần chính của công ty như đối tượng kinh doanh, cơ cấu công ty và kế hoạch hoạt động. Nếu Điều lệ được chính phủ phê chuẩn, công ty trở thành một công ty hợp pháp<sup>8</sup>. Điều lệ này phải được đệ trình lên trước khi công ty hoạt động kinh doanh, chỉ khi được cơ quan nhà nước chấp thuận thì công ty và mọi giao dịch kinh doanh của công ty đó mới trở nên hợp pháp.

Pháp luật dân sự Nhật Bản cũng quy định: “Các điều khoản về thành lập một tổ chức hiệp hội chỉ được thay đổi, nếu có sự đồng ý của ít nhất 3/4 thành viên trong trường hợp điều khoản về thành lập không có quy định khác. Bất cứ sự thay đổi nào về điều khoản thành lập đều không có hiệu lực nếu không được cơ quan có thẩm quyền phê chuẩn.”<sup>9</sup> “Pháp nhân có các quyền và nghĩa vụ căn cứ vào các quy định của luật, pháp lệnh, căn cứ vào mục tiêu và phạm vi hoạt động như đã quy định trong các điều khoản thành lập.”<sup>10</sup>

Trong khi đó, Bộ luật Dân sự Pháp quy định: Công ty do hai hay nhiều người thành lập

---

<sup>6</sup> Hoàng Phê (2023), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Hồng Đức, tr.406, tr.265.

<sup>7</sup> Viện Khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp (2006), *Từ điển Luật học*, Nxb Từ điển bách khoa, Nxb Tư pháp, tr.255

<sup>8</sup> Will Kenton (2020), Corporate Charter Definition, <http://www.investopedia.com/terms/c/corporatecharter.asp>, truy cập 13h26 ngày 24/7/2024.

<sup>9</sup> Điều 38 Bộ luật Dân sự Nhật Bản, <https://www.moj.go.jp/content/000056024.pdf>, truy cập 8h15 ngày 25/7/2024

<sup>10</sup> Điều 43 Bộ luật Dân sự Nhật Bản, <https://www.moj.go.jp/content/000056024.pdf>, truy cập 8h15 ngày 25/7/2024

trên cơ sở thỏa thuận bằng hợp đồng về việc đóng góp, sử dụng tài sản hoặc công sức của họ vào hoạt động kinh doanh chung nhằm chia lãi hoặc thu lợi.<sup>11</sup> Điều lệ của công ty phải được lập thành văn bản. Điều lệ quy định phần vốn góp của mỗi thành viên, hình thức, mục tiêu hoạt động, tên gọi, trụ sở, vốn, thời hạn và phương thức hoạt động của công ty. Điều lệ của công ty chỉ có thể được sửa đổi khi có sự nhất trí của toàn thể thành viên, trừ trường hợp có quy định khác. Trong mọi trường hợp, việc sửa đổi điều lệ không được làm tăng thêm trách nhiệm của thành viên nếu không được sự đồng ý của người đó.<sup>12</sup>

Như vậy, có thể thấy rằng rất nhiều nước thuộc cả hệ thống dân luật (civil law) và thông luật (common law) là những nước phát triển đều coi điều lệ công ty là một khế ước, một hợp đồng giữa công ty với các thành viên, cổ đông và giữa các cổ đông, thành viên với nhau<sup>13</sup>.

Thực tế hiện nay ở Việt Nam, các doanh nghiệp cũng hoạt động theo cơ chế hợp đồng, điều lệ doanh nghiệp là một bản hợp đồng quan trọng, có giá trị lớn, ảnh hưởng đến quyền lợi của nhiều người, bao gồm cả thành viên góp vốn, các thành viên khác và quyền lợi của các bên thứ ba khi giao dịch với doanh nghiệp. Quan điểm này đã được thảo luận sôi nổi và nhận được sự đồng tình, ủng hộ của một số đại biểu Quốc hội trong phát biểu tại tổ và nghị trường Quốc hội tại kỳ họp thứ 7 khóa XV từ ngày từ ngày 20/5 đến ngày 28/6/2024 khi thảo luận về dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi)<sup>14</sup>.

Bản chất pháp lý của điều lệ có thể được coi là một loại hợp đồng đặc biệt xác lập trên cơ sở quy định của pháp luật.<sup>15</sup>Theo đó, điều lệ xác lập quyền và nghĩa vụ giữa các thành viên hoặc cổ đông với nhau phát sinh trong quá trình hoạt động của công ty. Thành viên hoặc cổ đông phải có nghĩa vụ tuân thủ quy định tại điều lệ. Về cơ bản, điều lệ điều chỉnh quan hệ giữa (i) các thành viên hoặc cổ đông với nhau, (ii) giữa các thành viên hoặc cổ đông với công ty và (iii) giữa công ty với các bên thứ ba (kể cả chủ nợ) khi công ty giải thể, thanh lý tài sản. Ngoài ra, điều lệ còn căn cứ để phân định thẩm quyền và phạm vi đại diện của người đại diện

---

<sup>11</sup> Điều 1832 Bộ luật Dân sự Pháp, Bản dịch tiếng Việt của Đại sứ quán Pháp tại Việt Nam, xuất bản năm 2018, <https://fdvn.vn/bo-luat-dan-su-phap-ban-dich/>, truy cập 16h33 ngày 24/7/2024.

<sup>12</sup> Điều 1835, 1836 Bộ luật Dân sự Pháp, Bản dịch tiếng Việt của Đại sứ quán Pháp tại Việt Nam, xuất bản năm 2018, <https://fdvn.vn/bo-luat-dan-su-phap-ban-dich/>, truy cập 16h33 ngày 24/7/2024.

<sup>13</sup> Lưu Minh Sang - Trịnh Ngọc Nam, Điều lệ công ty - “Bản Hiến pháp” đang bị lãng quên, [https://thuvienphapluat.vn/chinh-sach-phap-luat-moi/vn/ho-tro-phap-luat/tu-van-phap-luat/9692/dieu-le-cong-ty-ban-hien-phap-dang-bi-lang-quen#google\\_vignette](https://thuvienphapluat.vn/chinh-sach-phap-luat-moi/vn/ho-tro-phap-luat/tu-van-phap-luat/9692/dieu-le-cong-ty-ban-hien-phap-dang-bi-lang-quen#google_vignette), truy cập 13h54 ngày 22/7/2024.

<sup>14</sup> Hồ Hương (2024), *Nghiên cứu bổ sung quy định về yêu cầu công chứng đối với hồ sơ thành lập doanh nghiệp*, <https://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?ItemID=87620>, truy cập 13h12 ngày 03/7/2024.

<sup>15</sup> Trương Nhật Quang (2024), *Pháp luật về doanh nghiệp, các vấn đề pháp lý cơ bản*, Nxb Dân trí, tr.348-354.

theo pháp luật của doanh nghiệp trong trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần có nhiều hơn một người đại diện theo pháp luật<sup>16</sup>.

Trên cơ sở những sự phân tích về điều lệ công ty theo pháp luật của một số nước kết hợp với những định nghĩa từ ngữ của từ điển và thực tiễn hoạt động doanh nghiệp, có thể hiểu **Điều lệ công ty** là văn bản ghi nhận những điều khoản quy định về mục đích thành lập, tổ chức quản lý và tổ chức hoạt động của công ty trên cơ sở sự thỏa thuận tự nguyện của các thành viên hoặc cổ đông không trái với quy định của pháp luật và được cơ quan đăng ký kinh doanh xác nhận.

Còn xét về bản chất và thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp cho thấy, Điều lệ công ty phải được hiểu là một hợp đồng giữa các thành viên về việc thành lập, quản trị và điều hành công ty. Nguyên tắc tự do hợp đồng đối với Điều lệ công ty được pháp luật Việt Nam ghi nhận bằng các quy định như: “trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác”, “nếu Điều lệ công ty không có quy định khác”, “trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ khác cao hơn”, “trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ khác nhỏ hơn”. Chính vì vậy, khi Điều lệ công ty được xây dựng phù hợp với quy định của pháp luật thì có giá trị pháp lý và được ưu tiên áp dụng trước các quy định của pháp luật. Những nội dung trong Điều lệ công ty có thể là sự dung hoà quyền lợi giữa các thành viên, cổ đông nhưng cũng có thể mang lại quyền và lợi ích lớn hơn, có lợi hơn cho một số thành viên, cổ đông, có thể tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản trị, điều hành và hoạt động của công ty hoặc ngược lại cũng có thể gây cản trở khó khăn cho việc quản trị, điều hành và hoạt động của công ty. Do vậy, tính xác thực và hợp pháp của nội dung điều lệ công ty (nhất là tính xác thực về chủ thể, sự thể hiện ý chí của chủ thể và tài sản góp vốn để tạo thành vốn điều lệ) cần phải được thẩm định, bảo đảm bởi bên thứ 3 độc lập, khách quan và bên thứ 3 đó trong hệ thống pháp luật thích hợp nhất chính là công chứng.

Công chứng giúp củng cố tính xác thực của những cam kết và quyền lợi được quy định trong điều lệ, đồng thời bảo vệ lợi ích của các bên liên quan, bao gồm cả các cổ đông, thành viên công ty và các đối tác kinh doanh. Bởi công chứng là một hoạt động pháp lý mang tính chất phòng ngừa, xuất phát từ nhu cầu bảo đảm an toàn pháp lý và duy trì trật tự xã hội. Công chứng viên là một chức danh tư pháp, được sinh ra để hành nghề công chứng, đáp ứng nhu cầu của xã hội. Công chứng là việc chứng nhận tính xác thực và hợp pháp của những chủ thể bình đẳng về quyền và nghĩa vụ với nhau trên cơ sở tôn trọng sự thỏa thuận và đồng ý - thống

---

<sup>16</sup> Xem khoản 1 Điều 12 Luật Doanh nghiệp năm 2020.



nhất ý chí thông qua đối thoại và thảo luận để đồng thuận về nội dung hợp đồng, giao dịch với sự tự do ý chí, tự nguyện cam kết, thỏa thuận nên sẽ là con đường tốt nhất phòng ngừa rủi ro, hạn chế tranh chấp, bảo đảm an toàn pháp lý, góp phần bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân.

## **2.2. Việc công chứng điều lệ công ty**

**Việc công chứng điều lệ công ty là để bảo đảm tính xác thực về nội dung thỏa thuận, vậy các nước quy định như thế nào về công chứng điều lệ công ty?**

Việc quy định việc công chứng điều lệ công ty hay doanh nghiệp không phải là điều bắt buộc hoặc phổ biến tại tất cả các quốc gia trên thế giới. Mặc dù mỗi quốc gia có các quy định pháp luật riêng biệt về thành lập và điều hành doanh nghiệp. Thay vào đó, các quốc gia này có thể tập trung vào các quy định về đăng ký doanh nghiệp, cung cấp thông tin công khai, và quản lý hoạt động kinh doanh để đảm bảo tính minh bạch và pháp lý của doanh nghiệp.

Ví dụ, ở một số quốc gia như Hoa Kỳ, Anh, Úc, Canada, không có yêu cầu cụ thể để công chứng điều lệ công ty. Thay vào đó, các công ty cần tuân thủ các quy định về đăng ký, báo cáo tài chính, và tuân thủ các quy định pháp luật quản lý doanh nghiệp.

Tuy nhiên, ở Cộng hòa Liên bang Đức, quy định về điều lệ công ty và hợp đồng thành lập công ty được điều chỉnh bởi Luật Thương mại Đức (Handelsgesetzbuch - HGB)<sup>17</sup> và các quy định pháp lý khác. Theo Luật Thương mại Đức quy định:

- Hợp đồng thành lập công ty (Gesellschaftsvertrag): Đây là tài liệu cơ bản quy định về cách thức tổ chức và hoạt động của công ty. Hợp đồng này bao gồm các điều khoản về mục đích, cơ cấu tổ chức, quyền và nghĩa vụ của các thành viên/cổ đông, v.v. Hợp đồng thành lập công ty không nhất thiết phải được công chứng tại Đức, tuy nhiên nó phải được lập thành văn bản.

- Đăng ký công ty (Eintragung ins Handelsregister): Để công ty được pháp lý hóa, hợp đồng thành lập cùng với một số tài liệu khác phải được nộp cho Cục Đăng ký Thương mại (Handelsregister). Các thông tin cần thiết bao gồm tên công ty, địa chỉ trụ sở, mục đích kinh doanh, cơ cấu tổ chức, danh sách các thành viên/cổ đông, v.v. Đây là bước quan trọng để công ty có thể tham gia vào các giao dịch thương mại.

---

<sup>17</sup> Commercial Code (Handelsgesetzbuch – HGB), [https://www.gesetze-im-internet.de/englisch\\_hgb/](https://www.gesetze-im-internet.de/englisch_hgb/), truy cập 16h15 ngày 22/7/2024.



- Công chứng (Notarielle Beurkundung): Mặc dù hợp đồng thành lập công ty không bắt buộc phải được công chứng, tuy nhiên trong một số trường hợp đặc biệt hoặc khi có yêu cầu riêng, công chứng viên có thể thực hiện công chứng cho hợp đồng này để tăng tính chính xác và sự chắc chắn pháp lý.

- Quy định về công khai thông tin (Publizitätspflichten): Công ty phải tuân thủ các yêu cầu về công khai thông tin liên quan đến quản lý, tài chính và hoạt động kinh doanh. Điều này giúp đảm bảo tính minh bạch và cho phép các bên liên quan có thể tra cứu thông tin về công ty một cách dễ dàng.

- Quy định về cơ cấu tổ chức (Organisationspflichten): Các công ty phải thi hành các quy định về cơ cấu tổ chức như tổ chức họp đại hội cổ đông, quản lý và báo cáo tài chính định kỳ. Điều này giúp bảo đảm quản lý hiệu quả và tránh tranh chấp nội bộ.

Ở Cộng hòa Pháp, quy định về điều lệ công ty và hợp đồng thành lập công ty được điều chỉnh bởi Luật Thương mại Pháp (Code de commerce)<sup>18</sup> và các quy định pháp lý liên quan. Những điểm chính liên quan đến các quy định này:

- Hợp đồng thành lập công ty (Statuts de société): Đây là tài liệu cơ bản quy định về tổ chức và hoạt động của công ty. Hợp đồng này bao gồm các điều khoản về mục đích, cơ cấu tổ chức, quyền và nghĩa vụ của các thành viên/cổ đông, v.v. Hợp đồng thành lập công ty phải được lập thành văn bản và có tính ràng buộc pháp lý.

- Loại hình công ty (Forme sociale): Pháp luật Pháp cho phép nhiều loại hình công ty như Société Anonyme (SA - Công ty Cổ phần), Société à Responsabilité Limitée (SARL - Công ty Trách nhiệm Hữu hạn), Société en Nom Collectif (SNC - Công ty Hợp danh), v.v. Mỗi loại hình công ty có các yêu cầu và quy định riêng biệt về điều lệ và hợp đồng thành lập.

- Công chứng (Notaire): Ở Pháp, việc công chứng hợp đồng thành lập công ty không bắt buộc. Tuy nhiên, trong một số trường hợp đặc biệt hoặc khi các bên muốn tăng tính rõ ràng và pháp lý cho hợp đồng, họ có thể lựa chọn sử dụng dịch vụ của một công chứng viên để công chứng tài liệu.

- Đăng ký công ty (Immatriculation): Các công ty phải được đăng ký với Cục Đăng ký Thương mại và Doanh nghiệp (Registre du commerce et des sociétés - RCS) để có thể hợp pháp hoạt động. Quy trình này bao gồm việc nộp đơn, cung cấp các tài liệu cần thiết

---

<sup>18</sup> Code de commerce, [https://www.legifrance.gouv.fr/codes/texte\\_lc/LEGITEXT000005634379/](https://www.legifrance.gouv.fr/codes/texte_lc/LEGITEXT000005634379/), truy cập 16h38 ngày 22/7/2024.

như hợp đồng thành lập, thông tin về các thành viên/cổ đông, v.v.

- Thông báo công khai (Publicité): Công ty phải tuân thủ các yêu cầu về công khai thông tin như thông tin về tổ chức, quản lý và tài chính công ty. Điều này giúp đảm bảo tính minh bạch và cho phép các bên liên quan có thể tra cứu thông tin về công ty một cách dễ dàng.

- Quy định về quản lý và hoạt động (Gestion et fonctionnement): Các công ty phải tuân thủ các quy định về quản lý như tổ chức hợp đại hội cổ đông, quản lý và báo cáo tài chính. Điều này giúp bảo đảm quản lý hiệu quả và tránh tranh chấp nội bộ.

Ở Nhật Bản, theo Điều 1 Luật Công chứng quy định cụ thể công chứng viên có quyền chứng nhận các điều khoản của công ty theo đạo luật công ty. Và tại Điều 30 đạo Luật Công ty số 86 năm 2005 của Nhật Bản quy định để thành lập một Công ty Cổ phần, (các) tổ chức thành lập phải chuẩn bị các điều khoản thành lập công ty và tất cả các tổ chức thành lập phải ký tên hoặc đóng dấu (các) tên và (các) con dấu vào công ty đó sẽ không có hiệu lực trừ khi được chứng nhận bởi công chứng viên<sup>19</sup>.

Ở Việt Nam hiện nay, Điều lệ công ty bao gồm Điều lệ khi đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ được sửa đổi, bổ sung trong quá trình hoạt động. Điều lệ công ty bao gồm các nội dung chủ yếu<sup>20</sup> sau đây vừa mang tính chất “cần thiết” vừa mang tính chất “bắt buộc” để định danh công ty: “a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty; tên, địa chỉ chi nhánh và văn phòng đại diện (nếu có); b) Ngành, nghề kinh doanh; c) Vốn Điều lệ; tổng số cổ phần, loại cổ phần và mệnh giá từng loại cổ phần đối với công ty cổ phần; d) Họ, tên, địa chỉ, quốc tịch và các đặc điểm cơ bản khác của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh; của chủ sở hữu công ty, thành viên đối với công ty TNHH; của cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần; phần vốn góp và giá trị vốn góp của mỗi thành viên đối với công ty TNHH và công ty hợp danh; số cổ phần, loại cổ phần, mệnh giá cổ phần từng loại của cổ đông sáng lập; e) Cơ cấu tổ chức quản lý; g) Người đại diện theo pháp luật đối với công ty TNHH, công ty cổ phần”; h) Thể thức thông qua quyết định của công ty; nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ; i) Căn cứ và phương pháp xác định thù lao, tiền lương và thưởng cho người quản lý và Kiểm soát viên; k) Những trường hợp thành viên có quyền yêu cầu công ty mua lại phần vốn góp đối với công ty TNHH hoặc cổ phần đối với công ty cổ phần; l) Nguyên tắc phân chia lợi nhuận sau thuế

---

<sup>19</sup> Companies Act (Act No. 86 of 2005), <https://www.japaneselawtranslation.go.jp/en/laws/view/3206/en>, truy cập 16h36 ngày 24/7/2024

<sup>20</sup> Xem Điều 24 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

và xử lý lỗ trong kinh doanh; m) Các trường hợp giải thể, trình tự giải thể và thủ tục thanh lý tài sản công ty; n) Thẻ thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty”.

Điều lệ công ty tốt phải là kết quả sự thương lượng, thoả thuận giữa các thành viên, cổ đông trên cơ sở quy định của pháp luật, phải dung hoà được quyền và nghĩa vụ giữa các thành viên cổ đông, phải tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản trị, điều hành và hoạt động của công ty. Có thể nói Điều lệ công ty là văn bản quan trọng nhất trong quản trị, điều hành và hoạt động của công ty, đồng thời cũng là cơ sở pháp lý để phân định quyền và nghĩa vụ giữa các cổ đông, thành viên<sup>21</sup>.

Điều 22, 23, 24 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ quy định điều lệ công ty là một thành phần hồ sơ bắt buộc phải có khi thành lập công ty hợp danh, công trách nhiệm hữu hạn (một hoặc hai thành viên trở lên), công ty cổ phần. Tuy nhiên, vấn đề nằm ở chỗ cơ quan đăng ký kinh doanh chỉ chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, không chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật của doanh nghiệp xảy ra trước và sau khi đăng ký doanh nghiệp.<sup>22</sup> Còn quá trình xây dựng, hoàn thiện, thông qua nội dung điều lệ như thế nào, có bảo đảm tính xác thực, hợp pháp hay không về con người thì lại bị bỏ ngỏ. Cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét chỉ đơn thuần “tính hợp lệ” của giấy tờ có vi phạm điều kiện cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không mà thôi.

Vậy nếu tiếp tục với đề cho doanh nghiệp ra đời như hiện nay mà không cần biện pháp can thiệp gì từ Nhà nước để hạn chế thiệt hại các “doanh nghiệp ma” do không xác thực thông tin chủ thể thành lập thì những thiệt hại người dân và xã hội phải “lãnh đủ”, và Nhà nước lại phải nỗ lực làm trong sạch môi trường kinh doanh bị “vẩn đục”?

Trong khi đó, Việt Nam đã khẳng định phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội..., vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước<sup>23</sup>. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện

---

<sup>21</sup> Bùi Hữu Toàn (2023), *Hiệu lực pháp lý của Điều lệ công ty và thực tiễn áp dụng pháp luật nhìn từ một vụ việc cụ thể*, <http://www.lapthap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=211626>, truy cập 9h45 ngày 16/7/2024

<sup>22</sup> Xem Khoản 20 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2020, Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp

<sup>23</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, tập 1, tr.128.

để doanh nhân, doanh nghiệp và cá nhân, tổ chức khác đầu tư, sản xuất, kinh doanh; phát triển bền vững các ngành kinh tế, góp phần xây dựng đất nước<sup>24</sup>. Do đó, cần có công cụ kiểm soát tính xác thực, hợp pháp đối với hồ sơ thành lập doanh nghiệp và các giao dịch trong nội bộ doanh nghiệp trong đó có điều lệ để phòng ngừa rủi ro cho các chủ thể giao dịch với doanh nghiệp cả thẩm quyền, phạm vi của người đại diện theo pháp luật. Công cụ thích hợp nhất nên là công chứng bởi vì, mục đích công chứng sinh ra là để đảm bảo đúng người, đúng luật. Văn bản được công chứng sẽ gia tăng độ tin cậy về nội dung và chủ thể đối với bên thứ 3.

Vậy phạm là giao dịch thì đều nên (cần) phải công chứng để giảm thiểu rủi ro, hệ lụy xã hội. Phòng ngừa từ ban đầu bao giờ cũng tốt hơn là xảy ra rồi mới đi giải quyết! Công chứng là một thiết chế đã có từ lâu đời, được sử dụng rộng rãi ở nhiều quốc gia trên thế giới với nhiệm vụ ngăn ngừa rủi ro cho các giao dịch dân sự. Công chứng xét về bản chất và chức năng của một chức danh tư pháp được bổ nhiệm để hành nghề độc lập, khách quan, cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực công chứng bảo đảm tính xác thực, hợp pháp của giấy tờ hợp đồng, giao dịch quan trọng trong dân sự, kinh tế mà lại không phải là biện pháp can thiệp hành chính từ cơ quan Nhà nước nên được tính toán là giải pháp tối ưu trong quá trình chuẩn bị hồ sơ để bảo đảm cho việc đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đúng thời hạn.

Việt Nam là nước mới gia nhập Liên minh Công chứng quốc tế và là thành viên thứ 84 của cộng đồng này. Tại Việt Nam, pháp luật về công chứng đang trong quá trình xây dựng và phát triển vì vậy rất cần lĩnh hội những kinh nghiệm từ các quốc gia có hệ thống công chứng phát triển trong Liên minh Công chứng quốc tế.

### **Việc công chứng điều lệ doanh nghiệp đem lại lợi ích gì cho môi trường kinh doanh ở Việt Nam hiện nay?**

Trong bối cảnh thực tiễn tại Việt Nam hiện nay thì công chứng điều lệ công ty sẽ mang lại nhiều lợi ích đó có thể thấy được là:

(1) Tăng tính xác thực và pháp lý: vì công chứng giúp đảm bảo rằng các điều khoản và quy định trong điều lệ của doanh nghiệp là chính xác và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật. Điều này giúp bảo vệ lợi ích của các bên liên quan như cổ đông, thành viên công ty và các đối tác kinh doanh.

(2) Giảm nguy cơ tranh chấp pháp lý: bởi điều lệ công ty đã được công chứng giúp giảm thiểu nguy cơ xảy ra tranh chấp về tính pháp lý của các quy định trong điều lệ. Khi các

---

<sup>24</sup> Xem Điều 51 Hiến pháp Việt Nam năm 2013.

điều khoản được công chứng, chúng có giá trị chứng cứ cao hơn và dễ dàng chấp nhận hơn trong các thủ tục pháp lý.

(3) Thuận tiện cho giao dịch và hợp tác quốc tế: Trên thị trường quốc tế, các đối tác và nhà đầu tư thường yêu cầu các văn bản công chứng và có tính pháp lý rõ ràng. Việc công chứng điều lệ giúp doanh nghiệp dễ dàng hơn trong việc tham gia các giao dịch quốc tế và hợp tác với các đối tác nước ngoài.

(4) Củng cố uy tín của doanh nghiệp: Việc công chứng điều lệ cũng góp phần củng cố uy tín và sự chuyên nghiệp của doanh nghiệp trước công chúng và các bên liên quan. Điều này có thể có tác động tích cực đến việc thu hút đầu tư và phát triển kinh doanh của doanh nghiệp.

(5) Đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm: Việc công chứng điều lệ giúp tăng cường tính minh bạch trong quản lý doanh nghiệp và đảm bảo rằng các quyết định quan trọng của doanh nghiệp được đưa ra một cách trách nhiệm và có sự tham gia của các bên liên quan.

Tóm lại, việc quy định công chứng điều lệ công ty tại Việt Nam mang lại nhiều lợi ích trong việc bảo vệ pháp lý, tăng cường uy tín và thu hút đầu tư, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm trong quản lý kinh doanh, góp phần tạo lập lòng tin cho những đối tượng liên quan với công ty như các chủ sở hữu, các chủ sở hữu tiềm năng, các đối tác kinh doanh... Công chứng điều lệ doanh nghiệp không phải là “liều thuốc có thể trị bách bệnh” liên quan đến vi phạm pháp luật trước và sau khi đăng ký doanh nghiệp, nhưng chắc chắn là sẽ góp phần bảo đảm tính xác thực về chủ thể, ý chí của chủ thể tham gia thành lập doanh nghiệp, bảo đảm điều khoản quy định trong điều lệ là chính xác thông qua chức năng cung cấp dịch vụ công bảo đảm tính xác thực, tính hợp pháp và nghĩa vụ giải thích ý nghĩa, hậu quả pháp lý của việc tham gia hợp đồng, giao dịch được thực hiện bởi chính công chứng viên, người được nhà nước ủy nhiệm thông qua việc bổ nhiệm với các tiêu chuẩn, điều kiện cao, khắt khe.<sup>25</sup> Chức năng này đã được thực tiễn lịch sử hình thành và phát triển chế định công chứng chứng minh cả trên thế giới (nhất là các nước theo hệ thống Civil law) và ở Việt Nam kể từ khi tái lập lại từ năm 1988 đến nay là hiệu quả, đã ăn sâu, bám rễ vào cuộc sống, được người dân chấp nhận rất nhẹ nhàng và hoàn toàn tự nguyện mà lại không phải là biện pháp can thiệp mang tính hành chính vào quá trình thành lập doanh nghiệp. Do đó, có thể khẳng định việc công chứng điều lệ công ty tất yếu sẽ giúp cơ quan quản lý nhà nước như là một giải pháp

---

<sup>25</sup> Xem khoản 1 Điều 2 và Điều 3 Luật Công chứng năm 2014 và dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi) trình Quốc hội khóa XV, kỳ họp thứ 7.

bảo đảm tính hợp lệ về thành phần hồ sơ, góp phần thanh lọc “doanh nghiệp ma/ảo”, lành mạnh hóa môi trường kinh doanh thông qua vai trò, chức năng của công chứng viên – một chức danh tư pháp, để thẩm định về tính xác thực, hợp pháp đối với hồ sơ quan trọng nhất khi thành lập doanh nghiệp là điều lệ.

### **2.3. Thủ tục công chứng điều lệ công ty**

Thủ tục công chứng điều lệ thì nên mở rộng nhiều hình thức để doanh nghiệp lựa chọn, vì lý do bảo mật thông tin, bí mật kinh doanh, theo đó có thể thực hiện công chứng tại trụ sở tổ chức hành nghề công chứng, công chứng ngoài trụ sở tại nơi các thành viên, cổ đông họp thống nhất nội dung được thông qua của điều lệ hoặc là hình thức công chứng điện tử và gửi bản điều lệ điện tử cho cơ quan đăng ký kinh doanh. Đồng thời phải tính đến phí công chứng, giá dịch vụ theo yêu cầu, chi phí khác, theo đó nếu tính trên giá trị số tài sản góp vốn sẽ gây tốn kém chi phí gia nhập thị trường của doanh nghiệp, vì vậy có thể tính theo mức phí vụ việc công chứng phức tạp và giá dịch vụ theo yêu cầu khi công chứng ngoài trụ sở.

Bản điều lệ công ty đã được công chứng cần phải được trao cho một giá trị pháp lý thay cho việc phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu đối với tài sản phải đăng ký hoặc quyền sử dụng đất cho công ty theo Điều 35 Luật Doanh nghiệp năm 2020. Chỉ cần sau khi công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì cùng với bản điều lệ sẽ làm thủ tục kê khai thuế, đăng ký sang tên là hoàn thành thủ tục xác lập quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất nếu đó là tài sản phải đăng ký, còn nếu là tài sản không phải đăng ký thì cứ căn cứ vào nội dung điều lệ để các thành viên, cổ đông tiến hành giao nhận tài sản, thực hiện chuyển khoản. Lúc đó, bản điều lệ sẽ góp phần đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn có đăng ký hoặc quyền sử dụng đất, tạo thuận lợi hơn cho doanh nghiệp nhanh chóng đi vào ổn định để hoạt động sản xuất – kinh doanh.

### **Kết luận**

Phải nói rằng, quy định của pháp luật hiện hành về đăng ký kinh doanh đã thể hiện quan điểm quản lý nhà nước hiện đại, tức là phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cá nhân, tổ chức, nhà nước chỉ đóng vai trò ghi nhận trên cơ sở tính hợp lệ của hồ sơ, tài liệu. Điều này càng mang lại lợi ích lớn cho người dân và doanh nghiệp trong việc đơn giản hoá các quy trình, thủ tục đăng ký kinh doanh, giảm bớt áp lực công việc cho cơ quan quản lý nhà nước. Tuy vậy, bên cạnh mặt tích cực thì thực tiễn đã phát sinh không ít những bất cập, hệ lụy liên quan đến sự thông thoáng, đơn giản về hồ sơ, tài liệu đăng ký doanh nghiệp, trong đó có vấn đề về tính xác thực của điều lệ công ty. Từ thực tế đó đặt ra yêu cầu có nên quy định công

chứng điều lệ công ty hay không, trong khi đây là vấn đề mới phát sinh từ đòi hỏi của thực tiễn nên tất yếu sẽ có những quan điểm trái chiều về vấn đề này, người ủng hộ, người phản đối, cho rằng không nên mở rộng công chứng hồ sơ đăng ký doanh nghiệp vì sẽ tạo thêm chi phí tuân thủ cả tiền bạc lẫn thời gian. Vẫn cần áp dụng công nghệ để hậu kiểm thì tốt hơn. Tuy vậy, vẫn có không ít người nhận thấy rằng, tiết kiệm chi phí tuân thủ cho chủ doanh nghiệp được 1 đồng mà thiệt hại 100 đồng của dân, doanh nghiệp, tạo ra gánh nặng cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến môi trường kinh doanh thì chọn cái nào. Cần nhắc xem chúng ta cần số lượng doanh nghiệp hay cần chất lượng của doanh nghiệp?

Thời gian qua, hoạt động công chứng đã và đang đóng góp tích cực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội một cách lành mạnh, ổn định và bền vững. Hệ thống pháp luật chính là hành lang pháp lý tạo thuận lợi cho các chủ thể tham gia xác lập, thay đổi, chấm dứt các giao dịch dân sự; trong đó pháp luật về công chứng góp phần không nhỏ trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp cũng như hạn chế những rủi ro, tranh chấp phát sinh gây tổn thất cho doanh nghiệp. Do vậy, quy định công chứng điều lệ công ty trong bối cảnh hiện nay ở Việt Nam là cần thiết để đảm bảo tính xác thực, hợp pháp trong quá trình ra đời một pháp nhân kinh doanh, qua đó thúc đẩy sự phát triển bền vững của hệ thống doanh nghiệp, góp phần bảo đảm sức khỏe của nền kinh tế, đặc biệt là trong bối cảnh nền kinh tế ngày càng hội nhập sâu rộng và phức tạp như hiện nay./.

#### **Danh mục tài liệu tham khảo:**

1. Hoàng Phê (2023), Từ điển tiếng Việt, Nxb Hồng Đức, tr.406, tr.265.
2. Viện Khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp (2006), Từ điển Luật học, Nxb Từ điển bách khoa, Nxb Tư pháp, tr.255
3. Hồ Hương (2024), Nghiên cứu bổ sung quy định về yêu cầu công chứng đối với hồ sơ thành lập doanh nghiệp, <https://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?ItemID=87620> , truy cập 13h12 ngày 03/7/2024.
4. Luật Công chứng năm 2014 và dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi) trình Quốc hội khóa XV, kỳ họp thứ 7.
5. Luật Doanh nghiệp năm 2020
6. Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp
7. Bùi Hữu Toàn (2023), Hiệu lực pháp lý của Điều lệ công ty và thực tiễn áp dụng pháp luật nhìn từ một vụ việc cụ thể,

- <http://www.lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=211626>, truy cập 9h45 ngày 16/7/2024
8. Đức Hà (2022), Những kỷ lục ở phiên tòa xét xử Công ty địa ốc Alibaba, <https://cand.com.vn/Vu-an-noi-tieng/nhung-ky-luc-o-phien-toa-xet-xu-cong-ty-dia-oc-alibaba-i677697/>, truy cập 9h37 ngày 24/7/2024
  9. Báo điện tử Chính phủ (2024), Toàn cảnh ĐẠI ÁN VẠN THỊNH PHÁT, <https://xaydungchinh sach.chinhphu.vn/dai-an-van-thinh-phat-truy-to-truong-my-lan-va-85-bi-can-119231215145320997.htm> ; <https://thanhvien.vn/hon-1000-cong-ty-ma-trong-he-sinh-thai-cua-tap-doan-van-thinh-phat-185240305152315506.htm>, truy cập 9h54 ngày 24/7/2024.
  10. Lưu Minh Sang – Trịnh Ngọc Nam, Điều lệ công ty - “Bản Hiến pháp” đang bị lãng quên, [https://thuvienphapluat.vn/chinh-sach-phap-luat-moi/vn/ho-tro-phap-luat/tu-van-phap-luat/9692/dieu-le-cong-ty-ban-hien-phap-dang-bi-lang-quen#google\\_vignette](https://thuvienphapluat.vn/chinh-sach-phap-luat-moi/vn/ho-tro-phap-luat/tu-van-phap-luat/9692/dieu-le-cong-ty-ban-hien-phap-dang-bi-lang-quen#google_vignette) , truy cập 13h54 ngày 22/7/2024.
  11. Trương Nhật Quang (2024), Pháp luật về doanh nghiệp, các vấn đề pháp lý cơ bản, Nxb Dân trí, tr.348-354.
  12. Will Kenton (2020), Corporate Charter Definition, <http://www.investopedia.com/terms/c/corporatecharter.asp>, truy cập 13h26 ngày 24/7/2024.
  13. Bộ luật Dân sự Nhật Bản, <https://www.moj.go.jp/content/000056024.pdf>, truy cập 8h15 ngày 25/7/2024
  14. Bộ luật Dân sự Pháp, Bản dịch tiếng Việt của Đại sứ quán Pháp tại Việt Nam, xuất bản năm 2018, <https://fdvn.vn/bo-luat-dan-su-phap-ban-dich/>, truy cập 16h33 ngày 24/7/2024.
  15. Commercial Code (Handelsgesetzbuch – HGB), [https://www.gesetze-im-internet.de/englisch\\_hgb/](https://www.gesetze-im-internet.de/englisch_hgb/), truy cập 16h15 ngày 22/7/2024.
  16. Code de commerce, [https://www.legifrance.gouv.fr/codes/texte\\_lc/LEGITEXT000005634379/](https://www.legifrance.gouv.fr/codes/texte_lc/LEGITEXT000005634379/), truy cập 16h38 ngày 22/7/2024.



# XÁC THỰC BIÊN BẢN CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN - KINH NGHIỆM CỦA INDONESIA VÀ GỢI MỞ CHO VIỆT NAM TRONG VIỆC XÂY DỰNG KHUNG PHÁP LÝ

**ThS. Tăng Thị Bích Diễm**

*Giảng viên Khoa Luật Thương mại, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh*

## **Tóm tắt**

Sự minh bạch thông tin doanh nghiệp như các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông không chỉ ảnh hưởng đến các mối quan hệ nội bộ doanh nghiệp mà còn tác động đáng kể đến các bên thứ ba. Đặc biệt, trong bối cảnh tổ chức các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trở nên phổ biến, vấn đề xác thực thông tin và biên bản cuộc họp đặt ra nhiều thách thức pháp lý. Bài viết tập trung phân tích các quy định của Indonesia về xác thực thông tin trong biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến. Bài viết làm rõ giá trị pháp lý và vai trò của công chứng viên trong việc xác thực biên bản này, qua đó kiến nghị đề xuất một số gợi mở trong việc xây dựng khung pháp lý tại Việt Nam. Những gợi mở này hướng đến việc đảm bảo tính minh bạch và tin cậy trong xác thực thông tin doanh nghiệp, đồng thời phù hợp với xu hướng số hóa và giao dịch điện tử ngày càng phát triển trên toàn cầu.

**Từ khóa:** Đại hội đồng cổ đông trực tuyến; Công chứng viên; Xác thực thông tin doanh nghiệp.

## **Abstract**

*The transparency of corporate information, such as resolutions of the General Meeting of Shareholders, not only affects internal relationships within the company but also has a significant impact on third parties. Particularly, as the organization of Electronic General Meeting of Shareholders becomes more common, the issue of verifying information and meeting minutes presents numerous legal challenges. This article focuses on analyzing Indonesia's regulations on the authentication of information in the minutes of Electronic General Meeting of Shareholders. It clarifies the legal value and the role of notaries in verifying these minutes, thereby proposing several recommendations for developing a legal framework in Vietnam. These recommendations aim to ensure transparency and reliability in corporate information verification while aligning with the growing trend of digitalization and electronic transactions globally.*

**Keyword:** *Electronic General Meeting of Shareholders; Notary; Authentication of corporate information*

## Đặt vấn đề:

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu ngày càng phức tạp và cạnh tranh, việc xác thực thông tin doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển bền vững và minh bạch của thị trường.<sup>1</sup> Công khai, minh bạch trong thông tin về doanh nghiệp không chỉ đặt ra đối với các thông tin mang tính định danh mà còn bao gồm cả những vấn đề liên quan đến quản trị, điều hành công ty và các nghị quyết của đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ).<sup>2</sup>

Trong bối cảnh công nghệ số ngày càng phát triển, việc tổ chức các cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến đã trở thành một giải pháp phổ biến và tiện lợi cho nhiều doanh nghiệp.<sup>3</sup> Điều này đặc biệt quan trọng trong các tình huống bất khả kháng hoặc khi các bên không thể tham dự trực tiếp. Tuy nhiên, việc tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến đặt ra nhiều thách thức về mặt pháp lý và kỹ thuật, đặc biệt là trong việc xác thực thông tin biên bản cuộc họp.<sup>4</sup>

Vụ án Tập đoàn Vạn Thịnh Phát với hành vi làm giả hồ sơ doanh nghiệp, lập không hồ sơ vay vốn, thuê người đứng tên cổ phần, gây thiệt hại hàng trăm nghìn tỷ đồng.<sup>5</sup> Hiện tượng nâng khống vốn điều lệ, thuê người đứng tên doanh nghiệp, giả mạo hồ sơ doanh nghiệp, và thành lập doanh nghiệp để hợp thức hóa các hành vi vi phạm pháp luật như trốn thuế, rửa tiền, thao túng giá cả thị trường cũng xuất hiện thường xuyên.<sup>6</sup> Đặc biệt, trong bối cảnh Việt Nam đang nỗ lực cải thiện môi trường kinh doanh và thu hút đầu tư nước ngoài, việc xây dựng một hệ thống xác thực thông tin doanh nghiệp, bao gồm cả biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến là vô cùng cần thiết. Điều này không chỉ giúp bảo vệ quyền lợi của các nhà đầu tư mà còn góp phần nâng cao uy tín và sự phát triển bền vững của các doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường quốc tế.

---

<sup>1</sup> Tengku Yusuf Hanafiah Yovinanda, Adi Mansar, Ferry Susanto Limbong (2022), “The Role of a Notary in the Establishment of a Limited Partnership After the Entry into force of the Electronically Integrated Business Licensing Service System According to Government Regulation Number 24 of 2018”, *Jurnal Multidisiplin Madani*, Vol. 2, No.12, tr.4306 – 4317.

<sup>2</sup> Benjamin E. Hermalin, Michael S. Weisbach (2012), “Information Disclosure and Corporate Governance”, *The Journal of Finance*, Vol. 67, Issue 1, tr.195 -233.

<sup>3</sup> Nguyễn Thanh Huyền (2024), “Đại hội đồng cổ đông trực tuyến - Những vấn đề pháp lý cần hoàn thiện”, *Tạp chí Chứng khoán*, Số 305, truy cập tại địa chỉ: <https://tapchichungkhoan.vn/chung-khoan/dai-hoi-dong-co-dong-truc-tuyen--nhung-van-de-phap-ly-can-hoan-thien-d17-t39952.html>, truy cập ngày 04/08/2024.

<sup>4</sup> Mohd Shazwan Mohd Ariffin, Siti Seri Delima Abdul Malak, Wan Nordin Wan-Hussin (2023), “Shareholder Activism and Publication of Annual General Meeting Minutes Online: Evidence From Malaysian Listed Companies”, *International Journal of Business and Society*, Vol. 24, No. 1, tr.488.

<sup>5</sup> Bản án số 157/2024/HS-ST ngày 11/04/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

<sup>6</sup> Chinhphu.vn (2024), “Đại biểu quốc hội nói về vụ Vạn Thịnh Phát”, Báo Điện tử Chính phủ, truy cập tại địa chỉ: <https://xaydungchinhphuc.chinhphu.vn/dai-bieu-quoc-hoi-noi-ve-vu-van-thinh-phat-119231121135831212.htm>, truy cập ngày 04/08/2024.

Indonesia, một quốc gia có hệ thống công chứng tương tự Việt Nam thuộc hệ thống công chứng Latin<sup>7</sup>, đã có những bước tiến đáng kể trong việc quản lý và xác thực biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến. Chính vì vậy, việc nghiên cứu và học hỏi kinh nghiệm quốc tế, như từ Indonesia, trong việc xác thực biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến là một bước đi quan trọng. Bài viết này sẽ trình bày những kinh nghiệm từ Indonesia, đồng thời đề xuất một số kiến nghị trong việc xây dựng khung pháp lý cho việc xác thực thông tin doanh nghiệp tại Việt Nam.

## **1. Quy định của Indonesia về xác thực biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**

Điều 7 của Luật Công ty số 40/2007 của Indonesia đưa ra những quy định cụ thể và chặt chẽ về quy trình thành lập công ty, nhấn mạnh vai trò bắt buộc của việc công chứng trong quá trình này. Theo quy định này, việc thành lập công ty tại Indonesia phải được thực hiện thông qua một văn bản công chứng, còn được gọi là *Deed of Establishment*. Văn bản công chứng này phải được soạn thảo bằng tiếng Indonesia, ngôn ngữ chính thức của quốc gia, để đảm bảo rằng mọi thông tin và điều khoản trong văn bản đều được thể hiện một cách rõ ràng, chính xác và có thể thực thi theo quy định pháp luật của Indonesia. Việc soạn thảo văn bản bằng tiếng Indonesia không chỉ là yêu cầu pháp lý mà còn là biện pháp đảm bảo rằng tất cả các bên liên quan, bao gồm cả cơ quan quản lý nhà nước và các cổ đông, đều hiểu và đồng thuận với nội dung của văn bản.<sup>8</sup>

Văn bản công chứng bao gồm Điều lệ công ty, là tài liệu pháp lý cơ bản quy định toàn bộ cấu trúc và hoạt động của công ty. Điều lệ công ty xác định các vấn đề cốt lõi như tên công ty, địa chỉ trụ sở chính, vốn điều lệ, và cơ cấu tổ chức. Việc ký kết văn bản công chứng phải được thực hiện trước mặt công chứng viên, người có trách nhiệm xác nhận tính hợp pháp của văn bản và đảm bảo rằng các bên liên quan đã hiểu và đồng ý với các điều khoản trong văn bản. Công chứng viên, với vai trò là đại diện pháp lý của nhà nước, đảm bảo rằng văn bản công chứng đáp ứng đầy đủ các yêu cầu pháp lý và có hiệu lực pháp lý cao, từ đó bảo vệ quyền lợi của tất cả các bên tham gia.<sup>9</sup>

---

<sup>7</sup> Irfan Iryadi, Teuku Syahrul Ansari, Jumadil Saputra, Teuku Afrizal, Ahmad Syauqi Thirafi (2021), “The Role of Jurisprudence as Form of Legal Prescriptions: A Case Study of Notaries in Indonesia”, *Wseas Transactions on Environment and Development*, Vol. 17, tr.75.

<sup>8</sup> Indrawati, A. (2023), “Roles and Responsibilities of the Notary in Establishment of Cooperatives”, *Legal Brief*, Vol. 12, No. 3, 310–318.

<sup>9</sup> Prasetya, Rudhi, Hamilton, Neil, (1974), “The regulation of Indonesian state enterprises”, *Malaya Law Review*, Vo. 16, No. 2, tr. 296-332.

Như vậy, việc công chứng không chỉ là một thủ tục pháp lý bắt buộc theo quy định của Điều 7 Luật Công ty số 40/2007, mà còn là bước quan trọng nhằm đảm bảo tính xác thực, hợp pháp, minh bạch thông tin của quá trình thành lập công ty tại Indonesia. Văn bản công chứng đóng vai trò là nền tảng pháp lý để công ty có thể hoạt động hợp pháp và hiệu quả trong hệ thống pháp luật của Indonesia. Theo Điều 9 của Luật này, sau khi văn bản công chứng được lập và ký trước mặt Công chứng viên, bước tiếp theo là phải đăng ký văn bản này tại Bộ Luật và Nhân quyền. Quá trình đăng ký này là bắt buộc để công ty được chính thức công nhận có tư cách pháp nhân, nghĩa là chỉ sau khi nhận được sự phê duyệt từ Bộ này, công ty mới có thể hoạt động hợp pháp tại Indonesia.

Công chứng điều lệ công ty là bước đầu tiên và không thể thiếu trong quá trình thành lập và hoạt động của một công ty tại Indonesia. Công chứng viên không chỉ có vai trò quan trọng trong việc xác thực tính hợp pháp của điều lệ công ty mà còn đảm bảo rằng các quy định trong điều lệ được thực thi đúng theo pháp luật.<sup>10</sup>

Xác thực thông tin biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến là quá trình xác nhận tính chính xác, đầy đủ và hợp pháp của các thông tin được ghi lại trong biên bản cuộc họp. Mục tiêu của việc xác thực là đảm bảo rằng các quyết định được đưa ra trong cuộc họp là đúng với những gì các bên tham gia đã tuyên bố và có tính pháp lý ràng buộc đối với tất cả các bên liên quan. Công chứng viên không chỉ xác thực tính chính xác của biên bản mà còn đảm bảo rằng quá trình diễn ra cuộc họp tuân thủ các quy định pháp luật, đặc biệt là thủ tục cuộc họp.<sup>11</sup>

Thứ nhất, quy định về điều kiện tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến.

Quy định Cơ quan dịch vụ tài chính (OJK) của Indonesia số 15/POJK.04/2020 và số 16/POJK.04/2020 cho phép công ty cổ phần tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến.<sup>12</sup> Điều 76 của Luật Undang-Undang Perseroan Terbatas - Luật UUPT (Luật công ty cổ phần), cuộc họp ĐHĐCĐ có thể được tổ chức tại trụ sở chính của công ty hoặc tại địa điểm nơi công ty tiến hành hoạt động kinh doanh. Khoản 2 Điều 76 Luật UUPT, công ty đại chúng tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ ở bất kỳ đâu nhưng phải đáp ứng điều kiện: cổ đông đại diện không dưới 75% cổ phần có quyền biểu quyết tham dự cuộc họp<sup>13</sup>; số lượng các cổ đông theo quy định đồng ý bắt đầu tổ chức cuộc họp; chương trình ĐHĐCĐ được phê duyệt; địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ

---

<sup>10</sup> Trubus Wahyudi, Ong Argo Victoria (2022), “The Comparison Notary in Indonesia & Malaysia with Two Differences Law System (Civil Law & Common Law)”, *Jurnal Akta*, Vol. 9, No. 4, tr. 472.

<sup>11</sup> Leslie G Smith (2006), “The Role of the Notary in Secure Electronic Commerce”, *Information Security Institute Faculty of Information Technology, Queensland University of Technology*, tr. 24.

<sup>12</sup> Riyan Idris Lubis (2022), “Drawing up of Deed of Minutes of Electronic General Meeting of Shareholders (E-Rups) of Public Company by Notary Based on Pojk No.15/Pojk.04/2020 And Pojk No.16/Pojk.04/2020”, *Jurnal Normatif Fakultas Hukum Universitas Al Azhar*, Vol. 2, No. 1, tr.134.

<sup>13</sup> Tabalujan, B. S (1996), “The new Indonesian company law”, *University of Pennsylvania Journal of International Economic Law*, 17(3), tr.895.

phải trong lãnh thổ của Indonesia. Trước bối cảnh công nghệ ngày càng tiên tiến, Điều 77 Luật UUPT quy định về tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến như sau<sup>14</sup>: (i) Cuộc họp ĐHĐCĐ có thể được tổ chức thông qua phương tiện truyền thông, hội nghị video, hoặc các phương tiện điện tử khác cho phép tất cả các cổ đông tham dự cuộc họp có thể nhìn thấy, nghe thấy và tham gia biểu quyết; (ii) Điều kiện về số lượng cổ đông có mặt và tham gia biểu quyết được quy định trong Luật này và/hoặc điều lệ của công ty; (iii) Biên bản được các thành viên tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua. Từ đó, có thể thấy, cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến được coi là hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện về hình thức như “cho phép” tất cả các thành viên tham dự có thể nhìn thấy, nghe thấy trực tiếp; tham gia vào cuộc thảo luận.<sup>15</sup>

Thứ hai, quy định về cách thức xác thực biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến.

Theo Quy định OJK số 16/2020, biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến phải được lập dưới dạng chứng thư bởi công chứng viên mà không cần có chữ ký của các bên tham gia. Tuy nhiên, quy định này mâu thuẫn với nghĩa vụ của công chứng viên theo đoạn 1 Điều 16 của Luật số 30/2004 Undang-Undang Jabatan Notaris - Luật Công chứng viên của Indonesia (Luật UUJN)<sup>16</sup>. Luật UUJN khi yêu cầu rằng công chứng viên phải đọc chứng thư trước mặt người xuất hiện và nhân chứng và chứng thư phải được ký đồng thời bởi người xuất hiện, nhân chứng và công chứng viên. Điều này nhấn mạnh rằng công chứng viên bắt buộc phải tham gia cuộc họp và lập biên bản họp ĐHĐCĐ trực tuyến.<sup>17</sup> Theo quy định số 16/POJK.04/2020, cách thức lập chứng thư đối với biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến có thể được thực hiện một trong trong hai cách sau:

Một là, công chứng viên tham gia cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến và lập chứng thư dưới dạng Biên bản cuộc họp.<sup>18</sup>

Chứng thư đối với biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến là dạng chứng thư Relas (có nghĩa là chứng thư được lập trực tiếp bởi công chứng viên).<sup>19</sup> Công chứng viên phải tham dự từ đầu đến cuối cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến để ghi lại những hoạt động diễn ra. Công chứng viên phải chịu trách nhiệm lập biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến cũng như đảm bảo rằng

---

<sup>14</sup> Mohd Shazwan Mohd Ariffin, Wan Nordin Wan-Hussin, Siti Seri Delima Abdul Malak4, and Ili Syahirah Kamaruzaman (2024), “Shareholders’ monitoring and online disclosures of minutes of shareholders’ meeting”, *Asian Academy of Management Journal*, Vol. 29, No. 1, tr. 229 - 254.

<sup>15</sup> Harahap, M. Yahya (2016), *Hukum perseroan terbatas / M. Yahya Harahap* (Ed.1, Cet. 6). Jakarta: Sinar Grafika.

<sup>16</sup> Luật Công chứng viên của Indonesia - Luật UUJN Undang-Undang Jabatan Notaris số 30/2004 và đã được sửa đổi và bổ sung bởi Luật số 2/2014.

<sup>17</sup> Yantje Liauw (2024), “The use of cyber notary in the GMS is reviewed form legal benefit”, *Jurnal Hukum dan Keadilan*, Vol. 1, No. 3, tr. 21.

<sup>18</sup> Khoản 1 điều 12 Quy định số 16/POJK.04/2020.

<sup>19</sup> Điều 1868 của Bộ luật Dân sự Indonesia.

cuộc họp đã tuân thủ các quy định về hình thức. Công chứng viên phải tự mình chứng kiến và ghi lại những gì được thảo luận, quyết định tại cuộc họp bởi những người tham gia ngay sau khi cuộc họp kết thúc.<sup>20</sup> Người tham gia cuộc họp và công chứng viên sẽ ký vào chứng thư. Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến không yêu cầu chữ ký của các bên nhưng phải được ký bởi công chứng viên lập chứng thư đó. Đối với cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến, yếu tố “gặp mặt trực tiếp” không được đáp ứng, chỉ có thể nhìn thấy qua màn hình giám sát.<sup>21</sup>

Các thông tin quan trọng của cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến mà công chứng viên phải ghi nhận trong biên bản như thời gian tổ chức họp, địa điểm tổ chức họp, những người tham dự cuộc họp và các quyết định thông qua tại cuộc họp.<sup>22</sup> Trong trường hợp, nếu có những người tham dự cuộc họp rời khỏi phòng họp trực tuyến, công chứng viên có nghĩa vụ ghi nhận lại sự việc và giải thích lý do trong biên bản cuộc họp. Theo quy định tại khoản 4 Điều 77 Luật UUPT, biên bản cuộc họp không yêu cầu chữ ký từ tất cả cổ đông mà chỉ cần được ký bởi công chứng viên.<sup>23</sup> Ngoài ra, công ty cổ phần phải nộp các tài liệu điện tử cho công chứng viên như: danh sách cổ đông tham dự cuộc họp; danh sách cổ đông đại diện tham dự cuộc họp; bảng tổng hợp các quyết định tại cuộc họp; bản ghi âm tất cả các tương tác diễn ra trong cuộc họp. Đồng thời, công chứng viên đang nghỉ phép hoặc bị tạm đình chỉ, công chứng viên chưa tuyên thệ không có thẩm quyền lập chứng thư này. Nếu vi phạm quy định này, chứng thư được lập sẽ bị tuyên vô hiệu.<sup>24</sup>

Hai là, công chứng viên không tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến nhưng lập chứng thư sau khi nhận bản tuyên bố quyết định cuộc họp. Trong trường hợp này, công chứng viên không tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến ngay tại thời điểm diễn ra cuộc họp. Sau khi cuộc họp kết thúc, biên bản cuộc họp được lập và ký bởi các bên tham gia (chủ tọa, thư ký cuộc họp, và các cổ đông tham dự nếu cần thiết). Sau khi biên bản cuộc họp đã được ký bởi các bên tham gia, công ty phải lập bản tuyên bố quyết định cuộc họp (Pernyataan Keputusan Rapat - PKR). PKR là một tài liệu pháp lý ghi nhận lại các quyết định đã được thông qua trong

---

<sup>20</sup> Chứng thư Relas là loại chứng thư công chứng được lập bởi công chứng viên, trong đó công chứng viên xác nhận và ghi lại những gì họ đã chứng kiến, thấy và nghe trực tiếp. Chứng thư này không yêu cầu các bên liên quan phải ký vào, mà chỉ cần công chứng viên ký xác nhận. *Xem thêm tại:* Tanty Maharani, Lalu Parman, Lalu Muhammad Hayanul Haq (2019), “Cyber Notary System in the Order of Norms in Indonesia and Australia (Comparative Study in Notary Service Improvement Strategies)”, *International Journal of Scientific Research and Management (IJSRM)*, Vol. 7, Issue. 5, tr. 32.

<sup>21</sup> Widya Islamiyah, Maskun Maskun, Wiwie Heryani (2022), “Legal Strength on the Minute of Meeting Made by a Notary to Shareholders Through the Online System (Teleconference)”, *Doktrina: Journal of Law*, 5 (1), tr. 27.

<sup>22</sup> Alex Ramalus (2023), “Kepastian Hukum Cyber Notary Dalam Kaedah Pembuatan Akta Notaris Dan Ppat Terkait Berhadapan Oleh Para Pihak”, *Jurnal Hukum dan Keadilan*, Vol. 1, No. 1, tr.13.

<sup>23</sup> Habib Adjie, (2009), “Meneropong Khazanah Notaris dan PPAT Indonesia (Kumpulan Tulisan tentang Notaris dan PPAT)”, *Bandung: Citra Aditya Bakti*. Dịch sang tiếng việt: Habib Adjie, (2009), “Quan sát Khazanah của Công chứng viên và PPAT Indonesia (Bộ sưu tập các bài viết về Công chứng viên và PPAT)”, *Bandung: Citra Aditya Bakti*.

<sup>24</sup> Nicolaas Sugiharta1 Amad Sudiro (2021), “Legal Consequences and Legal Liability for Authentic Deals Made By Notaries During Leave Time”, *Advances in Social Science, Education and Humanities Research*, Vol. 655, tr.119.

cuộc họp. PKR cùng với biên bản cuộc họp và các tài liệu liên quan được chuyển cho công chứng viên để lập chứng thư xác thực. Công chứng viên sẽ xem xét PKR và các tài liệu liên quan để đảm bảo rằng các thông tin và quyết định đã được ghi nhận đầy đủ và chính xác. Sau đó, công chứng viên lập chứng thư xác thực dựa trên PKR và các tài liệu đã được nộp.<sup>25</sup>

Theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Luật UUPT, PKR phải được lập chậm nhất 30 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Điều này có nghĩa là toàn bộ quá trình từ khi kết thúc cuộc họp đến khi chứng thư xác thực được lập không được kéo dài quá 30 ngày. Cách thứ hai này cho phép biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến được xác thực sau cuộc họp, thông qua việc lập bản tuyên bố quyết định cuộc họp. Công chứng viên không cần phải tham dự cuộc họp trực tiếp, nhưng vẫn phải tuân thủ các quy định pháp lý liên quan để đảm bảo tính xác thực chứng thư.<sup>26</sup>

Tuy hai phương thức lập chứng thư đối với biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến đều có thể được áp dụng những vẫn đặt ra những thách thức liên quan đến vai trò của công chứng viên trong việc xác thực biên bản cuộc họp.

Thứ ba, giá trị pháp lý chứng thư biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến.

Khi lập chứng thư, ba yếu tố liên quan đến giá trị pháp lý của văn bản công chứng phải được xem xét, bao gồm:

Về khía cạnh pháp lý: Bản chất chứng thư là một tài liệu có giá trị pháp lý. Miễn là không có bên nào khởi kiện với chứng thư đã có hiệu lực pháp luật thì chứng thư vẫn được coi là hợp pháp. Bên tranh chấp phải cung cấp chứng cứ chứng minh chứng thư có sai sót ngay từ khi được lập. Vì vậy, không cần bất kỳ bằng chứng bổ sung nào để xác nhận tính hợp pháp của chứng thư. Các bên muốn phủ nhận tính hợp pháp của chứng thư phải cung cấp bằng chứng chứng minh.<sup>27</sup>

Về khía cạnh hình thức: chứng thư phải tuân thủ các quy định pháp luật về mặt hình thức để đảm bảo tính hợp pháp. Điều này bao gồm các chi tiết như ngày, tháng, năm, và sự hiện

---

<sup>25</sup> Caroline Cynthia (2024), “Pertanggungjawaban Notaris Terhadap Akta Pernyataan Keputusan Rapat Perseroan Terbatas yang Diselenggarakan Secara Sepihak oleh Pemegang Saham Mayoritas tanpa Pemanggilan (Analisis Putusan PN Jakarta Utara Nomor 214/Pdt.G/2021/PN.Jkt.Utr) = Notary Liability for the Deed of Statement of Resolution of the Limited Liability Company Meeting Held Unilaterally by The Majority Shareholder Without Summons (Analysis of North Jakarta District Court Decision Number 214/Pdt.G/2021/PN. Jkt.Utr)”, *Fakultas Hukum Universitas Indonesia*, truy cập tại đại chỉ: <https://lib.ui.ac.id/detail?id=9999920539775&lokasi=lokal>, truy cập ngày 11/8/2024.

<sup>26</sup> Khoản 5 Điều 21 Luật UUPT: “Amendments to the articles of association not drawn up in a notarial deed of minutes of meeting, shall be drawn up in a notarial deed not later than 30 (thirty) days as of the date of resolution of the GMS. (6) An amendment to the articles of association may not be stated in a notarial deed upon the lapse of 30 (thirty) days as referred to in paragraph (5).” Xem thêm tại: <https://cdn.indonesia-investments.com/documents/Company-Law-Indonesia-Law-No.-40-of-2007-on-Limited-Liability-Companies-Indonesia-Investments.pdf>, truy cập ngày 05/08/2024.

<sup>27</sup> Aprilia Ari Putri Adi Sulistyono (2022), “A Juridic Analysis on The Legality of Electronic Gms (General Meeting Of Shareholders) Deed”, *International Journal of Business, Economics and Law*, Vol. 28, Issue 1, tr.54.

diện của các bên liên quan cùng Công chứng viên khi chứng thư được lập. Công chứng viên có nhiệm vụ ghi lại những gì đã xảy ra, bao gồm các tuyên bố của các bên hoặc những gì công chứng viên đã chứng kiến, nghe thấy. Nếu có người muốn phủ nhận hoặc tranh chấp tính hợp pháp của chứng thư dựa trên yếu tố hình thức (chẳng hạn như thiếu chữ ký hoặc sai sót trong ngày tháng), người đó phải cung cấp bằng chứng tại tòa. Trách nhiệm chứng minh thuộc về người thực hiện việc phủ nhận này.<sup>28</sup>

Về khía cạnh nội dung: Cho đến khi có bằng chứng ngược lại, nội dung của chứng thư, tức là tính hợp pháp của các tài liệu trong chứng thư, phải được coi là hợp pháp. Một chứng thư chứng chứa đựng tuyên bố và mong muốn của các bên về việc tạo ra một tài liệu chính thức. Nếu có bên phản đối chứng thư, họ có thể cung cấp bằng chứng tại tòa án để bác bỏ các phần nội dung của tài liệu. Việc công chứng viên lập biên bản hợp ĐHĐCĐ dưới hình thức chứng thư là một hành động đảm bảo tính hợp pháp và chắc chắn về mặt pháp lý.

## **2. Quy định về quyền và vai trò của công chứng viên trong xác thực biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến**

Khoản 1 Điều 5 Luật UUJN quy định công chứng viên có đủ điều kiện để lập chứng thư xác thực. Theo Điều 1 Luật UUJN, công chứng viên là một viên chức công quyền có đủ điều kiện để thực hiện các hành vi pháp lý và thực thi các quyền hạn được quy định trong luật này hoặc các quy định pháp luật khác. Một trong những nguyên tắc trọng tâm trong Luật UUJN là công chứng viên có thể thực hiện thêm các quyền hạn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình như một viên chức công quyền ngoài những quyền hạn đã được quy định trong Luật UUJN.<sup>29</sup> Công chứng viên được ủy nhiệm lập chứng thư xác thực cho tất cả các hoạt động, giao dịch và điều khoản theo yêu cầu của luật pháp quy định hoặc theo yêu cầu của các bên quan tâm để được ghi trong chứng thư.<sup>30</sup> Ngoài các, công chứng viên cũng được ủy nhiệm: đăng ký chứng thư trong một sổ chuyên dụng để xác thực chữ ký và xác định ngày của chứng thư; lưu giữ chứng thư bằng cách ghi chép chúng vào một sổ cá nhân; tạo bản sao của chứng thư gốc; chứng nhận bản sao từ bản chính; tư vấn, giải thích, hướng dẫn pháp lý liên quan đến việc lập chứng thư; lập chứng thư đất đai; lập biên bản đấu giá.

Công chứng viên xác thực biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến dựa trên nguyên tắc cơ bản của công chứng viên khi họ có thể thực hiện xác thực theo yêu cầu của người yêu cầu công chứng. Công chứng viên chỉ có thể lập chứng thư dựa trên yêu cầu từ Hội đồng quản trị

---

<sup>28</sup> Habib Adjie, 16, 58.

<sup>29</sup> Ong Argo Victoria, Ade Riusma Ariyana, Devina Arifani (2020), "Code of Ethics and Position of Notary in Indonesia", *Notary Law Review*, Vol. 2, No. 4, tr.397.

<sup>30</sup> Haingo Rabanirajona (2020), "Role of Notary in Abroad and Indonesia", *Jurnal AKTA*, Vol. 7, No. 4, tr.434.



của công ty cổ phần Công chứng viên có thể lập chứng thư dựa trên: lời khai của các nhân chứng hoặc dựa trên những gì họ thực sự chứng kiến.

Nếu công chứng viên không được mời hoặc yêu cầu tham gia cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến, công chứng viên chỉ có thể thực hiện quyền hạn của mình sau khi biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ được lập và nộp cho công chứng viên để lập các nghị quyết dưới dạng chứng thư tuyên bố cuộc họp thuộc danh mục chứng thư của các bên. Tuy nhiên, nếu công chứng viên được mời tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ, công chứng viên sẽ hành động như một Công chứng viên chứng kiến trực tiếp các thủ tục pháp lý dưới hình thức một cuộc họp và lập chứng thư đối với cuộc họp đó.

Các thủ tục cho việc thực hiện cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến trong quy định của cơ quan dịch vụ tài chính, theo đó, cuộc họp này phải được tham dự trực tiếp bởi ít nhất: (i) Chủ tọa cuộc họp; (ii) một thành viên của Hội đồng quản trị và/hoặc một thành viên của hội đồng giám sát; (iii) các chuyên gia hỗ trợ việc thực hiện cuộc họp. Cụm từ “trực tiếp” có nghĩa là các chủ thể trên phải có mặt trực tiếp trong cùng một phòng, thay vì tham gia trực tuyến. Luật UUPT và quy định về cuộc họp ĐHĐCĐ của Cơ quan dịch vụ tài chính, không yêu cầu công chứng viên phải tham dự trực tiếp hay qua phương tiện điện tử cho cả cuộc họp ĐHĐCĐ trực tiếp và trực tuyến<sup>31</sup>.

Mặc dù sự có mặt của một công chứng viên trong cuộc họp ĐHĐCĐ như đã đề cập ở trên không được quy định cụ thể. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 12 Quy định số 16/POJK.04/2020 yêu cầu rằng Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến phải được lập dưới dạng chứng thư relaas bởi một Công chứng viên đã đăng ký với cơ quan dịch vụ tài chính, không cần chữ ký của các thành viên tham dự cuộc họp. Do đó, sự có mặt của công chứng viên tại cuộc họp ĐHĐCĐ là bắt buộc. Bởi vì một chứng thư Relaas phải được lập trước mặt một công chứng viên.

Vai trò của công chứng viên trong xác thực biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến bao gồm<sup>32</sup>:

(i) Xác thực danh tính của các đối tượng tham gia cuộc họp, đảm bảo rằng họ có quyền tham gia và biểu quyết trong cuộc họp

(ii) Xác thực quá trình họp và các quyết định được ban hành tại cuộc họp tuân thủ đúng theo quy định pháp luật. Các quyết định được đưa ra trong cuộc họp phải được ghi nhận đầy đủ và chính xác trong biên bản cuộc họp.

(iii) Xác thực chữ ký các bên tham gia trên biên bản cuộc họp.

<sup>31</sup> Khoản 2 Điều 8 Quy định số 16/POJK.04/2020 của Cơ quan Dịch vụ Tài chính

<sup>32</sup> Điều 38, Điều 39, Điều 40 và Điều 44 của Luật số 30 năm 2004 về Vị trí của Công chứng viên.

(iv) Lưu trữ và bảo quản biên bản cuộc họp.

### 3. Những thách thức pháp lý về hiệu lực chứng thư biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến

Những thách thức pháp lý có thể xảy ra liên quan đến hiệu lực chứng thư khi tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến:

Thứ nhất, cuộc họp không đáp ứng điều kiện về số lượng cổ đông tham dự.<sup>33</sup>

Một trong những thách thức lớn nhất khi tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến là việc đảm bảo đủ số lượng cổ đông tham dự. Công chứng viên chú ý số lượng cổ đông tham dự như yêu cầu tuyệt đối để xác định điều kiện cuộc họp ĐHĐCĐ hợp lệ. Trong cuộc họp trực tiếp, yếu tố “khuôn mặt” có vai trò giúp các cổ đông nhận biết, giao tiếp và tương tác trực tiếp với nhau một cách hiệu quả. Sự hiện diện vật lý của các bên tham gia tạo ra một môi trường giao tiếp tin cậy và giảm thiểu rủi ro gian lận hoặc hiểu lầm. Đối với cuộc họp trực tuyến, yếu tố “khuôn mặt” vẫn có thể được duy trì thông qua công nghệ video. Tuy nhiên, nó không hoàn toàn giống như giao tiếp trực tiếp. Điều này yêu cầu tất cả những cổ đông, ban chủ tọa cuộc họp tham gia phải “kích hoạt” và tham gia cuộc họp trực tiếp bằng cách nhìn và nghe nhau, cũng như tham gia các cuộc thảo luận và biểu quyết. Khi đó, các phương tiện điện tử phải đảm bảo rằng tất cả những người tham gia có thể nhìn và nghe nhau trực tiếp.<sup>34</sup> Điều này có nghĩa là các cổ đông tham gia cuộc họp trực tuyến phải có khả năng tương tác như trong một cuộc họp thực tế. Ví dụ, nếu sử dụng Zoom hoặc Microsoft Teams, tất cả các cổ đông phải bật camera và micro để có thể nhìn thấy và nghe thấy nhau. Điều này có nghĩa là cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến cũng giống như việc thực hiện cuộc họp ĐHĐCĐ theo cách truyền thống. Sự khác biệt nằm ở vị trí của các thành viên tham gia cuộc họp, họ không ở cùng một địa điểm.<sup>35</sup>

Các công cụ họp trực tuyến có thể cung cấp hình ảnh và âm thanh của người tham gia, nhưng vẫn có một số hạn chế như khả năng giả mạo khuôn mặt. Khi biên bản họp ĐHĐCĐ được lập thông qua hội nghị trực tuyến, việc xác minh danh tính của các bên tham gia, đảm bảo rằng các quyết định được đưa ra một cách minh bạch và hợp pháp. Các luật và quy định cần phải bao gồm các biện pháp bảo vệ để đảm bảo rằng yếu tố khuôn mặt trong các cuộc họp trực tuyến không bị lợi dụng cho mục đích gian lận hoặc thao túng.

---

<sup>33</sup> Miriam Schwartz-Ziv (2021), “How Shifting from In-Person to Virtual Shareholder Meetings Affects Shareholders’ Voice”, truy cập tại địa chỉ: [https://new.huji.ac.il/sites/default/files/mainsite/files/virtual\\_shareholder\\_meetings\\_schwartz-ziv\\_24-02-2020.pdf](https://new.huji.ac.il/sites/default/files/mainsite/files/virtual_shareholder_meetings_schwartz-ziv_24-02-2020.pdf), truy cập ngày 11/8/2024.

<sup>34</sup> Francois Brochet, Roman Chychyla, Fabrizio Ferri (2023), “Virtual Shareholder Meetings”, *Management Science*, <https://doi.org/10.1287/mnsc.2023.4946>

<sup>35</sup> Nili, Yaron, & Shaner, Megan Wischmeier (2022), “Virtual annual meetings: path toward shareholder democracy and stakeholder engagement”, *Boston College Law Review*, 63(1), tr. 123-198.

## Thứ hai, **sự ổn định của kết nối mạng.**

Kết nối mạng internet không ổn định có thể gây ra gián đoạn trong quá trình họp, ảnh hưởng đến quá trình thảo luận và đưa ra quyết định. Việc mất kết nối hoặc kết nối yếu có thể làm gián đoạn quá trình họp, gây khó khăn trong việc đảm bảo tính liên tục và hiệu quả của cuộc họp.<sup>36</sup>

## Thứ ba, **tính xác thực của chữ ký trong biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến.**

Vấn đề về chữ ký trên danh sách tham dự có thể bị phủ nhận vì chữ ký không phải là chữ ký trực tiếp. Chữ ký trong danh sách tham dự có thể bị từ chối nếu không được xác thực một cách đáng tin cậy.<sup>37</sup> Điều này đặt ra thách thức lớn cho việc đảm bảo rằng tất cả các chữ ký là hợp lệ và đáng tin cậy. Luật số 11 năm 2008 về Thông tin và Giao dịch Điện tử (ITE) đã được sửa đổi bởi Luật số 01 năm 2024, cho phép sử dụng chữ ký điện tử như một phương tiện xác thực trong biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến. Khi chữ ký điện tử được đính kèm vào biên bản cuộc họp, nó đóng vai trò như một phương tiện để xác minh tính chính xác và hợp pháp của biên bản đó. Để được công nhận, chữ ký điện tử cần đáp ứng một số yêu cầu cụ thể. Chữ ký điện tử phải được chứng nhận bởi một thiết bị điện tử cụ thể. Thiết bị này phải được tạo ra bởi nhà cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử và được sản xuất dưới dạng giấy chứng nhận điện tử. Những yếu tố này đảm bảo rằng chữ ký điện tử có giá trị pháp lý và có thể được sử dụng để xác minh và xác thực biên bản cuộc họp.<sup>38</sup>

Khi biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ được lập, chữ ký của các bên tham gia có thể được quét và đính kèm vào tài liệu điện tử. Điều này giúp xác thực rằng các bên thực sự đã tham gia và đồng ý với các nội dung được ghi nhận trong biên bản. Chữ ký quét điện tử đảm bảo rằng ngay cả khi cuộc họp được tổ chức trực tuyến, chữ ký của các bên vẫn có thể được ghi lại một cách rõ ràng và minh bạch.

Ngoài ra, sử dụng công nghệ sinh trắc học để xác nhận chữ ký điện tử cũng có thể được sử dụng. Cụ thể, cổ đông cần ký biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến. Khi cổ đông đăng nhập vào hệ thống cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến và xác minh danh tính bằng dấu vân tay hoặc mống mắt thông qua thiết bị sinh trắc học. Khi đến phần ký biên bản cuộc họp, cổ đông sẽ sử

---

<sup>36</sup> Dirk Zetzsche (2007), “Virtual Shareholder Meetings and the European Shareholder Rights Directive – Challenges and Opportunities”, *Business and Corporate Law Research Paper Series*, truy cập tại địa chỉ: <https://orbilu.uni.lu/bitstream/10993/30323/1/SSRN-id996434.pdf>, truy cập ngày 11/8/2024.

<sup>37</sup> M. Lutfan Hadi Darus, (2017), “Notary Law and Notary Position Responsibilities”, *The International Journal of Law Review and State Administration*, Vol. 1 No. 3, p.87.

<sup>38</sup> Luật số 11 năm 2008 về Thông tin và Giao dịch điện tử, được sửa đổi bởi Luật số 19 năm 2016; Quy định số 71 năm 2019 của Chính phủ về việc áp dụng hệ thống và giao dịch điện tử (GR 71/2019); Quy định số 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông (MoCI) về Quản lý chứng thực điện tử (“Quy định số 11 năm 2018 của MoCI”).

dụng thiết bị sinh trắc học để cung cấp dấu vân tay hoặc móng mắt một lần nữa. Hệ thống sẽ mã hóa và liên kết dữ liệu này với chữ ký điện tử của cổ đông. Sau đó, hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của chữ ký bằng cách so sánh dữ liệu sinh trắc học mới cung cấp với dữ liệu đã lưu trữ. Nếu trùng khớp, chữ ký được xác nhận là hợp lệ.

Tuy nhiên, có một số quan điểm khác nhau về tính xác thực của chữ ký điện tử trong biên bản cuộc họp. Các công chứng viên với kinh nghiệm khác nhau có quan điểm khác nhau về việc sử dụng chữ ký điện tử trong biên bản cuộc họp. Một số công chứng viên cho rằng chữ ký điện tử chưa được quy định rõ ràng và khó chứng minh tính xác thực. Một số khác cho rằng việc sử dụng chữ ký điện tử là không thể chấp nhận vì không phải chữ ký trực tiếp và có thể gây tranh chấp. Mặc dù, Luật UU ITE cung cấp cơ sở pháp lý cho việc sử dụng chữ ký điện tử trong các giao dịch điện tử. Tuy nhiên, Luật Công ty Indonesia có thể chưa cập nhật hoặc chi tiết hóa đầy đủ về việc áp dụng chữ ký điện tử trong các tài liệu như biên bản họp ĐHĐCĐ trực tuyến. Việc sử dụng chữ ký điện tử trong biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến là một xu hướng cần thiết nhưng cần có sự điều chỉnh và quy định rõ ràng trong pháp luật để đảm bảo tính hợp pháp.

#### **4. Một số gợi mở cho Việt Nam trong việc xây dựng khung pháp lý về xác thực biên bản ĐHĐCĐ trực tuyến**

Trong khi theo pháp luật Indonesia, việc công chứng điều lệ công ty là bắt buộc, Luật Doanh nghiệp 2020 của Việt Nam không yêu cầu công chứng điều lệ công ty. Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định cổ đông có thể tham dự và biểu quyết thông qua các phương thức như hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Tuy nhiên, Luật Doanh nghiệp 2020 chỉ nhắc đến hình thức tham dự họp trực tuyến mà không có bất kỳ điều khoản cụ thể nào quy định về việc tổ chức họp ĐHĐCĐ trực tuyến. Do thiếu các quy định chi tiết, các doanh nghiệp thường tự xây dựng Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến dựa trên các quy định pháp luật về tổ chức họp trực tiếp.<sup>39</sup> Theo Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến của công ty cổ phần Cảng hàng không Việt Nam, ĐHĐCĐ trực tuyến là các cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên hoặc ĐHĐCĐ bất thường được tổ chức dưới hình thức các đại biểu có thể lựa chọn tham gia thông qua mạng Internet hoặc thông qua phương tiện, ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện các quyền biểu quyết, quyền bầu cử của mình.<sup>40</sup>

Hiện nay, Việt Nam hiện vẫn thiếu các quy định rõ ràng và đầy đủ về xác thực thông tin doanh nghiệp và biên bản họp ĐHĐCĐ trực tuyến. Điều này dẫn đến sự không nhất quán

---

<sup>39</sup> The Leader (2024), “Doanh nghiệp thờ ơ với đại hội đồng cổ đông trực tuyến”, truy cập tại địa chỉ: <https://theleader.vn/doanh-nghiep-tho-o-voi-dai-hoi-dong-co-dong-truc-tuyen-1713942023447.htm>, truy cập ngày 04/08/2024.

<sup>40</sup> Khoản 2 Điều 2 Quy chế Tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến của công ty cổ phần Cảng hàng không Việt Nam.

trong việc áp dụng các quy trình và tiêu chuẩn xác thực, làm giảm độ tin cậy và tính hợp pháp của các biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến. Các doanh nghiệp thường phải tự xây dựng quy chế tổ chức và xác thực dựa trên các quy định hiện có về họp trực tiếp, gây ra nhiều khó khăn và rủi ro trong quá trình thực hiện. Để đảm bảo tính minh bạch, hợp pháp và hiệu quả của quá trình xác thực biên bản ĐHĐCĐ trực tuyến, Việt Nam cần xem xét một số đề xuất kiến nghị để xây dựng khung pháp lý trong tương lai:

(i) Quy định chi tiết về quy trình xác thực biên bản ĐHĐCĐ trực tuyến: cần có quy định cụ thể về quy trình xác thực biên bản ĐHĐCĐ trực tuyến, bao gồm một số bước chính như xác thực danh tính của cổ đông, ghi nhận, xác nhận các quyết định, đến việc lập, lưu trữ biên bản...

(ii) Vai trò của công chứng viên trong xác thực điều lệ và biên bản ĐHĐCĐ phải được quy định trong Luật Doanh nghiệp, thủ tục công chứng điều lệ và biên bản họp ĐHĐCĐ phải được quy định trong Luật Công chứng : xác định vai trò và trách nhiệm của công chứng viên trong việc xác thực biên bản ĐHĐCĐ trực tuyến. Công chứng viên cần đảm bảo rằng quá trình diễn ra cuộc họp tuân thủ các quy định pháp luật và các quyết định được ghi nhận chính xác, trung thực. Công chứng viên có thể tham gia trực tiếp hoặc xác thực sau khi cuộc họp kết thúc.

Học hỏi từ các quy định và thực tiễn từ Indonesia trong việc tổ chức và xác thực biên bản ĐHĐCĐ trực tuyến. Những kinh nghiệm này sẽ giúp Việt Nam xây dựng một khung pháp lý toàn diện và hiệu quả, phù hợp với xu hướng toàn cầu và nhu cầu thực tiễn.

### **Kết luận**

Việc xác thực biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) trực tuyến đang trở thành một nhu cầu cấp thiết trong bối cảnh công nghệ số phát triển và sự gia tăng của các cuộc họp trực tuyến. Mặc dù Luật Doanh nghiệp 2020 của Việt Nam đã bước đầu đề cập đến hình thức họp trực tuyến, nhưng vẫn thiếu các quy định cụ thể và chi tiết để hướng dẫn tổ chức và xác thực biên bản các cuộc họp này. Thông qua việc học hỏi từ Indonesia, với các quy định chi tiết và rõ ràng về tổ chức và xác thực biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến, Việt Nam có thể phát triển một khung pháp lý hoàn thiện hơn. Những đề xuất gợi mở như chú trọng giá trị pháp lý của chứng thư và những thách thức trong quá trình xác thực biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến, vai trò của công chứng viên. Đây là bước đi cần thiết của quá trình xác thực thông tin doanh nghiệp nói chung, góp phần bảo vệ quyền lợi của các cổ đông và nâng cao uy tín của doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường quốc tế.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.

2. *Kitab Undang-Undang Hukum Perdata (KUHPerdata) số 5 năm 1960 – Bộ Luật Dân sự số 5 năm 1960 của Indonesia.*
3. *Luật Undang-Undang Perseroan Terbatas – Luật Công ty cổ phần Indonesia*
4. *Luật Undang-Undang Jabatan Notaris số 30/2004 – Luật Công chứng viên Indonesia.*
5. *Bản án số 157/2024/HS-ST ngày 11/04/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.*
6. *Quy chế Tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến của công ty cổ phần Cảng hàng không Việt Nam.*
7. Aprilia Ari Putri Adi Sulistyono (2022), “A Juridic Analysis On The Legality Of Electronic Gms (General Meeting Of Shareholders) Deed”, *International Journal of Business, Economics and Law*, Vol. 28, Issue 1, tr.54.
8. Benjamin E. Hermalin, Michael S. Weisbach (2012), “Information Disclosure and Corporate Governance”, *The Journal of Finance*, Vol. 67, Issue 1, tr.195 -233.
9. Dirk Zetsche (2007), “Virtual Shareholder Meetings and the European Shareholder Rights Directive – Challenges and Opportunities”, *Business and Corporate Law Research Paper Series*, truy cập tại địa chỉ: <https://orbilu.uni.lu/bitstream/10993/30323/1/SSRN-id996434.pdf>, truy cập ngày 11/8/2024.
10. Habib Adjie, (2009), “Meneropong Khazanah Notaris dan PPAT Indonesia (Kumpulan Tulisan tentang Notaris dan PPAT)”, *Bandung: Citra Aditya Bakti.*
11. Harahap, M. Yahya (2016), *Hukum perseroan terbatas / M. Yahya Harahap* (Ed.1, Cet. 6). Jakarta: Sinar Grafika.
12. Chinhphu.vn (2024), “Đại biểu quốc hội nói về vụ Vạn Thịnh Phát”, Báo Điện tử Chính phủ, truy cập tại địa chỉ: <https://xaydungchinhsach.chinhphu.vn/dai-bieu-quoc-hoi-noi-ve-vu-van-thinh-phat-119231121135831212.htm>, truy cập ngày 04/08/2024.
13. Tanty Maharani, Lalu Parman, Lalu Muhammad Hayanul Haq (2019), “Cyber Notary System in the Order of Norms in Indonesia and Australia (Comparative Study in Notary Service Improvement Strategies)”, *International Journal of Scientific Research and Management (IJSRM)*, Vol. 7, Issue. 5, tr. 32.
14. Francois Brochet, Roman Chychyla, Fabrizio Ferri (2023), “Virtual Shareholder Meetings”, *Management Science*, <https://doi.org/10.1287/mnsc.2023.4946>
15. Irfan Iryadi, Teuku Syahrul Ansari<sup>1</sup>, Jumadil Saputra, Teuku Afrizal, Ahmad Syauqi Thirafi (2021), “The Role of Jurisprudence as Form of Legal Prescriptions: A Case Study of Notaries in Indonesia”, *Wseas Transactions on Environment and Development*, Vol. 17, tr.75.



16. Leslie G Smith (2006), “The Role of the Notary in Secure Electronic Commerce”, *Information Security Institute Faculty Of Information Technology*, Queensland University of Technology, tr. 24.
17. Mohd Shazwan Mohd Ariffin, Siti Seri Delima Abdul Malak, Wan Nordin Wan-Hussin (2023), “Shareholder Activism and Publication of Annual General Meeting Minutes Online: Evidence From Malaysian Listed Companies”, *International Journal of Business and Society*, Vol. 24, No. 1, tr.488.
18. Nguyễn Thanh Huyền (2024), “Đại hội đồng cổ đông trực tuyến - Những vấn đề pháp lý cần hoàn thiện”, *Tạp chí Chứng khoán*, Số 305, truy cập tại địa chỉ: <https://tapchichungkhoan.vn/chung-khoan/dai-hoi-dong-co-dong-truc-tuyen--nhung-van-de-phap-ly-can-hoan-thien-d17-t39952.html>, truy cập ngày 04/08/2024.
19. Nicolaas Sugiharta1 Amad Sudiro (2021), “Legal Consequences and Legal Liability for Authentic Deals Made By Notaries During Leave Time”, *Advances in Social Science, Education and Humanities Research*, Vol. 655, tr.119.
20. Nili, Yaron, & Shaner, Megan Wischmeier (2022), “Virtual annual meetings: path toward shareholder democracy and stakeholder engagement”, *Boston College Law Review*, 63(1), p. 123-198.
21. Tengku Yusuf Hanafiah Yovinanda, Adi Mansar, Ferry Susanto Limbong (2022), “The Role of a Notary in the Establishment of a Limited Partnership After the Entry into force of the Electronically Integrated Business Licensing Service System According to Government Regulation Number 24 of 2018”, *Jurnal Multidisiplin Madani*, Vol. 2, No.12, tr.4306 – 4317.
22. M. Lutfan Hadi Darus, (2017), “Notary Law and Notary Position Responsibilities”, *The International Journal of Law Review and State Administration*, Vol. 1 No. 3, p.87.
23. Riyan Idris Lubis (2022), “Drawing up of Deed of Minutes of Electronic General Meeting of Shareholders (E-Rups) of Public Company by Notary Based on Pojk No.15/Pojk.04/2020 And Pojk No.16/Pojk.04/2020”, *Jurnal Normatif Fakultas Hukum Universitas Al Azhar*, Vol. 2, No. 1, tr.134.
24. Tabalujan, B. S (1996), “The new indonesian company law”, *University of Pennsylvania Journal of International Economic Law*, 17(3), tr.895
25. Widya Islamiyah, Maskun Maskun, Wiwie Heryani (2022), “Legal Strength on the Minute of Meeting Made by a Notary to Shareholders Through the Online System (Teleconference)”, *Doktrina: Journal of Law*, 5 (1), tr. 27.
26. Yantje Liauw (2024), “The use of cyber notary in the GMS is reviewed form legal benefit”, *Jurnal Hukum dan Keadilan*, Vol. 1, No. 3, tr. 21.

# TÍNH XÁC THỰC THÔNG TIN DOANH NGHIỆP QUA HOẠT ĐỘNG CÔNG CHỨNG – KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

**Nguyễn Thuỳ Linh**

*Cử nhân Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh*

**Đặng Minh Thanh**

*Cử nhân Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh*

**Nguyễn Thị Thanh Phương**

*Thư ký nghiệp vụ Văn phòng công chứng Vũ Thị Hồng Thúy, tỉnh Đồng Nai*

## **Tóm tắt:**

Công chứng là việc công chứng viên của một tổ chức hành nghề công chứng chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của hợp đồng, giao dịch dân sự khác bằng văn bản (sau đây gọi là hợp đồng, giao dịch). Hiện nay, có những doanh nghiệp hoạt động theo cơ chế hợp đồng, trong đó, điều lệ doanh nghiệp là một bản hợp đồng quan trọng, có giá trị lớn, ảnh hưởng đến quyền lợi của nhiều chủ thể khi thực hiện giao dịch với doanh nghiệp. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam hiện hành cho thấy những giao dịch dân sự như thành lập doanh nghiệp hay sáp nhập, thay đổi doanh nghiệp chưa được quy định phải bắt buộc công chứng để có hiệu lực pháp lý. Do đó, việc chứng nhận tính xác thực, tính hợp pháp của các văn bản này đóng vai trò quan trọng, góp phần hạn chế tình trạng khai khống vốn điều lệ, hợp thức hóa các hành vi rửa tiền, mua bán hóa đơn thông qua việc thành lập khống doanh nghiệp và việc lạm quyền của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, gần đây tại Dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi) được Quốc hội khoá XV cho ý kiến lần đầu tại Kỳ họp thứ 7 vừa qua đã đặt ra yêu cầu bảo đảm tính xác thực thông tin doanh nghiệp trong công chứng. Chính vì thế, bài viết này sẽ làm rõ một số vấn đề sau: (i) những vấn đề lý luận liên quan đến tính xác thực thông tin doanh nghiệp qua hoạt động công chứng (ii) thực tiễn hoạt động công chứng tính xác thực của thông tin doanh nghiệp tại Việt Nam và một số nước trên thế giới và (iii) đánh giá, kinh nghiệm cho Việt Nam.

**Từ khóa:** tính xác thực; thông tin doanh nghiệp; công chứng

## **1. Một số vấn đề lý luận**

### **1.1. Tính xác thực trong hoạt động công chứng**

Trong hoạt động giao dịch dân sự hiện nay, công chứng là một thủ tục Công chứng viên chứng nhận tính xác thực và tính hợp pháp của hợp đồng giao dịch. Tính xác thực trong hoạt



động công chứng là một trong những vấn đề hết sức quan trọng. Việc xác thực trong hoạt động công chứng nhằm đảm bảo khi các bên tham gia giao dịch dân sự cần có công chứng thì việc giao nộp các tài liệu liên quan cho giao dịch là đáng tin cậy và tuân thủ đối với các quy định hiện hành của pháp luật.

Tính xác thực trong hoạt động công chứng hiểu theo nghĩa chung là xác thực đúng chủ thể thực hiện giao dịch và nội dung của hợp đồng tuân thủ theo quy định của pháp luật. Trong các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, chưa có văn bản nào giải thích về việc xác thực trong hoạt động công chứng. Xác thực trong hoạt động công chứng do Công chứng viên hoặc có thể do cơ quan có chức năng chuyên ngành thực hiện nhằm thu thập tài liệu, thông tin, chứng cứ từ các chủ thể tham gia giao dịch. Từ đó, có cơ sở cho công chứng viên xác nhận chính xác người tham gia giao dịch có đủ năng lực hành vi dân sự hoặc mục đích, nội dung của hợp đồng, giao dịch không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đối tượng của hợp đồng của giao dịch là có thật. Xác thực trong hoạt động công chứng là xem xét sự phù hợp những sự thật liên quan tới những nội dung cần công chứng, để làm căn cứ đánh giá, kết luận rằng giao dịch, hợp đồng ký kết được thực hiện theo đúng pháp luật. Việc xác thực là để làm rõ các vấn đề liên quan đến nội dung của hợp đồng, giao dịch mà các cá nhân, tổ chức yêu cầu công chứng nhằm ngăn chặn vi phạm pháp luật, các tranh chấp có thể xảy ra.<sup>1</sup>

Trong thủ tục, trình tự công chứng việc tiếp nhận hồ sơ, thụ lý hồ sơ, nghiên cứu hồ sơ và xử lý hồ sơ rất quan trọng, các bước tác nghiệp này cần có nhận định chính xác, cần có kỹ năng nghề nghiệp mới nhận biết được vấn đề cần xác thực. Luật công chứng 2014 quy định: *“Trong trường hợp có căn cứ cho rằng trong hồ sơ yêu cầu công chứng có vấn đề chưa rõ, việc giao kết hợp đồng, giao dịch có dấu hiệu bị đe dọa, cưỡng ép, có sự nghi ngờ về năng lực hành vi dân sự của người yêu cầu công chứng hoặc đối tượng của hợp đồng, giao dịch chưa được mô tả cụ thể thì công chứng viên đề nghị người yêu cầu công chứng làm rõ hoặc theo đề nghị của người yêu cầu công chứng, công chứng viên tiến hành xác minh hoặc yêu cầu giám định; trường hợp không làm rõ được thì có quyền từ chối công chứng.”*<sup>2</sup> Tính xác thực trong hoạt động công chứng hiểu theo nghĩa chung là sự chứng nhận các tài liệu liên quan do các bên chủ thể tham gia vào việc xác lập hợp đồng nộp là đúng, đầy đủ, xác thực đúng chủ thể thực hiện giao dịch và nội dung của hợp đồng .tuân thủ theo quy định của pháp luật.

*Thứ nhất*, xác định đúng chủ thể.<sup>3</sup> Việc xác định đúng chủ thể là yêu cầu quan trọng nhất trong hoạt động công chứng. Xác thực đúng chủ thể tham gia giao kết hợp đồng, không những

---

<sup>1</sup> Bộ Tư Pháp, “Vấn đề xác minh trong hoạt động công chứng”, <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/thong-tin-khac.aspx?ItemID=1386>, truy cập ngày 01/08/2024.

<sup>2</sup> Khoản 5 Điều 40 Luật công chứng 2014.

<sup>3</sup> Luật sư Nông Thị Nhung, “Về tính xác thực trong hoạt động công chứng”, <https://vietnamnotary.org/ve-tinh-xac-thuc-trong-hoat-dong-cong-chung/>, truy cập ngày 03/08/2024.

giúp cho công chứng viên có xác định đúng chủ thể có quyền và nghĩa vụ tham gia giao kết hợp đồng, khách thể của hợp đồng giao dịch, và ngăn ngừa được những trường hợp mạo danh lừa đảo,... Hiện nay, dựa vào các tiêu chí mà pháp luật yêu cầu khi thực hiện việc giao dịch, ký kết hợp đồng có thể xác định đúng chủ thể tham gia giao dịch, Công chứng viên có thể (1) xác thực bằng sự nhận biết cá nhân thông qua đặc điểm bên ngoài; (2) xác định bằng các giấy tờ cá nhân, các giấy tờ liên quan đến tổ chức, các giấy tờ liên quan chứng minh quyền sở hữu đối với tài sản.<sup>4</sup> Theo quy định hiện hành, đối với cá nhân khi thực hiện các giao dịch sẽ phải cung cấp cho công chứng viên các giấy tờ cá nhân liên quan có thể là: căn cước công dân, chứng minh nhân dân, giấy chứng nhận kết hôn,... Ngược lại, nếu chủ thể tham gia giao dịch dân sự là tổ chức, giấy tờ chứng minh sẽ tùy thuộc vào loại hình doanh nghiệp mà chủ thể lựa chọn kinh doanh. Đối với các tổ chức, giấy tờ cần để xác thực khi thực hiện các giao dịch hợp đồng thông thường bao gồm: giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy tờ liên quan đến người đại diện theo pháp luật, biên bản họp hội đồng thành viên,... Sau khi xác định được tính chính xác của các tài liệu mà chủ thể tham gia giao dịch cung cấp, công chứng viên phải kiểm tra năng lực hành vi dân sự của người yêu cầu công chứng.

*Thứ hai*, xác thực được đúng đối tượng giao kết hợp đồng, giao dịch.<sup>5</sup> Xác thực được đúng chủ thể tham gia giao dịch thì việc tiếp theo công chứng cần xác thực đó là xác định được các giấy tờ liên quan đến hợp đồng giao dịch, chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với đối tượng đem ra để thực hiện việc giao kết hợp đồng. Đối với các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng được người yêu cầu công chứng cung cấp, công chứng viên có nghĩa vụ phải xác thực tính chính xác của nó. Trong trường hợp có sự nghi ngờ về mức độ chính xác của giấy tờ được cung cấp thì công chứng viên có quyền trưng cầu giám định từ những cơ quan có thẩm quyền ban hành các tài liệu, giấy tờ nêu trên. Qua các tài liệu do các bên chủ thể cung cấp, công chứng viên xác định xem người yêu cầu công chứng có đầy đủ quyền để xác lập giao dịch, hợp đồng.

*Thứ ba*, xác thực nội dung của giao dịch, hợp đồng.<sup>6</sup> Công chứng viên ngoài nhiệm vụ phải xác thực đúng chủ thể tham gia giao dịch, hợp đồng, xác thực đúng quyền và nghĩa vụ của các bên. Công chứng viên còn cần xác thực nội dung các điều khoản mà các bên tham gia giao dịch, hợp đồng ký kết... Hợp đồng, giao dịch trong quan hệ dân sự phải bảo đảm các quy định pháp luật cụ thể và các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự được quy định tại Điều 3 Bộ luật Dân sự năm 2015.<sup>7</sup> Nội dung của các điều khoản liên quan đến hợp đồng cần phải tuân

---

<sup>4</sup> Khoản 1 Điều 40 Luật công chứng 2014.

<sup>5</sup> Điều 118 Bộ luật dân sự 2015.

<sup>6</sup> Điểm c khoản 1 Điều 117 Bộ luật dân sự 2015.

<sup>7</sup> Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế, “Tính hợp pháp của văn bản công chứng” <https://stp.thuatienhue.gov.vn/?gd=12&cn=82&tc=7457>, truy cập ngày 05/08/2024.

thủ theo quy định của pháp luật hiện hành. Việc chứng nhận của công chứng viên đối với hợp đồng, giao dịch phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật công chứng.

Việc xác thực trong quy trình công chứng là cần thiết nhằm đảm bảo cho văn bản công chứng có đầy đủ tính xác thực, tính hợp pháp. Hiện nay, việc xác thực các tài liệu, văn bản liên quan đến việc thực hiện giao dịch, hợp đồng công chứng viên đều dựa vào các đặc điểm nhận dạng trên giấy tờ bằng chính kinh nghiệm của mình. Đối với các giấy tờ liên quan đến cá nhân thì có thể nhận dạng bằng kinh nghiệm cá nhân. Tuy nhiên, các giấy tờ, tài liệu liên quan đến các tổ chức, đặc biệt là doanh nghiệp thì vẫn còn một số bất cập. Trong một số trường hợp không thể xác thực được tính chính xác của các tài liệu của doanh nghiệp, cũng như ý chí của các bên khi tham gia giao kết các văn bản liên quan. Vì vậy, cần có một quy định một phù hợp hướng dẫn chứng chỉ tiết về việc xác thực các tài liệu liên quan đến tổ chức.<sup>8</sup>

### ***1.2. Thông tin doanh nghiệp***

Theo quy định hiện hành, “thông tin” được giải thích là “tin, dữ liệu được chứa đựng trong văn bản, hồ sơ, tài liệu có sẵn, tồn tại dưới dạng bản viết, bản in, bản điện tử, tranh, ảnh, bản vẽ, băng, đĩa, bản ghi hình, ghi âm hoặc các dạng khác do cơ quan nhà nước tạo ra”<sup>9</sup>, “doanh nghiệp” là “tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh”.

Pháp luật Việt Nam hiện hành không đưa ra định nghĩa về “thông tin doanh nghiệp”, do đó từ hai khái niệm về “thông tin”, “doanh nghiệp” trong Luật Tiếp cận thông tin 2016 và Luật Doanh nghiệp 2020, có thể khái quát “thông tin doanh nghiệp” là “những tin, dữ liệu về hoặc liên quan đến tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh, chứa đựng trong văn bản, hồ sơ, tài liệu có sẵn, tồn tại dưới dạng bản viết, bản in, bản điện tử, tranh, ảnh, bản vẽ, băng, đĩa, bản ghi hình, ghi âm hoặc các dạng khác do cơ quan nhà nước tạo ra”.

*Căn cứ vào nội dung chính của thông tin (hoặc đối tượng phản ánh của thông tin), có thể chia thành một số loại thông tin sau:*

---

<sup>8</sup> Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế, ‘Xác minh trong hoạt động công chứng’ <https://stp.thuathienhue.gov.vn/?gd=12&cn=82&tc=7459>, truy cập ngày 05/08/2024.

<sup>9</sup> Khoản 1 Điều 2 Luật Tiếp cận thông tin 2016.

- Thông tin về doanh nghiệp: Thông tin về thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, báo cáo và nghĩa vụ khác của doanh nghiệp;<sup>10</sup> Thông tin về ngành, nghề kinh doanh;<sup>11</sup> Thông tin về nội dung đăng ký doanh nghiệp;<sup>12</sup> Thông tin về việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ;<sup>13</sup>...

- Thông tin về chủ sở hữu, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: Thông tin về danh sách cổ đông sáng lập; danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty cổ phần (nếu có);<sup>14</sup> Thông tin về người góp vốn;<sup>15</sup> Thông tin về người mua phần vốn góp;<sup>16</sup> thông tin về người mua cổ phần;<sup>17</sup> Thông tin về cơ quan đại diện chủ sở hữu, người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu;<sup>18</sup> Thông tin về người quản lý công ty, bao gồm: trình độ chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp, các vị trí quản lý đã nắm giữ, cách thức được bổ nhiệm, công việc quản lý được giao; mức và cách thức chi trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác; người có liên quan và lợi ích có liên quan của người quản lý công ty;<sup>19</sup> Thông tin về Ban kiểm soát, Kiểm soát viên và hoạt động của họ;<sup>20</sup> Thông tin về người có liên quan của công ty, hợp đồng, giao dịch của công ty với người có liên quan;<sup>21</sup> Thông tin về cổ đông;<sup>22</sup> Thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông

---

<sup>10</sup> Khoản 2 Điều 8 Luật Doanh nghiệp 2020.

<sup>11</sup> Điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Doanh nghiệp 2020.

<sup>12</sup> Điều 33 Luật Doanh nghiệp 2020.

<sup>13</sup> Khoản 6 Điều 68 Luật Doanh nghiệp 2020.

<sup>14</sup> Điểm b khoản 1 Điều 32 Luật Doanh nghiệp 2020.

<sup>15</sup> Khoản 5 Điều 47 Luật Doanh nghiệp 2020.

<sup>16</sup> Khoản 2 Điều 52 Luật Doanh nghiệp 2020.

<sup>17</sup> Khoản 4 Điều 124 Luật Doanh nghiệp 2020.

<sup>18</sup> Điểm 2 khoản 2 Điều 109 Luật Doanh nghiệp 2020.

<sup>19</sup> Điểm b khoản 2 Điều 109 Luật Doanh nghiệp 2020.

<sup>20</sup> Điểm c khoản 2 Điều 109 Luật Doanh nghiệp 2020.

<sup>21</sup> Điểm e khoản 2 Điều 109 Luật Doanh nghiệp 2020.

<sup>22</sup> Khoản 5 Điều 113 Luật Doanh nghiệp 2020.

có quyền biểu quyết;<sup>23</sup> Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị huỷ hoại;<sup>24</sup> Thông tin về kết quả của đợt chào bán;<sup>25</sup> ...

- Thông tin khác theo quy định của Điều lệ công ty;<sup>26</sup> ...

*Căn cứ vào loại hình doanh nghiệp, tồn tại các loại thông tin theo loại hình doanh nghiệp tương ứng, chẳng hạn như: thông tin doanh nghiệp tư nhân, thông tin công ty cổ phần, thông tin công ty hợp danh,...*

*Căn cứ vào hình thức thể hiện, thông tin doanh nghiệp được thể hiện dưới nhiều dạng khác nhau như: bản viết, bản in, bản điện tử, tranh, ảnh, bản vẽ, băng, đĩa, bản ghi hình, ghi âm,...*

Tóm lại, có thể hiểu thông tin doanh nghiệp ở nhiều góc độ khác nhau, tùy thuộc vào từng hoàn cảnh mà “thông tin doanh nghiệp” được đề cập, sẽ mang một nội hàm cụ thể.

Như vậy, trong điều lệ doanh nghiệp hoặc văn bản góp vốn cần xác định đúng các thành viên, cổ đông. Còn đối với tài sản góp vốn thì cần xác định rằng sau khi góp vốn thì tài sản đã được đăng bộ và đã được sang tên của doanh nghiệp.

## **2. Thực tiễn pháp luật hiện hành về tính xác thực thông tin doanh nghiệp**

### **2.1. Tại Việt Nam**

Như đã phân tích, việc xác định tính xác thực và hợp pháp luôn là yếu tố quan trọng và cốt lõi trong hoạt động công chứng. Tuy nhiên, Luật Công chứng năm 2014 và Dự thảo đổi vẫn chưa đưa ra khái niệm “tính xác thực và hợp pháp”.

Cụ thể, theo khoản 1 Điều 2 Luật Công chứng 2014: *“Công chứng là việc công chứng viên của một tổ chức hành nghề công chứng chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của hợp đồng, giao dịch dân sự khác bằng văn bản tính chính xác, hợp pháp, không trái đạo đức xã hội của bản dịch giấy tờ, văn bản từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài hoặc từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt mà theo quy định của pháp luật phải công chứng hoặc cá nhân, tổ chức tự nguyện yêu cầu công chứng.”*

Gần đây nhất, tại khoản 1 Điều 2 Dự thảo Luật Công chứng 2024 quy định: *“Công chứng là việc công chứng viên chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của giao dịch dân sự khác bằng*

---

<sup>23</sup> Điểm đ khoản 1 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020.

<sup>24</sup> Điểm a khoản 3 Điều 121 Luật Doanh nghiệp 2020.

<sup>25</sup> Khoản 3 Điều 129 Luật Doanh nghiệp 2020.

<sup>26</sup> Điểm g khoản 2 Điều 109 Luật Doanh nghiệp 2020.

*văn bản mà theo quy định của pháp luật phải công chứng hoặc cá nhân, tổ chức tự nguyện yêu cầu công chứng.”*

Như vậy, rất khó để đưa ra một cách cụ thể khái niệm tính xác thực, là bao gồm những nội dung, yếu tố gì trong hoạt động công chứng trong pháp luật Việt Nam. Mở rộng ra, vấn đề tính xác thực thông tin doanh nghiệp qua hoạt động công chứng là vấn đề khá mới trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Bởi các quy định hiện hành về doanh nghiệp không có quy định bắt buộc công chứng hồ sơ thành lập doanh nghiệp.

Tuy nhiên, việc quy định bắt buộc công chứng đối với hồ sơ thành lập doanh nghiệp và các văn bản nội bộ doanh nghiệp sẽ mang lại những lợi ích sau:

*Thứ nhất*, khắc phục được tình trạng giả chữ ký trong hồ sơ thành lập doanh nghiệp, hạn chế tình trạng thành lập công ty “ma” và tình trạng lạm quyền của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

Theo Điều 26 Luật Doanh nghiệp 2020 thì cơ quan có thẩm quyền cấp đăng ký doanh nghiệp sẽ tiếp nhận và xử lý hồ sơ thành lập doanh nghiệp, tức chỉ xem tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ. Ngoài ra, về nguyên tắc áp dụng giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp tại khoản 3 và 5 Điều 4 Nghị định 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ quy định về đăng ký doanh nghiệp quy định thì “*cơ quan đăng ký kinh doanh chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, không chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật của doanh nghiệp xảy ra trước và sau khi đăng ký doanh nghiệp*”; và “*không yêu cầu doanh nghiệp bắt buộc phải đóng dấu trong giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, nghị quyết, quyết định, biên bản họp trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Việc đóng dấu đối với các tài liệu khác trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.*” Vì thế, cơ quan đăng ký doanh nghiệp không có cơ sở để đánh giá tính hợp pháp, xác thực các giao dịch của hồ sơ (xác định những ai là cổ đông hoặc thành viên góp vốn, giao dịch đó có thực sự đồng thuận theo đa số thành viên hay không, hoặc văn bản đó có đúng do các thành viên ký không hay bị ký thay, giả chữ ký...). Do đó, với chức năng của công chứng như đã nêu trên thì việc có quy định công chứng đối với hồ sơ thành lập doanh nghiệp, điều lệ doanh nghiệp... như là một giải pháp tạo hành lang pháp lý để đảm bảo tính hợp pháp xác thực trong thành lập doanh nghiệp.

*Thứ hai*, pháp luật sẽ kiểm soát được việc kê khai vốn điều lệ, ngăn ngừa việc hợp thức hoá hành vi rửa tiền, mua bán hoá đơn thông qua thành lập doanh nghiệp.

Trong 2 tháng đầu năm 2024, cả nước có gần 19 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động (tăng 4,4% so với cùng kỳ năm trước) nâng tổng số doanh nghiệp mới thành lập và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động lên gần 41,1 nghìn doanh nghiệp (tăng 8,5% so với cùng kỳ năm

2023).<sup>27</sup> Hiện nay, các chính sách tạo môi trường kinh doanh, thúc đẩy khởi nghiệp và hội nhập quốc tế của Đảng và Nhà nước đã thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng về số lượng các doanh nghiệp, tạo nền tảng, động lực của nền kinh tế, góp phần quan trọng trong sự phát triển toàn diện, bền vững của xã hội, cụ thể như: Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến 2025; Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Quyết định 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển khoa học – công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030; Nghị quyết 02/2022/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022. Điều này đã tạo cơ hội cho nhiều trường hợp lợi dụng việc thành lập, mua bán, sát nhập doanh nghiệp có hành vi trục lợi, lừa đảo, chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, bên cạnh thúc đẩy sự phát triển về số lượng doanh nghiệp thì việc đảm bảo tính an toàn pháp lý và sự phát triển bền vững của doanh nghiệp là rất cần thiết. Một trong những biện pháp trước tiên là đảm bảo bằng pháp luật về tính xác thực và hợp pháp của hồ sơ thành lập doanh nghiệp.

*Thứ ba*, đảm bảo quyền lợi của bên thứ ba khi giao dịch với doanh nghiệp, làm rõ trách nhiệm, tình hình của người góp vốn trong vốn điều lệ hay quản lý hoạt động kinh doanh, tránh tình trạng người đại diện theo pháp luật lạm quyền dẫn đến các giao dịch vô hiệu, cũng như việc lập khống các chứng nhận cổ phần, chứng nhận góp vốn để chuyển nhượng trái pháp luật.

Tại Bản án số 256/2023/HCPT ngày 24/4/2023 về việc *Khiếu kiện Quyết định hành chính trong việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh* của Tòa án nhân dân cấp cao Hà Nội. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi lần thứ 4) cấp cho Công ty Cảng T, với các lý do: (1) Văn bản ủy quyền giữa bà Lê Thị Thanh H và ông Hoàng Trung H quá thời hạn ủy quyền; (2) Hai cuộc họp Hội đồng quản trị ngày 23/11/2020 và 27/12/2020 không được tổ chức. Việc Công ty Cảng T lập hai biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 23/11/2020 và 27/12/2020 có chữ ký của ông Hoàng Trung H là không đúng; (3) Các phiếu thu không có đầy đủ chữ ký của Kế toán trưởng và Thủ quỹ Công ty nên không đảm bảo tính hợp pháp”. Bị đơn là Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh H căn cứ theo Điều 4 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021

---

<sup>27</sup> Đức Mạnh (2024). *Số doanh nghiệp thành lập mới tháng 2 bất ngờ quay đầu giảm sâu*. <https://laodong.vn/kinh-doanh/so-doanh-nghiep-thanh-lap-moi-thang-2-bat-ngo-quay-dau-giam-sau-1309450.ldo>, ngày 15/4/2024.

của Chính phủ quy định về nguyên tắc áp dụng giải quyết thủ tục đăng ký kinh doanh và khoản 20 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp năm 2020 “*Hồ sơ hợp lệ là hồ sơ có đầy đủ giấy tờ theo quy định của Luật này và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật*”. Theo đó, cơ quan đăng ký kinh doanh chỉ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp tại khoản 20 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020, không có cơ sở để kiểm tra tính xác thực của hồ sơ đề nghị của doanh nghiệp và điều này đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của các bên. Cuối cùng, Toà tuyên án xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo để làm cơ sở thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 212 Luật Doanh nghiệp.

## 2.2. Trên thế giới

Liên quan đến công chứng các tài liệu của doanh nghiệp trong giao dịch với bên khác hoặc trong thủ tục hành chính, trong khi Nghị định số 01/2021/NĐ-CP chỉ quy các loại tài liệu sau đây phải được công chứng trong các thủ tục đăng ký kinh doanh, bao gồm công chứng bản dịch tiếng Việt tài liệu bằng tiếng nước ngoài trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp<sup>28</sup> và công chứng hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân<sup>29</sup>, thì một số quốc gia trên thế giới quy định ngay từ bước thành lập doanh nghiệp, điều lệ công ty bắt buộc phải được công chứng.

Quy định tại Nhật Bản cho thấy đối với việc thành lập công ty cổ phần, xác thực thông tin điều lệ công ty (“articles of incorporation”) là việc bắt buộc. Theo đó, để thành lập công ty cổ phần, tất cả những người sáng lập công ty phải ký hoặc đóng dấu vào điều lệ công ty.<sup>30</sup> Đáng chú ý, điều lệ công ty cổ phần trong hồ sơ thành lập công ty, chỉ có hiệu lực khi được công chứng bởi một công chứng viên,<sup>31</sup> và trong trường hợp đã được chứng thực thì điều lệ không được sửa đổi trước khi thành lập công ty cổ phần<sup>32</sup> (trừ một số trường hợp ngoại lệ)<sup>33</sup>.

<sup>28</sup> Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP.

<sup>29</sup> Khoản 2 Điều 60 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP, mặc dù điều khoản này không trực tiếp quy định hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân phải được công chứng, nhưng được thể hiện gián tiếp qua quy định “Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng cho thuê doanh nghiệp có hiệu lực, chủ doanh nghiệp tư nhân phải gửi thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân kèm theo bản sao **hợp đồng cho thuê có công chứng** đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính theo quy định tại Điều 191 Luật Doanh nghiệp.”

<sup>30</sup> Khoản 1 Điều 26 Luật Công ty 2005.

Nguồn: [https://www.japaneselawtranslation.go.jp/en/laws/view/3206/en#je\\_pt2ch1sc2at1](https://www.japaneselawtranslation.go.jp/en/laws/view/3206/en#je_pt2ch1sc2at1), truy cập ngày 19/8/2024.

<sup>31</sup> Khoản 1 Điều 30 Luật Công ty 2005. Nguồn: [https://www.japaneselawtranslation.go.jp/en/laws/view/3206/en#je\\_pt2ch1sc2at1](https://www.japaneselawtranslation.go.jp/en/laws/view/3206/en#je_pt2ch1sc2at1), truy cập ngày 19/8/2024.

<sup>32</sup> Khoản 2 Điều 30 Luật Công ty 2005. Nguồn: [https://www.japaneselawtranslation.go.jp/en/laws/view/3206/en#je\\_pt2ch1sc2at1](https://www.japaneselawtranslation.go.jp/en/laws/view/3206/en#je_pt2ch1sc2at1), truy cập ngày 19/8/2024.

<sup>33</sup> Khoản 7 và khoản 9 Điều 33, khoản 1 và khoản 2 Điều 37 Luật Công ty 2005. Nguồn: [https://www.japaneselawtranslation.go.jp/en/laws/view/3206/en#je\\_pt2ch1sc2at1](https://www.japaneselawtranslation.go.jp/en/laws/view/3206/en#je_pt2ch1sc2at1), truy cập ngày 19/8/2024.



Pháp luật Vương quốc Thái Lan quy định trong vấn đề uỷ thác bỏ phiếu (“voting trusts”), (các) cổ đông của công ty cổ phần có thể uỷ thác cho người khác quyền biểu quyết và quyền liên quan đến cổ phiếu trong thời hạn tối đa 5 năm (trừ trường hợp ngoại lệ).<sup>34</sup> Đáng chú ý, thoả thuận uỷ thác phải được lập thành văn bản có công chứng, trong đó nêu rõ các điều khoản và điều kiện cụ thể.<sup>35</sup>

Trong Luật về Công ty trách nhiệm hữu hạn (“Gesetz betreffend die Gesellschaften mit beschränkter Haftung”) (Liên bang Đức) quy định một số loại tài liệu phải được công chứng, ví như điều lệ công ty<sup>36</sup>, hợp đồng mua bán cổ phần giữa các cổ đông,<sup>37</sup> thoả thuận thiết lập nghĩa vụ chuyển nhượng cổ phần của cổ đông công ty.<sup>38</sup>

### 3. Đánh giá, kinh nghiệm cho Việt Nam

Qua nghiên cứu những quy định khác trong pháp luật của một số quốc gia về công chứng thông tin doanh nghiệp cũng như những quy định khác có liên quan, về vấn đề xác thực những thông tin liên quan đến doanh nghiệp, chúng ta có thể thấy được việc xác định tính xác thực trong việc công chứng thông tin doanh nghiệp là điều cần thiết. Việc xác thực các thông tin doanh nghiệp là để đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ cho các bên chủ thể khi tham gia giao dịch, các bên thứ ba và hơn nữa là đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ cho công chứng viên.

Tại Chương trình Kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XV, trong bối cảnh thảo luận về Dự án Luật Công chứng (sửa đổi), có ý kiến cho rằng:<sup>39</sup>

*Bên cạnh đó, hiện nay các giao dịch, hợp đồng phải công chứng còn được quy định rải rác ở các luật như Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, luật chuyên*

---

<sup>34</sup> Điều 58 Bộ luật công ty đã sửa đổi năm 2019 (Republic Act no. 11232). Nguồn: [https://www.sec.gov.ph/wp-content/uploads/2019/11/2019Legislation\\_RA-11232-REVISED-CORPORATION-CODE-2019.pdf](https://www.sec.gov.ph/wp-content/uploads/2019/11/2019Legislation_RA-11232-REVISED-CORPORATION-CODE-2019.pdf), truy cập ngày 06/9/2024.

<sup>35</sup> Điều 58 Bộ luật công ty đã sửa đổi năm 2019 (Republic Act no. 11232). Nguồn: [https://www.sec.gov.ph/wp-content/uploads/2019/11/2019Legislation\\_RA-11232-REVISED-CORPORATION-CODE-2019.pdf](https://www.sec.gov.ph/wp-content/uploads/2019/11/2019Legislation_RA-11232-REVISED-CORPORATION-CODE-2019.pdf), truy cập ngày 06/9/2024.

<sup>36</sup> Khoản 1 Điều 2 Luật về Công ty Trách nhiệm hữu hạn. Nguồn: <https://dejure.org/gesetze/GmbHG>, truy cập ngày 19/8/2024.

<sup>37</sup> Khoản 3 Điều 15 Luật về Công ty Trách nhiệm hữu hạn; ngoài ra điều lệ công ty có thể quy định các điều kiện khác về việc chuyển nhượng cổ phần (khoản 5 Điều 15 Luật về Công ty Trách nhiệm hữu hạn). Nguồn: <https://dejure.org/gesetze/GmbHG>, truy cập ngày 19/8/2024.

<sup>38</sup> Khoản 4 Điều 2 Luật về Công ty Trách nhiệm hữu hạn. Nguồn: <https://dejure.org/gesetze/GmbHG>, truy cập ngày 19/8/2024.

<sup>39</sup> Công thông tin điện tử Quốc hội, “Tổng thuật trực tiếp sáng 25/6: Quốc hội thảo luận về Dự án Luật Công chứng (sửa đổi)”, <https://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?ItemID=87614>, truy cập ngày 19/8/2024.

*ngành về công chứng cần có sự ghi nhận về những nội dung này để tạo sự đồng bộ. Để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật cũng như khẳng định chức năng và những lợi ích của công chứng như đã nêu trên, đại biểu đề nghị bổ sung quy định về các trường hợp phải công chứng và bổ sung trường hợp công chứng hồ sơ thành lập doanh nghiệp, điều lệ doanh nghiệp, các biên bản họp Hội đồng quản trị, Đại hội cổ đông, Hội đồng thành viên trong doanh nghiệp là trường hợp phải công chứng trong dự thảo Luật. Quy định này vừa đáp ứng yêu cầu cấp thiết của thực tiễn, đồng thời cũng phù hợp với thông lệ quốc tế về công chứng, điển hình là các nước phát triển như Nhật Bản, Pháp, Đức...*

Về quan điểm “luật chuyên ngành về công chứng cần có sự ghi nhận về những nội dung này để tạo sự đồng bộ”, theo nhóm tác giả, việc quy định các giao dịch, hợp đồng bắt buộc phải công chứng rải rác trong các văn bản quy phạm pháp luật khác nhau có một ưu điểm là có thể sửa đổi, bổ sung đối tượng phải công chứng kịp thời với sự biến đổi của các quan hệ xã hội. Trường hợp một đạo luật thay đổi sẽ không tác động nhiều đến một đạo luật khác. Nhược điểm của cách quy định rải rác như trên là việc tìm kiếm, nắm bắt các đối tượng văn bản, giao dịch bắt buộc phải công chứng có phần trở ngại và khó khăn, tuy nhiên đây là vấn đề liên quan đến kỹ năng tìm kiếm và tổng hợp thông tin của các chủ thể khi thực hiện pháp luật. Do đó, nhóm tác giả cho rằng không cần thiết phải ghi nhận trong Luật Công chứng những trường hợp bắt buộc phải công chứng, việc quy định rải rác như hiện nay có ưu điểm vượt trội hơn so với nhược điểm của mình.

Nhóm tác giả đồng tình với quan điểm cần phải bổ sung quy định bắt buộc công chứng hồ sơ thành lập doanh nghiệp, điều lệ công ty, hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp,... Vì đây là những văn bản quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích của người tham gia giao dịch. Theo đó, một số tài liệu sau cần được quy định bắt buộc phải công chứng nhằm đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên liên quan: (1) điều lệ doanh nghiệp, (2) văn bản góp vốn. Đối với hai loại tài liệu này, công chứng viên sẽ xác nhận hồ sơ pháp lý của các thành viên, cổ đông của doanh nghiệp. Về vấn đề tài sản góp vốn, cần xác định rằng sau khi góp vốn, tài sản phải được đăng ký (đối với tài sản pháp luật buộc phải đăng ký) và chuyển quyền sở hữu từ thành viên góp vốn sang doanh nghiệp.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ luật dân sự 2015;
2. Luật Doanh nghiệp 2020;
3. Luật Tiếp cận thông tin 2016;
4. Luật Công chứng 2014;
5. Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ Về đăng ký doanh nghiệp;

6. Bản án số 256/2023/HCPT ngày 24/4/2023 về việc Khiếu kiện Quyết định hành chính trong việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Tòa án nhân dân cấp cao Hà Nội.
7. Bộ Tư Pháp, “Vấn đề xác minh trong hoạt động công chứng”, <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/thong-tin-khac.aspx?ItemID=1386>, truy cập ngày 01/08/2024;
8. Cổng thông tin điện tử Quốc hội, “Tổng thuật trực tiếp sáng 25/6: Quốc hội thảo luận về Dự án Luật Công chứng (sửa đổi)”;
9. Hồ Hương, “Nghiên cứu bổ sung quy định về yêu cầu công chứng đối với hồ sơ thành lập doanh nghiệp”, [https://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?ItemID=87620&fbclid=IwZXh0bgNhZW0CMTAAAR3PKd5c1WsKsX\\_Bn2SFq1DbUh5byz6BJiYNBXifk2P8eUQghEkm8A8C-oA\\_aem\\_QrHNUZl2nXOQK92xpRbsFA](https://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?ItemID=87620&fbclid=IwZXh0bgNhZW0CMTAAAR3PKd5c1WsKsX_Bn2SFq1DbUh5byz6BJiYNBXifk2P8eUQghEkm8A8C-oA_aem_QrHNUZl2nXOQK92xpRbsFA), truy cập ngày 19/07/2024;
10. Đức Mạnh (2024), *Số doanh nghiệp thành lập mới tháng 2 bất ngờ quay đầu giảm sâu*; <https://laodong.vn/kinh-doanh/so-doanh-nghiep-thanh-lap-moi-thang-2-bat-ngo-quay-dau-giam-sau-1309450.ldo>, ngày 15/4/2024;
11. Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế, “Xác minh trong hoạt động công chứng” <https://stp.thuathienhue.gov.vn/?gd=12&cn=82&tc=7459>, truy cập ngày 05/08/2024;
12. Luật sư Nông Thị Nhung, “Về tính xác thực trong hoạt động công chứng”, <https://vietnamnotary.org/ve-tinh-xac-thuc-trong-hoat-dong-cong-chung/>, truy cập ngày 03/08/2024;
13. Japanese Companies Act (Act No. 86 of 2005), [https://www.japaneselawtranslation.go.jp/en/laws/view/3206/en#je\\_pt2ch1sc2at1](https://www.japaneselawtranslation.go.jp/en/laws/view/3206/en#je_pt2ch1sc2at1), truy cập ngày 19/8/2024.
14. <https://dejure.org/gesetze/GmbHG>, truy cập ngày 19/8/2024;
15. Republic Act no. 11232, [https://www.sec.gov.ph/wp-content/uploads/2019/11/2019Legislation\\_RA-11232-REVISED-CORPORATION-CODE-2019.pdf](https://www.sec.gov.ph/wp-content/uploads/2019/11/2019Legislation_RA-11232-REVISED-CORPORATION-CODE-2019.pdf), truy cập ngày 06/9/2024.

# XÁC THỰC THÔNG TIN DOANH NGHIỆP TRONG THỜI KỲ CHUYỂN ĐỔI SỐ – THÁCH THỨC VÀ GIẢI PHÁP TỪ HOẠT ĐỘNG CÔNG CHỨNG

**ThS. CCV. Nguyễn Thị Thu Trang**

*Thành viên văn phòng Hiệp hội Công chứng viên Việt Nam - Thư ký Hội Công chứng viên TP. Hải Phòng - Trưởng Văn phòng Công chứng Nguyễn Trang, TP. Hải Phòng*

## **Tóm tắt:**

Bài viết tập trung phân tích các thành tựu đạt được từ chủ trương chuyển đổi số lĩnh vực đăng ký thành lập doanh nghiệp cùng những thách thức từ thực tiễn hiện đang đặt ra cho cơ quan quản lý trong việc phòng ngừa và giảm thiểu các doanh nghiệp có đăng ký thành lập nhưng không thực tế hoạt động như thông tin đã đăng ký nhằm mục đích thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật từ đó đề xuất giải pháp đến từ hoạt động công chứng của các Công chứng viên.

**Từ khóa:** Minh bạch; doanh nghiệp; xác thực thông tin; điều lệ; công chứng.

## **Abstract:**

*This article focuses on analyzing the achievements attained from the digital transformation initiatives in the registration of business establishment, as well as the challenges currently posed to regulatory authorities in preventing and mitigating the existence of registered enterprises that do not operate in reality as per the registered information, thereby facilitating legal violations. It subsequently proposes solutions derived from the notarization activities of Notaries.*

**Keywords:** *Transparency; enterprises; information verification; charter; notarization.*

## **Đặt vấn đề :**

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã và đang tạo ra những cơ hội đổi mới đồng thời cũng mang lại những thách thức không hề nhỏ cho Việt Nam. Nhằm kịp thời nắm bắt thời cơ, Đảng và Nhà nước ta đã đưa ra những quyết sách rất quan trọng trong vấn đề chuyển đổi số toàn diện các lĩnh vực trong đời sống kinh tế - xã hội. Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/09/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Thủ tướng đã ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/06/2020 phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” với mục tiêu kép là vừa phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số vừa hình

thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực đi ra toàn cầu<sup>1</sup>. Thực hiện theo chủ trương trên Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã và đang tích cực thực hiện những cải cách lớn trong công tác quản lý hệ thống doanh nghiệp tại Việt Nam, tiêu biểu trong đó là lĩnh vực đăng ký thành lập doanh nghiệp được triển khai thực hiện thông qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (dưới đây gọi tắt là Cổng thông tin). Việc đăng ký thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam ngày càng được đơn giản hóa và trở nên nhanh chóng, thuận tiện cho các nhà đầu tư kể từ khi Cổng thông tin được xây dựng và vận hành. Cải cách này đã và đang tạo đà thúc đẩy phát triển hệ thống doanh nghiệp tại Việt Nam đồng thời tăng cường tính minh bạch thông tin và hiệu quả của công tác quản lý. Bên cạnh những mặt tích cực, mặt trái của vấn đề này là sự xuất hiện và gia tăng các doanh nghiệp có đăng ký thành lập nhưng không thực tế hoạt động như thông tin đã đăng ký với cơ quan quản lý nhằm thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật gây ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống kinh tế - xã hội và thường được biết đến với cụm từ doanh nghiệp “ma”. Doanh nghiệp “ma” đã, đang dần trở thành một thách thức không hề nhỏ cho các cơ quan quản lý trong việc điều hành hoạt động của hệ thống doanh nghiệp tại Việt Nam. Vấn đề xác thực thông tin của doanh nghiệp, xác thực thông tin của các nhà đầu tư tham gia thành lập và vận hành doanh nghiệp đang ngày càng trở thành nhu cầu cấp thiết của xã hội đòi hỏi nhanh chóng có các giải pháp tháo gỡ. Tại bài viết này tác giả xin được điểm qua những thành tựu đạt được từ việc chuyển đổi số trong lĩnh vực đăng ký thành lập doanh nghiệp đồng thời phân tích những yêu cầu và thách thức mà thực tiễn đời sống xã hội đang đặt ra; làm rõ vai trò, chức năng xã hội của hoạt động công chứng và Công chứng viên từ đó đề xuất giải pháp nhằm góp phần vào việc phòng ngừa, ngăn chặn sự hình thành và phát triển các doanh nghiệp “ma” tại Việt Nam trong tương lai.

## **1. Chuyển đổi số và những thành tựu đạt được trong lĩnh vực đăng ký thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam.**

Việt Nam hiện đang nổi lên là một trong những nền kinh tế trẻ năng động hàng đầu trong khu vực và trên thế giới với những chỉ số tăng trưởng đặc biệt ấn tượng<sup>2</sup>. Sự phát triển này có đóng góp không nhỏ từ hệ thống các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế tại Việt Nam. Năm 2019 đại dịch Covid-19 xuất hiện kéo theo sau đó là những biến động về kinh tế xã hội trên thế giới đã tạo ra những thách thức không nhỏ cho tất cả các quốc gia nói chung và Việt Nam nói

---

<sup>1</sup> Khái quát về chuyển đổi số và các giải pháp để thực hiện chuyển đổi số tại Bộ Nội vụ - Tác giả : ThS.Lê Thị Kim Liên, Viện Khoa học tổ chức nhà nước, Bộ Nội vụ; đăng tải tại website: <https://isos.gov.vn/cds/khai-quat-ve-chuyen-doi-so-va-cac-giai-phap-de-thuc-hien-chuyen-doi-so-tai-bo-noi-vu>; truy cập ngày 04/09/2024

<sup>2</sup> “Nếu năm 2020, Việt Nam chỉ đứng thứ 6 trong khu vực ASEAN về tốc độ tăng trưởng kinh tế số, thì năm 2021 đứng thứ 3 và hai năm tiếp theo 2022, 2023 đứng thứ 1. Cụ thể, báo cáo của Google xác định, kinh tế số Việt Nam năm 2022 tăng trưởng 28%, 2023 đạt 19%, cao gấp 3,5 lần tốc độ tăng trưởng GDP” trích bài đăng : “Tốc độ tăng trưởng kinh tế số của Việt Nam đứng thứ nhất ASEAN – Báo Thế giới và Việt Nam – Cơ quan báo chí của Bộ Ngoại giao; <https://baoquocte.vn/toc-do-tang-truong-kinh-te-so-cua-viet-nam-dung-thu-nhat-asean-279377.html>, truy cập ngày 25/07/2024

riêng. Bất chấp khó khăn kinh tế Việt Nam vẫn đạt được mức tăng trưởng ấn tượng và dẫn đầu vào top những nền kinh tế lớn nhất toàn cầu theo số liệu công bố mới nhất của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) vào năm 2023 với GDP (PPP) đạt khoảng 1.438 tỉ USD, xếp thứ 25/192 trên thế giới và GDP bình quân (PPP) đầu người đạt khoảng 14.342 USD, xếp thứ 108/192 trên thế giới<sup>3</sup>. Thành tựu đạt được này có sự đóng góp không hề nhỏ từ hệ thống doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế tại Việt Nam. Tiếp nối thành tựu của năm 2023, trong năm 2024, hệ thống doanh nghiệp tại Việt Nam tiếp tục phát triển mạnh mẽ. Số doanh nghiệp thành lập mới trong 07 tháng đầu năm 2024 là 95.217 doanh nghiệp, tăng 6,3% so với cùng kỳ năm 2023. Số vốn đăng ký thành lập trong 07 tháng năm 2024 đạt 854.646 tỷ đồng, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm 2023. Tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong 07 tháng năm 2024 là 1.773.804 tỷ đồng (giảm 9,1% so với cùng kỳ năm 2023), trong đó, số vốn đăng ký của doanh nghiệp thành lập mới là 854.646 tỷ đồng (tăng 2,4% so với cùng kỳ năm 2023). Có 27.101 doanh nghiệp đang hoạt động đăng ký tăng vốn trong 07 tháng năm 2024 (giảm 6,3% so với cùng kỳ năm 2023), số vốn đăng ký tăng thêm của các doanh nghiệp đang hoạt động đạt 919.158 tỷ đồng (giảm 17,8% so với cùng kỳ năm 2023)<sup>4</sup>.

Đại dịch Covid-19 và tình hình biến động kinh tế xã hội trên thế giới thời gian qua vừa là thách thức nhưng cũng là cú hích lớn tạo đà cho hoạt động chuyển đổi số nhiều lĩnh vực trong đời sống kinh tế - xã hội tại Việt Nam. Thành công tiêu biểu nhất có thể kể đến đó là chuyển đổi số các hoạt động quản lý của Nhà nước đối với hệ thống doanh nghiệp và đặc biệt là lĩnh vực đăng ký thành lập doanh nghiệp. Giờ đây, nhà đầu tư có nhu cầu thành lập doanh nghiệp không cần tốn thời gian di chuyển mà có thể ngồi tại nhà, truy cập vào website Cổng thông tin do Bộ Công thương quản lý và vận hành<sup>5</sup> để tìm hiểu các quy định; tiếp cận các hướng dẫn về thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp đồng thời chuẩn bị hồ sơ và thực hiện các thao tác nộp hồ sơ thông qua website. Với hệ thống Cổng thông tin này, việc kiểm tra thông tin doanh nghiệp trước khi quyết định giao dịch, hợp tác kinh doanh với doanh nghiệp cũng giúp các cá nhân, cơ quan, tổ chức có nhu cầu từng bước trở nên đơn giản, nhanh chóng và thuận tiện hơn. Khi quan tâm đến một doanh nghiệp, bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào cũng đều có thể tra soát thông tin chi tiết về doanh nghiệp đó thông qua các Báo cáo thành lập doanh nghiệp và lịch sử đăng ký thông tin doanh nghiệp các năm gần nhất..vv..được đăng tải trên Cổng thông tin. Hệ thống cơ sở dữ liệu này đã góp phần minh bạch thông tin về doanh

---

<sup>3</sup> “Việt Nam tiến vào top nền kinh tế lớn nhất toàn cầu”, Mai Phương – Hà Mai, bài viết được đăng tải tại website: <https://thanhvien.vn/viet-nam-tien-vao-top-nen-kinh-te-lon-nhat-toan-cau-185240831230123375.htm>; truy cập ngày 05/09/2024;

<sup>4</sup> Tình hình đăng ký doanh nghiệp tháng 7 và 7 tháng năm 2024; <https://dangkykinhdoanh.gov.vn/vn/tin-tuc/597/6716/tinh-hinh-dang-ky-doanh-nghiep-thang-7-va-7-thang-nam-2024.aspx>; truy cập ngày 02/9/2024;

<sup>5</sup> Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại website: <https://dangkykinhdoanh.gov.vn/vn/Pages/Trangchu.aspx>; truy cập ngày 02/09/2024;

nghiệp và giảm thiểu nguy cơ những đối tượng xấu thực hiện hành vi vi phạm pháp luật gây hệ lụy cho đời sống kinh tế - xã hội. Phương thức này cũng đã rút ngắn rất nhiều thời gian, công sức cho việc thực hiện thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam. Trong suốt chiều dài lịch sử phát triển hệ thống doanh nghiệp Việt Nam qua các giai đoạn, có thể nói, chưa khi nào việc đăng ký thành lập doanh nghiệp, tìm hiểu thông tin về doanh nghiệp được các nhà đầu tư thực hiện một cách đơn giản, đồng bộ, nhanh chóng, thuận tiện và hiệu quả như giai đoạn hiện nay. Sự chuyển đổi tích cực này trong hoạt động quản lý doanh nghiệp của Nhà nước đã, đang góp phần thúc đẩy và duy trì tốc độ phát triển nhanh của hệ thống doanh nghiệp tại Việt Nam.

Các kết quả này là minh chứng tích cực cho chủ trương đúng đắn của Đảng, Nhà nước ta trong thời gian qua về việc chuyển đổi số hoạt động của các cơ quan quản lý từ đó góp phần bảo đảm quyền tự do đầu tư thành lập doanh nghiệp và khởi sự kinh doanh của mọi người được Hiến pháp bảo hộ<sup>6</sup>. Chuyển đổi số là con đường phát triển nhanh và bền vững, là phương thức phát triển mới để Việt Nam trở thành nước phát triển có thu nhập cao<sup>7</sup>. Trong thời gian tới, Đảng và Nhà nước ta chủ trương tiếp tục chuyển đổi số gắn với bảo đảm an ninh, an toàn là tất yếu khách quan để Việt Nam bứt phá trong kỷ nguyên mới. Tập trung xây dựng xã hội số, số hóa toàn diện hoạt động quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao. Kết nối đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, doanh nghiệp, tạo nền tảng tinh gọn bộ máy, cải cách thủ tục hành chính thực chất. Phát triển kinh tế số tạo động lực mới cho tăng trưởng; thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong mọi ngành, lĩnh vực, tạo ra các mô hình kinh doanh mới. Phát triển công dân số, trang bị kiến thức, kỹ năng cần thiết để người dân tham gia hiệu quả vào nền kinh tế số và xã hội số, bảo đảm không ai bị bỏ lại phía sau<sup>8</sup>.

## **2. Thách thức đặt ra cho vấn đề xác thực thông tin doanh nghiệp tại Việt Nam**

Đất nước ngày càng hội nhập sâu, rộng với kinh tế thế giới trên nhiều phương diện và ngày càng có nhiều doanh nghiệp Việt Nam từng bước vươn tầm phát triển đến nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ toàn cầu<sup>9</sup> đã đặt ra yêu cầu ngày càng cao về minh bạch thông tin doanh nghiệp để bắt kịp đà phát triển và tiệm cận với yêu cầu của thế giới. Minh bạch thông tin cần

---

<sup>6</sup> “Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm” – Điều 33 Hiến pháp 2013;

<sup>7</sup> Chuyển đổi số là phương thức để Việt Nam trở thành nước phát triển – Trích bài Phát biểu của Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng - Bộ Trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông tại Hội nghị Dịch vụ công trực tuyến ngày 31/08/2024 diễn ra tại Tp. Đà Nẵng; <https://mic.gov.vn/chuyen-doi-so-la-phuong-thuc-de-viet-nam-tro-thanh-nuoc-phat-trien-197240902115631253.htm#:~:text=C>; truy cập ngày 02/09/2024;

<sup>8</sup> “Chuyển đổi số - động lực quan trọng phát triển lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới”- Trích bài viết của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm được đăng tải tại website: <https://www.anninhthudo.vn/tong-bi-thu-chu-tich-nuoc-so-hoa-toan-dien-hoat-dong-quan-ly-nha-nuoc-post587947.antd>; truy cập ngày 02/09/2024;

<sup>9</sup> Hiệu quả đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam; <https://nhandan.vn/hieu-qua-dau-tu-ra-nuoc-ngoai-cua-doanh-nghiep-viet-nam-post778731.html> , truy cập ngày 25/07/2024;



được thực hiện trên nhiều phương diện mà khởi đầu quan trọng chính là xác thực thông tin về doanh nghiệp và xác thực thông tin về các nhà đầu tư tham gia thành lập, quản lý, vận hành doanh nghiệp. Chủ trương chuyển đổi số của Đảng và Nhà nước ta đã tạo đà cho nhiều thành tựu trong lĩnh vực đăng ký và quản lý hệ thống doanh nghiệp nhưng đồng thời cũng đặt ra nhiều yêu cầu, thách thức cho vấn đề xác thực thông tin doanh nghiệp. Thách thức này khó có thể giải quyết bằng một vài giải pháp đơn lẻ mà đòi hỏi có sự nỗ lực chung tay và các giải pháp toàn diện, đồng bộ, có hệ thống đến từ các cơ quan quản lý và các tổ chức liên quan.

Nhà nước ta luôn công nhận và bảo hộ quyền tự do, quyền bình đẳng và có chính sách khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh, phát triển bền vững nhưng cũng đặt ra các quy định, yêu cầu phải đầu tư, kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật<sup>10</sup>. Bên cạnh những doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, đóng góp tích cực vào nền kinh tế, một vấn đề đáng lo ngại đã nảy sinh là sự xuất hiện và gia tăng của các doanh nghiệp “ma” tại Việt Nam thời gian qua. Nhà nước tạo điều kiện thông thoáng thủ tục đăng ký, cấp phép thành lập doanh nghiệp hướng tới không gây phiền hà cho tổ chức, cá nhân kinh doanh nhưng các quy định dễ dàng trong thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp như hiện tại cũng đã làm phát sinh các lỗ hổng pháp lý mà đối tượng xấu có thể lợi dụng để trục lợi<sup>11</sup>. Như tác giả đã nêu tại phần đặt vấn đề, doanh nghiệp “ma” là cụm từ chỉ những doanh nghiệp có đăng ký thành lập nhưng không thực tế hoạt động như thông tin đã đăng ký với cơ quan quản lý. Đây là những doanh nghiệp chỉ tồn tại trên giấy tờ, không có hoạt động kinh doanh thực tế và được lập ra với mục đích phi pháp như trốn thuế, lừa đảo, mở tài khoản ngân hàng và mua bán hoá đơn khống. Sự hiện diện của các doanh nghiệp này không chỉ gây thất thoát nguồn thu ngân sách Nhà nước mà còn kéo theo nhiều hệ lụy gây tác động tiêu cực cho kinh tế - xã hội của đất nước<sup>12</sup>. Doanh nghiệp “ma” không chỉ xuất hiện tại Việt Nam mà trên khắp các quốc gia trên thế giới vẫn thường trực phải đối diện đồng thời liên tục tìm kiếm, cải tiến các giải pháp để khắc phục vấn nạn này.

Thách thức lớn nhất đặt ra cho vấn đề xác thực thông tin doanh nghiệp tại Việt Nam hiện nay chính là Nhà nước ta chưa thể triển khai đồng bộ được hoạt động chuyển đổi số trên mọi lĩnh vực quản lý, chưa kết nối liên thông được hạ tầng thông tin cũng như vẫn còn khó khăn trong việc chia sẻ và kết nối dữ liệu của tất cả các ngành<sup>13</sup>. Khi đăng ký thành lập doanh nghiệp

---

<sup>10</sup> Điều 5 Luật Đầu tư 2020;

<sup>11</sup> Tổng cục Thuế cảnh báo những dấu hiệu nhận diện công ty “ma”; <https://petrotimes.vn/tong-cuc-thue-can-bao-nhung-dau-hieu-nhan-dien-cong-ty-ma-711177.html>; truy cập ngày 02/09/2024;

<sup>12</sup> “Công ty ma” và lỗ hổng trong quản lý doanh nghiệp – Hồng Nhung và Việt Mỹ; bài viết đăng tải tại website: <https://baocamau.vn/-cong-ty-ma-va-lo-hong-trong-quan-ly-doanh-nghiep-a32633.html> ; truy cập ngày 02/09/2024;

<sup>13</sup> “Quy định về cơ sở dữ liệu dùng chung thúc đẩy Chính phủ số” –Giang Phạm – bài viết đăng tải tại website: [164](https://mic.gov.vn/quy-dinh-ve-co-so-du-lieu-dung-chung-thuc-day-chinh-phu-so-197240409092136.htm#:~:text=;truy cập ngày 05/09/2024;</a></p></div><div data-bbox=)



qua Cổng thông tin nhà đầu tư có thể thực hiện hầu hết các thao tác thông qua internet mà không cần trực tiếp đến cơ quan quản lý. Việc này tạo thuận lợi, thông thoáng, giảm thiểu thời gian và chi phí thực hiện thủ tục cho nhà đầu tư nhưng cũng đồng thời làm thiếu đi cơ chế kiểm soát tính xác thực của các thông tin, tài liệu, chữ ký, ý chí của các nhà đầu tư khi đăng ký thành lập doanh nghiệp. Đây là vấn đề đang bị bỏ ngỏ không có bất cứ cơ quan, tổ chức nào được giao trách nhiệm kiểm soát mà hoàn toàn phụ thuộc vào sự trung thực của các nhà đầu tư. Với việc thực hiện các thao tác nộp hồ sơ đăng ký thành lập qua Cổng thông tin, toàn bộ các hồ sơ, tài liệu mà nhà đầu tư đăng tải đều là các file PDF hoặc hình ảnh rất dễ dàng bị cắt ghép, sửa chữa, thay đổi thông tin chỉ bằng vài thao tác đơn giản. Khi cơ quan quản lý đăng ký kinh doanh nhận được hồ sơ mà nhà đầu tư nộp trên hệ thống Cổng thông tin thì cũng rất khó có thể kiểm soát được tính xác thực, hợp pháp của các hồ sơ, tài liệu nhận được. Hệ thống cơ sở dữ liệu của Việt Nam hiện nay còn thiếu tính liên thông liên kết giữa các cơ quan<sup>14</sup>; cơ sở hạ tầng kỹ thuật đang từng bước được kiện toàn phát triển; mức độ đầu tư phát triển và ứng dụng AI ở lĩnh vực dịch vụ công của Việt Nam vẫn còn khiêm tốn<sup>15</sup> so với các quốc gia phát triển để có thể hỗ trợ việc quét và đối soát dữ liệu từ nhiều cơ quan khác nhau. Việc tra soát thông tin về doanh nghiệp cũng chỉ có thể dừng lại ở việc kiểm tra một doanh nghiệp đã có đăng ký hoạt động hay chưa? địa chỉ hoạt động doanh nghiệp đã đăng ký là gì? Ai là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp? Các nhà đầu tư trong doanh nghiệp gồm những ai?...vv nhưng không thể xác định được người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp cũng như các nhà đầu tư của doanh nghiệp hiện thực tế còn sống hay đã chết? Có thực sự là nhà đầu tư đã tự nguyện thỏa thuận tham gia thành lập doanh nghiệp hay không? Họ có thực sự quản lý, vận hành doanh nghiệp hay không? Doanh nghiệp có thực sự hoạt động sản xuất, kinh doanh trên thực tế tại địa điểm đã đăng ký hay không? Không hiếm trường hợp có cá nhân bị đối tượng xấu đánh cắp thông tin cá nhân, hình ảnh căn cước công dân và bị giả mạo chữ ký để đăng ký thành lập doanh nghiệp, đứng tên đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp mà không hề hay biết và phải cầu cứu sự hỗ trợ của cơ quan chức năng để điều tra, tìm kiếm và chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp mà mình không hề đăng ký thành lập<sup>16</sup>. Một thực tế đáng lo ngại trong thời gian qua là các cơ quan quản lý như Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng Cục thuế và cơ quan Công an đã liên tục phải đưa ra các cảnh báo hoặc giải quyết các

---

<sup>14</sup> “Quy định về cơ sở dữ liệu dùng chung thúc đẩy Chính phủ số” –Giang Phạm – bài viết đăng tải tại website: <https://mic.gov.vn/quy-dinh-ve-co-so-du-lieu-dung-chung-thuc-day-chinh-phu-so-19724040409092136.htm#:~:text=truy cập ngày 05/09/2024;>

<sup>15</sup> “Phát triển AI: Việt Nam đã sẵn sàng?” – Thanh Nhân- bài viết đăng tải tại website: <https://khoahocphattrien.vn/chinh-sach/phat-trien-ai-viet-nam-da-san-sang/20220303043731277p1c785.htm>; truy cập ngày 05/09/2024;

<sup>16</sup> ‘Bỗng dưng làm giám đốc’, phải tự mình đi điều tra danh tính công ty” (Ngọc Khải – Báo Tuổi trẻ online); <https://tuoitre.vn/bong-dung-lam-giam-doc-phai-tu-minh-di-dieu-tra-danh-tinh-cong-ty-20240316161135234.htm>

vụ án liên quan đến các “doanh nghiệp ma”<sup>17</sup>. Thực trạng các doanh nghiệp gặp không ít rắc rối trong kê khai, quyết toán thuế khi thực tế có mua hàng hóa, dịch vụ nhưng lại bị bên bán cung cấp hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng được phát hành bởi các doanh nghiệp “ma” không hoạt động ..vv.. đang diễn ra rất phổ biến và chưa có dấu hiệu dừng lại<sup>18</sup>. Thiệt hại của các doanh nghiệp khi bị cơ quan thuế loại trừ chi phí chính đáng, xử phạt do kê khai sai hoặc gặp rắc rối về pháp lý khi liên quan đến các đường dây mua bán hóa đơn, bị giả mạo chữ ký trong các giao dịch của doanh nghiệp đã tạo ra những thiệt hại lớn cho nhiều doanh nghiệp<sup>19</sup>. Đại án Vạn Thịnh Phát<sup>20</sup> vừa xảy ra với hàng loạt hành vi làm giả hồ sơ doanh nghiệp, lập hồ sơ vay vốn không, thuê người đứng tên cổ phần là một trong những điển hình về tình trạng giả mạo chữ ký, giả mạo thông tin thành lập doanh nghiệp đã và đang để lại hậu quả rất lớn cho xã hội, làm mất niềm tin của nhân dân, của nhà đầu tư trong hoạt động đầu tư sản xuất, kinh doanh. Có thể thấy ở các trường hợp trên, những đối tượng xấu đã lợi dụng kẽ hở của trình tự thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, lợi dụng sự thông thoáng trong việc đăng ký online để đăng ký không việc thành lập doanh nghiệp từ đó thực hiện các hành vi phạm tội, xâm phạm trực tiếp quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp cũng như tạo gánh nặng cho cơ quan quản lý và gây mất trật tự trị an trong đời sống xã hội.

Luật Doanh nghiệp hiện hành quy định về nhiều loại hình doanh nghiệp cho các nhà đầu tư được toàn quyền lựa chọn phù hợp với nhu cầu, mục đích đầu tư kinh doanh của mình. Các loại hình doanh nghiệp phổ biến hiện nay được các nhà đầu tư lựa chọn khi thành lập là Công ty hợp danh, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và Công ty cổ phần. Sở dĩ các loại hình doanh nghiệp này được đông đảo các nhà đầu tư lựa chọn bởi những ưu điểm như phù hợp với thực tiễn và tương thích với nhiều lĩnh vực đầu tư kinh doanh do đó phù hợp nhu cầu, khả năng của các nhà đầu tư; đơn giản và nhanh gọn trong quá trình đăng ký thành lập cũng như thay đổi loại hình doanh nghiệp khi có nhu cầu. Mỗi loại hình doanh nghiệp sẽ có những quy định riêng về thành phần hồ sơ, tài liệu mà các nhà đầu tư phải cung cấp cho cơ quan đăng ký kinh doanh khi kê khai thành lập doanh nghiệp. Một điểm chung quy định về thành phần hồ sơ, tài liệu mà các cá nhân, tổ chức phải

---

<sup>17</sup> “Bộ Kế hoạch và Đầu tư (KH&ĐT) vừa phát thông tin, trong 2 tháng đầu năm cả nước có hơn 5.564 doanh nghiệp không hoạt động tại địa chỉ đăng ký, mất tích bí ẩn” – trích bài đăng “Bất thường: Hơn 5.500 công ty lập ra rồi... "mất tích" (!)” đăng tải tại website: <https://petrotimes.vn/bat-thuong-hon-5500-cong-ty-lap-ra-roi-mat-tich-601821.html> ; truy cập ngày 02/09/2024;

<sup>18</sup> “Nhận diện doanh nghiệp “ma” mua bán lòng vòng hóa đơn giá trị gia tăng” (Hà An – Báo Công an nhân dân online); <https://cand.com.vn/doanh-nghiep/nhan-dien-doanh-nghiep-ma-mua-ban-long-vong-hoa-don-gia-tri-gia-tang-i731585/> ; truy cập ngày 25/07/2024;

<sup>19</sup> “Có dấu hiệu giả mạo chữ ký, chiếm đoạt tài sản”; <https://thanhtvietnam.vn/ban-doc/co-dau-hieu-gia-mao-chu-ky-chiem-doat-tai-san-198770.html> ; truy cập ngày 25/07/2024;

<sup>20</sup> “Đại biểu Quốc hội nói về tình trạng giả mạo chữ ký, lập công ty ma”; <https://laodong.vn/thoi-su/dai-bieu-quoc-hoi-noi-ve-tinh-trang-gia-mao-chu-ky-lap-cong-ty-ma-1357426.ldo> ; truy cập ngày 25/07/2024;

cung cấp cho cơ quan đăng ký kinh doanh đó là đều phải có giấy tờ tùy thân, giấy tờ pháp nhân (nếu là doanh nghiệp) của các nhà đầu tư tham gia góp vốn thành lập doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Giấy tờ tùy thân, giấy tờ pháp nhân là các loại tài liệu chứng minh về thông tin nhân thân, thông tin pháp nhân của các nhà đầu tư. Điều lệ công ty là văn bản thỏa thuận giữa các nhà đầu tư với nhau nhằm xác lập quyền cũng như xác lập các cam kết, các nghĩa vụ ràng buộc nhà đầu tư trong quy định chung, thống nhất về việc tạo lập, vốn góp, loại hình, bộ máy tổ chức, quản lý, hoạt động...vv. Nói cách khác, về bản chất pháp lý, Điều lệ chính là một bản hợp đồng làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ của các nhà đầu tư trong việc đầu tư kinh doanh và thành lập doanh nghiệp theo đúng tinh thần quy định của Bộ luật Dân sự 2015<sup>21</sup>. Điều lệ cũng chính là cơ sở để giải quyết tranh chấp giữa các nhà đầu tư trong quá trình quản lý, vận hành doanh nghiệp (nếu có). Trong hồ sơ của doanh nghiệp có thể nói Điều lệ là tài liệu đóng vai trò đặc biệt quan trọng do vậy pháp luật doanh nghiệp qua nhiều thời kỳ tại Việt Nam và Luật Doanh nghiệp năm 2020 hiện hành đều chứa đựng quy định bắt buộc phải xây dựng Điều lệ đối với một số loại hình doanh nghiệp. Tuy nhiên, một thực tiễn hiện nay tác giả nhận thấy, rất nhiều nhà đầu tư chưa thực sự quan tâm đến vai trò của Điều lệ trong doanh nghiệp và hầu như không được ai hướng dẫn, giải thích các quy định liên quan đến Điều lệ trước khi ký kết và nộp hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp. Nhiều nhà đầu tư có tư duy rất đơn giản về Điều lệ như một loại tài liệu “làm cho có” theo quy định và có xu hướng lựa chọn thực hiện thông qua các đơn vị cung cấp dịch vụ. Khi hoàn tất thủ tục đăng ký kinh doanh thường nhà đầu tư sẽ nhận được kết quả là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cùng bản Điều lệ được đơn vị dịch vụ soạn thảo theo mẫu đại trà và thường không quan tâm đến nội dung của Điều lệ. Cá biệt như tác giả tìm hiểu và được biết trên thực tế có những nhà đầu tư còn không biết Điều lệ công ty là gì và không lưu giữ, quản lý tại doanh nghiệp theo quy định. Chỉ đến khi xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp trong quá trình quản lý, vận hành doanh nghiệp và Tòa án căn cứ theo Điều lệ để xác định rõ quyền, nghĩa vụ của mỗi nhà đầu tư để giải quyết tranh chấp thì họ mới “giật mình” nhận ra giá trị pháp lý của bản Điều lệ và hiểu rằng “giá như” mình quan tâm ngay từ đầu đến việc xây dựng, hoàn thiện bản Điều lệ để thỏa thuận rõ ràng, cụ thể về vị trí, vai trò, quyền, nghĩa vụ của mỗi nhà đầu tư trong doanh nghiệp thì quá trình quản lý, vận hành doanh nghiệp sẽ thuận lợi hơn; tranh chấp có lẽ đã được phòng ngừa từ xa và nếu có xảy ra thì cũng được nội bộ các nhà đầu tư giải quyết ngay từ trong doanh nghiệp để đạt được đồng thuận, thống nhất từ đó không phát sinh các tranh chấp phải giải quyết tại cơ quan tiến hành tố tụng cũng như tốn kém chi phí giải quyết tranh chấp.

---

<sup>21</sup> Điều 116 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “*Giao dịch dân sự là hợp đồng hoặc hành vi pháp lý đơn phương làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự*”;

Đối với vấn đề giấy tờ tùy thân, giấy tờ pháp nhân của các nhà đầu tư thì hiện nay với sự đồng bộ quản lý về Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và căn cước<sup>22</sup> cùng hệ thống quản lý thông tin đăng ký doanh nghiệp tên Công thông tin, cơ quan quản lý đã và đang từng bước kiểm soát vấn đề này tốt hơn. Đối với những nhà đầu tư là pháp nhân thì việc kiểm soát thông tin và xác minh tương đối thuận tiện đối với cơ quan quản lý nhờ có Công thông tin và hệ thống Cơ sở dữ liệu nêu trên. Tuy nhiên, đối với các nhà đầu tư là cá nhân thì vẫn tồn tại các câu hỏi lớn cần đặt ra bài toán giải quyết cho cơ quan quản lý đó là: (i) những nhà đầu tư có thông tin, giấy tờ tùy thân trong hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp có thực sự là có nhu cầu đầu tư kinh doanh và thành lập doanh nghiệp hay không?; (ii) chữ ký trong hồ sơ, trong Điều lệ công ty có đúng là của các nhà đầu tư hay không?; (iii) năng lực hành vi dân sự của họ tại thời điểm ký kết và nộp hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp thế nào?; (iv) họ có thực sự tự nguyện thỏa thuận cũng như ký kết hồ sơ, tài liệu, Điều lệ trong quá trình tiến hành thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp và đã thực sự hiểu rõ quyền, nghĩa vụ cũng như hậu quả pháp lý của việc quyết định tham gia thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật chưa? Những câu hỏi lớn nêu trên nếu được giải quyết thì phần nào đã giúp phòng ngừa và loại trừ ngay từ bước đầu nhà đầu tư không thực sự có nhu cầu thành lập doanh nghiệp; loại trừ những nhà đầu tư chưa đủ năng lực, kiến thức cũng như chuẩn bị đầy đủ, sẵn sàng về tài chính, tâm huyết cho việc xây dựng phát triển doanh nghiệp từ đó nâng cao chất lượng của hệ thống doanh nghiệp tại Việt Nam. Giải quyết được những vấn đề trên cũng chính là góp phần phòng ngừa, loại bỏ từ sớm những đối tượng lừa đảo sử dụng thông tin giả mạo hoặc giả mạo chữ ký để thành lập các doanh nghiệp “ma” nhằm mục đích trục lợi hoặc thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

Từ những phân tích thực trạng nêu trên có thể thấy, vấn đề xác thực thông tin của doanh nghiệp đã và đang ngày càng trở thành nhu cầu cấp thiết của xã hội Việt Nam trong bối cảnh hội nhập sâu, rộng với kinh tế thế giới. Thực trạng này đã và đang đặt ra thách thức không hề nhỏ cho các cơ quan quản lý trong thời gian tới khi vừa phải đảm bảo hành lang thông thoáng tạo đà cho sự phát triển của hệ thống doanh nghiệp, cắt giảm thủ tục hành chính nhưng đồng thời vẫn phải kiểm soát được tính minh bạch thông tin doanh nghiệp tiến tới giảm thiểu tình trạng doanh nghiệp “ma” đang tồn tại trên thị trường Việt Nam như tác giả nêu trên. Thách thức này thật khó có thể giải quyết bằng một vài giải pháp đơn lẻ mà đòi hỏi có sự nỗ lực chung tay và các giải pháp toàn diện, đồng bộ, có hệ thống đến từ các cơ quan quản lý và các tổ chức liên quan.

---

<sup>22</sup> “Sau một năm triển khai thần tốc với quyết tâm chính trị cao của cơ quan chủ trì là Bộ Công an, đến đầu năm 2022, CSDL quốc gia về dân cư đã được làm sạch, chuẩn hóa và sẵn sàng cho việc kết nối, chia sẻ của hơn 90 triệu người dân (92% dân số cả nước); dự án sản xuất, cấp CCCD đã cấp cho hơn 50 triệu thẻ”- trích bài đăng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và căn cước công dân đăng tải tại website: <https://dx.gov.vn/co-so-du-lieu-quoc-gia-ve-dan-cu-va-can-cuoc-cong-dan-1696128069564.htm>; truy cập ngày 04/09/2024;

### **3. Đề xuất giải pháp từ hoạt động công chứng của các Công chứng viên**

#### ***3.1 Xây dựng đồng bộ hệ thống giải pháp lấy trọng tâm là công tác phòng ngừa.***

Để có thể giải quyết được những thách thức về việc xác thực thông tin doanh nghiệp như nêu trên, theo quan điểm của tác giả, sẽ cần những giải pháp đồng bộ đến từ nhiều cơ quan, tổ chức liên quan chứ không thể áp dụng một vài giải pháp đơn lẻ. Chỉ khi hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, có các biện pháp chủ động phòng ngừa từ sớm đối với các nguy cơ và thực hiện tốt, đồng bộ hệ thống giải pháp, công tác kiểm soát tiền kiểm - hậu kiểm trong quản lý hệ thống doanh nghiệp thì vấn nạn doanh nghiệp “ma” mới có thể từng bước giảm thiểu và chấm dứt. Hệ thống giải pháp cần được xây dựng và triển khai đồng bộ trên các phương diện như: (i) tuyên truyền, phổ biến và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân; (ii) kiểm soát tính xác thực của các thông tin, hồ sơ, tài liệu và ý chí tự nguyện, trung thực và năng lực hành vi dân sự của các nhà đầu tư trong việc thỏa thuận thành lập doanh nghiệp cũng như thực hiện thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp; (iii) kiểm soát hoạt động kê khai, báo cáo tài chính, thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước của doanh nghiệp; (iv) kiểm tra giám sát thực chất hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp tại địa điểm kinh doanh đã đăng ký; và (v) kiểm soát các vấn đề liên quan khác tùy vào đặc thù hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp..vv..bởi các cơ quan liên ngành. Áp dụng phương châm “phòng bệnh hơn chữa bệnh”, việc kiểm soát tính xác thực của các hồ sơ, tài liệu, năng lực hành vi dân sự và ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa các nhà đầu tư ngay từ khâu đăng ký thành lập doanh nghiệp có thể nói là bước khởi đầu quan trọng và hướng đến phòng ngừa từ sớm nguy cơ hình thành các doanh nghiệp “ma” từ đó góp phần giảm thiểu và loại bỏ các doanh nghiệp “ma” khỏi thị trường; góp phần làm trong sạch, lành mạnh môi trường đầu tư và hệ thống doanh nghiệp tại Việt Nam trong tương lai.

#### ***3.2 Đề xuất giải pháp từ hoạt động công chứng của các Công chứng viên***

Với quan điểm này áp dụng phương châm “phòng bệnh hơn chữa bệnh”, tác giả đánh giá rằng hoạt động công chứng của các Công chứng viên chính là một trong những chìa khóa giải pháp tối ưu hàng đầu để giải bài toán phòng ngừa từ xa và tiến tới giảm thiểu, chấm dứt vấn nạn doanh nghiệp “ma” tại Việt Nam trong tương lai.

Trước hết, cần nhắc lại, chức năng xã hội của Công chứng viên là: “*..cung cấp dịch vụ công do Nhà nước ủy nhiệm thực hiện nhằm bảo đảm an toàn pháp lý cho các bên tham gia hợp đồng, giao dịch; phòng ngừa tranh chấp; góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức; ổn định và phát triển kinh tế - xã hội.*”<sup>23</sup>. Một người muốn trở thành Công chứng viên trước hết phải tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Luật và trải qua thời gian công tác

<sup>23</sup> Điều 3 Luật Công chứng năm 2014;

pháp luật, thời gian học tập đào tạo dài cũng như các kỳ thi sát hạch rất nghiêm ngặt do Bộ Tư pháp tổ chức mới có thể được bổ nhiệm đảm nhiệm trọng trách nêu trên. Với vai trò như một người “Thẩm phán phòng ngừa”, thông qua hoạt động chuyên môn hàng ngày, các Công chứng viên đã và đang từng ngày đảm nhiệm thực hiện tốt vai trò, chức năng xã hội của mình như quy định mà Luật Công chứng năm 2014 đã đề ra nêu trên. Ngay từ quy định này đã cho thấy sự phù hợp về vai trò của Công chứng viên trong việc giải quyết bài toán phòng ngừa từ xa các nguy cơ thành lập doanh nghiệp “ma” và các câu hỏi lớn mà tác giả đã đặt ra nêu trên. Luật Công chứng năm 2014 đã quy định rất cụ thể tại Khoản 1 Điều 2 rằng : “*Công chứng là việc công chứng viên của một tổ chức hành nghề công chứng chứng nhận **tính xác thực, hợp pháp** của hợp đồng, giao dịch dân sự khác bằng văn bản (sau đây gọi là hợp đồng, giao dịch)..*”<sup>24</sup>. Khi thực hiện việc công chứng các hợp đồng, giao dịch, Công chứng viên có nghĩa vụ: “*Giải thích cho người yêu cầu công chứng hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của họ, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc công chứng; trường hợp từ chối yêu cầu công chứng thì phải giải thích rõ lý do cho người yêu cầu công chứng;*”<sup>25</sup>. Trình tự, thủ tục thực hiện việc công chứng hợp đồng, giao dịch đã được quy định rất đầy đủ, cụ thể trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về công chứng. Tài liệu quan trọng nhất trong hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp là Điều lệ công ty. Luật Doanh nghiệp năm 2020 hiện nay không quy định các nhà đầu tư bắt buộc phải công chứng Điều lệ khi nộp hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp nhưng cũng không chứa đựng quy định cấm công chứng. Do vậy, các nhà đầu tư hoàn toàn có quyền yêu cầu công chứng Điều lệ công ty nếu họ có nhu cầu thì theo quy định của Luật Công chứng năm 2014 hiện hành<sup>26</sup>

Khi Công chứng viên tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công chứng Điều lệ công ty thì thông qua công tác kiểm soát về thành phần hồ sơ, tài liệu; rà soát nội dung dự thảo Điều lệ công ty mà các nhà đầu tư cung cấp và bằng các kỹ năng về chuyên môn nghiệp vụ các Công chứng viên sẽ góp phần giải quyết các vấn đề: (i) xác định rõ ý chí của các nhà đầu tư tham gia thành lập doanh nghiệp xem có thực sự là mong muốn tự nguyện của bản thân họ hay không?; (ii) xác định năng lực hành vi dân sự cũng như xác thực chữ ký của các nhà đầu tư trong hồ sơ, tài liệu đặc biệt là Điều lệ công ty đúng là của họ từ đó loại bỏ tình huống mạo danh nhà đầu tư (đã chết) hoặc nhà đầu tư bị hạn chế/mất năng lực hành vi dân sự hoặc nhà đầu tư bị đối tượng xấu thực hiện hành vi giả mạo chữ ký, giả mạo thông tin để đăng ký thành lập các doanh nghiệp “ma”; (iii) thời điểm các nhà đầu tư thỏa thuận lập, ký kết hồ sơ, tài liệu đặc biệt là Điều lệ công ty hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối, hiểu và nhận thức rõ quyền/ngĩa vụ cũng như hậu quả pháp lý của việc tham gia đầu tư kinh doanh từ đó nâng cao tinh

<sup>24</sup> Khoản 1 Điều 2 Luật Công chứng năm 2014;

<sup>25</sup> Điểm d Điều 17 Luật Công chứng năm 2014;

<sup>26</sup> Khoản 1 Điều 2 Luật Công chứng năm 2014;

trách nhiệm của nhà đầu tư khi quyết định thành lập và phát triển doanh nghiệp. Trường hợp phát hiện thỏa thuận của các nhà đầu tư trong Điều lệ công ty có điểm không phù hợp với quy định của pháp luật và xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư thì Công chứng viên có thể chỉ rõ, yêu cầu các bên điều chỉnh phù hợp với quy định từ đó góp phần tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của các nhà đầu tư. Điểm qua sơ bộ các yếu tố trên là dẫn chứng cho nhận định hoạt động công chứng của các Công chứng viên là một trong những giải pháp phù hợp góp phần phòng ngừa từ xa, giảm thiểu và hướng đến mục tiêu loại bỏ doanh nghiệp “ma” trên thị trường; góp phần tuyên truyền phổ biến kiến thức pháp luật cho các nhà đầu tư từ đó nâng cao vai trò, trách nhiệm của nhà đầu tư trong việc thành lập doanh nghiệp đồng thời góp phần giảm thiểu nguy cơ xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp pháp lý giữa các nhà đầu tư trong quá trình quản lý, vận hành doanh nghiệp mà họ đã đầu tư kinh doanh.

### **Tam kết :**

Doanh nghiệp “ma” là vấn nạn nhức nhối xuất hiện từ lâu không chỉ riêng tại Việt Nam mà rất nhiều quốc gia trên thế giới đang phải đối mặt. Tìm kiếm, xây dựng và triển khai các giải pháp giải quyết vấn nạn này là bài toán không hề đơn giản, dễ dàng cho các cơ quan quản lý nhất là trong bối cảnh phải đáp ứng nhu cầu của thực tiễn xã hội trong việc cân bằng giữa đơn giản hóa thủ tục hành chính, chuyển đổi số dữ liệu, thúc đẩy sự phát triển của hệ thống doanh nghiệp tiến tới đẩy mạnh phát triển kinh tế đất nước với việc kiểm soát các mặt trái tiêu cực, phòng chống các hành vi vi phạm pháp luật và phòng ngừa, giảm thiểu nguy cơ xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp trong đời sống xã hội. Để có thể giải quyết được những yêu cầu, thách thức này đòi hỏi cần những giải pháp đồng bộ và sự nỗ lực chung sức đến từ nhiều cơ quan, tổ chức liên quan chứ không riêng bất cứ đơn vị nào. Hoạt động công chứng của Công chứng viên tại Việt Nam thời gian qua đã và đang từng bước chứng minh tính hiệu quả trong việc chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của các hợp đồng, giao dịch được công chứng; góp phần tuyên truyền phổ biến kiến thức pháp luật và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân; phòng ngừa nguy cơ rủi ro xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp từ đó góp phần giữ vững ổn định, trật tự trị an trong đời sống xã hội, tạo đà cho sự phát triển của đất nước. Thiết nghĩ, nghiên cứu tính khả thi và triển khai áp dụng quy định bắt buộc công chứng Điều lệ khi các nhà đầu tư đăng ký thành lập doanh nghiệp sẽ là một trong những giải pháp hữu ích góp phần phòng ngừa từ sớm và hướng đến giảm thiểu, chấm dứt vấn nạn doanh nghiệp “ma” nhức nhối tại Việt Nam trong tương lai.



# **ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP VÀ QUẢN LÝ THÔNG TIN DOANH NGHIỆP: THỰC TIỄN VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN**

**LS. Nguyễn Văn Phúc**

*Luật sư điều hành, Công ty Luật TNHH HM&P*

Đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Dự thảo Nghị định (Dự thảo 1 ngày 17/06/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư<sup>1</sup>) thay thế Nghị định 01/2021/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp (“*Dự thảo*”) đã cho thấy sự khác biệt trong phạm vi và nội dung của các thủ tục. Sự khác biệt chính giữa hai quy định này là Nghị định 01/2021/NĐ-CP quy định rộng hơn các nghĩa vụ và hoạt động liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, trong khi Dự thảo chi tiết hóa quy trình cập nhật và duy trì thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia, sẽ được đề cập cụ thể ở nội dung sau. Nói ngắn gọn, đây là các thủ tục mà doanh nghiệp phải thực hiện với Nhà nước để xác lập, điều chỉnh và thay đổi thông tin doanh nghiệp của mình. Ngoài ra, khi doanh nghiệp chấm dứt tồn tại, theo quy định tại Nghị định 01/2021/NĐ-CP<sup>2</sup>, bao gồm cả giải thể và phá sản, doanh nghiệp cũng đều được yêu cầu phải thực hiện đăng ký và quản lý thông tin một cách chính thức.

Bên cạnh đó, theo Nghị định 01/2021/NĐ-CP, có thể hiểu việc quản lý thông tin doanh nghiệp liên quan đến việc duy trì và cập nhật các dữ liệu quan trọng về tình trạng pháp lý và hoạt động của doanh nghiệp trong cơ sở dữ liệu quốc gia nhằm đảm bảo tất cả các thông tin liên quan đến doanh nghiệp được ghi nhận và duy trì một cách chính xác, minh bạch và đồng bộ với các quy định pháp luật hiện hành. Khi doanh nghiệp giải thể hoặc phá sản, việc cập nhật thông tin kịp thời và chính xác cũng như thông báo và đăng tải thông tin công khai là cần thiết để phản ánh đúng tình trạng của doanh nghiệp trong hệ thống quản lý quốc gia, bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan và duy trì sự minh bạch trong quản lý doanh nghiệp.

Nhà nước, với vai trò quản lý, không chỉ kiểm soát chặt chẽ mà còn đưa ra các chế tài để đảm bảo tuân thủ quy định, góp phần tạo nên môi trường kinh doanh bền vững và minh bạch. Tuy nhiên, hoạt động này vẫn tồn tại một số bất cập, gây khó khăn cho doanh nghiệp, đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc điều chỉnh và cải thiện từ các cơ quan có thẩm quyền để nâng cao hiệu quả quản lý. Trong phạm vi bài tham luận này, tác giả sẽ đề cập một số vấn đề thực tiễn trong hoạt động đăng ký doanh nghiệp và quản lý thông tin đăng ký doanh nghiệp, từ đó, tác giả sẽ đề xuất các giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện và nâng cao chất lượng của hoạt

---

<sup>1</sup> [<https://www.mpi.gov.vn/portal/Pages/gop-y-van-ban.aspx?uid=712>], truy cập ngày 24/08/2024.

<sup>2</sup> Điều 70, 71 và 78 Nghị định 01/2021/NĐ-CP.



động này tại Việt Nam.

## **1. Bản chất và mục đích của việc đăng ký và quản lý thông tin doanh nghiệp**

Khoản 1 Điều 3 Nghị định 01/2021/NĐ-CP tập trung vào việc đăng ký thông tin của doanh nghiệp dự kiến thành lập và các thay đổi thông tin sau khi doanh nghiệp đã được thành lập, nhấn mạnh việc đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và lưu giữ thông tin tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trong khi đó, quy định tại khoản 1 Điều 3 của Dự thảo được xây dựng theo hướng liệt kê các hoạt động đăng ký như đăng ký nội dung kinh doanh và thuế, thay đổi thông tin doanh nghiệp cũng như việc đăng ký và thay đổi nội dung hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh. Đồng thời, quy định này cũng đề cập đến các nghĩa vụ và thông báo khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp lý liên quan. Dù có sự điều chỉnh về mặt từ ngữ giữa Nghị định 01/2021/NĐ-CP và Dự thảo về khái niệm đăng ký doanh nghiệp song xét về bản chất, việc đăng ký và quản lý thông tin doanh nghiệp không chỉ đơn thuần là một yêu cầu thủ tục hành chính mà là một phần không thể tách rời của hệ thống quản lý Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh của một quốc gia. Bản chất của quá trình này xuất phát từ nhu cầu cần thiết của Nhà nước trong việc theo dõi, giám sát và đảm bảo rằng mọi doanh nghiệp hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam, dù là có vốn trong nước hay nước ngoài, đều tuân thủ đúng các quy định pháp luật. Điều này cũng giúp Nhà nước có thể thực hiện các chính sách kinh tế, xã hội một cách hiệu quả và công bằng.

Quá trình đăng ký thông tin doanh nghiệp cho phép Nhà nước thu thập và cập nhật liên tục các thông tin quan trọng về doanh nghiệp như tên, ngành nghề, địa chỉ, người đại diện pháp luật, vốn điều lệ và các thay đổi liên quan. Đây không chỉ là cơ sở pháp lý để xác định sự tồn tại của doanh nghiệp mà còn là công cụ quan trọng giúp Nhà nước nắm bắt được toàn bộ “bức tranh” về hoạt động kinh doanh của mọi thành phần kinh tế. Thông qua việc quản lý thông tin này, Nhà nước có thể nhanh chóng phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật, gian lận và đảm bảo sự minh bạch trong hoạt động kinh doanh.

Ngoài ra, việc ban hành quy định về quản lý thông tin doanh nghiệp không chỉ nhằm mục đích kiểm soát và giám sát hoạt động của doanh nghiệp mà còn nhằm tạo ra một hệ thống lưu trữ chung, thống nhất và toàn diện trên phạm vi toàn quốc. Hệ thống này cho phép các cơ quan quản lý, từ trung ương đến địa phương, có thể truy cập và sử dụng dữ liệu doanh nghiệp một cách chính xác và kịp thời, phục vụ cho các mục tiêu quản lý, thống kê và hoạch định chính sách. Yếu tố này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong bối cảnh kinh tế toàn cầu hóa, khi mà sự giao thoa giữa các doanh nghiệp trong nước và quốc tế ngày càng gia tăng, yêu cầu Nhà nước có một hệ thống quản lý chặt chẽ và hiệu quả để đảm bảo sự cạnh tranh lành mạnh và bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan.

Hơn nữa, việc quản lý thông tin doanh nghiệp còn đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ quá trình ra quyết định của các nhà đầu tư, các tổ chức tài chính và các bên liên quan khác. Thông qua hệ thống thông tin doanh nghiệp được quản lý chặt chẽ, minh bạch, các nhà đầu tư có thể dễ dàng đánh giá được mức độ uy tín, khả năng tài chính và triển vọng phát triển của doanh nghiệp mà họ quan tâm. Điều này không chỉ góp phần thúc đẩy hoạt động đầu tư mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và nền kinh tế quốc gia.

Tóm lại, việc đăng ký và quản lý thông tin doanh nghiệp là một công cụ thiết yếu giúp Nhà nước thực hiện chức năng quản lý của mình đối với hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam. Ban hành các quy định liên quan đến đăng ký và quản lý thông tin doanh nghiệp không chỉ giúp Nhà nước kiểm soát, giám sát và điều tiết hoạt động kinh doanh mà còn tạo ra một hệ thống thông tin doanh nghiệp minh bạch, hiệu quả, phục vụ cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội dài hạn.

## **2. Một số vấn đề phát sinh trong quá trình đăng ký và quản lý thông tin doanh nghiệp**

### **2.1. Những thành tựu đạt được trong hoạt động xác thực và quản lý thông tin doanh nghiệp**

Trong quá trình đăng ký và quản lý thông tin doanh nghiệp, Nhà nước và các cơ quan quản lý đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh và phát triển của doanh nghiệp. Một trong những thành tựu nổi bật là sự đồng nhất mã số doanh nghiệp đồng thời là mã số thuế của doanh nghiệp, tương tự đối với chi nhánh, văn phòng đại diện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 5 Điều 8 Nghị định 01/2021/NĐ-CP. Điều này giúp doanh nghiệp giảm thiểu thời gian và công sức trong việc thực hiện các thủ tục về thuế và đăng ký kinh doanh, khi mà chỉ cần thực hiện tại một cơ quan duy nhất, toàn bộ dữ liệu sẽ được tự động đồng bộ giữa hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp và hệ thống thông tin thuế.

Việc đồng bộ hóa này không chỉ đơn giản hóa quy trình đăng ký mà còn nâng cao tính minh bạch và hiệu quả trong quản lý. Các thông tin liên quan đến thuế và đăng ký doanh nghiệp giờ đây không chỉ được quản lý bởi các cơ quan hành chính địa phương mà còn nằm trong cơ sở dữ liệu chung trên toàn quốc. Điều này cho phép các cơ quan chức năng dễ dàng kiểm tra, giám sát và đảm bảo rằng doanh nghiệp tuân thủ đúng các quy định pháp luật từ khâu đăng ký ban đầu đến quá trình hoạt động. Ngoài ra, việc quản lý tập trung này cũng giúp phát hiện sớm những hành vi gian lận, tránh tình trạng doanh nghiệp lợi dụng sự phân tán của thông tin để trốn thuế hay vi phạm pháp luật.

Trước khi Luật Doanh nghiệp 2020 được ban hành và có hiệu lực áp dụng, hệ thống liên

thông giữa đăng ký doanh nghiệp và đăng ký thuế đã được áp dụng cho hộ kinh doanh. Việc triển khai cơ chế này trên thực tế đã mang lại nhiều lợi ích rõ rệt, giúp đơn giản hóa thủ tục hành chính, tiết kiệm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp. Một minh chứng cụ thể là ngay từ lần đầu tiên đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ phải đăng ký để được cấp tài khoản trên website của cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đồng thời kê khai thông tin thuế ban đầu của doanh nghiệp trên hệ thống đăng ký doanh nghiệp này. Lúc này, thông tin thuế ban đầu đã được ghi nhận trên hồ sơ của cơ quan thuế, doanh nghiệp chỉ cần tiến hành khai thuế môn bài như thường lệ đối với doanh nghiệp mới thành lập.

Có thể kể đến, sự ra đời của Nghị định 122/2020/NĐ-CP về phối hợp, liên thông giữa cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan bảo hiểm xã hội, cơ quan thuế đã trở thành văn bản chính thức của cơ quan có thẩm quyền hỗ trợ tích cực trong việc thực hiện các thủ tục hành chính tại địa phương. Dữ liệu của doanh nghiệp được đăng ký sẽ được tiếp nhận bởi cơ quan đăng ký kinh doanh làm đầu mối, thông qua phương thức kết nối, chia sẻ dữ liệu số giữa các hệ thống công nghệ thông tin. Điểm nổi bật của Nghị định này là cơ chế phối hợp, liên thông giữa các cơ quan quản lý Nhà nước trong giải quyết thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, khai trình việc sử dụng lao động, cấp mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội, đăng ký sử dụng hóa đơn với một số nội dung như sau:

**Thứ nhất**, về mối tương quan giữa cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan bảo hiểm xã hội, hai bên có trách nhiệm phối hợp chia sẻ thông tin liên quan đến doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện và số lượng lao động dự kiến, ngành nghề kinh doanh, cũng như phương thức đóng bảo hiểm xã hội. Việc liên thông không chỉ giúp cơ quan bảo hiểm xã hội quản lý hiệu quả mà còn đảm bảo sự thống nhất trong dữ liệu giữa các cơ quan. Đồng thời, cơ quan bảo hiểm xã hội cũng cung cấp lại thông tin về số lượng lao động tham gia bảo hiểm cho cơ quan đăng ký kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý sau khi doanh nghiệp đăng ký thành lập. Khi đó, mã số doanh nghiệp, chi nhánh hay văn phòng đại diện sẽ đồng thời là mã số tham gia bảo hiểm xã hội, đơn giản hóa quy trình quản lý.

**Thứ hai**, về mối tương quan giữa cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan quản lý Nhà nước về lao động, việc chia sẻ thông tin đóng vai trò quan trọng trong công tác quản lý lao động tại địa phương. Cơ quan đăng ký kinh doanh cung cấp các thông tin chi tiết về tên, mã số, địa chỉ, người đại diện pháp luật, và ngành nghề kinh doanh chính, cũng như số lượng lao động dự kiến của doanh nghiệp mới thành lập cho cơ quan quản lý lao động. Điều này giúp cơ quan quản lý lao động nắm bắt chính xác tình hình lao động, từ đó thực hiện chức năng quản lý Nhà nước một cách hiệu quả và kịp thời.

**Thứ ba**, về mối quan hệ giữa cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế, sự hợp tác này cũng không kém phần quan trọng. Khi doanh nghiệp hoàn tất thủ tục đăng ký thành lập, cơ quan đăng ký kinh doanh sẽ chuyển thông tin liên quan đến cơ quan thuế, bao gồm cả việc

đăng ký sử dụng hóa đơn. Đổi lại, cơ quan thuế sẽ chia sẻ thông tin về mã số doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, cùng với phân cấp cơ quan quản lý thuế theo dữ liệu từ Hệ thống thông tin đăng ký thuế.

Trên nền tảng sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, thông tin của doanh nghiệp, chi nhánh và văn phòng đại diện sau khi thành lập được truyền tải nhanh chóng và chính xác. Khi có bất kỳ sự thay đổi nào liên quan đến thông tin doanh nghiệp, chỉ cần doanh nghiệp thực hiện điều chỉnh tại cơ quan đăng ký kinh doanh, hệ thống thông tin đăng ký thuế và bảo hiểm xã hội sẽ tự động cập nhật theo, đảm bảo tính nhất quán và giảm thiểu thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, cơ chế liên thông giữa đăng ký doanh nghiệp và đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài cũng được đặt ra kể từ Thông tư 02/2017/TT-BKHĐT hướng dẫn Luật Đầu tư 2014. Văn bản này cho phép áp dụng cơ chế liên thông đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại Điều 24 Nghị định 118/2015/NĐ-CP. Theo đó, nhà đầu tư nước ngoài có quyền lựa chọn đăng ký đầu tư và đăng ký doanh nghiệp theo cơ chế liên thông theo quy định tại Thông tư 02/2017/TT-BKHĐT hoặc thực hiện từng thủ tục theo quy định tại Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Nhà đầu tư tự kê khai hồ sơ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin được kê khai trong hồ sơ đăng ký đầu tư, đăng ký doanh nghiệp. Cơ quan đăng ký đầu tư và cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm phối hợp, trao đổi thông tin và chỉ yêu cầu nhà đầu tư nộp một bản trong trường hợp hồ sơ đăng ký đầu tư và hồ sơ đăng ký doanh nghiệp có sự trùng lặp về thành phần hồ sơ khi thực hiện thủ tục. Thông qua thủ tục này, nhà đầu tư nước ngoài có thể tiến hành đồng thời thủ tục đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi qua cơ chế liên thông một cửa tại cơ quan có thẩm quyền. Đây được xem là một trong những điểm nổi bật của Luật Đầu tư 2014 so với Luật Đầu tư 2004, đơn giản hóa thủ tục hành chính, rút ngắn đáng kể thời gian và chi phí của doanh nghiệp. Việc áp dụng đăng ký liên thông này thực tế vẫn được duy trì kể từ khi Luật Đầu tư 2020 được ban hành và có hiệu lực nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, khi thực hiện các thủ tục liên quan đến đăng ký đầu tư và đăng ký doanh nghiệp.

Việc quản lý liên thông thông tin doanh nghiệp giữa cơ quan đăng ký doanh nghiệp, cơ quan thuế, cơ quan quản lý Nhà nước về lao động và cơ quan đăng ký đầu tư không chỉ là một bước tiến quan trọng trong công tác quản lý nhà nước mà còn góp phần mạnh mẽ vào công cuộc chuyển đổi số của các thủ tục hành chính. Nhờ vào sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ hóa dữ liệu giữa các cơ quan, quá trình số hóa thông tin doanh nghiệp được thực hiện một cách toàn diện và hiệu quả hơn. Cơ chế liên thông góp phần giảm thiểu gánh nặng hành chính cho doanh nghiệp và tăng cường sự minh bạch và nhất quán trong việc quản lý thông tin. Khi dữ liệu được quản lý một cách chính xác và kịp thời, doanh nghiệp không còn phải đối mặt với

những rào cản từ thủ tục hành chính phức tạp, từ đó tạo điều kiện phát triển năng lực nội tại của doanh nghiệp.

Hơn nữa, sự đồng bộ hóa này tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế quốc gia. Khi thông tin được lưu trữ và chia sẻ một cách khoa học, Nhà nước có thể dễ dàng theo dõi và hỗ trợ các doanh nghiệp, đảm bảo rằng các chính sách kinh tế được thực thi một cách hiệu quả. Doanh nghiệp cũng được hưởng lợi từ môi trường kinh doanh minh bạch, giảm thiểu rủi ro và tăng cường khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường.

Tóm lại, quản lý liên thông thông tin không chỉ là một giải pháp kỹ thuật mà còn là một động lực quan trọng để thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội trong thời đại số hóa, đưa quốc gia tiến bước vững chắc trên con đường hội nhập và phát triển.

## **2.2. Những bất cập, vướng mắc còn tồn tại trong hoạt động đăng ký kinh doanh và quản lý, xác thực thông tin doanh nghiệp.**

Bên cạnh những đổi mới và mặt tích cực đã đạt được cho đến thời điểm hiện tại, hoạt động đăng ký và quản lý thông tin doanh nghiệp vẫn còn những vướng mắc và hạn chế chưa được giải quyết. Những vấn đề này gây khó khăn cho việc thực hiện hoạt động đăng ký kinh doanh, ảnh hưởng đến thông tin của những cá nhân và doanh nghiệp có liên quan và cản trở các hoạt động quản lý của các cơ quan nhà nước. Dưới đây là có thể kể ra một số bất cập đã từng xảy ra trên thực tế mà một số cá nhân, doanh nghiệp đã gặp phải:

**Thứ nhất**, việc quản lý, bảo mật các thông tin doanh nghiệp trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp chưa được chặt chẽ, đảm bảo an toàn dẫn đến nhiều trường hợp bị bên thứ ba trục lợi, ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp. Việc đăng ký thành lập mới, đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi thông tin doanh nghiệp hay giải thể đều có thể được thực hiện trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thông qua tài khoản đăng ký kinh doanh cá nhân. Bất kỳ các cá nhân nào cũng có thể tạo tài khoản và sử dụng các tài khoản này để truy cập, tìm kiếm các dữ liệu của doanh nghiệp bao gồm cả những thông tin không được công bố công khai hay ghi nhận trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Dù gần đây việc truy cập này một phần bị giới hạn bằng yêu cầu nhập thêm số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện pháp luật công ty. Tuy vậy việc này không đảm bảo các thông tin doanh nghiệp không bị truy cập, sử dụng bởi bên thứ ba khi họ biết được hoặc có được thông tin trên nội dung giấy chứng nhận doanh nghiệp của công ty. Các thông tin này có thể được sử dụng vào các mục đích xấu như giả danh, lừa đảo hay thực hiện các công việc bất hợp pháp khác.

Trong các tình huống xấu hơn, một số cá nhân còn lợi dụng việc này để cản trở, phá hoại các hoạt động của doanh nghiệp. Cụ thể, những người này đã giả danh là người của doanh nghiệp để tự ý thực hiện thay đổi các thông tin doanh nghiệp hoặc làm các thủ tục tạm ngừng,

giải thể. Theo quy định của pháp luật hiện hành, việc thực hiện các thông báo thay đổi không bắt buộc phải có đóng dấu của công ty<sup>3</sup>. Điều này khiến việc giả danh của họ càng diễn ra thuận lợi hơn, khi chỉ cần giả chữ ký vào các văn bản, hồ sơ là có thể tiến hành các thủ tục liên quan. Trường hợp bị chuyên viên của cơ quan đăng ký kinh doanh phát hiện và yêu cầu sửa đổi bổ sung các hồ sơ giấy tờ, những người này thường bỏ mặc việc này khiến cho trường thông tin đăng ký của doanh nghiệp bị treo. Các doanh nghiệp bị rơi vào tình huống như vậy muốn thực hiện các thay đổi theo ý của mình phải tốn thời gian và công sức để thực hiện thêm bước rút và hủy bỏ hồ sơ đang bị treo trước đó. Đây rõ ràng là một bất cập lớn trong hoạt động đăng ký kinh doanh hiện nay.

**Thứ hai**, vấn đề về con dấu của doanh nghiệp cũng như chữ ký của người quản lý, người đại diện pháp luật vẫn chưa được quản lý hiệu quả. Có thể thấy một bước tiến bộ của Luật Doanh nghiệp 2020 so với Luật Doanh nghiệp 2014 trước đó ở việc loại bỏ nghĩa vụ đăng ký mẫu dấu của công ty với cơ quan đăng ký kinh doanh cũng như quy định thêm việc chữ ký số có giá trị ngang với con dấu. Thế nhưng, việc áp dụng trên thực tế của những quy định này vẫn chưa đạt được những hiệu quả tích cực trong hoạt động xác thực thông tin đăng ký kinh doanh. Như đã đề cập ở trên, giờ đây, khi đăng ký doanh nghiệp, do không bắt buộc phải sử dụng con dấu đã đăng ký, các hồ sơ đăng ký doanh nghiệp thường dễ dàng bị sửa đổi, thay đổi nội dung phần chữ ký. Các chuyên viên trong phòng đăng ký kinh doanh cũng không có cơ sở để xác định về nội dung chữ ký, con dấu có hợp lệ hay không do không có nền tảng dữ liệu để xác thực. Nhiều trường hợp, chữ ký trong các hồ sơ của cùng một người nhưng không thống nhất hay người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp xử lý, cắt ghép các chữ ký trong hồ sơ thay cho người có thẩm quyền theo quy định pháp luật. Việc này có thể đem đến các hệ quả rất nguy hiểm cho doanh nghiệp, khi các nội dung của các văn bản bị thay thế, sửa đổi không được những người có thẩm quyền biết hoặc xác nhận.

Đối với dấu của doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp 2020 đã quy định về việc loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu do doanh nghiệp tự quyết định<sup>4</sup>. Việc quản lý và lưu giữ dấu cũng được thực hiện theo điều lệ hoặc quy chế nội bộ công ty. Thêm vào đó, chữ ký số cũng được xác định giá trị tương đương đương con dấu, nhưng trên thực tế, việc sử dụng chữ ký số điện tử vẫn chưa được công nhận và áp dụng phổ biến. Rất nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, vẫn còn rất mơ hồ về giá trị sử dụng của chữ ký số. Họ cho rằng, chữ ký số chưa được công nhận, hợp pháp và cũng không tiện dụng như các con dấu được làm tại cơ sở khắc dấu trước đây. Thế nhưng, các doanh nghiệp này chưa nhận ra được giá trị quan trọng trong việc bảo mật cũng như hạn chế việc làm giả so với các con dấu thủ

---

<sup>3</sup> Khoản 5 Điều 4 Nghị định 01/2021/NĐ-CP.

<sup>4</sup> Khoản 2 Điều 43 Luật Doanh nghiệp 2020.

công đang được áp dụng phổ biến hiện nay.

**Thứ ba**, giá trị về thời hạn của các hồ sơ, giấy tờ pháp lý được sao y, công chứng giữa quy định pháp lý và áp dụng thực tế vẫn còn những khoảng hở. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, khi nộp hồ sơ, trong một số thủ tục, người nộp hồ sơ cần phải nộp các bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân là chủ sở hữu, thành viên góp vốn hoặc cổ đông công ty hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức. Tại Khoản 1 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp 2020 có quy định: *“Bản sao là giấy tờ được sao từ sổ gốc hoặc được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc đã được đối chiếu với bản chính”*. Trên thực tế việc đối chiếu bản chính ở đây thường được thực hiện bởi các văn phòng công chứng hoặc các cơ quan nhà nước tại địa phương có thẩm quyền bằng cách thực hiện các thủ tục về sao y, chứng thực bản chính.

Các bản sao y được chứng thực này theo quy định của pháp luật về công chứng có giá trị tương đương và có giá trị sử dụng thay thế bản chính nên phù hợp để thực hiện nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền. Vấn đề đặt ra là hiện tại, các văn bản pháp luật không có quy định cụ thể về thời hạn đối với giá trị của các bản sao y chứng thực này. Do vậy, trên nguyên tắc cơ bản, các văn bản được sao y này sẽ có giá trị vô thời hạn. Nhưng trên thực tế, việc xem xét về giá trị của các hồ sơ này lại không phải như vậy. Do thói quen, cách làm việc rập khuôn từ trước đến nay, tại một số cơ quan nhà nước, các bản sao y này phải được thực hiện chứng thực không quá 6 tháng kể từ ngày được chứng thực.

Việc ấn định thời hạn 6 tháng này hoàn toàn không đúng theo quy định của pháp luật. Có thể hiểu quan điểm của việc áp dụng này cho rằng các hồ sơ cần được đảm bảo tính cập nhật phù hợp với từng thời điểm. Mặc dù vậy, cột mốc 6 tháng cũng chưa đảm bảo chặt chẽ cho việc kiểm tra tính chính xác của tài liệu, vì trên thực tế, các cá nhân có thể bị mất, thay đổi, hoặc cấp lại các giấy tờ pháp lý tại bất kỳ thời điểm nào. Việc chỉ dựa trên các hồ sơ bản sao y được chứng thực trong một thời hạn nhất định như vậy chắc chắn không thể nào đảm bảo tính cập nhật của giấy tờ. Thêm vào đó, điều này vô tình cũng tạo ra những sự bất tiện và tốn kém thêm các chi phí cho người dân dù không thật sự cần thiết.

**Ngoài ra**, một vướng mắc liên quan đến giấy tờ pháp lý của các cá nhân là người nước ngoài cũng đang xảy ra khi áp dụng thực tiễn tại các cơ quan nhà nước. Cụ thể, các bản sao hộ chiếu của người nước ngoài được sử dụng để đăng ký kinh doanh cũng đang được yêu cầu khác nhau bởi các cơ quan có thẩm quyền. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp<sup>5</sup> và Nghị định 01/2021/NĐ-CP<sup>6</sup>, khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, các hồ sơ cần sao y, chứng thực khi nộp gồm bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân là người đại diện theo pháp luật của công ty, giấy tờ pháp lý của thành viên, cổ đông của công ty là cá nhân hoặc tổ chức. Tuy

<sup>5</sup> Điều 21, 22 Luật Doanh nghiệp 2020.

<sup>6</sup> Điều 22, 23 Nghị định 01/2021/NĐ-CP.

nhiên các quy định này chỉ nhắc đến việc các giấy tờ pháp lý của các tổ chức nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự, nhưng không nhắc đến trường hợp đối với hộ chiếu của cá nhân là người nước ngoài có bắt buộc phải thực hiện hợp pháp hóa lãnh sự hay không. Đối với hộ chiếu nước ngoài, việc chứng thực bản sao từ bản chính đối với hộ chiếu không bắt buộc phải hợp pháp hóa lãnh sự<sup>7</sup>. Vậy nên, liệu có nên áp dụng tương tự về việc không yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự hộ chiếu nước ngoài khi thực hiện đăng ký kinh doanh hay không. Trên thực tế, việc áp dụng bởi các chuyên viên thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại các tỉnh là không giống nhau. Tại một số tỉnh các yêu cầu về hộ chiếu nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự, một số tỉnh khác thì không yêu cầu đối với việc này, trong khi tại một số nơi khác ngoài việc hợp pháp hóa lãnh sự còn yêu cầu thêm việc dịch và công chứng các hộ chiếu nước ngoài. Rõ ràng việc này chưa có sự thống nhất áp dụng theo quy định pháp luật của các cơ quan có thẩm quyền.

**Tiếp đến**, một bất cập khác có thể kể ra liên quan đến quá trình quản lý thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với địa chỉ đăng ký kinh doanh. Khi kê khai đăng ký thành lập mới doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải kê khai cụ thể, rõ ràng địa chỉ nơi hoạt động và địa chỉ này phải nằm trên lãnh thổ Việt Nam. Một lưu ý với việc sử dụng địa chỉ đăng ký doanh nghiệp là các địa chỉ không được nằm ở các chung cư, nơi sử dụng với mục đích để ở, trừ một số trường hợp. Việc kê khai địa chỉ này cũng dựa nguyên tắc tự kê khai, tự chịu trách nhiệm và không phải nộp các hồ sơ liên quan để chứng minh việc có sử dụng địa chỉ đăng ký. Hệ quả của điều này dẫn đến việc nhiều doanh nghiệp kê khai địa chỉ tại một nơi nhưng không có hoạt động hay bất kì dấu hiệu nào để nhận dạng việc có mặt tại địa chỉ đã đăng ký.

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, tại địa chỉ của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty phải đặt biển hiệu thể hiện thông tin tổ chức. Dù vậy, có rất nhiều trường hợp khi kê khai đăng ký kinh doanh hoàn tất, tại các địa chỉ hoàn toàn không có thông tin về biển hiệu. Hơn nữa, trong quá trình hoạt động, nhiều doanh nghiệp đã ngừng, chấm dứt hoạt động nhưng không thực hiện các thủ tục để giải thể công ty. Cho đến khi không thực hiện các thủ tục liên quan đến khai, báo cáo thuế và bị cơ quan có thẩm quyền đến xác minh, xử lý thì doanh nghiệp đã không còn để lại bất kỳ dấu tích nào. Điều này dẫn đến việc các cơ quan nhà nước rơi vào thế bị động và khó có phương án xử lý đối với các doanh nghiệp này vì hoàn toàn không có bất kỳ cơ sở, thông tin nào để liên hệ hoặc làm việc với họ.

**Thêm vào đó**, mặc dù việc nhà nước ra quy định cho phép doanh nghiệp được thực hiện liên thông thủ tục đăng ký đầu tư và đăng ký doanh nghiệp là một điểm cộng lớn trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính, tuy nhiên, việc thực hiện đăng ký này hiện đang được quy

---

<sup>7</sup> Điều 6 Thông tư 01/2020/TT-BTP.



định tại Thông tư 02/2017/TT-BKHDT. Thông tư này được ban hành từ năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 07 năm 2017, hướng dẫn Nghị định 118/2015/NĐ-CP. Đến năm 2020, với sự ra đời của Luật đầu tư 2020, có hiệu lực từ 01 tháng 01 năm 2021, dẫn đến việc Luật đầu tư 2014 và các văn bản hướng dẫn đều chấm dứt hiệu lực. Do đó, Thông tư 02/2017/TT-BKHDT cũng bị hết hiệu lực nhưng hiện nay chưa có văn bản điều chỉnh thay thế. Từ đó, có thể thấy việc áp dụng đăng ký liên thông chưa được hướng dẫn, điều chỉnh bởi một văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực phù hợp tại thời điểm hiện nay.

**Cuối cùng**, đối với các trường hợp doanh nghiệp bị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, thông tin về nguồn gốc của các doanh nghiệp được hình thành từ việc tổ chức lại, thông qua các thủ tục này, cũng không được thể hiện trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay cổng thông tin quốc gia về đăng ký kinh doanh. Như vậy, rất khó để các bên đối tác cũng như các cơ quan có thẩm quyền xác minh được các thông tin, nguồn gốc của doanh nghiệp được hình thành mới từ công ty nào bị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập. Trong một số trường hợp, các thông tin này là cơ sở rất quan trọng để xác minh quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp mới được hình thành vì theo quy định của pháp luật, các doanh nghiệp hình thành sau khi được chia, tách, sáp nhập, hợp nhất sẽ kế thừa các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp trước đó. Ví dụ trường hợp một bên có các quyền và nghĩa vụ liên quan không biết, không được công ty bị chia, tách thông báo về việc chia, tách của doanh nghiệp và không thể tra cứu về thông tin này, sẽ rất khó để xác định và yêu cầu doanh nghiệp được hình thành sau khi thực hiện thủ tục chia, tách công ty thực hiện các nghĩa vụ được kế thừa đối với mình.

### **3. Một số giải pháp và hướng hoàn thiện cụ thể để việc đăng ký doanh nghiệp và quản lý đăng ký doanh nghiệp từ thực tiễn.**

Những bất cập, hạn chế kể trên là những vấn đề mà các doanh nghiệp thường có thể gặp trong hoạt động đăng ký kinh doanh. Để có thể khắc phục khắc phục những điều này, tác giả đề xuất một số giải pháp và phương án nhằm cải thiện quy trình đăng ký doanh nghiệp cũng như quản lý thông tin, dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp.

*Đầu tiên*, nhằm tăng cường tính bảo mật các thông tin của doanh nghiệp trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký kinh doanh, các biện pháp về đăng nhập, tạo tài khoản liên quan đến đăng ký kinh doanh cần được thắt chặt hơn. Việc này giới hạn lại sự tìm kiếm, sử dụng thông tin mà không được cấp phép, không có kiểm soát của các bên thứ ba. Theo đó, hệ thống đăng ký kinh doanh trực tuyến cần đặt ra những giới hạn bảo mật, câu hỏi bảo mật hoặc mã hóa những thông tin của từng doanh nghiệp, từ đó, chỉ những cá nhân được doanh nghiệp cấp quyền mới có thể truy cập, tìm kiếm và thay đổi những nội dung đăng ký doanh nghiệp và những nội dung không được công bố công khai. Ngoài ra, cũng cần giới hạn về việc đăng ký kinh doanh với những cá nhân có thẩm quyền hoặc đủ các yêu cầu điều kiện nhất định mới có thể tạo tài khoản và thực hiện hoạt động này.

*Thứ hai*, về mặt con dấu và chữ ký, cần tuyên truyền, phổ biến rộng rãi việc áp dụng chữ ký số cho các doanh nghiệp, người dân, áp dụng hiệu quả các quy định của Luật giao dịch điện tử và các văn bản hướng dẫn thi hành đối với các thủ tục này. Điều này sẽ giúp thay đổi nhận thức về việc đăng ký kinh doanh được thực hiện thông qua hệ thống điện tử, áp dụng công nghệ thay vì việc ký tá thủ công như trước đây. Thêm vào đó, cần đẩy nhanh, mạnh việc xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu quốc gia tích hợp với cổng thông tin quốc gia về đăng ký kinh doanh, điều này giúp cho việc xác nhận các thông tin, chữ ký của các cá nhân là chủ sở hữu, thành viên, cổ đông của công ty qua tài hệ thống thông tin dữ liệu quốc gia được nhanh và chính xác hơn. Các chuyên viên thuộc các phòng ban của cơ quan đăng ký kinh doanh cũng có hệ thống dữ liệu nền tảng để đánh giá tính chính xác của chữ ký, thông tin đăng ký doanh nghiệp của các hồ sơ.

*Thứ ba*, đối với thời hạn của các tài liệu được sao y, chứng thực, các cơ quan lập pháp cũng nên đưa ra quy định cụ thể, chi tiết để có thể áp dụng hiệu quả khi đăng ký kinh doanh. Việc này nhằm thống nhất cách hiểu về các yêu cầu về hồ sơ đăng ký doanh nghiệp cho các cá nhân và tổ chức khi nộp hồ sơ. Nhờ vậy, việc sao y công chứng sẽ không còn là những thủ tục mang tính cứng nhắc, rập khuôn và không hiệu quả gây tốn kém về thời gian và tiền bạc cho người dân. Bên cạnh đó, việc các thông tin của cá nhân đang được cập nhật và hoàn thiện trên trung tâm liệu quốc gia về dân cư giúp cho việc cập nhật, đánh giá các thông tin dữ liệu được kê khai, cung cấp là phù hợp, chính xác. Hơn nữa, đối với các cá nhân là người nước ngoài thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, cần phải đưa ra quy định cụ thể hơn về yêu cầu công chứng, chứng thực đối với hộ chiếu của nước ngoài khi đăng ký doanh nghiệp. Theo đó, các hộ chiếu này nên được thống nhất việc chỉ cần được công chứng, chứng thực tại Việt Nam mà không cần phải tiến hành hợp pháp hóa lãnh sự để hỗ trợ, giảm thiểu các quy trình trong việc đăng ký doanh nghiệp.

*Thứ tư*, về địa chỉ đăng ký kinh doanh, các doanh nghiệp cần phải thực hiện kê khai, đăng ký cập nhật chính xác địa chỉ của mình khi thay đổi hoặc chấm dứt hoạt động. Bất kể việc đăng ký tại địa chỉ ở đâu, cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh, cũng như cơ quan quản lý địa phương (ủy ban nhân dân, cơ quan công an phường, xã, thị trấn) cần có những phương án phối hợp nhằm xác minh, định vị địa chỉ một cách phù hợp, chính xác để đánh giá được tính chính xác của hoạt động đăng ký kinh doanh. Ngoài ra, cần bổ sung thêm các kênh, nguồn thông tin liên hệ bắt buộc cần cung cấp khác để trong trường hợp cần thiết, không liên hệ được thông qua địa chỉ, các cơ quan có thẩm quyền vẫn có khả năng liên lạc được với những người quản lý, người có thẩm quyền của công ty để giải quyết khi có vấn đề phát sinh.

*Thứ năm*, đối với thủ tục liên thông đăng ký đầu tư và đăng ký doanh nghiệp, các cơ quan có thẩm quyền cần nhanh chóng ban hành các văn bản thay thế, hướng dẫn cụ thể hơn về thủ tục này. Từ đó các doanh nghiệp, nhà đầu tư có thể có cơ sở pháp lý chính xác để áp

dụng và sử dụng trong quá trình đăng ký đầu tư cũng như đăng ký doanh nghiệp, tạo điều kiện cho việc tối ưu quy trình thực hiện các thủ tục hành chính.

*Thứ sáu*, việc liên thông công thông tin đăng ký doanh nghiệp cho các cơ quan quản lý đặc thù đối với các ngành nghề có điều kiện cần phải xem xét lại và điều chỉnh cho phù hợp. Xem xét cấp tài khoản truy cập đặc biệt cho các cơ quan quản lý chuyên ngành (ngành nghề có điều kiện như chi cục thú y, dược, cục an toàn thông tin,...) quyền được kiểm tra thông tin doanh nghiệp đã đăng ký trên hệ thống Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Vì khi có quyền tra cứu dữ liệu một cách chính thức từ Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì các cơ quan này không cần thiết phải yêu cầu doanh nghiệp cung cấp các thông tin về đăng ký doanh nghiệp khi thực hiện các thủ tục hành chính về giấy phép con, giấy phép đủ điều kiện kinh doanh, giấy phép đáp ứng yêu cầu của ngành nghề thì lúc đó hiệu quả của thông tin đăng ký kinh doanh sẽ được phát huy tối đa.

Hơn nữa, chúng tôi thấy rằng còn rất nhiều doanh nghiệp đặc thù như các công ty luật, các văn phòng luật sư và chi nhánh của một thương nhân nước ngoài tại Việt Nam hoạt động theo Nghị định 07/2016/NĐ-CP khi đăng ký hoạt động tại Việt Nam thì thông tin doanh nghiệp vẫn không tồn tại trên hệ thống đăng ký kinh doanh. Vì các thông tin này cũng không tự động kết nối với hệ thống của cơ quan thuế như các doanh nghiệp bình thường. Chúng tôi đề xuất rằng để tăng cường hiệu quả của việc đăng ký kinh doanh của các doanh nghiệp trong lĩnh vực đặc thù như vậy, Chính phủ cần quy định thống nhất đối với các doanh nghiệp này một khi được đăng ký kinh doanh tại các cơ quan chuyên môn, các thông tin đăng ký doanh nghiệp, chi nhánh này sẽ tự động kết nối với các cơ quan thuế, cơ quan công an mà không để tự doanh nghiệp, nhà đầu tư nước ngoài tự thực hiện các thủ tục này một cách thủ công. Việc này đã gây ra nhiều thủ tục tốn kém, không cần thiết.

*Cuối cùng*, trên các trường thông tin của công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, nên bổ sung thêm các cách thức để tra cứu các nội dung liên quan đến nguồn gốc, cơ sở hình thành của các doanh nghiệp được hình thành trên cơ sở chia, tách, sáp nhập, hợp nhất. Điều này giúp cho các bên thứ ba cũng như các cơ quan có thẩm quyền có thể kiểm tra, xác minh được các thông tin cũng như giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh khi doanh nghiệp thực hiện các thủ tục nêu trên.

Nhìn chung, hoạt động đăng ký doanh nghiệp hiện nay ngày càng phổ biến hơn tại Việt Nam với lượng lớn các công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện được thành lập, thay đổi thông tin mỗi ngày. Do vậy, việc cải thiện về chất lượng thủ tục pháp lý, bảo vệ thông tin của doanh nghiệp cần được chú trọng nhằm tạo môi trường thuận lợi, thúc đẩy hoạt động kinh doanh, đầu tư trong và ngoài nước cũng như phát triển nền kinh tế. Thông qua bài tham luận này, tác giả mong rằng có thể đưa ra những bất cập, hạn chế còn tồn tại trong thực tiễn kèm theo đề xuất một số phương án để từ đó, các cơ quan chức năng, doanh nghiệp cũng như các đối tượng

liên quan có thể xem xét, đánh giá và nhanh chóng xử lý các vấn đề hiện tại. Điều này cũng góp phần xây dựng, hoàn thiện hệ thống thủ tục pháp lý đăng ký doanh nghiệp và quản lý dữ liệu doanh nghiệp tại Việt Nam.

# QUY ĐỊNH VỀ CÔNG KHAI THÔNG TIN DOANH NGHIỆP: BẤT CẬP VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN

**TS. Phan Phương Nam**

*Phó Trưởng Khoa Luật Thương mại, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh*

## **Tóm tắt:**

Công khai thông tin doanh nghiệp là hoạt động hướng tới bảo vệ các chủ thể có liên quan và minh bạch thị trường. Bài viết này nhằm phân tích các quy định pháp luật hiện hành về công khai thông tin doanh nghiệp để tìm ra những bất cập, hạn chế của quy định trên. Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra những kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện quy định pháp luật về công khai thông tin doanh nghiệp để hướng đến bảo vệ hợp lý hơn quyền lợi của các chủ thể có liên quan.

**Từ khóa:** công khai thông tin doanh nghiệp, điều lệ, doanh nghiệp, công ty đại chúng.

## **Abstract:**

*Disclosure of corporate information is an activity aimed at protecting relevant entities and market transparency. This article aims to analyze the current legal regulations on disclosure of corporate information to find out the inadequacies and limitations of the above regulations. On that basis, the article makes recommendations to contribute to improving the legal regulations on disclosure of corporate information in order to more reasonably protect the interests of entities with relate. Keywords: disclosure of corporate information, charter, enterprise, public company.*

## **1. Đặt vấn đề**

Thông tin doanh nghiệp đóng vai trò cực kỳ quan trọng cho nền kinh tế. Những thông tin này không chỉ là cơ sở để nhà nước thực hiện hoạt động quản lý doanh nghiệp mà còn là cơ sở để những đối tác, những nhà đầu tư khác sử dụng để thực hiện các hoạt động đầu tư, giao kết hợp đồng và tiến hành những hoạt động kinh tế khác đối với doanh nghiệp. Điều đó cho thấy, việc công khai thông tin doanh nghiệp có ý nghĩa không nhỏ cho nền kinh tế, cho nhà đầu tư và cả hoạt động quản lý của nhà nước. Bởi lẽ việc công khai doanh nghiệp hợp lý, chính xác sẽ là chìa khóa giúp bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư, là cơ sở nền tảng cho các hoạt

động kinh tế và còn là cách để doanh nghiệp nâng cao uy tín trong hoạt động kinh doanh, xây dựng hình ảnh công khai, minh bạch, đem lại lợi ích lâu dài cho chính doanh nghiệp<sup>1</sup>.

Việc công khai thông tin doanh nghiệp không phải là một vấn đề mới vì đây là yêu cầu trong quá trình hội nhập nhằm đảm bảo sự công khai, minh bạch của thị trường. Theo đó, việc công khai thông tin doanh nghiệp không đơn giản là sự kêu gọi các doanh nghiệp trên tinh thần tự nguyện mà điều này còn là nghĩa vụ pháp lý của doanh nghiệp được pháp luật ghi nhận nhằm bảo vệ các chủ thể khác trong nền kinh tế. Bài viết sẽ tập trung nghiên cứu các quy định pháp luật về hoạt động công khai thông tin doanh nghiệp cũng như tìm ra các bất cập, hạn chế trong các quy định này để đưa ra kiến nghị nhằm giúp cho những quy định trên đạt được đúng ý nghĩa của vấn đề.

## **2. Quy định pháp luật hiện hành về công khai thông tin doanh nghiệp**

Về cơ bản, có thể thấy các quy định về công khai thông tin doanh nghiệp được tập trung trong các quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Trong đó, pháp luật doanh nghiệp điều chỉnh về việc công khai các thông tin khi doanh nghiệp thành lập và thay đổi trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp còn pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán sẽ điều chỉnh đến những vấn đề về công khai thông tin của các công ty đại chúng. Cụ thể:

Thứ nhất, đối với những thông tin thành lập doanh nghiệp, theo Khoản 1 Điều 32 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 yêu cầu “Doanh nghiệp sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và phải nộp phí theo quy định của pháp luật”. Điều này góp phần đảm bảo công khai thông tin doanh nghiệp, giúp cho những chủ thể quan tâm có thể tìm hiểu và nắm được những thông tin cơ bản về doanh nghiệp.

Thứ hai, công khai thông tin sau khi thành lập của doanh nghiệp. Sau khi thành lập, trong quá trình hoạt động nếu có sự thay đổi về nội dung đăng ký doanh nghiệp thì theo quy định của Khoản 2 Điều 32 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 những thay đổi tương ứng phải được thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Quy định này đảm bảo dữ liệu ban đầu về doanh nghiệp không dừng lại khi doanh nghiệp thành lập mà còn được thường xuyên cập nhật khi các thông tin có sự thay đổi nhằm đảm bảo dữ liệu trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp luôn tương thích chính xác với tình hình doanh nghiệp nhằm đảm bảo quyền lợi cho các chủ thể quan tâm và thuận lợi cho sự quản lý của nhà nước.

---

<sup>1</sup> Baruch Lev (1992), “Information Disclosure Strategy”, California Management Review, Volume 34 Issue 4, July 1992, pp. 9–32.

Thứ ba, công khai thông tin đối với doanh nghiệp nhà nước. Ngoài các quy định chung trên, doanh nghiệp nhà nước còn phải tiến hành công bố thông tin theo quy định của Nghị định số 47/2021/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp. Theo đó, bên cạnh các thông tin cơ bản mà các doanh nghiệp thường phải công bố như thông tin về người đại diện theo pháp luật, thông tin cơ bản về doanh nghiệp (tên doanh nghiệp; mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, điện thoại, thư điện tử, trang thông tin điện tử...) thì doanh nghiệp nhà nước còn phải thực hiện hoạt động công bố thông tin bất thường, định kỳ đồng thời trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp, Cổng thông tin doanh nghiệp...<sup>2</sup>. Qua đó cho thấy pháp luật đã và đang quan tâm hơn và quản lý chặt chẽ hơn với các doanh nghiệp nhà nước cũng như tạo điều kiện cho việc tiếp cận các thông tin trên được dễ dàng, nhanh chóng hơn phục vụ các mục đích của chủ thể tham gia quan hệ với các doanh nghiệp nhà nước.

Thứ tư, công khai thông tin đối với công ty đại chúng. Với tư cách là một chủ thể quan trọng của thị trường chứng khoán vì có số lượng cổ đông lớn hoặc sẵn sàng có số lượng cổ đông lớn nên hoạt động của công ty đại chúng sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến lợi ích một số lượng lớn nhà đầu tư... Vì vậy, những thông tin về công ty đại chúng là một trong những thông tin cần thiết cho nhà đầu tư nói chung và ảnh hưởng không nhỏ đến tính công khai, minh bạch của thị trường chứng khoán. Vì vậy, nhằm mục tiêu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư không tham gia trực tiếp vào việc quản trị và điều hành doanh nghiệp<sup>3</sup>, pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán đã có rất nhiều quy định điều chỉnh về vấn đề công bố thông tin của công ty đại chúng thông qua quy định của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư 96/2020/TT-BTC Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Theo đó, công ty đại chúng phải đảm bảo việc công bố thông tin được đầy đủ, chính xác, kịp thời về nội dung, đảm bảo về phương thức công bố thông tin để chuyển tải một cách kịp thời, hợp lý đến nhà đầu tư nhằm tạo sự công bằng và giúp nhà đầu tư có thể nhanh chóng ứng xử để bảo vệ quyền và lợi ích của chính họ.

Cuối cùng, việc công bố của một số doanh nghiệp trong những lĩnh vực đặc thù còn phải chịu sự chi phối và điều chỉnh bởi các văn bản pháp luật chuyên ngành như: các tổ chức tín dụng chịu sự điều chỉnh của Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành; các doanh nghiệp bảo hiểm chịu sự điều chỉnh của Luật kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15...

---

<sup>2</sup> Khoản 1 Điều 25 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp.

<sup>3</sup> Hoàng Hải Anh (2024), “Hoàn thiện pháp luật về công ty đại chúng nhằm bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư” theo <https://lsvn.vn/hoan-thien-phap-luat-ve-cong-ty-dai-chung-nham-bao-ve-quyen-loi-cua-nha-dau-tu-1707928003.html> truy cập ngày 28/07/2024.

Có thể nói về cơ bản, pháp luật hiện hành đã có những quy định nhất định nhằm đảm bảo sự công khai, minh bạch các thông tin doanh nghiệp nhằm giúp cho những chủ thể có quan tâm có thể tham khảo được những thông tin này thông qua các cơ chế nhất định như tra cứu trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, tham khảo các trang thông tin điện tử của chủ thể công bố thông tin... Tuy nhiên, qua quá trình nghiên cứu, chúng tôi cũng nhận thấy rằng các quy định này vẫn còn nhiều điểm bất cập, hạn chế làm cho ý nghĩa của việc công khai thông tin doanh nghiệp chưa đạt được như sự mong muốn như sau:

*Thứ nhất, còn những khoảng trống nhất định trong quy định công bố thông tin của doanh nghiệp, nhất là đối với các doanh nghiệp không phải là công ty đại chúng.* Qua khảo sát và đánh giá, chúng tôi cho rằng sự hạn chế và bất cập này bao gồm những nội dung sau:

Một là, nội dung thông tin công bố còn khá ít, chưa đảm bảo những thông tin cần thiết cho những chủ thể quan tâm nắm bắt nhằm bảo vệ quyền lợi của họ khi tham gia những hoạt động với doanh nghiệp. Theo Khoản 1 Điều 32 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thì doanh nghiệp cần phải công bố các nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các thông tin sau đây: ngành, nghề kinh doanh; danh sách cổ đông sáng lập; danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty cổ phần (nếu có). Tuy nhiên, những thông tin đó vẫn chưa phản ánh hết về doanh nghiệp. Bởi lẽ các chủ thể quan tâm đến doanh nghiệp như các đối tác họ còn cần nhiều thông tin hơn để xác định có thể cùng doanh nghiệp ký kết hợp đồng như: đại diện theo pháp luật là những chủ thể nào, họ có thể trực tiếp tham gia ký kết hợp đồng để đại diện cho doanh nghiệp không? Các nội dung của Điều lệ doanh nghiệp?...

Theo đó, kể từ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 thì doanh nghiệp có thể có hơn một người là đại diện theo pháp luật. Tuy nhiên, việc xác định chủ thể nào đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp để giao kết các hợp đồng thì có thể có nhiều cách thức xử lý khác nhau như: ghi nhận trong điều lệ doanh nghiệp hoặc có văn bản riêng quy định về xác định phạm vi đại diện. Tuy nhiên, làm sao các chủ thể khác biết được cụ thể vấn đề này là một câu chuyện không phải đơn giản. Bởi lẽ hiện nay trường thông tin về doanh nghiệp trên cổng thông tin không xác định vấn đề đó trong khi các văn bản của doanh nghiệp thuộc phạm vi thông tin nội bộ của doanh nghiệp thì càng khá khấn trong việc tiếp cận thông tin và khả năng làm cho hợp đồng vô hiệu khi người ký mặc dù là đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp nhưng không được trao thẩm quyền ký kết càng cao. Điều này gây khó khăn không nhỏ cho các chủ thể cùng doanh nghiệp tham gia giao kết các loại hợp đồng.

Điều lệ doanh nghiệp là văn bản quan trọng nhất trong quản trị, điều hành và hoạt động của công ty, đồng thời cũng là cơ sở pháp lý để phân định quyền và nghĩa vụ giữa các cổ



đồng, thành viên<sup>4</sup>, là cam kết chung, được sự đồng thuận của tất cả các thành viên trong công ty khi thành lập hoặc trong quá trình hoạt động về các vấn đề như: cơ cấu tổ chức quản lý, hoạt động kinh doanh, phương thức quản lý<sup>5</sup>. Vì vậy điều lệ doanh nghiệp được xem là văn bản quan trọng và được ưu tiên áp dụng trước cả các văn bản pháp luật nếu nội dung của điều lệ không trái với những quy định của pháp luật. Tuy nhiên, nội dung của Điều lệ không được đưa vào nội dung thông tin mà doanh nghiệp cần công bố là một sự thiếu sót. Vì những nội dung trong điều lệ doanh nghiệp cũng là vấn đề được nhiều chủ thể quan tâm nhất là các chủ thể đang có ý định mua cổ phần, góp vốn vào trong doanh nghiệp đó.

Hai là, còn thiếu những pháp luật về trách nhiệm cập nhật thông tin doanh nghiệp sau khi thành lập của doanh nghiệp. Hiện nay, theo Khoản 1 Điều 32 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thì những nội dung mà “doanh nghiệp phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia...gồm: a) Ngành, nghề kinh doanh; b) Danh sách cổ đông sáng lập; danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty cổ phần (nếu có)”. Đồng thời Khoản 2 Điều 32 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 cũng ghi nhận: “Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, những thay đổi tương ứng phải được thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp”. Theo đó, việc doanh nghiệp thay đổi điều lệ công ty sẽ không rơi vào trường hợp doanh nghiệp phải công khai thông tin. Vậy liệu những nội dung thay đổi trong điều lệ sẽ được ghi nhận và có hiệu lực từ lúc nào? Cơ sở nào xác định những nội dung đó được thay đổi. Có thể có quan điểm cho rằng pháp luật doanh nghiệp có quy định về trình tự, thủ tục của việc thay đổi điều lệ và ngay cả quy định về xử phạt cũng có ghi nhận chế tài đối với hành vi thay đổi điều lệ mà không thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền<sup>6</sup> để cho thấy nhà nước đã có những quy định nhằm bảo vệ những chủ thể có liên quan. Tuy nhiên, nếu những chủ thể có thẩm quyền cùng nhau thiết lập việc thay đổi điều lệ và chấp nhận bị xử phạt để có thể làm điều có lợi cho họ nhưng bất lợi cho các chủ thể khác thì pháp luật chưa lường hết được những trường hợp này. Ví dụ: Anh A muốn mua phần vốn góp của anh B trong công ty TNHH C và được anh B cung cấp điều lệ công ty. Tuy nhiên, khi hoạt động chuyển nhượng hoàn tất thì công ty TNHH C lại đưa ra điều lệ mới có nhiều điểm bất lợi cho anh A. Lúc này anh A rất khó để bảo vệ quyền lợi của mình khi bản điều lệ mới

---

<sup>4</sup> Bùi Hữu Toàn (2023), “Hiệu lực pháp lý của điều lệ công ty và thực tiễn áp dụng pháp luật nhìn từ một vụ việc cụ thể”, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số Số 03 (475) T2/2023, trang 34.

<sup>5</sup> Nguyễn Văn Lâm (2023), “Sự thể hiện học thuyết 'công ty là một hợp đồng' và kiến nghị hoàn thiện Luật Doanh nghiệp” theo <https://lsvn.vn/su-the-hien-hoc-thuyet-cong-ty-la-mot-hop-dong-va-kien-nghi-hoan-thien-luat-doanh-nghiep-1676532000.html> truy cập ngày 29/07/2024.

<sup>6</sup> Xem Điều 41 “Vi phạm về thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp” của Nghị định số 122/2021/NĐ-CP Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.

mặc dù chưa được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh nhưng vẫn có hiệu lực. Vậy anh A có thể tìm ở đâu để biết được việc có hay không có tồn tại bản điều lệ mới?

*Thứ hai, thiếu sự phối kết hợp trong quy định về công khai thông tin doanh nghiệp, nhất là khi doanh nghiệp vừa là doanh nghiệp nhà nước và vừa là công ty đại chúng. Theo đó, có rất nhiều nội dung trùng lặp khi doanh nghiệp nhà nước phải thực hiện hoạt động công bố thông tin khi doanh nghiệp này cũng là công ty đại chúng. Vẫn biết rằng quy định ở các văn bản khác nhau là nhằm thực hiện những mục tiêu khác nhau nhưng liệu quy định đó có thật sự là cần thiết khi những quy định trong pháp luật về thị trường chứng khoán đối với việc công bố thông tin còn chặt chẽ và phức tạp hơn so với các quy định trong Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Nghị định số 47/2021/NĐ-CP. Bởi lẽ việc công bố thông tin của các doanh nghiệp này sẽ là thêm việc nhưng bản chất vẫn là công bố thông tin về một nội dung vì chịu sự quản lý của hai cơ quan khác nhau là Bộ Kế hoạch và đầu tư và Ủy ban chứng khoán Nhà nước.*

*Thứ ba, quy định về “nguyên tắc công bố thông tin” của doanh nghiệp còn chưa hợp lý. Khoản 1 Điều 119 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP khi nhắc đến nguyên tắc của việc công bố thông tin là phải đảm bảo “đầy đủ, chính xác, kịp thời”. Thực chất quy định này là kế thừa từ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11. Tuy nhiên, đã xác định đây là nguyên tắc cần phải tuân thủ trong hoạt động công bố thông tin thì cần phải đảm bảo quy định tất cả những yếu tố chi phối cho hoạt động công bố thông tin. Mục đích của việc quy định hoạt động công bố thông tin là nhằm đảm bảo “công bằng, công khai, minh bạch; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư”<sup>7</sup>, những chủ thể khác có liên quan. Mặc dù biết rằng, “tính minh bạch trong CBTT có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với sự phát triển của TTCK Việt Nam”<sup>8</sup> nói riêng và nền kinh tế nói chung nhưng nếu như sự minh bạch của thông tin đã đảm bảo mà việc tiếp cận khó khăn thì cũng chưa đảm bảo vấn đề bảo vệ nhà đầu tư, những chủ thể khác hợp lý và giảm thiểu đáng kể sự bất cân xứng thông tin<sup>9</sup>.*

---

<sup>7</sup> Khoản 2, 3 Điều 5 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14.

<sup>8</sup> Trương Đông Lộc, Nguyễn Thị Kim Anh, "Xây dựng chỉ số minh bạch và công bố thông tin cho các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam", *Tạp chí Ngân hàng số 22 tháng 11/2016, đăng tải trên <http://tapchinganhang.com.vn/xay-dung-chi-so-minh-bach-va-cong-bo-thong-tin-cong-ty-niem-yet-tren-thi-truong-chung-khoan-viet-nam.htm>* truy cập ngày 28/07/2024.

<sup>9</sup> Hu, Wenxiu, Jinzhu Du, and Weiguo Zhang. 2020. "Corporate Social Responsibility Information Disclosure and Innovation Sustainability: Evidence from China" *Sustainability* 12, no. 1: 409. <https://doi.org/10.3390/su12010409>

### 3. Kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật về công khai thông tin doanh nghiệp

Để hoàn thiện những bất cập và hạn chế trên trong quy định về công khai thông tin doanh nghiệp, chúng tôi kiến nghị:

*Thứ nhất, cần hoàn thiện các quy định về nội dung thông tin cần công bố của doanh nghiệp. Cụ thể:*

Một là, bổ sung thêm các nội dung thông tin cần công bố của doanh nghiệp nhằm bảo vệ quyền lợi của những chủ thể liên quan khi họ tham gia những hoạt động với doanh nghiệp. Theo đó, bên cạnh những nội dung hiện hành, pháp luật cần bổ sung điều lệ doanh nghiệp vào trong nội dung đăng ký kinh doanh. Bên cạnh đó, trong trường hợp doanh nghiệp có từ hai người đại diện trở lên và có thỏa thuận hay quy định riêng về thẩm quyền của người đại diện theo ủy quyền cũng sẽ phải công bố. Việc xác định thêm những nội dung này trong thông tin doanh nghiệp cần phải công khai nhằm giúp cho những chủ thể quan tâm biết được chính xác các thông tin và bảo vệ họ chính xác hơn khi giao kết cùng doanh nghiệp. Tuy nhiên, khi thực hiện giải pháp này thì cần phải đảm bảo tính chính xác và hợp pháp của các bản điều lệ doanh nghiệp nên cần có một cơ chế nhằm hỗ trợ vấn đề này. Có thể sẽ có người cho rằng việc tìm một cơ chế để nhằm đảm bảo điều lệ hợp pháp là không cần thiết bởi vì đã có cơ quan đăng ký kinh doanh kiểm tra trước khi cấp phép thành lập doanh nghiệp. Nhưng rõ ràng điều này có điểm nào đó chưa hoàn toàn hợp lý bởi lẽ với lượng doanh nghiệp được thành lập rất nhiều trong thời gian hiện nay khi mà các cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp được nhà nước kích hoạt và nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế của Việt Nam nói riêng đang dần hồi phục và phát triển thì liệu rằng cơ quan đăng ký kinh doanh có bị quá tải? Do vậy, kinh nghiệm của Nhật Bản là giao cho công chứng viên thực hiện hoạt động chứng thực điều lệ doanh nghiệp<sup>10</sup>. Bởi công chứng viên với trình độ chuyên môn về lĩnh vực pháp luật cao nên khi chứng thực

---

<sup>10</sup> Điều 1 Luật công chứng năm 1908 của Nhật Bản ghi nhận: “Article 1 Notaries have the authority to carry out the following processes upon commission from a party or any other person concerned:

....

(iii) certifying articles of incorporation pursuant to Article 30, paragraph (1) of the Companies Act (Act No. 86 of 2005) and the provisions pursuant to which Article 30, paragraph (1) of the Companies Act applies mutatis mutandis, as well as Articles 13 and 155 of the Act on General Incorporated Associations and General Incorporated Foundations (Act No. 48 of 2006); and”

Tạm dịch: “Điều 1 Công chứng viên có thẩm quyền thực hiện các quy trình sau theo ủy quyền của một bên hoặc bất kỳ người nào khác có liên quan:

...

(iii) chứng nhận điều lệ công ty theo Điều 30, khoản (1) của Đạo luật Công ty (Đạo luật số 86 năm 2005) và các điều khoản theo đó Điều 30, khoản (1) của Đạo luật Công ty áp dụng tương tự, cũng như Điều 13 và Điều 155 của Đạo luật về Hiệp hội Hợp nhất Chung và Quỹ Hợp nhất Chung (Đạo luật số 48 năm 2006); và”

điều lệ cũng là một “công cụ lọc” giúp chính các doanh nghiệp loại bỏ các quy định sai trong điều lệ cũng như giúp giảm tải công việc của cơ quan quản lý kinh doanh khi xem xét hồ sơ xin thành lập.

Hai là, có thêm cơ chế hỗ trợ các chủ thể có liên quan về việc xác định người đại diện cho doanh nghiệp, cũng như một số thông tin liên quan đến doanh nghiệp để tạo lòng tin, cơ sở cho các chủ thể khác tiến hành hoạt động cùng doanh nghiệp. Nếu như chỉ trong chờ vào công thông tin đăng ký doanh nghiệp nhưng chưa đầy đủ thông tin thì có thể sẽ dẫn đến các chủ thể có liên quan chưa nắm rõ thông tin. Nên chăng cần có cơ chế hỗ trợ bổ sung để giúp các chủ thể này có thêm thông tin hoặc có những thông tin được xác thực chính xác từ các tổ chức hỗ trợ. Theo đó, kinh nghiệm của Đức là giao quyền này cho công chứng viên<sup>11</sup>. Vì vậy, đây cũng được coi là một kinh nghiệm cho Việt Nam học tập để hỗ trợ xác thực thông tin doanh nghiệp để giúp cho công khai thông tin doanh nghiệp được hiệu quả hơn khi các thông tin này được xác thực bởi tổ chức chuyên nghiệp và chịu trách nhiệm về tính xác thực thông tin đó.

Ba là, bổ sung quy định về trách nhiệm cập nhật thông tin doanh nghiệp sau khi thành lập của doanh nghiệp. Theo đó, pháp luật cần bổ sung quy định “nếu có những thông tin thay đổi so với thông tin doanh nghiệp công bố ban đầu thì doanh nghiệp phải có trách nhiệm công bố những thay đổi theo quy định pháp luật”. Đồng thời, cần xác định các thông tin thay đổi chỉ có giá trị khi được công bố theo đúng quy định pháp luật hoặc khi điều lệ được chứng thực bởi bên thứ ba (như kiến nghị ở phần trên là sử dụng hoạt động công chứng như một bên kiểm tra và xác nhận nội dung thay đổi của điều lệ doanh nghiệp). Bởi lẽ khi đó, các thông tin thay đổi mới có giá trị và có ý nghĩa trong việc công khai, minh bạch và bảo vệ hợp lý những chủ thể có liên quan khi tham gia vào các hoạt động có liên quan của doanh nghiệp.

---

<sup>11</sup> Theo Điều 21 Luật công chứng Đức được sửa đổi, bổ sung lần cuối vào tháng 12/2023 thì: “1. CCV có quyền

1.1 Xác nhận thẩm quyền đại diện, cũng như

1.2 Xác nhận sự tồn tại hoặc trụ sở của pháp nhân, doanh nghiệp tư nhân (tạm dịch của chữ rechtsfeahige Personengesellschaft vì luật Đức phân biệt công ty do (các) cá nhân thành lập không có tư cách pháp nhân và công ty vốn), sự thay đổi của doanh nghiệp hoặc thay đổi tên gọi, sự chuyển đổi hoặc thay đổi khác liên quan đến tính chất pháp lý của doanh nghiệp, nếu những nội dung thay đổi này được đăng ký trong Sổ đăng ký kinh doanh hoặc Sổ đăng ký tương đương.

Xác nhận này có hiệu lực như chứng chỉ do Tòa án đăng ký thương mại cấp.

2. CCV chỉ được xác nhận khi đã xem nội dung đăng ký (doanh nghiệp), hoặc căn cứ vào bản sao đã chứng thực từ Sổ đăng ký. Trong giấy chứng nhận CCV phải ghi rõ ngày xem Sổ đăng ký hoặc ngày cấp bản sao.

3. CCV cũng được cấp chứng nhận về thẩm quyền đại diện phát sinh từ một giao dịch. CCV chỉ được chứng nhận khi đã xem văn bản ủy quyền do cơ quan công quyền cấp hoặc chứng thực và chắc chắn về thẩm quyền đại diện phát sinh từ văn bản đó. Trong giấy chứng nhận CCV phải nêu rõ cách thức và ngày mà văn bản được xuất trình trước CCV.”

Cần lưu ý là những kiến nghị này có ý nghĩa nhất định đối với doanh nghiệp chưa niêm yết, chưa là công ty đại chúng. Bởi lẽ khi doanh nghiệp là doanh nghiệp niêm yết, công ty đại chúng thì pháp luật về thị trường chứng khoán đã có những quy định về công bố các thông tin có liên quan trên của doanh nghiệp.

*Thứ hai, cần rà soát và điều chỉnh lại các quy định pháp luật nhằm giảm thiểu sự trùng lặp trong quy định của pháp luật về hoạt động công khai thông tin doanh nghiệp.* Theo đó, cần rà soát lại các quy định trong Nghị định số 47/2021/NĐ-CP, nếu đó là doanh nghiệp nhà nước nhưng đồng thời là công ty đại chúng thì cần bỏ các quy định về công bố thông tin vì lúc này các quy định về công bố thông tin của công ty đại chúng còn nhiều hơn các quy định đặt ra đối với doanh nghiệp nhà nước. Tuy nhiên, lúc này cần phải quy định về cơ chế phối hợp và trao đổi thông tin giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư với Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Việc làm này giúp giảm tải công việc cho doanh nghiệp cũng đồng thời giúp cho việc quản lý nhà nước được hiệu quả hơn.

*Thứ ba, với quy định về “nguyên tắc công bố thông tin” còn chưa hợp lý, chúng tôi kiến nghị cần bổ sung thêm vào quy định này cụm từ “dễ tiếp cận”.* Việc thêm cụm từ này để các quy định pháp luật trong nội dung này phải đảm bảo khả năng dễ tiếp cận thông tin của những chủ thể liên quan (thông qua các quy định về phương thức công bố thông tin của các cơ quan quản lý quy định chi tiết). Nếu những quy định cụ thể sau này của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà chưa hợp lý thì vẫn phải thay đổi, bổ sung cho hoàn thiện để thực hiện được đúng nội dung yêu cầu trong phần nguyên tắc của nó. Việc bổ sung này làm rõ được tinh thần và mục đích của vấn đề công khai thông tin doanh nghiệp, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cả các chủ thể liên quan.

Tóm lại, công khai thông tin doanh nghiệp là hoạt động nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch của thị trường. Đây là điều mà Đảng và nhà nước quan tâm, hướng đến trong quá trình hội nhập. Theo đó, pháp luật Việt Nam cũng đã có nhiều thay đổi trong hoạt động lập quy nhằm hướng tới thực hiện hợp lý nội dung trên nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia. Vì vậy, những nghiên cứu và góp ý trên là nhằm góp phần hoàn thiện hơn các quy định pháp luật về nội dung này.

# BẢO VỆ TÍNH XÁC THỰC THÔNG TIN CỦA DOANH NGHIỆP THÔNG QUA BẢO VỆ ĐĂNG KÝ VÀ CHUYỂN NHƯỢNG TÊN MIỀN

**TS. Nguyễn Hải An**

*Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh*

## **Tóm tắt:**

Khi nói đến thông tin của doanh nghiệp là nói đến những thông tin trong nội bộ của doanh nghiệp như: quản trị, điều hành doanh nghiệp, thẩm quyền đại diện doanh nghiệp khi doanh nghiệp có nhiều người đại diện, các báo cáo tài chính của doanh nghiệp, các nghị quyết của Hội đồng thành viên, của Hội đồng quản trị, của đại hội đồng cổ đông... Bên cạnh đó, xu hướng toàn cầu hóa cùng với sự phát triển của internet thông tin mang tính định danh của doanh nghiệp là tên miền cũng đóng vai trò quan trọng trong phát triển doanh nghiệp. Bởi lẽ các thông tin này không chỉ ảnh hưởng đến các quan hệ trong nội bộ doanh nghiệp mà còn ảnh hưởng đến đối tác, khách hàng. Để bảo đảm tính xác thực thông tin về doanh nghiệp, ngoài việc chứng minh năng lực về thẩm quyền của người đại diện tham gia hợp đồng, giao dịch, hành vi pháp lý, xác nhận các sự kiện pháp lý của doanh nghiệp thông qua vai trò của các tổ chức có thẩm quyền công chứng, chứng thực các văn kiện pháp lý về doanh nghiệp, còn có bảo vệ tính xác thực thông tin của doanh nghiệp thông qua bảo vệ tên miền.

**Từ khoá:** Doanh nghiệp, thông tin doanh nghiệp, tên miền, tính xác thực.

## **Abstract:**

*When talking about business information, we are talking about internal information of the business such as: corporate governance and operations, authority to represent the business when the business has many representatives, financial reports. of the enterprise, resolutions of the Board of Members, the Board of Directors, the General Meeting of Shareholders... Besides, along with the development of the internet, identifying information of the enterprise is also the domain name. are concerned. Because this information not only affects relationships within the business but also affects partners and customers. To ensure the authenticity of information about the business, in addition to proving the capacity and authority of the representative participating in contracts, transactions, and legal acts, confirm the legal events of the business through The role of organizations with the authority to notarize and authenticate legal documents about businesses, and also protect the authenticity of business information through domain name protection.*

**Keywords:** Business, business information, domain name, authenticity.

## MỞ ĐẦU

Doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh<sup>1</sup>. Như vậy, thông tin về doanh nghiệp đầu tiên để phân biệt doanh nghiệp với nhau là tên riêng của doanh nghiệp. Tên miền được xác định là: “*Tên miền được sử dụng để định danh địa chỉ internet của máy chủ gồm các dãy ký tự cách nhau bằng dấu chấm*”<sup>2</sup>. Tên miền của doanh nghiệp (Business domain name) là viết tắt của địa chỉ IP, là một chuỗi chữ số biểu thị riêng cho một trang web, của doanh nghiệp. Để có được Business domain name cho doanh nghiệp, nhà quản trị cần phải quyết định Business domain name phù hợp với doanh nghiệp mình, và mua Business domain name từ Công ty đăng kí tên miền. Tên miền (domain name) là tên được sử dụng để định danh địa chỉ Internet của máy chủ gồm các dãy ký tự cách nhau bởi dấu chấm “.”<sup>3</sup>. Tên miền chính là địa chỉ duy nhất trên Internet dùng để xác định và truy cập tới một trang web hoặc một tài nguyên trên mạng. Tên miền thể hiện cung cấp hình thức đại diện để phân biệt trang web này với trang web khác. Từ đó, người dùng ta sẽ dễ nhớ, dễ truy cập vào các trang web và các dịch vụ trên không gian mạng. Ngoài ra, tên miền cũng là phương tiện để quản lý các tài nguyên trên không gian số, các doanh nghiệp có thể đăng ký tên miền cho trang web riêng của mình và có quyền quản lý và kiểm soát tên miền đó. Tên miền cũng là cách thể hiện thương hiệu và định danh trực tuyến cho các doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh. Khi doanh nghiệp đăng ký một tên miền nào đó là đã tạo ra định danh riêng biệt cho trang web của doanh nghiệp trên Internet. Tên miền được xem là phần quan trọng trong việc xây dựng các thương hiệu trực tuyến của doanh nghiệp. Doanh nghiệp tạo ra một tên miền hợp lý và dễ nhớ luôn tăng độ uy tín trang web của doanh nghiệp. Từ đó, trang web sẽ thu hút nhiều khách hàng và tạo sự tin nhiệm với các đối tác. Tên miền còn đóng vai trò thiết yếu trong việc tạo và quản lý địa chỉ email cho doanh nghiệp. Bằng cách sử dụng tên miền cho trang web, doanh nghiệp có thể tạo các địa chỉ email chuyên nghiệp và nâng cao hình ảnh của chính doanh nghiệp đó.

Tên miền cho phép người dùng trên toàn thế giới tìm đến với website của doanh nghiệp và để dễ định vị thì các doanh nghiệp thường đăng ký tên miền theo tên thương mại, nhãn hiệu hàng hóa của doanh nghiệp. Tuy nhiên, tên miền chỉ là một tên để định danh, không mang tính chất là một tài sản trí tuệ hay kết quả từ hoạt động tư duy của con người, quyền đăng ký tên miền không phụ thuộc vào việc có quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm đó hay không. Do đó, tên miền không thuộc đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ. Có nghĩa “*Tên miền là một địa chỉ không được hưởng một sự bảo hộ đặc thù nào và phải tuân thủ các quy định chung*

---

<sup>1</sup> Khoản 10 Điều 4 [Luật Doanh nghiệp năm 2020](#).

<sup>2</sup> Khoản 4 Điều 1 Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18/8/2015.

<sup>3</sup> Khoản 4 Điều 2 [Thông tư 19/2014/TT-BTTTT](#):

*của pháp luật. Thật vậy, tên của một dấu hiệu phân biệt độc lập, không được bảo hộ bằng quyền về nhãn hiệu mà được bảo hộ thông qua việc đăng ký. Việc đăng ký tên miền được điều chỉnh bởi nguyên tắc “Người nào đăng ký trước được phục vụ trước”. Vì vậy, khi một tên miền đã được một người nào đó đăng ký rồi thì kéo theo hệ quả cơ bản là người khác không thể sử dụng tên đó nữa”<sup>4</sup>. Do đó, tên miền không được coi là một đối tượng được bảo hộ của quyền sở hữu trí tuệ. Tên miền thường được giải quyết tranh chấp theo thông lệ quốc tế “đăng kí trước thì được quyền sử dụng trước” (first to file first to serve). Vì tên miền có mối quan hệ với tên của doanh nghiệp, với thương hiệu của doanh nghiệp nên bảo vệ tên miền cũng là bảo vệ tính xác thực thông tin của doanh nghiệp.*

### **1. Bảo vệ tính xác thực thông tin doanh nghiệp thông qua bảo vệ đăng ký tên miền**

Luật Sở hữu trí tuệ (SHTT) quy định về các hành vi bị coi là hành vi cạnh tranh không lành mạnh: “*Chiếm hữu, sử dụng tên miền trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu, tên thương mại được bảo hộ của người khác hoặc chỉ dẫn địa lý mà mình không có quyền sử dụng với dụng ý xấu, lợi dụng uy tín, danh tiếng của nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý tương ứng nhằm thu lợi bất chính*”<sup>5</sup>. Theo đó, một chủ thể có hành vi đăng ký, chiếm giữ hoặc sử dụng tên miền trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu, tên thương mại và chỉ dẫn địa lý mà mình không có quyền sử dụng nhằm mục đích chiếm giữ tên miền, lợi dụng hoặc làm thiệt hại đến uy tín, danh tiếng của nhãn hiệu, tên thương mại và chỉ dẫn địa lý thì bị coi là hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Như vậy, tên miền bị coi là xâm phạm quyền cạnh tranh không lành mạnh là tên miền trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu, tên thương mại và chỉ dẫn địa lý đã được bảo hộ của chủ thể khác và đăng ký cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hay tương tự với sản phẩm, dịch vụ của nhãn hiệu, tên thương mại và chỉ dẫn địa lý đó. Hoặc mặc dù không trùng hay tương tự về sản phẩm, dịch vụ nhưng nhãn hiệu, tên thương mại và chỉ dẫn địa lý đó đã được sử dụng rộng rãi tại Việt Nam, chủ sở hữu tên miền dùng tên miền đó để đưa thông tin sai về sản phẩm, dịch vụ của chủ nhãn hiệu, tên thương mại và chỉ dẫn địa lý khác.

Mặc dù, tên miền không phải là đối tượng được Luật SHTT bảo hộ, nhưng tên miền lại có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc phát triển thương hiệu của doanh nghiệp. Thông qua tên miền, doanh nghiệp có tên, có địa chỉ rõ ràng thì tên miền chính là những thông tin xác thực của doanh nghiệp trong thế giới số. Còn nhãn hiệu là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hoá, dịch vụ mang thương hiệu của doanh nghiệp trong thế giới thực. Cũng giống như nhãn hiệu, nguyên tắc đăng ký tên miền là “first come, first served”, có nghĩa chủ thể nào đăng ký trước

<sup>4</sup> Bernard Delafaye (Công tố viên danh dự bên cạnh Tòa phúc thẩm Paris), “Tên miền và vấn đề quyền sở hữu trí tuệ”, *Hội thảo “Tìm hiểu tương lai cho sở hữu trí tuệ tại Châu Á”*, Nhà Pháp luật Việt – Pháp, Hà Nội, ngày 13/15/5/2002.

<sup>5</sup> Điều d khoản 1 Điều 130 Luật SHTT năm 2005 (được sửa đổi bổ sung năm 2009, năm 2019, năm 2022).



sẽ được cấp trước. Theo nguyên tắc này, khi một chủ thể xin đăng ký tên miền, chỉ cần tên miền này chưa được cấp cho ai thì sẽ được cấp cho chủ thể đó. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến xung đột bởi lẽ có nhiều chủ thể lạm dụng nguyên tắc này để đăng ký hàng loạt tên miền, trong đó chủ yếu nhất là đăng ký tên miền trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu nhằm mục đích trục lợi. Nếu như nhãn hiệu có chức năng phân biệt hàng hóa dịch vụ của các chủ thể kinh doanh khác nhau, còn tên miền là để định danh địa chỉ internet. Tên miền được xem như là một chỉ dẫn thương mại có thể kết nối đến các website giới thiệu về sản phẩm, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân. Các doanh nghiệp thường lấy chính tên doanh nghiệp của mình để làm tên miền hoặc chọn tên miền tương ứng với toàn bộ hoặc một phần nhãn hiệu đã đăng ký hoặc chưa đăng ký của họ để giúp cho khách hàng không nhầm lẫn sản phẩm, dịch vụ của họ với sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp khác. Tên miền đã trở thành tài sản có giá trị thương mại, tương tự như các đối tượng sở hữu trí tuệ.

Về thủ tục đăng ký, thay đổi thông tin đăng ký, hoàn trả tên miền “.vn” thì: *“Không được thay đổi tên của chủ thể đăng ký tên miền, trừ các trường hợp: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thay đổi tên sang tên mới theo quyết định của cấp có thẩm quyền; cá nhân thay đổi họ, tên theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”*<sup>6</sup>. Đồng thời, *“Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký, thay đổi thông tin đăng ký, hoàn trả tên miền hợp lệ, Nhà đăng ký tên miền “.vn” thông báo tới chủ thể kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp từ chối, thông báo nêu rõ lý do”*<sup>7</sup>. Tuy nhiên, việc thay đổi thông tin đăng ký, hoàn trả tên miền “.vn” được thực hiện không đúng quy định khi có hành vi chiếm đoạt tên miền để trục lợi. Xin nêu ví dụ cụ thể như sau:

Nội dung vụ án: Kể từ khi thành lập năm 1994 đến trước khi cổ phần hóa năm 2010, Công ty Thương mại và Đầu tư Khánh Hòa (tên viết tắt tiếng Anh là TIC) có ngành nghề chính là kinh doanh dịch vụ du lịch, lữ hành quốc tế, bán vé máy bay... Năm 2010, Công ty Thương mại và Đầu tư Khánh Hòa chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại và Đầu tư Khánh Hòa (tên viết tắt tiếng Anh cũng là TIC). Theo đó, trong cơ cấu tổ chức mới có Trung tâm du lịch Tictours (tên viết bằng tiếng Anh là Tictours Travel) là đơn vị trực thuộc, có con dấu riêng, có tư cách pháp nhân không đầy đủ để quan hệ giao dịch và hoạt động theo sự ủy quyền của Công ty. Trung tâm du lịch Tictours do ông Nguyễn Quang Th làm Giám đốc đã đăng ký tên miền “Tictours.vn” tại Trung tâm Internet Việt Nam

---

<sup>6</sup> Điểm b khoản 1 Điều 10 Thông tư số 19/2014/TT-BTTTT ngày 05/12/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông; khoản 6 Điều 10 Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18/8/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý, sử dụng tài nguyên internet.

<sup>7</sup> Khoản 6 Điều 10 Thông tư số 19/2014/TT-BTTTT ngày 05/12/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông và khoản 4 Điều 10 Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18/8/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý, sử dụng tài nguyên internet.

và được cấp phát sử dụng từ ngày 29/10/2010 đến ngày 29/10/2015. Như vậy, tên miền “Tictours.vn” gắn liền với sự hình thành và phát triển của Công ty và Trung tâm du lịch Tictours.

Ngày 26/3/2015, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại và Đầu tư Khánh Hòa có Quyết định số 35/QĐ-TMĐT bổ nhiệm ông Phạm Duy H giữ chức Giám đốc Trung tâm du lịch Tictours thay cho ông Nguyễn Quang Th kể từ ngày 01/4/2015. Tuy nhiên, ngày 30/3/2015 (01 ngày trước khi miễn nhiệm chức danh Giám đốc), ông Th nhân danh Giám đốc Trung tâm du lịch Tictours đã ký Đơn đề nghị trả lại tên miền “Tictours.vn” với lý do không còn nhu cầu sử dụng, trong khi Trung tâm du lịch Tictours vẫn đang hoạt động trong lĩnh vực du lịch và hạn sử dụng tên miền này đến ngày 29/10/2015. Việc ông Th tự ý trả lại tên miền “Tictours.vn” đã đăng ký cho Trung tâm du lịch Tictours nhưng không báo cáo Tổng Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại và Đầu tư Khánh Hòa là vi phạm nghĩa vụ báo cáo theo Quy chế hoạt động của Trung tâm du lịch Tictours. Tiếp ngay sau đó, ngày 01/4/2015, ông Th lại đăng ký tên miền “Tictours.vn” cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Lữ hành quốc tế Tictours (có tên tiếng Anh cũng là Tictours Travel) do chính ông Th làm Giám đốc Công ty và được cấp phát sử dụng tên miền này từ ngày 02/4/2015.

Hội đồng Thẩm phán TANDTC nhận định: “Việc Trung tâm Internet Việt Nam và nhà đăng ký tên miền “.vn” không thông báo tới chủ thể (Trung tâm du lịch Tictours thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại và Đầu tư Khánh Hòa) kết quả xử lý hồ sơ hoàn trả tên miền trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ (ngày 30/3/2015), mà lại hủy tên miền “Tictours.vn” của Trung tâm du lịch Tictours là vi phạm khoản 6 Điều 10 Thông tư số 19/2014/TT-BTTTT ngày 05/12/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là khoản 4 Điều 10 Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18/8/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông)<sup>8</sup>. Qua các vụ việc trên cho thấy, “*Các chủ thể xâm phạm thường đăng ký tên miền có thành phần là tên nhãn hiệu của các tập đoàn nổi tiếng trên thế giới sau đó bổ sung thêm tiền tố hoặc hậu tố chỉ địa danh Việt Nam*”<sup>9</sup>. Như vậy, hành vi hoàn trả tên miền, sau đó thay đổi đăng ký tên miền “Tictours.vn” của ông Th thể hiện rõ mục đích chiếm đoạt tên miền để trục lợi.

Về phương thức đăng ký tên miền .vn thì: Doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký, trực tuyến thông qua công cụ đăng ký, quản lý hồ sơ tên miền trực tuyến của Nhà đăng ký tên miền “.vn”. Doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký tên miền được xác minh thông qua chữ ký số trong hồ sơ đăng ký tên miền hoặc giải pháp công nghệ thu thập, kiểm tra, đối chiếu, đảm bảo sự đầy đủ,

<sup>8</sup> Quyết định giám đốc thẩm số 11/2019/KDTM-GĐT ngày 24/9/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC.

<sup>9</sup> Lê Thị Thu Hà, Đào Kim Anh (2013), “Chính sách giải quyết tên miền thống nhất và những vấn đề đặt ra đối với doanh nghiệp Việt Nam”, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 15, tr.50.

khớp đúng giữa thông tin nhận biết doanh nghiệp và thông tin, dữ liệu trên hồ sơ điện tử. Nhà đăng ký tên miền “.vn” có trách nhiệm xác thực thông tin doanh nghiệp và đảm bảo sự đầy đủ, tính chính xác của hồ sơ đăng ký sử dụng tên miền<sup>10</sup>. Đồng thời, trường hợp đề nghị đổi tên doanh nghiệp là chủ thể thay đổi thông tin đăng ký tên miền như nêu trên, ngoài Đơn đề nghị thay đổi thông tin đăng ký tên miền, doanh nghiệp nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao (kèm bản chính để đối chiếu) quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc văn bản tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các giấy tờ khác chứng minh sự thay đổi hợp lệ về quyền sử dụng tên miền<sup>11</sup>.

Các biện pháp tự bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại như sau: “*Áp dụng biện pháp công nghệ bảo vệ quyền, đưa thông tin quản lý quyền hoặc áp dụng các biện pháp công nghệ khác nhằm ngăn ngừa hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ*”<sup>12</sup>. Đối với tên miền, việc áp dụng công nghệ để bảo vệ tên miền mang tính cơ học như: sử dụng mật khẩu, khóa tên miền, đăng ký bảo hộ tên miền, gia hạn ngay tên miền khi hết hạn. Ngoài ra, có nhiều phương án đưa ra có sức thuyết phục như: “*Để tự bảo vệ quyền lợi của chính mình, các doanh nghiệp nên đăng ký đồng thời cả tên miền và nhãn hiệu*”<sup>13</sup>; hay: “*Khi đăng ký sở hữu tên miền quốc gia, doanh nghiệp Việt Nam cần xem xét đăng ký luôn các tên miền quốc tế thông dụng như: .net, .info, .org, .com.... nhằm tránh tranh chấp sau này. Đây là chính sách “Bao vây tên miền” được sử dụng hầu hết các tập đoàn lớn trên thế giới nhằm bảo vệ thương hiệu toàn cầu của mình*”<sup>14</sup>.

Tuy nhiên, tên miền cần được bảo vệ ngay từ phương thức đăng ký, tính xác thực thông tin của doanh nghiệp thể hiện trên hồ sơ đăng ký tên miền thông qua chữ ký số kết hợp kiểm tra, đối chiếu thông tin nhận biết doanh nghiệp bằng thông tin, dữ liệu điện tử. Để việc đăng ký tên miền được chính xác, cùng với chuyển đổi số trong hoạt động công chứng thì khi doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký trực tuyến thông qua công cụ đăng ký, quản lý hồ sơ tên miền trực tuyến của Nhà đăng ký tên miền “.vn”. Trong đó, thông tin doanh nghiệp được thể hiện bằng dữ liệu điện tử cần được công chứng viên của một tổ chức hành nghề công chứng chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của thông tin doanh nghiệp vào hồ sơ đăng ký tên miền bằng phương

---

<sup>10</sup> Xem khoản 1, 2, 3 [Điều 10 Thông tư 24/2015/TT-BTTTT](#) ngày 18/8/2015 được sửa đổi bởi điểm a khoản 8 [Điều 1 Thông tư số 21/2021/TT-BTTTT](#) ngày 8/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên internet.

<sup>11</sup> Xem khoản 7 [Điều 10 Thông tư 24/2015/TT-BTTTT](#) ngày 18/8/2015 được sửa đổi bởi điểm c khoản 8 [Điều 1 Thông tư số 21/2021/TT-BTTTT](#) ngày 8/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên internet.

<sup>12</sup> Khoản 1 Điều 198 [Luật Sở hữu trí tuệ 2005](#) (được sửa đổi bởi điểm a khoản 76 Điều 1 [Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi 2022](#)).

<sup>13</sup> Diệp Thị Thanh Xuân (2020), “Xung đột giữa nhãn hiệu và tên miền”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, số 10, tr.12.

<sup>14</sup> Lê Thị Thu Hà, Đào Kim Anh (2013), “Chính sách giải quyết tên miền thống nhất và những vấn đề đặt ra đối với doanh nghiệp Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp* số 15, tr.51.

thức công chứng điện tử. Từ đó, Nhà đăng ký tên miền “.vn” có thể xác thực thông tin doanh nghiệp và tính chính xác của hồ sơ đăng ký sử dụng tên miền.

## **2. Bảo vệ tính xác thực thông tin doanh nghiệp thông qua bảo vệ chuyển nhượng tên miền**

Luật Công nghệ thông tin quy định: “*Tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” và tên miền cấp dưới của tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” là một phần của tài nguyên thông tin quốc gia, có giá trị sử dụng như nhau và phải được quản lý, khai thác, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả*”<sup>15</sup>. Như vậy, pháp luật chưa quy định cụ thể về chế độ sở hữu tên miền, nhưng pháp luật đã công nhận tên miền là một dạng tài sản. Thực tế, tên miền có thể có giá trị lớn như: “*Medicare.com với giá 4.800.000 USD thời điểm bán tháng 5 năm 2014; Clothes.com với giá 4.900.000 USD thời điểm bán 2008; Toys.com với giá 5.100.000 USD thời điểm bán năm 2009; Slots.com với giá 5.500.000 thời điểm bán 2010; Diamond.com với giá 7.500.000 USD thời điểm bán năm 2006; Fund.com với giá 9.999.950 USD thời điểm bán năm 2008*” (Hiệp hội internet Việt Nam năm 2014)<sup>16</sup>.

Đối với việc “*Chuyển nhượng tên miền là việc chủ sở hữu tên miền bán quyền sở hữu tên miền cho một bên thứ ba. Tên miền được chuyển nhượng có thể còn hạn hoặc hết hạn, nhưng phải đã được đăng ký*”<sup>17</sup>. Theo quy định của ICANN, trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày đăng ký hoặc chuyển nhượng lần cuối cùng, tên miền không thể được chuyển nhượng<sup>18</sup>. và “*Tên miền được chuyển nhượng sẽ tiếp tục thời hạn đăng ký và được cộng thêm một năm, nhưng tổng thời hạn còn lại của tên miền không được quá mười năm*”<sup>19</sup>. Đối với Việt Nam việc chuyển nhượng tên miền thì được “*Tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”, trừ tên miền được bảo vệ, tên miền dùng chung theo quy định của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, tên miền đang bị xử lý vi phạm hoặc đang trong quá trình giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tên miền đang bị tạm ngừng sử dụng*”<sup>20</sup>. Tuy nhiên, kiểm soát chuyển nhượng tên miền đủ điều kiện chuyển nhượng hay không lại đang bị bỏ ngỏ. Xin nêu ví dụ cụ thể như sau:

---

<sup>15</sup> Khoản 1 Điều 68 Luật Công nghệ thông tin năm 2006 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

<sup>16</sup> Phí Mạnh Cường (2023), “Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong thương mại điện tử”, Tạp chí Công thương số 12, tháng 5 năm 2023, tr. 33.

<sup>17</sup> “FAQs for Registrants: Domain Name Renewals and Expiration - ICANN”, ICANN, [https://www.icann.org/resources/pages/domain-name-renewal-expiration-faqs-2018-12-07-en] (truy cập ngày 15/8/2024).

<sup>18</sup> Mục II.C.2 Chính sách chuyển nhượng ICANN. “Transfer Policy”, ICANN, [https://www.icann.org/resources/pages/transfer-policy-2016-06-01-en] (truy cập ngày 15/8/2024).

<sup>19</sup> Mục I.A.8 Chính sách chuyển nhượng ICANN “Transfer Policy”, ICANN, [https://www.icann.org/resources/pages/transfer-policy-2016-06-01-en] (truy cập ngày 15/8/2024)..

<sup>20</sup> Điểm b khoản 1 Điều 51 Luật Viễn thông năm 2023.

Nội dung vụ án: Công ty Ecommerce E thành lập năm 2014 hoạt động trong lĩnh vực thương mại điện tử với nhãn hiệu “SHOPBACK” đã được cấp bảo hộ độc quyền tại Đăng ký quốc tế số 1303557 ngày 19/5/2016, có hiệu lực tại Việt Nam kể từ ngày 19/6/2017 (ngày Cục Sở hữu trí tuệ Bộ khoa học và Công nghệ ban hành Quyết định số 2021/QĐ-SHTT chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký quốc tế tại Việt Nam) đến ngày 19/5/2026. Theo Kết luận giám định sở hữu công nghiệp số NH328-19YC/KLGĐ ngày 20/6/2019 của Viện Khoa học Sở hữu trí tuệ Bộ khoa học và Công nghệ xác định: Các tên miền shopback.vn và shopback.com.vn trùng với nhãn hiệu “SHOPBACK”; Các tên miền myshopback.vn và myshopback.com.vn tương tự với nhãn hiệu “SHOPBACK” thuộc sở hữu của nguyên đơn.

Nguyên đơn là Công ty Ecommerce khởi kiện ngày 01/6/2018, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án vào ngày 30/7/2018. Theo đơn khởi kiện, tại phiên toà sơ thẩm và phiên toà phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn xác định khởi kiện ông Vũ Mạnh Hoàng H là bị đơn đăng ký nhưng không sử dụng các tên miền myshopback.vn và myshopback.com.vn, mà liên kết và điều hướng trực tiếp tới website được đặt chính tại tên miền tichluy.vn (địa chỉ <http://www.tichluy.vn>), quảng cáo và cung cấp các dịch vụ thương mại điện tử được phát triển bởi Công ty Cổ phần TL, đang phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần TL mà bị đơn là người đại diện theo pháp luật. Nguyên đơn yêu cầu ông H trả lại 04 tên miền nêu trên. Kèm theo đơn khởi kiện là vi bằng số 1231/2018/VB-TPLHD ngày 29/11/2018, trong đó thể hiện chủ thể đăng ký sử dụng các tên miền là ông Huỳnh Văn H2; ngày đăng ký đối với tên miền shopback.vn và shopback.com.vn là ngày 23/6/2016, đối với tên miền myshopback.com và myshopback.com.vn là ngày 25/01/2018. Tại công văn số 737/VNNIC và 738/VNNIC cùng ngày 17/9/2018 của trung tâm Internet Việt Nam thể hiện, các tên miền gồm: shopback.vn, shopback.com.vn do ông Huỳnh Văn H2 đăng ký sử dụng từ ngày 23/6/2016. Tên miền: myshopback.vn và myshopback.com.vn, do ông H2 đăng ký sử dụng từ ngày 25/01/2018. Tại văn bản số 44-18/PAVIETNAM/DVKH-CV ngày 10/11/2018 của Công ty TNHH P Việt Nam và văn bản số 191118/CV-GMO ngày 19/11/2018 của Công ty R là các nhà đăng ký các tên miền tranh chấp thể hiện, tại thời điểm tháng 7 năm 2018, tên miền shopback.vn và shopback.com.vn thuộc quyền sở hữu của ông Vũ Mạnh Hoàng H (đến ngày 29/8/2018 chuyển nhượng cho ông Huỳnh Văn H2); tên miền myshopback.com và myshopback.com.vn thuộc sở hữu của ông Huỳnh Văn H2.

Tòa án cấp phúc thẩm nhận định: Các đương sự xác định sau khi Toà án cấp sơ thẩm thụ lý, 04 tên miền nêu trên đã do ông H2 đăng ký sử dụng nhưng Toà án cấp sơ thẩm lại không yêu cầu nguyên đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện xác định lại chủ thể bị khởi kiện cho chính xác mà vẫn xác định ông H là bị đơn, ông H2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng địa vị tố tụng trong vụ án, từ đó, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự cũng như không khả thi trong việc thi hành bản án trong trường hợp nếu có chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn<sup>21</sup>.

Như vậy, các tên miền shopback.vn và shopback.com.vn trùng với nhãn hiệu “SHOPBACK”; Các tên miền myshopback.vn và myshopback.com.vn tương tự với nhãn hiệu “SHOPBACK” thuộc sở hữu của Công ty Ecommerce E. Ông Vũ Mạnh Hoàng H đại diện Công ty Cổ phần TL đã đăng ký 4 tên miền trên. Khi Công ty Ecommerce E phát hiện ra có hành vi vi phạm thì ngày 29/8/2018 ông Vũ Mạnh Hoàng H đã chuyển nhượng cho ông Huỳnh Văn H2, nên đến thời điểm Công ty Ecommerce E khởi kiện thì tên miền myshopback.com và myshopback.com.vn thuộc sở hữu của ông Huỳnh Văn H2.

Qua các vụ việc trên cho thấy, *“Xét nghiệm tính tương tự hay trùng lặp giữa tên miền và nhãn hiệu phải được thực hiện một cách trực tiếp, không cần thiết phải tham khảo đến các yếu tố ít liên quan hơn, chẳng hạn khả năng liệu người sử dụng internet có bị nhầm lẫn hay không liên quan đến nguồn gốc, sự liên hệ hay sự tác động của tên miền”*<sup>22</sup>. Thêm vào đó, *“Yêu cầu về tính phân biệt chưa được thể hiện rõ trong pháp luật Việt Nam liên quan đến tên miền và cũng không được đề cập đến trong vụ việc được bình luận nhưng thiết nghĩ, để được bảo vệ, tên miền phải có dấu hiệu phân biệt, nên nếu thiếu tính phân biệt, tên miền có thể bị từ chối”*<sup>23</sup>. Vấn đề đặt ra là các giao dịch thay đổi thông tin đăng ký, hoàn trả tên miền và chuyển nhượng tên miền cần xác định được thông tin xác thực của doanh nghiệp và của tên miền.

Tên miền quốc gia “.vn” thuộc quyền quản lý của Trung tâm internet Việt Nam, thuộc Bộ Thông tin và truyền thông. Theo Quyết định 16/2021/QĐ-TTg ngày 30/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về đấu giá, chuyển nhượng quyền sử dụng kho số viễn thông, tên miền Internet kèm theo mẫu văn bản đề nghị chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng tên miền Internet; ngoài các thông tin cơ bản về doanh nghiệp bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng như: Tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, mã số doanh nghiệp, giá trị chuyển nhượng tên miền, còn có thông tin về tên miền Internet đề nghị chuyển nhượng quyền sử dụng như: Ngày đăng ký, ngày hết hạn, nhà đăng ký quản lý. Ngoài ra, các bên cam kết xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin cung cấp và cam kết tên miền Internet chuyển nhượng quyền sử dụng đang hoạt động bình thường, không có tranh chấp, đủ điều kiện được thực hiện chuyển quyền sử dụng theo quy định của pháp luật. Bên

---

<sup>21</sup> Bản án kinh doanh – thương mại phúc thẩm số 39/2022/KDTM-PT ngày 18/7/2022 của TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh.

<sup>22</sup> Phan Ngọc Tâm (2012), “So sánh chính sách giải quyết tranh chấp tên miền của một số quốc gia Asean và kinh nghiệm cho Việt Nam, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, số 2, tr.35.

<sup>23</sup> Đỗ Văn Đại, Nguyễn Ngọc Hồng Phương (2013), “Điều kiện từ chối đăng ký, sử dụng tên miền”, *Tạp chí Khoa học pháp lý* số 3, tr.80.

nhận chuyển nhượng quyền sử dụng tên miền Internet đúng đối tượng được đăng ký tên miền chuyển nhượng. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của các bên tham gia chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

Giao dịch chuyển nhượng bị coi là không hợp pháp trong các trường hợp: các bên tham gia quá trình chuyển nhượng không thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đối với hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng tên miền Internet theo quy định của pháp luật về thuế; thực hiện chuyển nhượng không thông qua nhà đăng ký đang quản lý tên miền; có sự giả mạo về thông tin, hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng tên miền<sup>24</sup>. Vì vậy, tính xác thực thông tin doanh nghiệp và hồ sơ chuyển nhượng tên miền do bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự nguyện cam kết khai báo trung thực. Mặc dù, văn bản đề nghị chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng tên miền Internet có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, đóng con dấu của doanh nghiệp. Nhưng nhà đăng ký đang quản lý tên miền Internet chỉ có thể xác định được chính xác ngày đăng ký, ngày hết hạn đối với tên miền chuyển nhượng, mà khó có thể xác định được tính xác thực thông tin của doanh nghiệp tham gia chuyển nhượng tên miền.

Về thủ tục chuyển nhượng: *“Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng quyền sử dụng tên miền Internet nộp hồ sơ chuyển nhượng theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp, trực tuyến hoặc qua đường bưu chính về nhà đăng ký đang quản lý tên miền Internet đó”*<sup>25</sup>. Như vậy, pháp luật cho phép các bên chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng tên miền được nộp hồ sơ trực tuyến phù hợp với sự phát triển của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0. Song việc chuyển nhượng tên miền cần phải được chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của thông tin doanh nghiệp và hồ sơ chuyển nhượng bằng phương tiện điện tử để phù hợp với môi trường internet.

Do đó, văn bản đề nghị chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng tên miền Internet cần thực hiện thông qua công chứng điện tử trực tuyến; theo đó, bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tên miền Internet giao kết giao dịch chuyển nhượng tên miền thông qua phương tiện trực tuyến trước sự chứng kiến của công chứng viên; công chứng viên và tổ chức hành nghề công chứng chứng nhận giao dịch chuyển nhượng tên miền bằng chữ ký số để tạo ra văn bản công chứng điện tử. Cũng thông qua đó, công chứng viên của một tổ chức hành nghề công chứng chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của thông tin doanh nghiệp và hồ sơ chuyển nhượng tên miền do bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng cung cấp.

## KẾT LUẬN

---

<sup>24</sup> Xem Điều 29 [Quyết định 16/2021/QĐ-TTg](#) ngày 30/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về đấu giá, chuyển nhượng quyền sử dụng kho số viễn thông, tên miền Internet.

<sup>25</sup> Điều a khoản 2 Điều 29 [Quyết định 16/2021/QĐ-TTg](#) ngày 30/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về đấu giá, chuyển nhượng quyền sử dụng kho số viễn thông, tên miền Internet.

Để phục vụ cho công việc kinh doanh thì doanh nghiệp cần lập một website và việc chọn tên miền là hết sức quan trọng. Tên miền của doanh nghiệp có thể gây ấn tượng với đối tác, với khách hàng, tên miền cũng có thể là đại diện cho chính thương hiệu của doanh nghiệp ở thế giới internet. Giống như thương hiệu, tên miền là cái tên khiến đối tác, khách hàng nhớ và ấn tượng mỗi khi nhắc đến doanh nghiệp. Chính vì lẽ đó, một số doanh nghiệp dùng ngay chính tên thương hiệu để làm tên miền và được đăng ký độc quyền. Từ khi doanh nghiệp vừa thành lập đã định hướng xây dựng thương hiệu cho mình và khi đã phát triển được thương hiệu thì thông qua website tạo lập tên miền được lấy từ tên của thương hiệu. Vì vậy, *“Đối với các doanh nghiệp thương mại điện tử, tên miền đã trở thành công cụ để nhận diện đặc biệt quan trọng đối với doanh nghiệp”* và *“Đối với doanh nghiệp thương mại điện tử website của doanh nghiệp chính là bộ mặt của doanh nghiệp trên internet, website của doanh nghiệp không chỉ đơn thuần là nơi cung cấp thông tin về doanh nghiệp, về hàng hóa dịch vụ mà còn có tác dụng tạo lập và củng cố niềm tin của khách hàng, của đối tác đối với doanh nghiệp thông qua tính chuyên nghiệp được thể hiện trên website của doanh nghiệp”*<sup>26</sup>. Nhằm tạo cơ sở pháp lý cho chuyển đổi số hoạt động công chứng, theo Dự thảo Luật Công chứng sửa đổi, bổ sung năm 2024 đã bổ sung quy định về công chứng điện tử là việc công chứng được thực hiện bằng phương tiện điện tử để tạo lập văn bản công chứng điện tử; việc công chứng điện tử phải bảo đảm các nguyên tắc cụ thể; việc cung cấp dịch vụ công chứng điện tử chỉ được thực hiện khi đáp ứng các điều kiện cụ thể, đồng thời, cũng quy định về khái niệm, thời điểm có hiệu lực, giá trị của văn bản công chứng điện tử và việc chuyển đổi hình thức giữa văn bản công chứng điện tử và văn bản công chứng giấy; quy định về quy trình công chứng điện tử nhằm tạo cơ sở pháp lý cho chuyển đổi số hoạt động công chứng<sup>27</sup>. Trên cơ sở đó, việc đăng ký và chuyển nhượng tên miền cần được chứng thực thông qua công chứng điện tử để đảm bảo tính xác thực thông tin của doanh nghiệp.

---

<sup>26</sup> Phí Mạnh Cường (2023), “Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong thương mại điện tử”, Tạp chí Công thương số 12, tháng 5 năm 2023, tr. 33.

<sup>27</sup> Điều 59-62 Dự thảo Luật Công chứng sửa đổi, bổ sung năm 2024.



# PHÁP LUẬT VƯƠNG QUỐC ANH VỀ QUẢN LÝ THÔNG TIN NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP - KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

**TS.GVC. Võ Trung Tín**

*Trưởng Bộ môn Đất đai – Môi trường, Khoa Luật Thương mại,  
Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh*

**Nguyễn Hoàng Long**

*Học viên, Học viện Tư pháp cơ sở TP. Hồ Chí Minh*

**Huỳnh Cao Như Ngọc**

*Học viên, Học viện Tư pháp cơ sở TP. Hồ Chí Minh*

## **Tóm tắt:**

Việt Nam đã xây dựng khung pháp lý đối với vai trò người đại diện theo pháp luật nói riêng, và việc quản lý thông tin liên quan đến vị trí này nói chung, tuy nhiên vẫn còn tồn đọng nhiều bất cập, mà dẫn đến nhiều khó khăn khi xác định thẩm quyền giao kết giao dịch của một cá nhân đại diện cho doanh nghiệp trong hoạt động công chứng. Bài viết tập trung nghiên cứu phương pháp quản lý thông tin doanh nghiệp tại Vương Quốc Anh. Từ đó, rút ra những khuyến nghị nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về quản lý thông tin người đại diện theo pháp luật và kinh nghiệm cho Việt Nam.

**Từ khóa:** Người đại diện theo pháp luật, quản lý thông tin, quản lý thông tin doanh nghiệp

## **Abstract:**

*Vietnamese law has created a legal framework for enterprise information management relating to the registration of legal representatives. However, there are still issues that need addressing. This has led to difficulties in notarization when determining the signatory authority of an individual representing an enterprise in transactions. This paper concentrates on studying the management of enterprise information through legal instruments in the United Kingdom. Based on this analysis, recommendations are made to enhance legal provisions regarding the management of information about legal representatives and experience for Vietnam.*

**Keywords:** legal representatives, management of enterprise information

## **1. Khái quát về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo pháp luật Vương Quốc Anh**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, với tư cách là một pháp nhân, doanh nghiệp không thể tự mình giao kết hợp đồng hoặc đại diện trong các thủ tục pháp lý mà cần có một cá nhân được phép nhân danh mình thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh.<sup>1</sup> Đứng trước yêu cầu này, pháp luật nhiều quốc gia đã ghi nhận sự hiện diện của vị trí người đại diện theo pháp luật trong một công ty. Điển hình như, Đạo Luật Doanh Nghiệp 2001 của Úc quy định rằng một pháp nhân có thể chỉ định cá nhân làm người đại diện để thực hiện tất cả hoặc bất kỳ quyền nào của pháp nhân đó, bao gồm nhưng không giới hạn các quyền tại cuộc họp thành viên công ty.<sup>3</sup> Hay như Đạo Luật về Các Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn của Cộng Hòa Liên Bang Đức, mặc dù không cung cấp khái niệm cụ thể, nhưng đạo luật này đã khẳng định, một công ty được đại diện bởi các Giám đốc hoặc cổ đông trong trường hợp không có Giám đốc.<sup>4</sup> Như vậy, dù có sự không thống nhất về tên gọi và định nghĩa, nhưng trong cách hiểu về người đại diện theo pháp luật vẫn có những điểm tương đồng, giao thoa đó là: người đại diện theo pháp luật là người được doanh nghiệp chỉ định để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn nhân danh doanh nghiệp.<sup>5</sup>

Dẫn chiếu đến pháp luật Anh Quốc, theo nhóm tác giả, quy định về người đại diện theo pháp luật chịu sự điều chỉnh của Đạo Luật Doanh Nghiệp 2006 (sau đây gọi là “**Đạo luật Doanh Nghiệp 2006**”). Theo đó, khi nhận được sự ủy quyền từ doanh nghiệp, một hoặc nhiều cá nhân sẽ nhân danh, đại diện tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo pháp luật<sup>6</sup> hoặc phát sinh từ giao dịch với bên thứ ba.<sup>7</sup> Như vậy, thay vì đưa ra định nghĩa cụ thể, đạo luật lựa chọn cách thức quy định rải rác tại nhiều điều khoản nhằm nêu bật hai đặc điểm của một người đại diện theo pháp luật trong doanh nghiệp là “*phải được đăng ký với cơ quan có thẩm quyền*” và “*được quyền hành động nhân danh công ty trước pháp luật và trong giao dịch với bên thứ*

---

<sup>1</sup> Vela Madlela, Palollo Michael Lehloenya (2018), “Representation of a company when contracting with another person under South African Company Law”, *Nelson Mandela University Law Journal*, Vol. 39 No. 2 (2018), p.547

<sup>3</sup> Khoản 1 Điều 250D, Đạo Luật Doanh Nghiệp 2001 của Úc Luật doanh nghiệp Úc năm 2001.

<sup>4</sup> Điều 35.1 Đạo Luật về Các Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn của Cộng Hòa Liên Bang Đức.

<sup>5</sup> Trần Thị Thu Hà (2021), “Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Nghề luật*, số 09/2021, tr.15

<sup>6</sup> Điều 323.2 Đạo Luật Doanh nghiệp 2006.

<sup>7</sup> Điều 40 Đạo Luật Doanh Nghiệp 2006.

ba”. Qua phân tích bên dưới, nhóm tác giả nhận thấy Anh Quốc đã để cá nhân đảm nhận vị trí Giám đốc được kiêm nhiệm vai trò đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

*Thứ nhất, Giám đốc phải được đăng ký với cơ quan quản lý đăng ký kinh doanh từ thời điểm thành lập và cập nhật khi có thay đổi.*

Theo Đạo Luật Doanh Nghiệp 2006, việc bổ nhiệm vị trí Giám đốc là yêu cầu bắt buộc, với số lượng phụ thuộc vào việc doanh nghiệp là công ty tư nhân hay công ty đại chúng.<sup>9</sup> Cụ thể là ít nhất một Giám đốc đối với công ty tư nhân và hai Giám đốc đối với công ty đại chúng. Ngoài ra, Giám đốc phải được đăng ký với cơ quan đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm thành lập bằng một xác nhận người quản lý doanh nghiệp dự kiến (Statement of proposed officers)<sup>10</sup> và thông báo cập nhật khi có bất kỳ thay đổi nào liên quan đến người đảm nhận vị trí này, bao gồm mà không giới hạn việc miễn nhiệm, bổ nhiệm thay thế hoặc có sự thay đổi các thông tin về địa chỉ cư trú.<sup>11</sup> Quyền bổ nhiệm vị trí Giám đốc đầu tiên thuộc về các thành viên của công ty (và được tự động công nhận vào thời điểm doanh nghiệp thành lập). Quy trình bầu các Giám đốc sau đó sẽ tuân theo Điều lệ của doanh nghiệp.<sup>13</sup>

*Thứ hai, Giám đốc được trao quyền đại diện và nhân danh công ty.*

Đạo luật Doanh Nghiệp 2006 nêu rằng Giám đốc cần tuân thủ các quy định tại Điều lệ doanh nghiệp và chỉ thực hiện các hành động trong phạm vi, quyền hạn được trao theo văn bản này và các quy phạm pháp luật khác về doanh nghiệp.<sup>14</sup> Theo đó, các Giám đốc phải chịu trách nhiệm quản lý, điều hành chung đối với các hoạt động kinh doanh hàng ngày với mục đích phát triển doanh nghiệp và được trao quyền để xác lập các giao dịch, ký kết các hợp đồng với bên thứ ba nhân danh công ty, miễn là được cho phép theo Điều lệ hoặc pháp luật có liên quan.

Ngoài ra, theo Đạo Luật Doanh Nghiệp 2006, nhằm đảm bảo lợi ích của các bên trong quan hệ hợp đồng với một công ty, việc giao kết giao dịch của Giám đốc (hoặc người được Giám đốc ủy quyền) sẽ không phải chịu bất kỳ hạn chế nào theo bất kỳ văn bản nội bộ nào và

---

<sup>9</sup> Điều 154 Đạo Luật Doanh Nghiệp 2006.

<sup>10</sup> Điều 12.1 Đạo Luật Doanh Nghiệp 2006.

<sup>11</sup> Điều 167.1 Đạo Luật Doanh Nghiệp 2006.

<sup>13</sup> Appointment of Directors, <https://www.companylawclub.co.uk/appointment-of-directors>, truy cập ngày 08 tháng 8 năm 2024

<sup>14</sup> Điều 171 Đạo Luật Doanh Nghiệp 2006

mang tính chất ràng buộc đối với công ty.<sup>16</sup> Có quan điểm cho rằng việc quy định theo cách thức này sẽ giúp “một bên giao dịch với công ty không có nghĩa vụ phải tìm hiểu việc giới hạn thẩm quyền của người đại diện và được coi là hành động ngay tình trừ khi công ty có thể chứng minh điều ngược lại và cũng không bị xem là không ngay tình chỉ vì biết rằng một giao dịch vượt quá thẩm quyền của người đại diện theo quy định của các văn bản nội bộ của công ty”.<sup>17</sup> Nhóm tác giả đồng tình với quan điểm này. Bởi lẽ, chi tiết thẩm quyền của từng Giám đốc không được công khai trên hệ thống quản lý thông tin doanh nghiệp “Find and update company information” (sau đây gọi chung là “**Cổng Thông Tin Doanh Nghiệp Anh Quốc**”),<sup>18</sup> mà sẽ được ghi nhận tại Điều lệ của doanh nghiệp - một tài liệu nội bộ. Do đó, việc một bên thứ ba có thể tiếp cận tài liệu này là điều không dễ dàng, tốn nhiều thời gian và cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro về bảo mật thông tin đối với doanh nghiệp. Tuy nhiên, nếu vấn đề này không được làm rõ, bên còn lại của giao dịch cũng không thể xác định được thẩm quyền ký kết của Giám đốc đang trực tiếp tham gia vào việc giao kết và tiềm ẩn nguy cơ giao dịch không có giá trị ràng buộc đối với doanh nghiệp. Chính vì vậy, việc Đạo Luật Doanh Nghiệp 2006 rõ ràng công nhận các hợp đồng do Giám đốc doanh nghiệp ký kết có giá trị ràng buộc công ty mà không yêu cầu các bên còn lại phải tìm hiểu về thẩm quyền ký đã tạo hành lang pháp lý vững chắc để bảo vệ quyền và lợi ích của các bên trong một giao dịch.

Mặc dù có sự khác biệt về tên gọi hay chi tiết quyền và nghĩa vụ, xét về bản chất, pháp luật Anh Quốc cũng yêu cầu doanh nghiệp cần chỉ định một hoặc nhiều cá nhân đại diện và hành động nhân danh mình để thực hiện các quyền và nghĩa vụ đặt ra cho một pháp nhân và tham gia vào quan hệ hợp đồng với các chủ thể khác, hay đơn giản là chịu trách nhiệm việc điều hành hoạt động kinh doanh.

## **2. Vấn đề quản lý thông tin về người đại diện của doanh nghiệp tại Anh Quốc**

Thông tin doanh nghiệp công khai là một trong những phương tiện để không chỉ cơ quan nhà nước (ngoại trừ cơ quan đăng ký kinh doanh) mà còn các tổ chức, pháp nhân, cá nhân khác cập nhật thông tin pháp lý mới nhất của doanh nghiệp. Do đó, việc cập nhật kịp thời và chính xác các nội dung này đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý nhà nước và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Đạo Luật Doanh Nghiệp 2006 đưa ra những quy định ràng buộc doanh nghiệp tại quốc gia này cần khai báo tại thời điểm thành lập cá nhân đảm nhận chức

---

<sup>16</sup> Điều 40.1 Đạo Luật Doanh Nghiệp 2006.

<sup>17</sup> Bùi Đức Giang (2021), “Hành lang pháp lý về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp nhìn từ thực tiễn”, Tạp chí Ngân hàng, số 09/2021, tr.35

<sup>18</sup> Find and update company information, <https://find-and-update.company-information.service.gov.uk/>

đăng Giám đốc<sup>19</sup> và cập nhật thông tin về vị trí này trong vòng 14 ngày kể từ khi có bất kỳ sự thay đổi nào.<sup>20</sup> Trong trường hợp miễn nhiệm Giám đốc và bổ nhiệm thay thế một người mới, công ty cần thông báo ngày chính thức ngày diễn ra sự thay đổi đó và đưa ra bảo đảm về việc cá nhân này không bị cấm hoặc hạn chế đảm nhận chức vụ nêu trên theo bất kỳ đạo luật nào.<sup>22</sup> Việc thay đổi này chỉ được công nhận khi được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh.<sup>23</sup> Từ các quy định trên, có thể thấy, pháp luật về doanh nghiệp của Vương Quốc Anh trao cho doanh nghiệp quyền được xác định thời điểm có hiệu lực của việc bổ nhiệm Giám Đốc, hay nói cách khác là người quản lý doanh nghiệp - người được quyền đại diện cho doanh nghiệp theo pháp luật, và cả nghĩa vụ cam kết về việc người được bổ nhiệm đủ điều kiện giữ chức vụ theo luật.

Ngoài ra, trong thời đại chuyên đổi số, việc yêu cầu doanh nghiệp thực hiện mọi thủ tục đăng ký kinh doanh bằng hình thức trực tiếp và chỉ quản lý thông tin doanh nghiệp bằng văn bản giấy đã không còn phù hợp. Do đó, bên cạnh các giấy chứng nhận, Anh cũng đã ghi nhận các thông tin cơ bản của doanh nghiệp tại Cổng Thông Tin Doanh Nghiệp Anh Quốc.

Cụ thể, nếu giấy chứng nhận thành lập chỉ ghi nhận các thông tin về tên doanh nghiệp, ngày thành lập, loại hình doanh nghiệp, địa chỉ đăng ký doanh nghiệp,<sup>24</sup> thì Cổng Thông Tin Doanh Nghiệp Anh Quốc sẽ cung cấp thêm cho người xem các thông tin chi tiết như địa chỉ đăng ký, ngày thành lập, ngành nghề kinh doanh, các Giám đốc hiện hữu kèm ngày được bổ nhiệm và lịch sử các lần thay đổi đăng ký doanh nghiệp, miễn nhiệm và bổ nhiệm Giám đốc. Bằng cách này, cơ quan nhà nước hay bất kỳ tổ chức, pháp nhân, cá nhân nào khác cũng dễ dàng xác định thời điểm một cá nhân chính thức và hợp pháp được quyền đại diện cho doanh nghiệp trong các hoạt động hành chính, dân sự, tố tụng hay tham gia vào quan hệ hợp đồng với bất kỳ bên thứ ba nào.

Từ những phân tích, nhóm tác giả đánh giá rằng Vương Quốc Anh đang triển khai một hệ thống quản lý thông tin doanh nghiệp nói chung và thông tin về người đại diện doanh nghiệp nói riêng, một cách hiệu quả. Hệ thống này không chỉ đáp ứng yêu cầu về độ chính xác mà còn đảm bảo việc cập nhật thông tin được thực hiện nhanh chóng. Hơn nữa, công khai

---

<sup>19</sup> Điều 12.1 Đạo Luật Doanh Nghiệp 2006.

<sup>20</sup> Điều 167.1 Đạo Luật Doanh Nghiệp 2006.

<sup>22</sup> Điều 167.2 và Điều 167.3 Đạo Luật Doanh Nghiệp 2006.

<sup>23</sup> Điều 167B Đạo Luật Doanh Nghiệp 2006.

<sup>24</sup> Điều 15.2, Đạo Luật Doanh Nghiệp 2006

thời điểm bỏ nhiệm trên Cổng Thông Tin Doanh Nghiệp Anh Quốc giúp giảm thiểu tranh chấp liên quan đến việc xác định thời điểm mà một Giám đốc được công nhận là người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp. Điều này đóng vai trò quan trọng trong việc xác định hiệu lực của các giao dịch đối với công ty và các bên liên quan.

### **3. Quản lý thông tin người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại Việt Nam**

Quy định về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đã được pháp luật đề cập từ Luật Doanh nghiệp năm 2005,<sup>26</sup> tuy nhiên, pháp luật doanh nghiệp năm 2005 không đưa ra khái niệm đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.<sup>27</sup> Phải đến Luật Doanh nghiệp 2014, khái niệm về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp mới được quy định tại Luật Doanh nghiệp và tiếp tục cho đến hiện tại.<sup>28</sup> Thông tin người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp luôn là một trong những vấn đề quan trọng, vì đây là chủ thể được doanh nghiệp trao quyền thay mặt doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp.<sup>29</sup>

Việc quản lý thông tin doanh nghiệp liên quan đến thông tin về người đại diện theo pháp luật sẽ tạo điều kiện để các cá nhân, tổ chức có điều kiện tiếp cận, đánh giá tính trung thực và là cơ sở để xác lập các giao dịch với doanh nghiệp. Hiện nay, pháp luật về quản lý thông tin người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp sẽ có những đặc điểm sau:

*Thứ nhất, thông tin chi tiết về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp sẽ được thể hiện tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.*

Pháp luật doanh nghiệp hiện hành quy định về thông tin chi tiết người đại diện của doanh nghiệp bao gồm: Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân.<sup>30</sup> Và đây là một trong những nội dung mà doanh nghiệp phải công bố công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.<sup>31</sup>

---

<sup>26</sup> khoản 5 Điều 67, khoản 1 Điều 74, khoản 1 Điều 116, khoản 1 Điều 137 khoản 4 Điều 143

<sup>27</sup> Phan Thành Nhân (2018), “Thực trạng quy định của pháp luật về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp và hướng hoàn thiện”, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 7/2018, tr 32 - 33

<sup>28</sup> khoản 1 Điều 13 Luật Doanh nghiệp 2014, khoản 1 Điều 12 Luật Doanh nghiệp 2020

<sup>29</sup> Lê Thị Tuyết Hà (2024), “Hoàn thiện pháp luật về cơ chế nhiều người đại diện theo pháp luật của công ty”, *Tạp chí Nghề Luật*, số 02/2024, tr.15

<sup>30</sup> khoản 3 Điều 28 Luật Doanh nghiệp 2020

<sup>31</sup> khoản 1 Điều 32 Luật Doanh nghiệp 2020

Tuy nhiên, trong trường hợp doanh nghiệp có nhiều người đại diện theo pháp luật, quyền và nghĩa vụ cụ thể của từng người đại diện lại thường được thể hiện trong Điều lệ doanh nghiệp.<sup>32</sup> Nhận thấy Điều lệ doanh nghiệp là văn bản ghi nhận rõ nhất các chức danh quản lý, cũng như quyền và nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật, nhưng đây cũng chỉ là văn bản mang tính nội bộ và không phải là nội dung bắt buộc phải thông báo công khai.<sup>33</sup> Nhiều trường hợp doanh nghiệp có nhiều người đại diện theo pháp luật nhưng khi công khai thông tin doanh nghiệp chỉ có tên và một số thông tin cá nhân khác của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, mà không ghi nhận cụ thể thẩm quyền của từng người.<sup>34</sup> Điều này dẫn đến trong một số trường hợp tổ chức, cá nhân khi xác lập giao dịch với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đã gặp khó khăn khi xác định phạm vi đại diện của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp do không thể tiếp cận được Điều lệ doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hay Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũng thường không ghi nhận thời điểm một cá nhân được công nhận làm người đại diện theo pháp luật. Đối với vị trí này, trước khi thực hiện việc thông báo thay đổi với Sở Kế hoạch và Đầu tư địa phương, doanh nghiệp phải bỏ nhiệm nội bộ và được quyền quyết định thời điểm có hiệu lực của quyết định bỏ nhiệm. Cần lưu ý rằng, thời điểm này sẽ xảy ra trước ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và ngày công bố thông tin trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Do đó, việc thiếu vắng thời điểm chính thức ghi nhận một cá nhân là người đại diện theo pháp luật sẽ dẫn đến nhiều tranh cãi trong quá trình xác định thẩm quyền theo quyết định nội bộ hay theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Liên hệ đến pháp luật Anh Quốc, nhóm tác giả nhân thấy, vấn đề này được giải quyết một cách hiệu quả bằng việc công bố thời điểm một cá nhân bị miễn nhiệm khỏi vị trí người đại diện theo pháp luật và thời điểm cá nhân khác được bổ nhiệm thay thế trên Cổng Thông Tin Doanh Nghiệp Anh Quốc. Bằng cách này, việc xác định thời điểm phát sinh quyền đại diện cho doanh nghiệp của một cá nhân sẽ nhanh chóng và minh bạch hơn.

---

<sup>32</sup> Nguyễn Minh Hằng, Nguyễn Chí Hiếu (2021), “Tổng quan những điểm mới của Luật Doanh nghiệp 2020”, *Tạp chí Nghề luật*, số 02/2021, tr.6

<sup>33</sup> Nguyễn Thị Dung (2024), “Nhận diện đại diện cho doanh nghiệp”, *Tạp chí Khoa học kiểm sát*, số 02/2024, tr.66

<sup>34</sup> Nguyễn Thị Thanh, “Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp”, *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, số chuyên đề tháng 8/2016, tr.19

*Thứ hai, thông tin người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp được cung cấp theo hai hình thức là không trả phí và có thu phí.*

Pháp luật doanh nghiệp hiện hành lần đầu tiên ghi nhận các tổ chức, cá nhân có thể tiếp cận thông tin đăng ký doanh nghiệp theo hình thức không trả phí đối với những nội dung cơ bản được thể hiện trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.<sup>35</sup> Địa điểm tra cứu thông tin này được thể hiện tại Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ <https://dangkykinhdoanh.gov.vn>.<sup>36</sup> Đồng thời, giá trị nội dung cơ sở dữ liệu này tương đương văn bản giấy chứa cùng nội dung thông tin được cơ quan có thẩm quyền cung cấp.<sup>37</sup>

Tuy nhiên, hiện nay các thông tin công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp liên quan đến người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chỉ bao gồm họ và tên người đại diện theo pháp luật là chưa đầy đủ. Mặc dù giá trị pháp lý về thông tin người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại Cổng Thông tin quốc gia có giá trị tương đương bản giấy, nhưng việc pháp luật giới hạn nội dung thông tin được công khai những thông tin cơ bản của người đại diện theo pháp luật sẽ dẫn đến việc xác minh người đại diện theo pháp luật không được đầy đủ, cần thêm các thông tin khác để đối chiếu.<sup>38</sup>

Ngoài ra, hình thức cung cấp thông tin có thu phí hiện nay vẫn thể hiện tính ưu việt trong việc cung cấp đầy đủ thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp như được thể hiện trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho các cá nhân, tổ chức có nhu cầu, nên đây vẫn là một trong những hình thức được ưu tiên lựa chọn.

Chuyển đổi số là một trong những mục tiêu quan trọng trong việc phát triển đất nước nói chung và của các doanh nghiệp nói riêng.<sup>39</sup> Trong đó, việc chuyển đổi số một cách đầy đủ các thông tin đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp sẽ tạo điều kiện để các giao dịch giữa các bên trở nên minh bạch, tránh các rủi ro.

---

<sup>35</sup> khoản 1 Điều 32 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định Doanh nghiệp sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có trách nhiệm phải công khai các thông tin tại điểm a, b khoản này và các thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo Điều 28 Luật này.

<sup>36</sup> khoản 1 Điều 36 Nghị định 01/2021/NĐ-CP

<sup>37</sup> khoản 2 Điều 5 Nghị định 47/2024/NĐ-CP

<sup>38</sup> khoản 3 Điều 28 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định thông tin của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp được ghi nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm: Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý

<sup>39</sup> Nguyễn Thị Kim Ánh, Nguyễn Thị Xuân Nương (2022), “Các nhân tố ảnh hưởng đến chuyển đổi số của doanh nghiệp: trường hợp nghiên cứu tại Bình Định”, *Tạp chí Kinh tế và phát triển*, số 304(2), tr.65



Hiện nay, trong quá trình giao dịch giữa các bên không thể thiếu vai trò của hoạt động công chứng vì hoạt động này giúp chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của hợp đồng, giao dịch dân sự,<sup>40</sup> hạn chế các rủi ro đối với các bên trong giao dịch dân sự. So với Luật Công chứng hiện hành, Dự thảo Luật Công chứng lần 3 (sau đây gọi là Dự thảo 3), đã trao cho công chứng viên được quyền được khai thác, sử dụng các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật để thực hiện việc công chứng.<sup>41</sup> Đây là cơ sở quan trọng để công chứng viên có thể chủ động thực hiện việc khai thác các thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp trong quá trình xác minh liên quan đến thông tin người yêu cầu công chứng đối với tổ chức.

Việc pháp luật doanh nghiệp hiện hành đang có sự giới hạn các thông tin chi tiết về người đại diện theo pháp luật, đặc biệt đối với trường hợp doanh nghiệp có nhiều người đại diện theo pháp luật sẽ gây khó khăn đối với hoạt động công chứng trong việc công chứng viên cần nhanh chóng xác minh thông tin về phạm vi đại diện của những người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu công chứng là tổ chức.

#### **4. Khuyến nghị hoàn thiện pháp luật về quản lý thông tin người đại diện theo pháp luật tại Việt Nam**

Nhìn chung, Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn có liên quan đã cung cấp một khung pháp lý tương đối đầy đủ để Nhà nước, cơ quan đăng ký doanh nghiệp có thể quản lý doanh nghiệp cũng như người đại diện theo pháp luật mà doanh nghiệp đã đăng ký. Tuy nhiên, qua nghiên cứu, nhóm tác giả cho rằng vẫn còn tồn đọng những yếu điểm gây ra nhiều khó khăn, hạn chế cho hoạt động quản lý của các cơ quan nhà nước và cả hoạt động xác thực trong lĩnh vực công chứng. Do đó, nhóm tác giả nêu ra khuyến nghị để hoàn thiện như sau:

*Thứ nhất, nên cho phép mọi giao dịch được xác lập bởi bất kỳ người đại diện theo pháp luật nào của doanh nghiệp đều có giá trị ràng buộc đối với doanh nghiệp.*

Như đã phân tích ở trên, việc quy định chức danh, phạm vi đại diện của người đại diện theo pháp luật chỉ được quy định tại Điều lệ doanh nghiệp và đây là một tài liệu nội bộ. Do đó, trên thực tế, việc tiếp cận các văn bản này là một điều rất khó khăn và thậm chí có thể mất nhiều thời gian. Vì lẽ đó, thông qua nghiên cứu quy định pháp luật Vương quốc Anh, nhóm tác giả kiến nghị nên công nhận hiệu lực của các giao dịch được xác lập giữa người đại diện

---

<sup>40</sup> Khoản 1 Điều 2 Luật Công chứng 2014

<sup>41</sup> điểm d khoản 1 Điều 16 Dự thảo 3

theo pháp luật của doanh nghiệp với bên thứ ba theo hướng ưu tiên bảo vệ quyền lợi của người thứ ba ngay tình theo pháp luật dân sự, mà không đòi hỏi, yêu cầu bên này phải có nghĩa vụ tìm hiểu về thẩm quyền ký kết hợp đồng của người đại diện theo pháp luật đang trực tiếp tham gia vào giao dịch.

*Thứ hai, bổ sung thời điểm một người đại diện theo pháp luật được chính thức công nhận.*

Như đã trình bày, hiện nay, Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đang đóng vai trò là phương tiện cung cấp thông tin doanh nghiệp công khai cho mọi đối tượng tra cứu, bất kể là cơ quan nhà nước, doanh nghiệp hay các tổ chức khác. Tuy nhiên, đối với trường thông tin về người đại diện theo pháp luật, việc chỉ cung cấp họ và tên của cá nhân giữ vị trí đại diện này mà “thiếu vắng” thời điểm chính thức công nhận họ sẽ tạo nhiều khó khăn trong việc xác định thẩm quyền đại diện, thẩm quyền giao kết giao dịch, đặc biệt là trong hoạt động công chứng. Bởi lẽ việc bổ nhiệm một cá nhân được phép đảm nhận vị trí người đại diện theo pháp luật sẽ được thực hiện thông qua quyết định bổ nhiệm và ngày có hiệu lực của quyết định này sẽ sớm hơn ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi cũng như ngày chính thức ghi nhận trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Do đó, cần thiết bổ sung thông tin này trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng xác định liệu tại một thời điểm xác định, những cá nhân nào được đại diện doanh nghiệp một cách hợp pháp.

## **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Luật Doanh nghiệp 2020
2. Luật Doanh nghiệp 2014
3. Luật Doanh nghiệp 2005
4. Luật Công chứng 2014
5. Dự thảo lần 3 Luật Công chứng
6. Nghị định 01/2021/NĐ-CP Về đăng ký doanh nghiệp
7. Nghị định 47/2024/NĐ-CP Quy định về danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia; việc xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu Quốc gia
8. Đạo Luật Công ty Anh 2006
9. Luật doanh nghiệp Úc năm 2001
10. Luật Công ty trách nhiệm hữu hạn Đức năm 2016

11. Appointment of Directors, <https://www.companylawclub.co.uk/appointment-of-directors>, truy cập ngày 08 tháng 8 năm 2024
12. Bùi Đức Giang (2021), “Hành lang pháp lý về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp nhìn từ thực tiễn”, Tạp chí Ngân hàng, số 09/2021
13. John Davies (2007), *A Guide to Directors’ Responsibilities under the Companies Act 2006*, The Association of Chartered Certified Accountants, United Kingdom,
14. Lê Thị Tuyết Hà (2024), “Hoàn thiện pháp luật về cơ chế nhiều người đại diện theo pháp luật của công ty”, *Tạp chí Nghề Luật*, số 02/2024,
15. Nguyễn Thị Kim Ánh, Nguyễn Thị Xuân Nương (2022), “Các nhân tố ảnh hưởng đến chuyển đổi số của doanh nghiệp: trường hợp nghiên cứu tại Bình Định”, *Tạp chí Kinh tế và phát triển*, số 304(2)
16. Nguyễn Thị Dung (2024), “Nhận diện đại diện cho doanh nghiệp”, *Tạp chí Khoa học kiểm sát*, số 02/2024
17. Nguyễn Thị Thanh, “Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp”, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số chuyên đề tháng 8/2016
18. Nguyễn Minh Hằng, Nguyễn Chí Hiếu (2021), “Tổng quan những điểm mới của Luật Doanh nghiệp 2020”, *Tạp chí Nghề luật*, số 02/2021
19. Trần Thị Thu Hà (2021), “Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Nghề luật*, số 09/2021
20. Phan Thành Nhân (2018), “Thực trạng quy định của pháp luật về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp và hướng hoàn thiện”, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 7/2018,
21. Vela Madlela, Palollo Michael Lehloenyana (2018), “Representation of a company when contracting with another person under South African Company Law”, *Nelson Mandela University Law Journal*, Vol. 39 No. 2 (2018),

# MINH BẠCH THÔNG TIN CỦA CHỦ THỂ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRÊN NỀN TẢNG SỐ - KINH NGHIỆM TỪ MỘT SỐ QUỐC GIA

**ThS. Nguyễn Tấn Hoàng Hải**

*Giảng viên Khoa Luật Dân sự, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh*

**Trần Bảo Khánh**

*Học viên, Học viện Tư pháp*

## **Tóm tắt:**

Mô hình kinh doanh số là nền tảng đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng và phát triển doanh nghiệp trong bối cảnh hiện nay, giúp cho doanh nghiệp tiếp cận khách hàng ở phạm vi rộng rãi, không chỉ trong lãnh thổ quốc gia mà còn xuyên biên giới. Tuy vậy, mặt trái của nền tảng kinh doanh này là vấn đề minh bạch thông tin của các doanh nghiệp. Tại các quốc gia trên thế giới như Trung Quốc, Pháp,.. vấn đề quản lý và minh bạch thông tin trên nền tảng kinh doanh trực tuyến được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo sự rõ ràng và tính xác thực thông tin của các doanh nghiệp này, từ đó bảo vệ tối đa quyền lợi của khách hàng. Bài viết phân tích tổng quan về minh bạch thông tin của doanh nghiệp trên nền tảng kinh doanh số; góc nhìn quy định pháp luật của một số quốc gia; thực trạng pháp luật Việt Nam và giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi việc minh bạch thông tin doanh nghiệp trong bối cảnh hiện nay.

**Từ khóa:** minh bạch; thông tin doanh nghiệp; kinh doanh số, công chứng điện tử.

## **Abstract:**

*The digital business model is a foundation that plays an important role in building and developing businesses in the current context, helping businesses reach customers on a wide scale, not just within the territory. national but also cross-border. However, the downside of this business platform is the issue of information transparency of businesses. In countries around the world such as the China, the France, etc., information management and transparency issues on online business platforms are strictly controlled, ensuring the clarity and authenticity of information of businesses. this business, thereby maximally protecting the interests of customers. The article provides an overview of information transparency of businesses on digital business platforms; perspectives on legal regulations of some countries; Current status of Vietnamese law and solutions to improve the effectiveness of implementing corporate information transparency in the current context.*

**Keywords:** transparency; business information; digital business electronic notarization.

## 1. Đặt vấn đề

Những năm trở lại đây các doanh nghiệp ở nước ta có xu hướng hoạt động sôi nổi trên các sàn giao dịch điện tử và mạng xã hội, nền tảng kinh doanh số dần đóng vai trò quan trọng trong quá trình thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp, là thời cơ cũng như thách thức tạo đà để doanh nghiệp bắt kịp xu thế phát triển của công nghiệp 4.0. Chính vì điều này, chính sách về thúc đẩy chuyển số tại các doanh nghiệp cũng được Nhà nước quan tâm và hỗ trợ. Theo khảo sát của VECOM có tới 65% doanh nghiệp đã triển khai hoạt động kinh doanh trên các mạng xã hội. Số lao động tại các doanh nghiệp thường xuyên sử dụng các công cụ như Zalo, Whatsapp, Viber, Facebook Messenger liên tục tăng qua các năm. Bán hàng trên các mạng xã hội cũng được đánh giá mang lại hiệu quả cao nhất, vượt qua các hình thức khác như website hay ứng dụng của doanh nghiệp cũng như sàn thương mại điện tử. Nổi bật nhất là sự ra đời và tăng trưởng mạnh mẽ của Tiktok Shop. Kinh doanh trên nền tảng này có sức hút rất lớn đối với đông đảo thương nhân trên cả nước<sup>1</sup>. Sàn thương mại điện tử phát triển mạnh thời gian qua, với khoảng 100 sàn đang hoạt động, số cá nhân kinh doanh trên sàn lên tới hàng trăm nghìn người. Tổng cục Thuế kiểm tra thực tế tại ba sàn thương mại điện tử lớn cho thấy, năm 2020, Shopee có khoảng 210.000 cá nhân kinh doanh, Tiki có hơn 8.800 cá nhân kinh doanh, Voso có hơn 3.210 người...<sup>2</sup>. Xét ở góc độ quan hệ tiêu dùng cho thấy thực tế người tiêu dùng mua hàng trực tuyến đang phải đối mặt với nhiều thách thức. Đó là mất an toàn dữ liệu cá nhân; mua phải hàng giả, hàng kém chất lượng; hàng nhận không đúng như quảng cáo; đã đặt cọc hoặc trả tiền trước nhưng không được giao hàng; hàng không đủ số lượng như cam kết; không được đền bù hoặc đổi trả sản phẩm; bị dây dưa, kéo dài thời gian giải quyết khiếu nại... Và hiện nay, cụm từ “mua hàng trên mạng” đã có nội hàm “may rủi”. Người tiêu dùng phản ánh việc họ mua phải hàng giả, hàng kém chất lượng, thậm chí bị chiếm đoạt tiền mà không được nhận hàng đã diễn ra nhiều. Vì một nền thương mại lành mạnh, minh bạch, việc quy định bán hàng trên mạng phải xác định danh tính sẽ ngăn ngừa nhiều rủi ro cho khách hàng và không hề làm khó cho những doanh nghiệp/cá nhân kinh doanh chân chính<sup>3</sup>.

Xác thực thông tin của chủ thể kinh doanh trên nền tảng số có vai trò quan trọng trong việc giải quyết những tiêu cực trên môi trường kinh doanh điện tử, xác định đúng, chính xác, quy kết trách nhiệm cho những chủ thể có hành vi vi phạm. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xác thực thông tin khi tiến hành công chứng các giao dịch điện tử. Để làm được điều

---

<sup>1</sup> Báo cáo chỉ số Thương mại điện tử năm 2023 Việt Nam – Hướng tới phát triển thương mại điện tử bền vững của Hiệp hội Thương mại điện tử, tr. 7.

<sup>2</sup> Minh Đức, “Sàn thương mại điện tử phải cung cấp thông tin của người bán hàng theo quy định mới”, <https://vtv.vn/cong-nghe/san-thuong-mai-dien-tu-phai-cung-cap-thong-tin-cua-nguoi-ban-hang-theo-quy-dinh-moi-20221102153150787.htm>, truy cập 29/7/2024.

<sup>3</sup> Minh Phương, “Minh bạch định danh người bán hàng online, lợi đủ đường!”, <https://dangcongsan.vn/cung-ban-luan/minh-bach-dinh-danh-nguoi-ban-hang-online-loi-du-duong-667422.html>, truy cập 22/7/2024.

này thì việc minh bạch thông tin của các doanh nghiệp là điều cần thiết. “Minh bạch” là “sáng rõ, rành mạch”<sup>4</sup>, tính minh bạch luôn gắn liền với hoạt động công khai tức là “không giấu diếm, bí mật mà cho mọi người cùng biết”<sup>5</sup> với ý nghĩa và bản chất như vậy nên “công khai, minh bạch” luôn được sử dụng như một biện pháp hữu hiệu để phòng, chống các hành vi tiêu cực trong các hoạt động có tổ chức như: Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tập đoàn<sup>6</sup>. Minh bạch trong khoa học xã hội được coi là đặc điểm hoạt động của chính quyền địa phương, công ty, tổ chức và cá nhân khi các hoạt động, kế hoạch, kinh phí và các thông tin quan trọng khác được cung cấp công khai và rõ ràng. Do đó, cả hai định nghĩa về tính minh bạch đều nhấn mạnh tầm quan trọng của khả năng hiển thị. Ngoài ra, mục đích chính là sự cởi mở và giao tiếp chứ không phải sự tự tin và che giấu<sup>7</sup>. Bằng cách này, việc công bố thông tin có thể xác định tính minh bạch và sự tin cậy vào một thực thể<sup>8</sup>. Trước bối cảnh kinh doanh trên nền tảng số và các hoạt động kinh doanh trên sàn giao dịch thương mại điện tử diễn ra mạnh mẽ kéo theo các hành vi kinh doanh thiếu trung thực và lành mạnh ngày càng phổ biến. Điều này xuất phát từ bản chất của nền tảng kinh doanh số là chủ thể kinh doanh hoạt động trên “không gian ảo” nhiều trường hợp khách hàng, người tiêu dùng không thể biết và cũng không có khả năng để biết rõ mình đang giao dịch với chủ thể nào, tư cách pháp lý ra sao? dẫn đến nhiều tình trạng bị lừa đảo mà không xác định được chủ thể nào chịu trách nhiệm. Trước những bất cập trong thực tiễn nêu trên, việc tăng cường chính sách quản lý tính công khai, minh bạch thông tin của các chủ thể kinh doanh trên nền tảng kinh doanh số là vấn đề cần thiết, đồng thời điều này cũng tác động và tạo tiền đề cho quá trình xác thực thông tin của các chủ thể kinh doanh trên nền tảng số được hiệu quả.

## **2. Pháp luật một số quốc gia về minh bạch thông tin của chủ thể kinh doanh trên nền tảng số**

Nền tảng trực tuyến và sự mở rộng của chúng sang các lĩnh vực mới của nền kinh tế đã làm nảy sinh những thách thức mới. Cụ thể, nếu khi tìm kiếm trực tuyến, tiêu chí xếp hạng nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ không minh bạch và được thiết kế để tối đa hóa doanh thu quảng cáo cho nền tảng thì điều này có thể cấu thành một hành vi thương mại không công bằng. Tương tự, nếu khách hàng bị cố tình đánh lừa đến mức họ không biết ai là “đối tác trong hợp đồng” của mình hoặc họ phải giải quyết với ai trong trường hợp có bất kỳ thắc mắc nào

---

<sup>4</sup> Viện Ngôn ngữ học (2003), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, tr. 633.

<sup>5</sup> Viện Ngôn ngữ học (2003), *tlđđ*, tr. 208.

<sup>6</sup> Lê Quang Kiêm (2021), “Hoàn thiện pháp luật về công khai, minh bạch thông tin trong tập đoàn kinh tế ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Thanh tra*, số 5, tr. 34–36.

<sup>7</sup> Barth, M. E., Konchitchki, Y., & Landsman, W. R. (2013), “Cost of capital and earnings transparency”, *Journal of Accounting and Economics*, 55, p. 206-224.

<sup>8</sup> Kristina Kundeliene, Sviesa Leitoniene (2015), “Business Information Transparency: Causes and Evaluation Possibilities”, *Procedia - Social and Behavioral Sciences* 213 (2015), p. 340 – 344

về hợp đồng, thì cũng đã cấu thành một hành vi thương mại không công bằng<sup>9</sup>. Điều này cũng đúng đối với nguy cơ thao túng sự lựa chọn của khách hàng thông qua việc trình bày hoặc tính minh bạch của các đánh giá và xếp hạng, bao gồm giả mạo về chủ thể hoạt động và cả đánh giá về sản phẩm, dịch vụ<sup>10</sup>. Có tác giả cho rằng niềm tin của khách hàng vào một trang website hoặc dịch vụ quan trọng hơn sản phẩm hoặc giá được đưa ra, vì giá sản phẩm dịch vụ có thấp đến đâu thì tính xác thực của trang website hoặc nhà cung cấp trực tuyến vẫn có ảnh hưởng hơn<sup>11</sup>. Điều này được giải thích rằng chủ thể kinh doanh trên nền tảng trực tuyến phải hành động chuyên nghiệp tương ứng với lĩnh vực hoạt động cụ thể và thông lệ thị trường trung thực, đồng thời không lừa dối người dùng/khách hàng của họ bằng hành động hoặc thiếu sót. Do đó, các nền tảng nên thực hiện các biện pháp thích hợp để cho phép khách hàng hiểu rõ ràng họ đang ký kết hợp đồng với chủ thể nào, danh tính và thông tin<sup>12</sup>. Khi khảo sát và tham khảo pháp luật một số quốc gia trên thế giới, việc quản lý, giám sát cũng như công khai, minh bạch thông tin của các chủ thể kinh doanh trên nền tảng số khá chặt chẽ và hiệu quả. Hướng đến mục tiêu chung là lành mạnh hoạt động thương mại điện tử, các chủ thể kinh doanh là doanh nghiệp, hay cá nhân đều có trách nhiệm cung cấp thông tin kinh doanh của chính mình đảm bảo tính rõ ràng, xác thực.

## **2.1. Pháp luật Trung Quốc**

Tại Trung Quốc trong bối cảnh áp dụng các biện pháp phong tỏa để kiểm soát dịch bệnh Covid-19, việc chuyển đổi sang bán hàng trực tuyến qua livestream đã trở thành một lựa chọn cần thiết, hiệu quả để duy trì hoạt động kinh doanh. Livestream đã giúp các doanh nghiệp, thương hiệu tương tác trực tiếp với khách hàng, gia tăng doanh số trong thời gian khó khăn. Theo dữ liệu từ Statista, năm 2023, quy mô của thị trường này đã đạt gần 5.000 tỷ Nhân dân tệ, tương đương khoảng 690 tỷ USD. Sự tăng trưởng ấn tượng này phản ánh sức hút mạnh mẽ của mô hình bán hàng qua livestream trong thị trường trực tuyến ở Trung Quốc không chỉ là một xu hướng phổ biến mà còn là một cách hiệu quả để thúc đẩy doanh số bán hàng và tạo ra lợi nhuận đáng kể cho các nền tảng thương mại điện tử. Việc quản lý bán hàng thông qua định danh điện tử và đồng bộ với việc thu thuế điện tử đã giúp Trung Quốc thực hiện rất hiệu quả các hoạt động livestream bán hàng<sup>13</sup>.

---

<sup>9</sup> Giuseppe A. Veltri, et al (2023), “The impact of online platform transparency of information on consumers choices”, *Behavioural Public Policy*, Vol. 7, Issue 1, p. 56.

<sup>10</sup> *Như trên*.

<sup>11</sup> Junyong Kim, Pranjal Gupta (2012), “Emotional Expressions in Online User Reviews: How They Influence Consumers’ Product Evaluations”, *Journal of Business Research*, Vol. 65 (7): 985–92.

<sup>12</sup> Giuseppe A. Veltri, et al (2023), “The impact of online platform transparency of information on consumers choices”, *Behavioural Public Policy*, Vol. 7, Issue 1, p. 59.

<sup>13</sup> Minh Phương, “Minh bạch định danh người bán hàng online, lợi đủ đường!”, <https://dangcongsan.vn/cung-ban-luan/minh-bach-dinh-danh-nguoi-ban-hang-online-loi-du-duong-667422.html>, truy cập 22/7/2024.

Tại Điều 10 Luật Thương mại điện tử Trung Quốc quy định: “Chủ hoạt động thương mại điện tử xử phải đăng ký thành viên thị trường theo quy định của pháp luật. Trừ những trường hợp ngoại lệ đối với các cá nhân bán các sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm phụ và sản phẩm tiểu thủ công nghiệp tự sản xuất, các cá nhân sử dụng kỹ năng của mình để tham gia vào các hoạt động lao động thuận tiện và các hoạt động giao dịch số lượng nhỏ lẻ không cần phải xin phép theo pháp luật và những trường hợp ngoại lệ không cần phải đăng ký theo quy định của pháp luật và hành chính”<sup>14</sup>. Đồng thời, Điều 28 Luật Thương mại điện tử Trung Quốc cũng xác định rõ “nhà vận hành sàn thương mại điện tử có trách nhiệm gửi thông tin nhận dạng của nhà vận hành trên sàn cho cơ quan quản lý, giám sát thị trường theo quy định, nhắc nhở nhà vận hành chưa đăng ký là chủ thể thị trường đăng ký theo quy định của pháp luật và phối hợp với cơ quan quản lý thị trường, bộ phận giám sát và quản lý thị trường hướng tới mục tiêu an ninh thương mại điện tử. Đặc điểm của thương mại mang lại sự thuận tiện cho các nhà khai thác cần đăng ký với tư cách là thực thể thị trường”<sup>15</sup>.

Liên quan đến việc xác định danh tính trong hoạt động công chứng điện tử<sup>16</sup>. Vào tháng 5 năm 2019, Bộ Tư pháp Trung Quốc đã ban hành “Quy tắc thủ tục công chứng”, theo đó Điều 24 Quy tắc này quy định rằng sau khi chấp nhận đơn xin công chứng, tổ chức công chứng sẽ kiểm tra riêng biệt danh tính của các bên và sự thể hiện ý chí của các bên có đúng hay không theo quy tắc. Việc xác định danh tính được thực hiện thông qua việc sử dụng các công nghệ sinh trắc học như hình dạng bàn tay, dấu vân tay, hình dạng khuôn mặt, móng mắt, võng mạc,... để nhận dạng, tỷ lệ thành công của công nghệ nhận dạng sinh trắc học đã rất cao. Ngoài công nghệ sinh trắc học, thương mại điện tử còn sử dụng một số lượng lớn “xác thực bốn yếu tố thẻ ngân hàng” (số thẻ ngân hàng, họ và tên, số chứng minh nhân dân/căn cước công dân, điện thoại di động đã cung cấp cho ngân hàng) và phương thức xác minh số điện thoại di động để xác minh danh tính của các bên. Theo quy định tại Điều 69 thì việc xác định danh tính của các bên là một trong những bước quan trọng của quy trình công chứng điện tử. Theo đó, các thẻ nhân có thể vào nền tảng công chứng điện tử thông qua máy tính hoặc điện thoại di động được kết nối Internet, tải lên các chứng chỉ nhận dạng có liên quan và sau đó đăng ký bằng tên thật của họ. Nền tảng chứng nhận chủ yếu sử dụng sinh trắc học, xác minh

---

<sup>14</sup> Nguyên văn: **第十条** 电子商务经营者应当依法办理市场主体登记。但是，个人销售自产农副产品、家庭手工业产品，个人利用自己的技能从事依法无须取得许可的便民劳务活动和零星小额交易活动，以及依照法律、行政法规不需要进行登记的除外。

<sup>15</sup> Nguyên văn: “**第二十八条** 电子商务平台经营者应当按照规定向市场监督管理部门报送平台内经营者的身份信息，提示未办理市场主体登记的经营者依法办理登记，并配合市场监督管理部门，针对电子商务的特点，为应当办理市场主体登记的经营者办理登记提供便利。

<sup>16</sup> Tham khảo: **四川省成都市蜀都公证处 昌雄飞 引言**, 电子公证实务操作初探.



dữ liệu lớn và các phương tiện công nghệ khác để xác định xem danh tính của đương sự là người thật và ảnh chứng minh nhân dân/căn cước công dân phù hợp. Nền tảng công chứng điện tử cũng có thể xác minh danh tính của thể nhân thông qua so sánh dữ liệu lớn.

Như vậy, đối với những chủ thể kinh doanh trên sàn giao dịch thương mại điện tử, pháp luật về thương mại điện tử bắt buộc họ phải xin phép và được cấp phép bởi cơ quan có thẩm quyền mới có thể thực hiện hoạt động kinh doanh, ngoại trừ những trường hợp không bắt buộc. Đồng thời, cũng đã có những quy định liên quan đến việc xác định danh tính trong hoạt động công chứng điện tử. Điều này tạo nên cơ chế pháp lý chặt chẽ nhằm kiểm soát thông tin và hoạt động của những chủ thể kinh doanh trên nền tảng số.

## ***2.2. Pháp luật Pháp***

Pháp là thị trường tiêu dùng quan trọng ở châu Âu và là thị trường thương mại điện tử quan trọng xét về mức độ thâm nhập Internet, tỷ lệ người tiêu dùng thương mại điện tử và chi tiêu trung bình. Quy mô thị trường thương mại điện tử Pháp ước tính đạt 84,32 tỷ USD vào năm 2024 và dự kiến sẽ đạt 120,99 tỷ USD vào năm 2029, tăng trưởng 7,49% trong giai đoạn dự báo (2024-2029)<sup>17</sup>.

Tại Pháp, chủ thể kinh doanh trên nền tảng số hay vận hành một trang website thương mại điện tử phải tuân thủ một số nghĩa vụ pháp lý bắt buộc về đăng ký, thông báo về hoạt động của mình. Chẳng hạn như những nghĩa vụ do Bộ luật thương mại và Luật về niềm tin vào nền kinh tế số (LCEN) quy định. Ngoài ra còn có một điều lệ dành cho các bên tham gia thương mại điện tử được thiết lập vào ngày 26/3/2019 để đảm bảo mối quan hệ cân bằng giữa các công ty trong lĩnh vực thương mại điện tử<sup>18</sup>. Theo đó, Điều 14 LCEN quy định Thương mại điện tử là hoạt động kinh tế mà qua đó một người cung cấp hoặc đảm bảo việc cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ từ xa và điện tử. Một người được coi là thành lập ở Pháp theo quy định của Luật này khi người đó đã thành lập ở đó một cách ổn định và lâu dài để thực hiện hiệu quả hoạt động của mình, bất kể địa điểm, trong trường hợp là pháp nhân cần cung cấp thêm trụ sở chính của pháp nhân<sup>19</sup>. Việc đăng ký thành lập thường được thực hiện thông qua Centre de Formalités des Entreprises (CFE) hoặc bạn cũng có thể thực hiện trực tuyến tại

---

<sup>17</sup> Analyse de la taille et de la part du marché du commerce électronique en France – Tendances et prévisions de croissance (2024 – 2029), <https://www.mordorintelligence.com/fr/industry-reports/france-ecommerce-market>, truy cập ngày 17/7/2024.

<sup>18</sup> Digital Business Laws and Regulations France 2024, <https://iclg.com/practice-areas/digital-business-laws-and-regulations/france>, truy cập ngày 17/7/2024.

<sup>19</sup> Nguyên văn: Le commerce électronique est l'activité économique par laquelle une personne propose ou assure à distance et par voie électronique la fourniture de biens ou de services ... Une personne est regardée comme étant établie en France au sens du présent chapitre lorsqu'elle s'y est installée d'une manière stable et durable pour exercer effectivement son activité, quel que soit, s'agissant d'une personne morale, le lieu d'implantation de son siège social.

[www.guichet-entreprises.fr](http://www.guichet-entreprises.fr). Đây được xem như là thủ tục thông báo kinh doanh đến cơ quan có thẩm quyền của tại Pháp trước khi hoạt động kinh doanh.

Bên cạnh đó, việc kinh doanh thông qua sàn thương mại điện tử bắt buộc phải cung cấp thông tin bắt buộc theo quy định, mục đích cho phép người dùng (bao gồm cả người dùng chuyên nghiệp) xác định người chịu trách nhiệm cho trang website và chủ thể kinh doanh. Danh sách đầy đủ các thông tin bắt buộc, được liệt kê trong Điều 6 (III) của LCEN. Những thông tin này bao gồm: (i) Nếu trang web được điều hành bởi một cá nhân: tên, định danh và địa chỉ; (ii) Nếu trang website được điều hành bởi một doanh nghiệp cá nhân: tên và địa chỉ của người quản lý doanh nghiệp; số đăng ký trong sổ đăng ký thương mại và công ty hoặc trong danh bạ thương mại. (iii) Nếu trang website được điều hành bởi một công ty: tên công ty; hình thức pháp lý; địa chỉ trụ sở chính và số vốn cổ phần; số đăng ký trong sổ đăng ký thương mại và công ty. (iv) Nếu hoạt động được quản lý và phải được cấp phép: tên và địa chỉ của cơ quan đã cấp phép. (v) Nếu hoạt động mang tính thương mại: mã số thuế GTGT trong trường hợp phải chịu trách nhiệm; tên người chịu trách nhiệm sản xuất; địa chỉ email và số điện thoại để liên hệ công ty.

Có thể thấy, tại Pháp việc kinh doanh trên sàn giao dịch thương mại điện tử các chủ thể kinh doanh bắt buộc phải tiến hành cung cấp, công khai các thông tin của mình lên trang website theo quy định của Pháp tương tự như quy định trong pháp luật Việt Nam. Tuy vậy, để đảm bảo xác thực thông tin này các chủ thể trước khi tham gia kinh doanh trên nền tảng số cũng giống như kinh doanh truyền thống tại Trung Quốc hay tại Pháp phải tiến hành đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền. Đây là kinh nghiệm mà Việt Nam có thể tham khảo trong quá trình đảm bảo tính minh bạch thông tin của các chủ thể kinh doanh trên nền tảng trực tuyến.

### **3. Thực trạng pháp luật Việt Nam về minh bạch thông tin của chủ thể kinh doanh trên nền tảng số và một số khuyến nghị**

Tính minh bạch thông tin của chủ thể kinh doanh trên nền tảng số trong phạm vi này được nhóm tác giả làm rõ thông qua hai hoạt động chính là việc chủ thể kinh doanh trên nền tảng số thực hiện thông báo/đăng ký với cơ quan có thẩm quyền về hoạt động của mình; khả năng tuân thủ quy định về công bố, công khai thông tin khi tham gia hoạt động kinh doanh trên nền tảng số. Các vấn đề này tác động và thể hiện được sự minh bạch trong thông tin của các chủ thể tham gia kinh doanh trên nền tảng số, đảm bảo việc xác thực thông tin chủ thể kinh doanh trong hoạt động công chứng điện tử có cơ sở, chính xác và hiệu quả, thúc đẩy hoạt động công chứng điện tử diễn ra thuận lợi.

#### ***3.1. Về đăng ký/thông báo hoạt động của chủ thể kinh doanh trên nền tảng số***

Đăng ký kinh doanh là một thủ tục hành chính “bắt buộc” đối với tất cả các loại hình doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo trình tự, thủ tục nhất định. Hoạt động này được thực hiện

bởi một bên là doanh nghiệp (chủ thể tham gia thủ tục hành chính); với một bên là cơ quan đăng ký doanh nghiệp (cơ quan thực hiện thủ tục hành chính). Thông qua việc đăng ký doanh nghiệp để cơ quan quản lý nhà nước đảm bảo quyền và lợi ích cho chính doanh nghiệp, những người góp vốn thành lập doanh nghiệp, cho bên thứ ba. Dưới góc độ quản lý hành chính nhà nước, thông qua việc đăng ký thành lập doanh nghiệp, cơ quan đăng ký doanh nghiệp thực thi quyền lực của Nhà nước ghi nhận sự ra đời của một loại hình kinh doanh, thực hiện quản lý nhằm mục tiêu phát triển kinh tế đất nước<sup>20</sup>. Các chủ thể kinh doanh là thương nhân theo quy định của pháp luật thì khi thực hiện hoạt động kinh doanh phải thông qua thủ tục đăng ký kinh doanh tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật (khoản 1 Điều 6 Luật Thương mại năm 2005). Tuy nhiên, không phải chủ thể kinh doanh nào cũng được coi là thương nhân và cũng bắt buộc phải đăng ký kinh doanh. Tại khoản 2 Điều 79 Nghị định 01/2021/NĐ-CP đã liệt kê các đối tượng không cần đăng ký kinh doanh, bao gồm hộ gia đình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, làm muối và những người bán hàng rong, quà vặt, buôn chuyến, kinh doanh lưu động, kinh doanh thời vụ, làm dịch vụ có thu nhập thấp không phải đăng ký hộ kinh doanh, trừ trường hợp kinh doanh các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Cá nhân hoạt động thương mại là cá nhân tự mình hàng ngày thực hiện một, một số hoặc toàn bộ các hoạt động được pháp luật cho phép về mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi khác nhưng không thuộc đối tượng phải đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh và không gọi là “thương nhân” theo quy định của Luật Thương mại (khoản 1 Điều 3 Nghị định 39/2007/NĐ-CP).

Thực tế hiện nay, nhiều cá nhân tận dụng trang cá nhân để bán hàng online, livestream (phát trực tiếp) trên các tài khoản cá nhân như: Tiktok, Facebook, Zalo... ngày càng rộng rãi. Tuy nhiên, điều này cũng dẫn đến xuất hiện tiêu cực trong hoạt động kinh doanh. Chẳng hạn, trong tháng 10/2023, Cục Quản lý thị trường TP. Hồ Chí Minh kiểm tra, phát hiện 166 vụ vi phạm hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ, tiếp đến là hàng hóa giả mạo nhãn hiệu với 154 vụ, và hàng nhập lậu 106 vụ. Hoạt động chính vẫn là bán trên các trang mạng xã hội, sàn thương mại điện tử, livestream bán hàng trên Tiktok Shop. Với thương mại truyền thống, việc xác minh địa điểm mua bán, kho chứa hàng, giao kết hợp đồng dễ dàng hơn. Nhưng với bán hàng online, lực lượng chức năng khó xác định địa điểm mua bán, người bán, kho hàng, thời điểm giao kết hợp đồng và chứng cứ cũng dễ dàng bị thay đổi<sup>21</sup>. Tuy vậy, những chủ thể này theo quy định của pháp luật hiện hành không bắt buộc phải thực hiện đăng ký kinh doanh nhưng vẫn có thể thực hiện các hoạt động kinh doanh trên nền tảng số. Như vậy, ngoại trừ các chủ thể phải tiến hành đăng ký kinh doanh, đăng ký thành lập doanh nghiệp theo các loại hình

<sup>20</sup> Nguyễn Thị Thu Thủy (2023), “Xử lý vi phạm về đăng ký doanh nghiệp”, *Tap chí Nghiên cứu Lập pháp*, số 05 (477)/2023, tr. 41.

<sup>21</sup> Khung pháp lý quy định về miễn đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, <https://tapchitaichinh.vn/khung-phap-ly-quy-dinh-ve-mien-dang-ky-kinh-doanh-tai-viet-nam.html>, truy cập 21/7/2024.

doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh hay hộ gia đình thì những chủ thể được “miễn” đăng ký kinh doanh như đã nêu không cần đăng ký kinh doanh vẫn có thể thực hiện hoạt động kinh doanh bình thường trên nền tảng số.

Trái lại đó, đối với những chủ thể thực hiện kinh doanh trên nền tảng số nếu tự thiết lập sàn thương mại điện tử riêng và thực hiện kinh doanh trên chính nền tảng đó thì cũng phải thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh. Cụ thể: tổ chức sở hữu website phải thông báo với Bộ Công Thương về việc thiết lập website thương mại điện tử bán hàng theo quy định tại Mục 1 Chương IV Nghị định này nếu website có chức năng đặt hàng trực tuyến (khoản 1 Điều 27 Nghị định 52/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 85/2021/NĐ-CP (Nghị định 52)). Mặt khác, dưới góc độ quản lý thuế pháp luật Việt Nam hiện hành có cơ chế quản lý như sau, tại Điều 5 Thông tư số 47/2014/TT-BCT ngày 05/12/2014 của Bộ Công Thương quy định về quản lý website thương mại điện tử về nguyên tắc thông báo, đăng ký website thương mại điện tử, thương nhân, tổ chức sở hữu website thương mại điện tử có cả chức năng bán hàng và cung cấp dịch vụ thương mại điện tử chỉ thực hiện thủ tục đăng ký với Bộ Công Thương theo quy định tại Chương II Thông tư này. Hiện nay, theo quy định một số website cần phải đăng ký với Bộ Công Thương như Sàn giao dịch thương mại điện tử, Website khuyến mại trực tuyến, Website đấu giá trực tuyến<sup>22</sup> và việc thực hiện các thủ tục đăng ký thông báo với Bộ Công Thương thông qua địa chỉ web là [www.online.gov.vn](http://www.online.gov.vn) (Cổng thông tin Quản lý hoạt động thương mại điện tử). Có thể thấy, các quy định trên thể hiện sự quản lý nghiêm túc của cơ quan chức năng, thể hiện sự sát sao trong việc bảo đảm các giao dịch thương mại điện tử được thực hiện tuân thủ pháp luật, các bên tham gia vào hợp đồng điện tử tự mình bảo đảm điều kiện đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, bên trung gian kiểm soát các nội dung của giao dịch thương mại điện tử, bảo đảm quyền lợi người tiêu dùng và hạn chế việc lợi dụng không gian mạng thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật<sup>23</sup>.

Tuy nhiên, như đã trình bày trên hiện nay đối với các chủ thể kinh doanh trực tuyến trên các mạng xã hội như Facebook, Zalo, Instagram, TikTok hay các nền tảng kinh doanh số khác không phải tiến hành các thủ tục đăng ký kinh doanh. Mục đích của việc đăng ký kinh doanh là sự đảm bảo của nhà nước. Khi một cá nhân hay tổ chức đăng ký kinh doanh, có nghĩa là, hoạt động kinh doanh này được hợp pháp hóa một cách công khai và minh bạch. Không chỉ vậy, các cơ quan nhà nước cũng dễ dàng hơn trong việc kiểm tra, quản lý quá trình hoạt động kinh doanh của cá nhân hay tổ chức đó. Vì thế, những người kinh doanh trực tuyến trên mạng xã hội không phải đăng ký kinh doanh sẽ khiến cho thị trường trực tuyến nhiều loạn, bất cứ ai

---

<sup>22</sup> Khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 41, khoản 1 Điều 46 và Điều 54 Nghị định 52/2013/NĐ-CP.

<sup>23</sup> Nguyễn Như Hà, Hoàng Việt Hà (2023), “Một số vấn đề pháp lý về hợp đồng điện tử trong thương mại điện tử”, Tạp chí Luật sư điện tử, <https://lsvn.vn/mo-t-so-va-n-de-pha-p-ly-ve-ho-p-do-ng-die-n-tu-trong-thuong-ma-i-die-n-tu-1703577171.html>, truy cập 01/8/2024.

cũng tự do mua bán tùy ý, việc quản lý sẽ trở nên khó khăn, phức tạp. Pháp luật về thuế vẫn có cơ chế quản lý đối với chủ thể không đăng ký kinh doanh. Tuy nhiên, cũng chỉ kiểm soát trên phương diện thuế nên vẫn chưa có cơ chế để bảo vệ quyền lợi của khách hàng hay người tiêu dùng, điều này cũng đồng nghĩa rằng cơ quan có thẩm quyền không thể biết chính xác số lượng cơ sở, cá nhân kinh doanh, không kiểm soát được nguồn gốc và chất lượng sản phẩm, hình thức giao dịch, giá cả hàng hóa. Đặc biệt là đối với thị trường rộng lớn như mạng xã hội, nhiều tranh chấp xảy ra nên đặc biệt cần sự quản lý sát sao của cơ quan nhà nước. Để làm được điều đó, đăng ký kinh doanh là quy định căn bản nhất để nhà nước bao quát được thị trường<sup>24</sup>.

**Khuyến nghị:** Pháp luật Việt Nam hiện hành chưa có cơ chế rõ ràng bắt buộc các chủ thể kinh doanh trên nền tảng số phải tiến hành các thủ tục đăng ký kinh doanh/cấp giấy phép kinh doanh. Điều này tạo nên tính linh hoạt và đơn giản hóa các hoạt động của những chủ thể kinh doanh không mang tính thường xuyên, cố định, tạo điều kiện để mọi chủ thể có thể tham gia vào hoạt động thương mại trên nền tảng số, thúc đẩy hoạt động thương mại điện tử phát triển mạnh mẽ ở nước ta hiện nay. Tuy nhiên, với bản chất là “môi trường ảo” đã tạo ra những cơ hội cho các chủ thể “ẩn danh” hoạt động lừa đảo, thực hiện các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, cạnh tranh không lành mạnh và khi không tiến hành thông báo, đăng ký đến cơ quan có thẩm quyền thì bên còn lại (khách hàng, người mua, sử dụng sản phẩm, bên thứ ba) sẽ không nhận diện được chủ thể để xác định trách nhiệm, đồng thời cơ quan quản lý nhà nước cũng khá khó khăn trong việc “truy vết” đối với những chủ thể này để xử lý. Trước những bất cập đó, chúng ta cần định hình chính sách pháp luật điều chỉnh đối với hoạt động của những chủ thể này. Theo đó, nhóm tác giả đề xuất theo hướng trường hợp không thuộc đối tượng phải đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật về thành lập doanh nghiệp thì pháp luật cần quy định trách nhiệm tiến hành đăng ký hoặc thông báo với cơ quan lý nhà nước có thẩm quyền khác về hoạt động kinh doanh đối với những chủ thể kinh doanh trên nền tảng số. Hướng xử lý này cũng đã được thừa nhận ở một số nước như Trung Quốc hay Pháp mà nhóm tác giả đã nghiên cứu, đã có quy định về thông báo/cấp giấy phép đối với hoạt động kinh doanh trực tuyến, đặc biệt là chủ thể bán hàng qua livestream. Quy định này cũng tạo điều kiện cho các cơ quan quản lý nhà nước giám sát, quản lý chặt chẽ đối với các đối tượng này, thúc đẩy nền thương mại điện tử lành mạnh tại Việt Nam. Đồng thời, cũng đóng vai trò quan trọng trong quá trình xác thực chính xác thông tin/danh tính chủ thể tham gia giao kết hợp đồng trên nền tảng số.

### ***3.2. Công khai thông tin của chủ thể kinh doanh trên nền tảng số***

---

<sup>24</sup> Lý Vương Khanh, Vũ Đình Năm, “Kinh doanh trực tuyến tại Việt Nam hiện nay”, <https://tapchitoaan.vn/kinh-doanh-truc-tuyen-tai-viet-nam-hien-nay>, truy cập 8/7/2024.



Theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định 52 xác định rõ trách nhiệm của người bán trên sàn giao dịch thương mại điện tử là phải cung cấp đầy đủ và chính xác các thông tin của mình quy định tại Điều 29 Nghị định 52 cho thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử khi đăng ký sử dụng dịch vụ.

Đồng thời, Nghị định này cũng đã khẳng định trên website thương mại điện tử bán hàng phải cung cấp đầy đủ thông tin về người sở hữu website, hàng hóa, dịch vụ và các điều khoản của hợp đồng mua bán áp dụng cho hàng hóa, dịch vụ được giới thiệu trên website (Điều 28 Nghị định 52). Cụ thể hóa quy định này, Điều 29 xác định thương nhân, tổ chức, cá nhân sở hữu website thương mại điện tử bán hàng phải công bố những thông tin tối thiểu sau trên trang chủ website: (i) Tên và địa chỉ trụ sở của thương nhân, tổ chức hoặc tên và địa chỉ thường trú của cá nhân; (ii) Số, ngày cấp và nơi cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của thương nhân, hoặc số, ngày cấp và đơn vị cấp quyết định thành lập của tổ chức, hoặc mã số thuế cá nhân của cá nhân; (iii) Số điện thoại hoặc một phương thức liên hệ trực tuyến khác để tiếp nhận phản ánh về chất lượng hàng hóa, dịch vụ. Việc cung cấp thông tin về người sở hữu website phải bảo đảm các yêu cầu sau: (i) Rõ ràng, chính xác, dễ tìm và dễ hiểu; (ii) Được sắp xếp tại các mục tương ứng trên website và có thể truy cập bằng phương pháp trực tuyến; (iii) Có khả năng lưu trữ, in và hiển thị được về sau; (iv) Được hiển thị rõ đối với khách hàng trước thời điểm khách hàng gửi đề nghị giao kết hợp đồng (khoản 2 Điều 28 Nghị định 52).

Ngoài ra, tại điểm a khoản 3 Điều 26 Nghị định 52 quy định người sở hữu website thương mại điện tử bán hàng và người bán trên website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử phải tuân thủ các quy định của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023 (Luật BVQLNTD) khi cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng. Tham chiếu quy định của Luật BVQLNTD nhận thấy có các quy định kiểm soát và quản lý đối với các loại hình kinh doanh đặc thù như sau, khi thực hiện giao dịch từ xa, tổ chức, cá nhân kinh doanh phải cung cấp chính xác và đầy đủ cho người tiêu dùng các thông tin sau đây: (i) Tên, địa chỉ, số điện thoại, phương thức liên hệ khác (nếu có) của tổ chức, cá nhân kinh doanh hoặc của đại diện của tổ chức, cá nhân kinh doanh tại Việt Nam (nếu có); (ii) Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác đối với tổ chức kinh tế; mã số thuế cá nhân đối với cá nhân. Ngoài ra, tổ chức, cá nhân kinh doanh trên không gian mạng còn phải có trách nhiệm cung cấp thông tin về tổ chức, cá nhân kinh doanh hoạt động trên nền tảng số trung gian khi người tiêu dùng giao dịch với tổ chức, cá nhân kinh doanh đó có yêu cầu (điểm c khoản 3 Điều 39 Luật BVQLNTD).

Đồng ý với quan điểm cho rằng, giao dịch từ xa mặc dù không có sự tiếp xúc trực tiếp giữa các tổ chức, cá nhân kinh doanh và người tiêu dùng nhưng đây vẫn phải là chủ thể có

thực, tồn tại hợp pháp theo quy định pháp luật<sup>25</sup>. Tuy nhiên, như đã đề cập ở phần trước đối với các chủ thể kinh doanh trên nền tảng số thì pháp luật không bắt buộc họ xin phép hay thông báo đến cơ quan có thẩm quyền (ngoại trừ những chủ thể bắt buộc đăng ký kinh doanh theo quy định). Do đó, việc xác định sự tồn tại hợp pháp của các chủ thể này khá khó khăn và thậm chí nhiều trường hợp cung cấp thông tin giả mạo. Đơn cử, nền tảng thương mại điện tử theo mô hình dropshipping, nhận được phản ánh về việc các đối tượng lợi dụng niềm tin của người bán hàng với thương hiệu Droppii để lừa đảo, giả mạo và sử dụng trái phép hình ảnh, nội dung của công ty với mục đích chiếm đoạt tài sản, với các hình thức như thông báo trúng thưởng giả, yêu cầu thanh toán phí ứng trước, thực hiện nhiệm vụ để lấy thù lao, mạo danh trong việc tuyển dụng hay quảng cáo sản phẩm...<sup>26</sup>. Trước thực tiễn đó, mặc dù chúng ta đã có các quy định trách nhiệm của các chủ thể kinh doanh trên sàn thương mại điện tử là phải công bố, công khai các thông tin về “nhân thân” của mình và các thông tin có liên quan nhưng việc kiểm soát các thông tin này vẫn chưa có cơ chế minh bạch (cơ chế tiền kiểm thông qua việc đăng ký/thông báo với cơ quan có thẩm quyền như đã đề cập), cho nên nhiều chủ thể cung cấp những thông tin giả mạo, lừa dối. Điều này, tác động lớn đến tính chính xác khi tiến hành xác thực thông tin của những chủ thể này.

Dưới góc độ pháp luật về quản lý thuế. Khoản 8 Điều 27 Nghị định 91/2022/NĐ-CP ngày 30/10/2022 sửa đổi Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 cũng đã quy định tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam là chủ sở hữu sàn thương mại điện tử có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác và đúng hạn theo quy định cho cơ quan thuế thông tin của thương nhân, tổ chức, cá nhân có tiến hành một phần hoặc toàn bộ quy trình mua bán hàng hóa, dịch vụ trên sàn giao dịch thương mại điện tử bao gồm: tên người bán hàng, mã số thuế hoặc số định danh cá nhân hoặc chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu, địa chỉ, số điện thoại liên lạc; doanh thu bán hàng thông qua chức năng đặt hàng trực tuyến của sàn.

Tập hợp các quy định trên cho thấy, tổ chức, cá nhân kinh doanh trên các nền tảng kinh doanh số bắt buộc phải cung cấp thông tin về “nhân thân” trên website hay các nền tảng mà mình hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, việc cung cấp thông tin về doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân kinh doanh cũng rất khó để đảm bảo được thực thi. Điều này chỉ được bảo đảm khi chính các tổ chức, cá nhân kinh doanh khi tham gia giao dịch với khách hàng thực hiện đúng nghĩa vụ cung cấp thông tin. Hay nói cách khác, các yêu cầu về hình thức pháp nhân hoặc giấy phép hoạt động chuyên ngành đối với hàng hóa, dịch vụ hầu như không thể kiểm tra, đối chiếu, mà

---

<sup>25</sup> Nguyễn Phương Thảo (2023), “Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh trong giao dịch từ xa theo Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng”, Kỷ yếu hội thảo Những điểm mới của Luật bảo vệ người tiêu dùng năm 2023, Khoa Luật Dân sự, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, tr. 249.

<sup>26</sup> Nhận diện chiêu thức lừa đảo từ mô hình kinh doanh thương mại điện tử, <https://congty.vn/nhan-dien-chieu-thuc-lua-dao-tu-mo-hinh-kinh-doanh-thuong-mai-dien-tu-421290.html>, truy cập 01/8/2024.

hoàn toàn phụ thuộc vào sự tin tưởng đối với nhau<sup>27</sup>. Bởi lẽ, ngoại trừ những đối tượng phải đăng ký kinh doanh thì những chủ thể khác khi kinh doanh trên nền tảng số pháp luật chưa có cơ chế rõ ràng để bắt buộc họ phải thông báo đến cơ quan có thẩm quyền về hoạt động kinh doanh. Thực tế cho thấy, khi tham gia giao kết hợp đồng, giao dịch trên không gian mạng thông qua các nền tảng kinh doanh số, chúng ta rất khó xác định được chủ thể tham gia giao dịch có thỏa mãn các điều kiện luật định. Điều này xuất phát từ đặc tính ẩn danh và phi tập trung của người dùng, cùng với việc không cần sự hỗ trợ của các bên trung gian cho phép các bên thực hiện giao dịch và giao kết hợp đồng mà không cần gặp gỡ nhau, điều này dẫn đến việc xác định năng lực của chủ thể là một thách thức<sup>28</sup>. Do các thông tin được mã hóa trong giao dịch đều tự cung cấp bởi người dùng mà không có cơ quan quản lý nhà nước hay người trung gian tham gia kiểm duyệt thông tin trước khi giao kết hợp đồng<sup>29</sup>. Chính vì vậy, việc thúc đẩy chính sách định danh chủ thể kinh doanh trên nền tảng số là hoàn toàn cần thiết.

**Khuyến nghị:** Đối với hình thức giao dịch được thực hiện qua không gian mạng hay nền tảng trực tuyến, với đặc thù là “thế giới ảo”, khách hàng đôi khi không nhận thức được mình đang giao dịch với ai mà chỉ cần một “cú click” cũng có thể xác lập giao dịch, hợp đồng. Tuy nhiên, giao dịch được xác lập thông qua nền tảng số, danh tính của các bên thường bị ẩn đi, điều này gây khó khăn trong việc xác định năng lực ký, tham gia giao dịch của các bên và tạo cơ hội trốn tránh trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh khi có hành vi vi phạm. Vì vậy, xác định danh tính của tổ chức, cá nhân kinh doanh trên không gian mạng là điều quan trọng đảm bảo tính trung thực của các giao dịch, đảm bảo trách nhiệm của chủ thể kinh doanh khi có hành vi xâm phạm pháp luật và quyền lợi của bên còn lại hay bên thứ ba. Trên bình diện của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, pháp luật đã ghi nhận cụ thể cần xác thực danh tính tổ chức, cá nhân bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ trên nền tảng số trung gian của mình (điểm m khoản 3 Điều 39). Đồng thời, hiện nay chúng ta đã có Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử là nền tảng pháp lý cho quá trình khắc phục “điểm mờ” của giao dịch điện tử về chủ thể tham gia.

Kinh doanh theo phương thức truyền thống rất thuận lợi trong kiểm tra và xử phạt, nhưng trên môi trường trực tuyến ngày nay, ngày càng khó khăn trong việc quản lý giám sát. Nhiều ý kiến cho rằng giải pháp quan trọng là cần định danh được người bán, người mua thì mới

---

<sup>27</sup> Nguyễn Như Hà, Hoàng Việt Hà (2023), “Một số vấn đề pháp lý về hợp đồng điện tử trong thương mại điện tử”, Tạp chí Luật sư điện tử, <https://lsvn.vn/mo-t-so-va-n-de-pha-p-ly-ve-ho-p-do-ng-die-n-tu-trong-thuong-ma-i-die-n-tu-1703577171.html>, truy cập 01/8/2024.

<sup>28</sup> Max Raskin (2017), The Law and Legality of Smart Contracts, *Georgetown Law Technology review*, Vol 1:2, No. 305, pp. 306.

<sup>29</sup> Nguyễn Phạm Thảo Linh (2022), “Thực trạng các quy định pháp luật về hợp đồng thông minh và một số giải pháp hoàn thiện”, <https://tapchitoaan.vn/thuc-trang-cac-quy-dinh-phap-luat-ve-hop-dong-thong-minh-va-mot-so-giai-phap-hoan-thien6947.html>, truy cập ngày 19/7/2024.



chống được hàng giả, mới thu được thuế<sup>30</sup>. Để bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng khi mua hàng trực tuyến, theo nhiều nhà quản lý cũng như các chuyên gia kinh tế, có lẽ đã đến lúc Bộ Công Thương nên tiến hành định danh điện tử cho mọi cá nhân, hộ gia đình, tổ chức, doanh nghiệp bán hàng trực tuyến, không chỉ trên sàn giao dịch điện tử mà cả trên các nền tảng mạng xã hội và các trang website khác, bởi việc này không chỉ làm cho công tác quản lý tốt hơn, mà còn nâng tầm việc chống gian lận, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng<sup>31</sup>. Thực tế cho thấy, đến tháng 6/2024, Cục Thuế Hà Nội đã định danh và tổng hợp được dữ liệu lớn về thương mại điện tử gồm 418 doanh nghiệp sở hữu sàn thương mại điện tử, 668 chủ thẻ kinh doanh sản phẩm và nội dung số... Trên cơ sở dữ liệu từ 3 sàn lớn nhất là Shopee, Tiki, Lazada, Cục Thuế Hà Nội đã tổng hợp, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu về định danh các chủ thẻ kinh doanh thương mại điện tử, doanh thu kê khai, số thuế đã nộp, tài khoản ngân hàng... của hơn 366.000 shop tương ứng 197.848 mã số thuế tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh thuộc 3 sàn nêu trên<sup>32</sup>. Đây là một trong những phương pháp hiệu quả để có thể xác định được thông tin/danh tính của người bán hàng, chủ thẻ kinh doanh trên “không gian ảo”, đồng thời khi có sai phạm sẽ dễ dàng quản lý và quy kết được trách nhiệm cho đúng chủ thẻ kinh doanh. Mặt khác, cũng sẽ góp phần tạo nên thuận lợi cho các tổ chức công chứng trong quá trình xác thực danh tính chủ thẻ kinh doanh trên nền tảng số trong hoạt động công chứng điện tử. Do đó, nhóm tác giả đề xuất trong thời gian tới cần đẩy mạnh triển khai việc định danh đối với các chủ thẻ kinh doanh trên nền tảng số, đặc biệt chủ thẻ kinh doanh là cá nhân và các chủ thẻ không thuộc trường hợp đăng ký kinh doanh theo quy định.

### ***3.3. Minh bạch thông tin của chủ thẻ kinh doanh trên nền tảng số trong mối liên hệ với việc xác thực thông tin chủ thẻ kinh doanh trong hoạt động công chứng***

Dưới sự thúc đẩy phát triển mạnh mẽ của chuyển đổi số hiện nay đã có những hành vi xác thực được chuyển từ công chứng truyền thống sang hành vi xác thực bằng phương thức điện tử<sup>33</sup>. Điều này cũng đã tác động đến việc định hình và hoàn thiện hệ thống công chứng điện tử ở nước ta hiện nay cũng như để đáp ứng nhu cầu phát triển của giao dịch điện tử. Có nhận định cho rằng, so với công chứng truyền thống, mô hình công chứng điện tử vẫn có điểm nổi trội. Điều đó có thể được lý giải bởi công chứng điện tử được thực hiện qua đường truyền internet, các bên tiết kiệm được thời gian, công sức... Mặt khác, thông qua nền tảng kỹ thuật

---

<sup>30</sup> Cần định danh người bán trên thương mại điện tử để chống hàng giả, <https://vtv.vn/kinh-te/can-dinh-danh-nguoi-ban-tren-thuong-mai-dien-tu-de-chong-hang-gia-20240618140332038.htm>, truy cập 22/7/2024.

<sup>31</sup> Minh Phương, “Minh bạch định danh người bán hàng online, lợi đủ đường!”, <https://dangcongsan.vn/cung-ban-luan/minh-bach-dinh-danh-nguoi-ban-hang-online-loi-du-duong-667422.html>, truy cập 22/7/2024.

<sup>32</sup> Minh Hạnh, “Hà Nội định danh hơn 366.000 shop trên các sàn thương mại điện tử”, <https://laodong.vn/ban-doc/ha-noi-dinh-danh-hon-366000-shop-tren-cac-san-thuong-mai-dien-tu-1351125.ldo>, truy cập 22/7/2024.

<sup>33</sup> Lê Tấn Quan, Ninh Thị Hiền (2024), “Khung Lý thuyết về Công chứng điện tử”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 10 (489), tr. 23.

số với công nghệ mã hóa hiện đại, công chứng viên dễ dàng xác thực chữ ký điện tử và người ký chữ ký điện tử xem có đúng các bên trong giao dịch hay không, đảm bảo các tài liệu đi kèm không có sự giả mạo, lừa đảo, khi xác minh đầy đủ các yếu tố thì sẽ dùng chữ ký số của mình xác thực lần nữa, tăng thêm tính chắc chắn, hợp pháp cho giao dịch, giúp ngăn chặn các tranh chấp phát sinh ngay từ đầu<sup>34</sup>. Có thể thấy, công chứng điện tử ra đời đóng vai trò như là “đầu mối” kiểm soát tính hợp pháp của các giao dịch điện tử (bắt buộc công chứng, chứng thực theo quy định). Bởi lẽ, công chứng điện tử thực hiện trong môi trường điện tử, trong khi các giao dịch điện tử cũng được thực hiện thông qua các nền tảng số. Cùng với sự ra đời của Luật Giao dịch điện tử năm 2023 (Luật GDĐT) đã thúc đẩy sự phát triển của chuyển đổi số trong hoạt động công chứng số và phần nào đã tạo ra cơ sở cho quá trình xây dựng, hoàn thiện Dự thảo Luật Công chứng về các vấn đề liên quan đến hoạt động công chứng điện tử.

Xét trên phương diện Luật GDĐT, các quy định về hợp đồng điện tử hay hợp đồng thông minh là vấn đề luôn được lưu tâm. Tại Điều 34 Luật GDĐT quy định hợp đồng điện tử được *giao kết hoặc thực hiện từ sự tương tác giữa một hệ thống thông tin tự động với người hoặc giữa các hệ thống thông tin tự động với nhau không bị phủ nhận giá trị pháp lý chỉ vì không có sự kiểm tra hay can thiệp của con người* vào từng hành động cụ thể do các hệ thống thông tin tự động thực hiện hay vào hợp đồng. Điều này, đã làm rõ hơn được bản chất của hợp đồng điện tử là sự tự động tương tác lẫn nhau giữa các hệ thống thông tin hoặc con người với hệ thống thông tin và có thể khi không có sự tham gia, kiểm chứng của con người thì hợp đồng đó sẽ không bị phủ nhận mà vẫn đảm bảo giá trị pháp lý. Với đặc trưng của hợp đồng điện tử thì trình tự giao kết hợp đồng điện tử được thực hiện thông qua việc sử dụng thông điệp dữ liệu để tiến hành một phần hoặc toàn bộ giao dịch trong quá trình giao kết hợp đồng điện tử các bên gửi và xác nhận các thông điệp dữ liệu khác nhau về ý định của các bên. Thông qua thông điệp dữ liệu việc bày tỏ ý chí và chấp nhận xác lập sẽ tạo ra hiệu lực pháp lý của hợp đồng điện tử mà không cần phải thực hiện thông qua hình thức nào khác.

Mặt khác, với đặc trưng của hợp đồng điện tử là chủ thể tham gia giao kết hợp đồng mang tính ẩn danh, danh tính của các bên thường bị ẩn và khó xác định năng lực của chủ thể trong hợp đồng. Điều này cho chúng ta nhận định rằng mạng internet là một môi trường ảo, việc xác định tư cách chủ thể tham gia giao kết hợp đồng thông minh mà không qua một đơn vị trung gian là rất khó khi các bên không hề quen biết nhau. Việc xác định chính xác năng lực chủ thể và thông tin về đối tác giao kết hợp đồng là điều không đơn giản khi một số trường hợp chủ thể giao kết cố tình đưa ra các thông tin sai lệch về độ tuổi, sức khỏe để tự mình tham

---

<sup>34</sup> Minh Hùng, “Sửa đổi Luật Công chứng: Cần hoàn thiện hành lang pháp lý về công chứng điện tử”, <https://quochoi.vn/hoatdongcuaquochoi/cackyhopquochoi/quochoikhoaXIII/Pages/danh-sach-ky-hop.aspx?ItemID=85730&CategoryId=0>, truy cập 27/8/2024.

gia hợp đồng<sup>35</sup>. Trong khi đó, Luật GDDT cũng đã quy định rằng hợp đồng điện tử sẽ không không bị phủ nhận giá trị pháp lý *chỉ vì không có sự kiểm tra hay can thiệp của con người*. Đây là một trong những quy định tiệm cận với quốc tế nhưng nó cũng là “thời cơ” cho những hành vi “ẩn danh” thực hiện giao kết và thực hiện hợp đồng. Vì vậy, đồng ý rằng mặc dù yếu tố tự động hóa trong hợp đồng thông minh là một điểm mạnh về mặt kỹ thuật nhưng nó lại là rào cản pháp lý trong quá trình giao kết<sup>36</sup>.

Công chứng điện tử và công chứng các giao dịch điện tử là hai vấn đề có liên kết mật thiết nhau, tuy nhiên đây là vấn đề còn nhiều điểm chưa cụ thể. Dự thảo Luật Công chứng<sup>37</sup> giai đoạn hiện nay cũng đã bắt đầu định hình khung pháp lý cho hoạt động công chứng điện tử. Khi nghiên cứu về quy trình hoạt động và khung pháp lý điều chỉnh đối với hoạt động công chứng điện tử, các chuyên gia cũng đã nhận định rằng việc thực hiện công chứng điện tử đòi hỏi cao về tính chuyên môn, nghiệp vụ và trình độ kỹ thuật<sup>38</sup>: Công chứng điện tử là cả một quá trình giao tiếp giữa công chứng viên và người yêu cầu công chứng qua các phương tiện điện tử mà luật cho phép; giao nộp hồ sơ, tài liệu, văn bản dưới dạng dữ liệu điện tử; hoạt động kiểm tra nhận dạng của công chứng viên về nhân thân về việc các bên xuất hiện không chỉ phải có năng lực trí tuệ mà còn phải có năng lực pháp luật khi hành vi được xác lập. Bên cạnh đó, các đương sự cũng cần phải ký xác nhận những yêu cầu, sự đồng ý, sự tự do thể hiện ý chí và những thoả thuận riêng của người yêu cầu công chứng. Không phải người yêu cầu công chứng nào cũng có chữ ký số, chữ ký điện tử cũng là một kênh cần xem xét luật hoá trong một số trường hợp. Dự thảo Luật Công chứng, tại điểm b khoản 1 Điều 62 cũng đã định nghĩa quy trình công chứng điện tử dưới hình thức trực tuyến là việc người yêu cầu công chứng giao kết giao dịch thông qua phương tiện trực tuyến trước sự chứng kiến của công chứng viên; công chứng viên và tổ chức hành nghề công chứng chứng nhận giao dịch bằng chữ ký số để tạo ra văn bản công chứng điện tử. Tuy vậy, cũng như giao kết hợp đồng điện tử thì hoạt động này cũng được thực hiện trên không gian ảo.

Trên cơ sở khuyến nghị của Liên minh Công chứng quốc tế (UINL) về xác thực công chứng với hình thức trực tuyến, các học giả Việt Nam cũng chỉ ra rằng việc xác định các bên tham gia giao dịch được triển khai như sau: bất kể hệ thống nhận dạng kỹ thuật số nào được sử dụng cũng không được loại trừ việc công chứng viên nhận dạng, xác minh trực tiếp về danh tính của các bên theo luật quốc gia của công chứng viên; Khi công chứng viên thực hiện hoạt

---

<sup>35</sup> Lê Hồ Trung Hiếu, Nguyễn Trung Thành (2023), “Cơ chế giao kết hợp đồng thông minh và những rào cản pháp lý trong pháp luật Việt Nam hiện nay”, *Kỷ yếu khoa học Hợp đồng thông minh – Những vấn đề pháp lý liên quan*, Khoa Luật Quốc tế, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, tr. 44.

<sup>36</sup> *Như trên*.

<sup>37</sup> Dự thảo lần 2 Luật Công chứng. Xem: <https://duthaoonline.quochoi.vn/Pages/dsduthao/chitietduthao.aspx?id=7500>

<sup>38</sup> Xem: Lê Tấn Quan, Ninh Thị Hiền (2024), *tlđđ*, tr. 23-24.

động công chứng bằng hình thức trực tuyến, không được ngăn cản công chứng viên sử dụng các phương tiện thích hợp khác để xác minh năng lực và cách xác minh khác theo yêu cầu của pháp luật quốc gia<sup>39</sup>. Như vậy, theo hướng dẫn này của UINL việc xác minh danh tính, năng lực và cách xác minh đối với chủ thể giao dịch trên nền tảng số trong hoạt động công chứng điện tử tuân thủ theo pháp luật quốc gia. Tuy nhiên, như nhóm tác giả đã nhận diện trên thì giao dịch thông qua môi trường số được thể hiện dưới dạng hợp đồng điện tử hay hợp đồng thông minh thì đặc trưng nổi bật là giao kết từ xa và danh tính của các bên thường bị ẩn đi. Trong khi đó, hiện nay chúng ta chưa có cơ chế rõ ràng để tiền kiểm danh tính của chủ thể hoạt động kinh doanh trên nền tảng số như thông qua việc đăng ký/thông báo đến cơ quan có thẩm quyền, thêm vào đó hoạt động quản lý định danh và xác thực thông tin đối với chủ thể kinh doanh trên nền tảng số vẫn chưa được mở rộng, rõ nét.

**Khuyến nghị:** Định danh chủ thể kinh doanh đóng vai trò quan trọng để làm rõ tính minh bạch, năng lực tham gia giao dịch và hạn chế tính ẩn danh của các chủ thể xác lập giao dịch trên nền tảng số. Điều này, đảm bảo cho quá trình xác thực thông tin trong hoạt động công chứng, đặc biệt là công chứng điện tử được thực hiện thông qua không gian ảo. Việc xác định danh tính và năng lực tham gia giao dịch của các chủ thể là vấn đề “nan giải” khi hoạt động công chứng điện tử được triển khai rộng rãi trên thực tế. Do đó, bên cạnh đề xuất có chính sách bắt buộc chủ thể kinh doanh trên nền tảng số thông báo hoặc đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền cũng như đẩy mạnh thực hiện chính sách định danh chủ thể kinh doanh trên nền tảng số. Nhóm tác giả cũng kiến nghị Dự thảo Luật Công chứng cần thiết có quy định về quy trình, điều kiện xác định danh tính, sự ưng thuận, thông tin, năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự của chủ thể kinh doanh trên nền tảng số. Đây là vấn đề mà Trung Quốc đã có quy định như mà nhóm tác giả đã nghiên cứu nêu trên.

#### 4. Kết luận

Kinh doanh trên nền tảng số và các sàn giao dịch thương mại điện tử diễn ra ngày càng phổ biến, là trào lưu thu hút đông đảo các chủ thể kinh doanh hoạt động bởi những ưu điểm vượt trội của loại hình này, cách thức và phạm vi tiếp cận khách hàng ngày càng được mở rộng, mang lại nhiều lợi nhuận và doanh thu trong sản xuất và kinh doanh. Tuy nhiên, mặt trái là việc quản lý các chủ thể kinh doanh trên các nền tảng này rất khó khăn, bởi lẽ Việt Nam vẫn chưa định hình được cơ chế tiền kiểm đối với các chủ thể này, họ có quyền tự do kinh doanh mà không cần thực hiện các thủ tục xin phép hay thông báo đến cơ quan có thẩm quyền nên việc kiểm tra, rà soát, quản lý và xác định chủ thể vi phạm trở nên khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể “ẩn danh” xâm phạm quyền lợi của bên còn lại hoặc bên thứ ba. Đồng thời, việc minh bạch danh tính của chủ thể tác động đến quá trình thực hiện công chứng

---

<sup>39</sup> Lê Tấn Quan, Ninh Thị Hiền (2024), tldđ, tr. 25.

điện tử có hiệu quả trên thực tế. Do đó, việc nghiên cứu chính sách nhằm minh bạch thông tin các chủ thể kinh doanh trên nền tảng kinh doanh số là tiền đề quan trọng nhằm xác thực đúng, chính xác các chủ thể này khi có yêu cầu.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Barth, M. E., Konchitchki, Y., & Landsman, W. R (2013), “Cost of capital and earnings transparency”, *Journal of Accounting and Economics*, 55, p. 206-224.
2. Digital Business Laws and Regulations France 2024, <https://iclg.com/practice-areas/digital-business-laws-and-regulations/france>, truy cập ngày 17/7/2024.
3. Minh Đức, “Sàn thương mại điện tử phải cung cấp thông tin của người bán hàng theo quy định mới”, <https://vtv.vn/cong-nghe/san-thuong-mai-dien-tu-phai-cung-cap-thong-tin-cua-nguoi-ban-hang-theo-quy-dinh-moi-20221102153150787.htm>, truy cập 29/7/2024.
4. Giuseppe A. Veltri, et al (2023), “The impact of online platform transparency of information on consumers choices”, *Behavioural Public Policy*, Vol. 7, Issue 1, p. 56.
5. Lê Hồ Trung Hiếu, Nguyễn Trung Thành (2023), “Cơ chế giao kết hợp đồng thông minh và những rào cản pháp lý trong pháp luật Việt Nam hiện nay”, *Kỷ yếu khoa học Hợp đồng thông minh – Những vấn đề pháp lý liên quan*, Khoa Luật Quốc tế, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh.
6. Lê Quang Kiệt (2021), “Hoàn thiện pháp luật về công khai, minh bạch thông tin trong tập đoàn kinh tế ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Thanh tra*, số 5.
7. Kristina Kundelienea, Sviesa Leitoniene (2015), “Business Information Transparency: Causes and Evaluation Possibilities”, *Procedia - Social and Behavioral Sciences* 213 (2015).
8. Nguyễn Phạm Thảo Linh (2022), “Thực trạng các quy định pháp luật về hợp đồng thông minh và một số giải pháp hoàn thiện”, <https://tapchitoaan.vn/thuc-trang-cac-quy-dinh-phap-luat-ve-hop-dong-thong-minh-va-mot-so-giai-phap-hoan-thien6947.html>, truy cập ngày 19/7/2024.
9. Max Raskin (2017), The Law and Legality of Smart Contracts, *Georgetown Law Technology review*, Vol 1:2, No. 305.
10. Junyong Kim, Pranjal Gupta (2012), “Emotional Expressions in Online User Reviews: How They Influence Consumers’ Product Evaluations”, *Journal of Business Research*, Vol. 65 (7): 985–92.

11. Nguyễn Thị Thu Thủy (2023), “Xử lý vi phạm về đăng ký doanh nghiệp”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, số 05 (477)/2023.
12. Nguyễn Phương Thảo (2023), “Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh trong giao dịch từ xa theo Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng”, Kỷ yếu hội thảo *Những điểm mới của Luật bảo vệ người tiêu dùng năm 2023*, Khoa Luật Dân sự, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh.

# PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ THÔNG TIN DOANH NGHIỆP– THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN

**ThS. Trần Linh Huân**

*Giảng viên Khoa Luật Thương mại, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh*

**Lê Phạm Anh Thơ**

*Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Phú Gia Cát*

## **Tóm tắt:**

Quản lý thông tin doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ các quy trình kinh doanh, ra quyết định và vận hành doanh nghiệp, cũng như phục vụ hiệu quả cho công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp. Hiện nay, khung pháp lý điều về quản lý thông tin doanh nghiệp đã được xây dựng, ban hành và áp dụng, điều này góp phần quan trọng vào việc đảm bảo hiệu quả trong hoạt động quản lý thông tin doanh nghiệp. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực đạt được, pháp luật về quản lý thông tin doanh nghiệp cũng còn tồn tại một số vấn đề hạn chế nhất định, điều này đã và đang ảnh hưởng đến tính hiệu quả của hoạt động này trước đòi hỏi ngày càng cao từ yêu cầu thực tiễn. Xuất phát từ đó, bài viết tập trung phân tích, đánh giá làm rõ sự hạn chế, bất cập trong quy định và thực thi pháp luật về quản lý thông tin doanh nghiệp và từ đó đưa ra một số đề xuất kiến nghị hoàn thiện về vấn đề này.

**Từ khóa:** Quản lý, thông tin doanh nghiệp, thực trạng, hoàn thiện.

## **Abstract:**

*Enterprise information management plays an important role in supporting business processes, decision-making and business operations, as well as effectively serving the state management of enterprises. Currently, the legal framework governing the management of corporate information has been developed, promulgated and applied, which makes an important contribution to ensuring the effectiveness of corporate information management activities. However, besides the positive aspects achieved, the law on enterprise information management also has certain limitations, which has affected the effectiveness of this activity in the face of increasing requirements from practical requirements. From there, the article focuses on analyzing, evaluating and clarifying the limitations and inadequacies in regulations and law enforcement on enterprise information management and thereby making a number of proposals and recommendations to improve this issue.*

**Keywords:** Management, business information, current status, completion.



## Đặt vấn đề

Với sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của nền kinh tế toàn cầu đã tạo ra cho các doanh nghiệp ngày càng nhiều áp lực cạnh tranh trên thị trường. Điều đó đòi hỏi các doanh nghiệp phải không ngừng cải tiến và phát triển để nâng cao năng lực, cũng như tiếp cận, nắm bắt những xu hướng, cơ hội phát triển để tránh bị đào thải. Theo đó, một trong những yếu tố quan trọng để thúc đẩy doanh nghiệp phát triển bền vững đó chính là cần có một hệ thống quản lý thông tin doanh nghiệp hiệu quả. Tuy nhiên, hiện nay số lượng các doanh nghiệp đầu tư chi phí để cải tiến, phát triển hệ thống quản lý thông tin doanh nghiệp còn khá thấp và chưa thật sự chú trọng. Bên cạnh đó, khung pháp lý về quản lý thông tin doanh nghiệp còn thiếu sót, chưa đầy đủ, cụ thể để phân định trách nhiệm của các bên trong việc quản lý hiệu quả thông tin doanh nghiệp. Điều này dẫn đến tình trạng lộ, lọt thông tin doanh nghiệp nói chung và thông tin khách hàng nói riêng, gây ảnh hưởng lớn đến lợi ích của chính doanh nghiệp lẫn người dân, tác động xấu đến trật tự an toàn xã hội khi các thông tin đó bị lợi dụng để lừa đảo, thiệt hại về tài sản, danh dự, uy tín của cá nhân và tổ chức. Chính vì vậy, việc phân tích, đánh giá làm rõ những vấn đề còn hạn chế, bất cập trong quy định và thực thi pháp luật về quản lý thông tin doanh nghiệp để từ đó đưa ra những giải pháp kiến nghị khắc phục, hoàn thiện là điều rất quan trọng, cấp thiết trong bối cảnh hiện nay.

### 1. Tầm quan trọng của quản lý thông tin doanh nghiệp

Có thể nói, hệ thống quản lý thông tin doanh nghiệp chính là trung tâm của việc vận hành doanh nghiệp, là nền tảng cung cấp thông tin cho doanh nghiệp định hướng hoạt động kinh doanh của mình, cũng như đưa ra các chiến lược, quyết định quan trọng ảnh hưởng đến tương lai của chính doanh nghiệp. Bên cạnh đó, những thông tin của doanh nghiệp cũng cần được quản lý, bảo mật chặt chẽ nhằm đảm bảo lợi ích và sự cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường. Ngoài ra, việc quản lý thông tin cũng đóng góp một phần quan trọng vào việc hỗ trợ công tác quản lý doanh nghiệp của Nhà nước.<sup>1</sup> Có thể thấy, việc quản lý thông tin doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng, điều này được thể hiện qua các khía cạnh sau:

*Một là, hỗ trợ hiệu quả hoạt động kinh doanh, vận hành của doanh nghiệp.* Hệ thống quản lý thông tin doanh nghiệp sẽ hỗ trợ cho doanh nghiệp có thể lưu trữ một khối lượng thông tin lớn như thông tin về khách hàng; nhà cung cấp; thông tin về sản phẩm; nhân sự công ty; các quyết định của ban giám đốc... Điều này sẽ giúp cho hoạt động kinh doanh có thể được thực hiện hiệu quả và tiết kiệm thời gian. Đồng thời, các thông tin trên cũng sẽ được bảo mật một cách hiệu quả hơn khi có hệ thống quản lý và giúp giảm thiểu các trường hợp vi phạm

---

<sup>1</sup> “Vai trò, tác động của hệ thống thông tin trong doanh nghiệp”, <https://tuyensinh.vnu.edu.vn/index.php/Home/viewnews/201>, truy cập ngày 18/08/2024.



pháp luật như lộ thông tin của khách hàng, lọt lộ thông tin sản phẩm mới gây thiệt hại cho doanh nghiệp... Hơn nữa, việc kiểm soát hiệu quả mọi dữ liệu một cách trật tự, theo quy tắc sẽ giúp cho việc tìm kiếm và thống kê được nhanh chóng, kịp thời. Đặc biệt, việc có sẵn, đầy đủ các thông tin của công ty cũng sẽ giúp cho các nhà quản trị có thể nhìn nhận một cách toàn diện về tình hình sản xuất, kinh doanh, tài chính, nhân sự... của công ty họ. Qua đó, sẽ giúp cho họ có thể đưa ra những chiến lược, kế hoạch, quyết định sáng suốt, đúng đắn và phù hợp cho sự phát triển của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, quản lý thông tin doanh nghiệp một cách hiệu quả sẽ ảnh hưởng tích cực đến khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường. Chẳng hạn như là hỗ trợ doanh nghiệp điều hành hiệu quả công ty; giảm thiểu tối đa các chi phí phát sinh từ việc đảm bảo không trùng lặp thực hiện cùng một công việc; giảm thiểu các rủi ro về bảo mật, cũng như các cuộc tấn công mạng, đánh cắp dữ liệu và gây thiệt hại lớn cho doanh nghiệp; giảm thiểu việc mất các thông tin quan trọng. Như vậy, có thể thấy thông tin doanh nghiệp là một loại tài nguyên có giá trị cần được quản lý chặt chẽ. Theo đó, dữ liệu thông tin doanh nghiệp chính là tài sản quý báu và quan trọng của mỗi doanh nghiệp, việc bảo vệ tốt tài sản này sẽ giúp cho doanh nghiệp có thể cải thiện và phát triển hoạt động kinh doanh của mình, đạt được những mục tiêu quan trọng, tăng doanh thu, lợi nhuận. Ngược lại, nếu doanh nghiệp không có những giải pháp quản lý chặt chẽ thông tin doanh nghiệp sẽ tạo ra nhiều rủi ro cho chính mình như lọt lộ thông tin mật, khó khăn trong tìm kiếm dữ liệu, mất dữ liệu và có thể đưa ra những giải pháp, chiến lược sai lầm gây ra những thiệt hại, thậm chí có thể dẫn đến phá sản, giải thể doanh nghiệp.

*Hai là, hỗ trợ nhà nước trong công tác quản lý của doanh nghiệp.* Thông tin doanh nghiệp được quản lý, sắp xếp một cách có hệ thống sẽ hỗ trợ rất lớn cho Nhà nước trong công tác quản lý doanh nghiệp. Bởi hiện nay công tác quản lý doanh nghiệp đang gặp rất nhiều khó khăn do các doanh nghiệp vẫn chưa có sự minh bạch, rõ ràng về các thông tin kinh doanh, quản lý nội bộ của mình dẫn đến nhiều trường hợp khó quản lý, kiểm soát vấn đề lọt lộ thông tin gây ảnh hưởng đến chính doanh nghiệp đó, cũng như xảy ra các trường hợp một số doanh nghiệp bất chấp pháp luật để tìm kiếm lợi nhuận một cách trái phép. Việc có một hệ thống quản lý thông tin doanh nghiệp chặt chẽ, minh bạch sẽ không chỉ giúp cho doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh mà còn hỗ trợ rất lớn cho Nhà nước trong việc trích xuất thông tin, thống kê, đánh giá tình hình kinh doanh, nhân sự, thực hiện các nghĩa vụ tài chính hay bảo mật thông tin khách hàng, nhân sự... được rõ nét và dễ dàng hơn. Từ đó, Nhà nước cũng có thể đưa ra những chế tài xử phạt chính xác những đối tượng doanh nghiệp vi phạm gây ảnh hưởng lợi ích của xã hội, nền kinh tế. Bên cạnh đó, cũng đảm bảo đưa ra những giải pháp, kế hoạch nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp tiềm năng gia nhập thị trường, các doanh nghiệp vừa và nhỏ có cơ hội phát triển bền vững, hơn hết chính là giảm thiểu tối đa các tình trạng lọt lộ thông tin doanh nghiệp hiện nay, đặc biệt là thông tin khách hàng, người tiêu dùng bởi đây là nhóm đối tượng yếu thế cần được bảo vệ thông tin một cách chặt chẽ.

## 2. Thực trạng pháp luật về quản lý thông tin doanh nghiệp

Về quy định pháp luật, hiện nay các quy định pháp luật về quản lý thông tin doanh nghiệp vẫn còn nhiều hạn chế, chưa cụ thể, rõ ràng đầy đủ, điều này được thể hiện qua các khía cạnh sau:

*Một là, các quy định trực tiếp điều chỉnh về vấn đề quản lý thông tin doanh nghiệp vẫn chưa thật sự đầy đủ, đúng mức.* Hiện nay, Luật Doanh nghiệp chủ yếu quy định về vấn đề thành lập, tổ chức quản lý doanh nghiệp, chứ chưa có điều khoản quy định trực tiếp về nghĩa vụ của doanh nghiệp trong vấn đề quản lý thông tin doanh nghiệp. Tại Điều 8 Luật Doanh nghiệp năm 2022 khi quy định về nghĩa vụ của doanh nghiệp, Luật chỉ dừng lại ở việc yêu cầu doanh nghiệp thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, báo cáo và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này<sup>2</sup>; chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo; trường hợp phát hiện thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó<sup>3</sup> mà chưa đưa ra quy định trực tiếp về việc doanh nghiệp phải thực hiện nghĩa vụ quản lý thông tin doanh nghiệp. Điều này sẽ gây ảnh hưởng lớn đến việc quản lý thông tin doanh nghiệp bởi việc không quy định sẽ dẫn đến các doanh nghiệp không bắt buộc phải xem xét và xây dựng một hệ thống quản lý chặt chẽ, cũng như đảm bảo thông tin doanh nghiệp được minh bạch, rõ ràng. Như đã phân tích về tầm quan trọng của việc quản lý thông tin doanh nghiệp hiện nay, việc thiếu sót quy định về vấn đề này sẽ làm cho công tác quản lý thông tin doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn đối với nhà nước lẫn các doanh nghiệp, xa hơn sẽ gây tác động lớn đến sự cạnh tranh và phát triển của doanh nghiệp.

*Hai là, quy định về thúc đẩy số hóa trong lưu trữ, quản lý thông tin doanh nghiệp còn hạn chế.* Trong thời kỳ khoa học công nghệ phát triển, hội nhập kinh tế như hiện nay, việc lưu trữ các tài liệu của doanh nghiệp cần được cải tiến và thúc đẩy bằng việc sử dụng hệ thống công nghệ lưu trữ dưới dạng phần mềm. Điều này sẽ giúp tránh tình trạng thất lạc, mất tài liệu quan trọng của doanh nghiệp, cũng như dễ dàng hơn trong công tác trích xuất thông tin, tài liệu. Tuy nhiên, theo Điều 11 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản có liên quan chỉ quy định theo hướng liệt kê các loại tài liệu doanh nghiệp buộc phải lưu trữ nhưng không quy định cụ thể về hình thức lưu trữ. Bên cạnh đó, một số loại giấy tờ vẫn còn thuộc diện được cấp theo dạng bản giấy, điều đó dẫn đến vấn đề điện tử hóa các văn bản của doanh nghiệp cũng gặp nhiều khó khăn, bởi dù doanh nghiệp có chuyển đổi số hệ thống quản lý thông tin doanh nghiệp thì vẫn phải lưu trữ song song các văn bản giấy, và hơn hết Nhà nước vẫn cần

<sup>2</sup> Khoản 2 Điều 8 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

<sup>3</sup> Khoản 3 Điều 8 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

cứ ưu tiên các văn bản giấy hơn văn bản điện tử. Thực trạng này cũng phát sinh từ việc các văn bản điện tử có khả năng bị điều chỉnh, cắt ghép, giả mạo và rất khó phát hiện do năng lực nghiệp vụ hiện nay còn khá yếu kém.

*Ba là, chưa có chế tài xử phạt nghiêm khắc, cụ thể các trường hợp vi phạm pháp luật về quản lý thông tin doanh nghiệp.* Thông tin doanh nghiệp gồm rất nhiều thông tin quan trọng, trong đó quan trọng nhất chính là thông tin khách hàng, người tiêu dùng của doanh nghiệp. Bởi đây là thông tin rất khổng lồ và sẽ tác động trực tiếp khách hàng, gây ảnh hưởng đến lợi ích, quyền lợi chính đáng của họ. Bên cạnh đó, việc để lộ lọt thông tin khách hàng cũng sẽ làm cho doanh nghiệp mất uy tín, tài sản và đứng trước những vụ kiện yêu cầu bồi thường từ phía khách hàng, dẫn đến thiệt hại về tài sản, uy tín, danh dự, cũng như hoạt động kinh doanh, doanh thu của doanh nghiệp đó. Thực trạng hiện nay về vấn đề doanh nghiệp vô tình do hệ thống quản lý thông tin yếu kém hoặc vì trục lợi mà bán thông tin khách hàng ra thị trường hiện đang rất phổ biến và chiếm tỷ lệ lớn. Đơn cử, Công ty VNG để lộ hơn 163 triệu tài khoản khách hàng; Công ty Thế giới di động và Điện máy xanh để lộ hơn 5 triệu email và hàng chục nghìn thông tin thẻ thanh toán như Visa, thẻ tín dụng của khách hàng; tin tặc đã tấn công vào hệ thống máy chủ của Vietnam Airlines, đăng tải lên Internet 411.000 tài khoản khách hàng thành viên của chương trình Bông Sen Vàng.<sup>4</sup> Theo đó hiện nay, về vấn đề bảo vệ dữ liệu của khách hàng trong doanh nghiệp đã được điều chỉnh bởi một số văn bản như Luật An ninh mạng năm 2015; Nghị định số 13/2023/NĐ-CP của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân và một số văn bản hướng dẫn khác... Tuy nhiên, về chế tài xử phạt hiện nay vẫn chưa có quy định, cụ thể hiện nay đã có Dự thảo Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh mạng đối với hành vi các doanh nghiệp để lộ lọt thông tin khách hàng vẫn đang chờ lấy ý kiến và ban hành). Theo đó, mức phạt tiền tối đa với tổ chức vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân là 5% tổng doanh thu năm tài chính liền kề trước tại Việt Nam với hành vi vi phạm lần 3 trở lên; đồng thời có thể bị xử phạt bổ sung là tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động hệ thống thông tin, sản phẩm, dịch vụ từ 1 đến 3 tháng với tổ chức cá nhân vi phạm; tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh tại thị trường Việt Nam. Như vậy, với mức phạt trên thực tế chưa thực sự cao và đảm bảo tính tương xứng đối với thiệt hại mà người tiêu dùng, khách hàng phải gánh chịu. Bởi các thông tin trên khi bị lộ ra bên ngoài, các đối tượng xấu có thể sử dụng để lừa đảo hàng trăm triệu, hàng tỷ đồng đối với khách hàng và hiện nay, Nhà nước vẫn chưa có giải pháp hiệu quả để đòi lại tiền cho người dân hoặc ngăn chặn hành vi lừa đảo trên.

---

<sup>4</sup> Khánh An, “Báo động doanh nghiệp làm lộ lọt thông tin khách hàng”, <https://laodong.vn/kinh-doanh/bao-dong-doanh-nghiep-lam-lo-lot-thong-tin-khach-hang-1311596.lido>, truy cập ngày 18/08/2024.

Về thực thi pháp luật, vấn đề thực thi pháp luật về quản lý thông tin doanh nghiệp cũng còn tồn tại những vấn đề hạn chế, bất cập sau:

*Một là, nhận thức về vấn đề quản lý thông tin doanh nghiệp của các doanh nghiệp hiện nay ít được chú trọng và bảo vệ chặt chẽ.* Hiện nay, hệ thống quản lý thông tin doanh nghiệp đều có thể bị hack, xâm phạm và bị đánh cắp thông tin một cách dễ dàng bởi các hacker. Theo báo Lao động, ông Ngô Minh Hiếu - chuyên gia an ninh mạng và điều tra số tại Trung tâm Giám sát và An toàn Không gian mạng Quốc gia cho biết, tất cả các hệ thống đều có thể bị xâm nhập, bị hack.<sup>5</sup> Như vậy, có thể thấy rằng hiện nay doanh nghiệp Việt Nam chưa có sự đầu tư, quan tâm đúng mức đối với vấn đề bảo mật và cải thiện hệ thống quản lý thông tin doanh nghiệp, thậm chí các doanh nghiệp chưa nhận thức được mức thiệt hại và ảnh hưởng xấu của việc lộ lọt thông tin doanh nghiệp để có những động thái bảo vệ đúng mực. Điều này thể hiện rõ ở nhiều doanh nghiệp lớn Việt Nam không có, lần không thuê đội ngũ bảo vệ an ninh mạng để kiểm tra thử phần mềm an toàn, cũng như củng cố và cải tiến phần mềm dù chỉ một lần.

*Hai là, việc xử phạt đối với hành vi vi phạm trong quản lý thông tin doanh nghiệp chưa đảm bảo.* Vừa qua, Bộ Công an đã nêu rõ một loạt doanh nghiệp về công nghệ để lộ thông tin khách hàng hay các công ty môi giới dịch vụ taxi sử dụng thông tin của hành khách bị lộ để mời chào dịch vụ qua tin nhắn SMS...<sup>6</sup> Bộ Công an cũng cho biết tình trạng lộ, mua bán dữ liệu cá nhân hiện nay diễn ra phổ biến, công khai và ngày càng phức tạp.<sup>7</sup> Thực tế cho thấy rằng hiện dữ liệu cá nhân của khách hàng bị bán tràn lan trên các “thị trường chợ đen” và bị các đối tượng xấu lợi dụng để thực hiện các hành vi lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản của người dân lên đến hàng tỷ đồng. Thêm vào đó, các hành vi buôn bán thông tin trên không chỉ diễn ra do các hệ thống doanh nghiệp yếu kém mà đôi khi là do chính các doanh nghiệp, cá nhân nhân sự của doanh nghiệp đó thực hiện hành vi vi phạm. Đơn cử, năm 2018 thông tin về việc Thegioididong.com bị rò rỉ thông tin và tin tặc đã lấy được thông tin quan trọng như địa chỉ email, lịch sử giao dịch và thậm chí là cả số thẻ đã được các diễn đàn công nghệ đưa ra, khiến hàng triệu khách hàng đứng ngồi không yên.<sup>8</sup> Tuy nhiên, thực trạng vi phạm là vậy nhưng hiện nay vẫn chưa có các quy định cụ thể hay chế tài, hành động hiệu quả tối ưu để hạn chế, ngăn ngừa, giảm thiểu tình trạng trên.

---

<sup>5</sup> Khánh An, “Báo động doanh nghiệp làm lộ lọt thông tin khách hàng”, <https://laodong.vn/kinh-doanh/bao-dong-doanh-nghiep-lam-lo-lot-thong-tin-khach-hang-1311596.ldo>, truy cập ngày 18/08/2024.

<sup>6</sup> Mai Phương, “Doanh nghiệp chịu trách nhiệm gì khi để lộ thông tin khách hàng?”, <https://thanhnien.vn/doanh-nghiep-chiu-trach-nhiem-gi-khi-de-lo-thong-tin-khach-hang-185240303234421668.htm>, truy cập ngày 18/08/2024.

<sup>7</sup> Mai Phương, “Doanh nghiệp chịu trách nhiệm gì khi để lộ thông tin khách hàng?”, <https://thanhnien.vn/doanh-nghiep-chiu-trach-nhiem-gi-khi-de-lo-thong-tin-khach-hang-185240303234421668.htm>, truy cập ngày 18/08/2024.

<sup>8</sup> Mai Phương, “Doanh nghiệp chịu trách nhiệm gì khi để lộ thông tin khách hàng?”, <https://thanhnien.vn/doanh-nghiep-chiu-trach-nhiem-gi-khi-de-lo-thong-tin-khach-hang-185240303234421668.htm>, truy cập ngày 18/08/2024.

*Ba là, doanh nghiệp chưa có sự ý thức rõ về nghĩa vụ phải bảo vệ thông tin khách hàng và những hậu quả tác động xấu mà hành vi làm lộ lọt thông tin khách hàng gây ra.* Hiện nay, vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân mặc dù đã được quy định cụ thể tại Nghị định số 13/2023/NĐ-CP nhưng thực tế ý thức bảo vệ loại dữ liệu trên của khách hàng tại các doanh nghiệp vẫn chưa được cao, đây cũng chính là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến các hành vi làm lộ lọt thông tin khách hàng. Các doanh nghiệp hiện nay vẫn chưa có các cơ chế quản lý chặt chẽ loại thông tin trên, cũng như đảm bảo sự giám sát, theo dõi thường xuyên và cài đặt các phần mềm có tính bảo mật cao với loại thông tin này. Điều đó thể hiện rõ thông qua việc không một doanh nghiệp nào dám khẳng định hệ thống của mình là an toàn bởi vì hacker vẫn có thể tấn công bất kỳ lúc nào. Chưa kể đến các trường hợp, chính những đối tượng trong công ty hay chính doanh nghiệp đó là một bên trong giao dịch đen - mua bán thông tin khách hàng. Theo đó, hiện nay vẫn tồn tại tình trạng người lấy cắp dữ liệu khách hàng để bán ra bên ngoài chính là nhân viên công ty và thậm chí chỉ khi hậu quả xảy ra, công an vào cuộc điều tra thì mới biết hệ thống doanh nghiệp bị tấn công hoặc nhân viên công ty lấy cắp dữ liệu ra ngoài.

### **3. Một số kiến nghị hoàn thiện nâng cao hiệu quả quản lý thông tin doanh nghiệp**

Để khắc phục những vấn đề còn hạn chế, bắt cập trong quy định và thực thi pháp luật về quản lý thông tin doanh nghiệp cũng như góp phần nâng cao hiệu quả đối với hoạt động này thì đòi hỏi cần phải:

*Một là, cần tiếp tục quy định cụ thể, chặt chẽ trách nhiệm của Nhà nước lẫn doanh nghiệp trong công tác quản lý thông tin doanh nghiệp.* Theo đó, cần có một văn bản hướng dẫn hay một chương trong Luật Doanh nghiệp quy định rõ về nghĩa vụ, trách nhiệm của Nhà nước và doanh nghiệp trong việc nâng cao và chú trọng việc quản lý thông tin doanh nghiệp hiện nay. Theo đó, cần quy định cụ thể về trách nhiệm xây dựng, nâng cao, cải tiến hệ thống quản lý thông tin của doanh nghiệp, quy định trách nhiệm doanh nghiệp phải chịu khi có hành vi để lộ, lọt thông tin. Bên cạnh đó, cũng cần quy định trách nhiệm hỗ trợ của Nhà nước, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đều được tiếp cận công nghệ thông tin, đẩy mạnh kiểm tra, giám sát chặt chẽ công tác quản lý thông tin của doanh nghiệp để hạn chế tình trạng lộ, lọt thông tin doanh nghiệp.

*Hai là, cần đưa ra những kế hoạch, chính sách nhằm nâng cao, thúc đẩy số hóa trong lưu trữ tài liệu, thông tin của các doanh nghiệp.* Trong thời kỳ đất nước đang từng bước thực hiện công cuộc chuyển đổi số như hiện nay, Nhà nước cần phổ cập các kiến thức về tầm quan trọng và giá trị của việc quản lý chặt chẽ thông tin doanh nghiệp, nhất là áp dụng khoa học kỹ thuật vào trong việc quản lý thông tin doanh nghiệp. Bên cạnh đó, việc lưu trữ tài liệu của doanh nghiệp nên từng bước xem xét và chấp nhận tài liệu điện tử như là tài liệu giấy thông quan việc chuyển đổi số hệ thống quản lý thông tin doanh nghiệp, nhằm giúp cho các doanh nghiệp giảm thiểu chi phí, tránh tình trạng thất lạc, mất tài liệu như cơ chế quản lý thông tin

truyền thông. Hơn hết, để thực hiện được điều này, Nhà nước cần nâng cao trình độ công nghệ thông tin của cơ quan quản lý, ở doanh nghiệp lẫn Nhà nước, từ đó có cơ sở để điều chỉnh, bổ sung pháp luật theo hướng chuyển đổi số về vấn đề quản lý thông tin doanh nghiệp.

*Ba là, cần có chế tài xử phạt thật nghiêm khắc các trường hợp doanh nghiệp để lộ lọt thông tin khách hàng, người tiêu dùng.* Hiện nay, chế tài xử phạt vi phạm về hành vi lộ lọt thông tin khách hàng vẫn chỉ dừng lại ở Dự thảo Nghị định đang được lấy ý kiến. Mức phạt trên không căn cứ vào giá trị thiệt hại mà quy định mức phạt tối đa cụ thể là 5% tổng doanh thu năm tài chính liền trước tại Việt Nam với hành vi vi phạm lần 3 trở lên. Theo đó, mức phạt này chưa phản ánh rõ và thể hiện được sự tương xứng trong hành vi vi phạm của doanh nghiệp đối với hậu quả mà doanh nghiệp gây ra, điều này chưa thực sự tạo ra áp lực và răn đe hiệu quả đối với các doanh nghiệp. Giả sử, trong trường hợp một doanh nghiệp nhỏ thực hiện hành vi vi phạm tới lần thứ ba và chỉ bị phạt trên doanh thu năm liền kề trước, trong khi doanh thu của doanh nghiệp này rất nhỏ thậm chí báo lỗ nhưng hậu quả của hành vi lộ lọt thông tin khách hàng của doanh nghiệp đó gây thiệt hại hàng chục tỷ đồng cho khách hàng. Chính vì vậy, cần xem xét quy định nâng mức phạt lên theo quy mô tác động của từng vụ việc, hậu quả mà hành vi trên đem lại theo nguyên tắc bồi thường thiệt hại dân sự để đảm bảo sự răn đe và giảm thiểu hiệu quả tình trạng mua bán thông tin, dữ liệu cá nhân. Bên cạnh đó, cũng có cơ chế cho các doanh nghiệp yêu cầu hỗ trợ từ Nhà nước trong công tác quản lý thông tin doanh nghiệp, đảm bảo các doanh nghiệp có thể thực hiện hiệu quả công tác bảo mật thông tin khách hàng, tránh trường hợp bị phạt oan.

*Bốn là, nâng cao nhận thức về sự cần thiết của việc xây dựng hệ thống quản lý thông tin doanh nghiệp.* Nhà nước cần đưa ra các khóa đào tạo, hướng dẫn, trao đổi với các doanh nghiệp nhằm nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp về tầm quan trọng của công tác quản lý thông tin doanh nghiệp một cách hiệu quả, cũng như vai trò, giá trị mà quản lý thông tin doanh nghiệp mang lại cho cả doanh nghiệp và Nhà nước như đã đề cập ở trên. Bên cạnh đó, cần yêu cầu các doanh nghiệp buộc phải xem xét chặt chẽ lại hệ thống an toàn an ninh mạng của chính doanh nghiệp mình có đảm bảo, ngăn ngừa được sự tấn công của các hacker hay không. Hơn hết, cũng cần có quy trình đánh giá, giám sát thường xuyên về cả kỹ thuật hệ thống quản lý, lẫn nhân sự của doanh nghiệp để đảm bảo bí mật thông tin của khách hàng được bảo vệ một cách hiệu quả nhất. Đồng thời, cần có quy chế xử phạt nội bộ nghiêm minh và công khai đối với các đối tượng làm lộ lọt thông tin doanh nghiệp nói chung và thông tin khách hàng nói riêng để răn đe, ngăn ngừa tình trạng vi phạm.

*Năm là, Nhà nước cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, cũng như xử phạt nghiêm minh các trường hợp rò rỉ thông tin doanh nghiệp nói chung và thông tin khách hàng nói riêng.* Hiện nay, tình trạng rò rỉ thông tin và tin tặc vẫn còn khá nhiều và gây tác động xấu đến người dân lẫn xã hội, theo đó một trong những nguyên nhân chính bắt nguồn từ công tác kiểm

tra giám sát của nhà nước chưa chặt chẽ, thống nhất giữa các khu vực, vùng miền. Do đó, để giảm thiểu, hạn chế cũng như dần xóa bỏ tình trạng trên, thì hơn hết Nhà nước cần có những hành động, quyết định cụ thể thực hiện quyết liệt công tác điều tra, kiểm tra, giám sát tình trạng sử dụng hệ thống quản lý thông tin doanh nghiệp của các doanh nghiệp hiện nay; cũng như xử lý mạnh các trường hợp mà doanh nghiệp hoặc cá nhân, tổ chức có hành vi cố ý mua bán thông tin khách hàng, thông tin doanh nghiệp để trục lợi. Đồng thời, Nhà nước cũng cần có những biện pháp hỗ trợ trực tiếp nhằm nâng cao độ bảo mật cho hệ thống quản lý thông tin doanh nghiệp khi được yêu cầu. Bên cạnh đó, đối với những thông tin doanh nghiệp đã bị lọt lộ ra bên ngoài thì Nhà nước cũng cần phối hợp với các doanh nghiệp vi phạm nhằm khắc phục, hạn chế kịp thời các rủi ro, thiệt hại mà khách hàng, tổ chức phải gánh chịu. Như vậy, sự tham gia của nhà nước đóng một vai trò rất quan trọng trong công tác quản lý hiệu quả thông tin doanh nghiệp, góp phần giảm thiểu tình trạng lộ lọt thông tin, đảm bảo an ninh xã hội.

*Sáu là, nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về giá trị, tầm quan trọng của thông tin khách hàng, dữ liệu cá nhân và trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc bảo vệ thông tin này.* Nhà nước cần có những chính sách tuyên truyền về tầm quan trọng và ảnh hưởng xấu của việc lộ lọt thông tin khách hàng, dữ liệu cá nhân, cũng như trách nhiệm của mỗi cá nhân, doanh nghiệp trong việc bảo vệ thông tin trên. Cụ thể, mỗi doanh nghiệp bên cạnh việc có trách nhiệm xây dựng một hệ thống quản lý thông tin cụ thể, còn phải kiểm tra, giám sát chặt chẽ nhân sự của công ty mình, đảm bảo việc kiểm soát thông tin chặt chẽ, tránh trường hợp lộ lọt thông tin khách hàng; xây dựng một quy trình đánh giá, giám sát thường xuyên về cả kỹ thuật lẫn nhân sự để đảm bảo bí mật thông tin của khách hàng. Đồng thời, các doanh nghiệp cần trích một phần doanh thu vào trong việc đào tạo nhân sự quản lý hệ thống thông tin, đảm bảo hệ thống được vận hành trơn tru, chặt chẽ và bảo mật cao. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cũng nên có các quy định, hình thức xử lý vi phạm thích đáng, cũng như trình báo với các cơ quan chức năng đối với những đối tượng có các hành vi trực tiếp, thông đồng hay tiếp tay có việc làm lộ lọt thông tin.

### **Kết luận**

Trong thời kỳ hội nhập thế giới như hiện nay, đòi hỏi các doanh nghiệp phải không ngừng cải tiến, nâng cao năng lực quản lý, kinh doanh để có thể cạnh tranh trong thị trường. Tuy nhiên, tình hình quản lý thông tin doanh nghiệp hiện nay còn nhiều hạn chế, cũng như các quy định của pháp luật vẫn chưa hoàn thiện dẫn đến tình trạng vi phạm về quản lý thông tin doanh nghiệp còn tràn lan và vẫn chưa giải quyết triệt để. Chính vì vậy, việc đưa ra một số kiến nghị, giải pháp phù hợp dựa trên cơ sở phân tích, đánh giá khách quan các quy định của pháp luật lẫn tình hình thực thi pháp luật để nhằm hướng tới mục tiêu hoàn thiện hành lang

pháp lý về quản lý thông tin doanh nghiệp, từ đó góp phần nâng cao năng lực quản lý thông tin doanh nghiệp của các doanh nghiệp và Nhà nước là điều rất quan trọng, cấp thiết.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Luật Doanh nghiệp năm 2020.
2. Luật An ninh mạng năm 2018.
3. Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân.
4. Dự thảo Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh mạng.
5. Khánh An, “Báo động doanh nghiệp làm lộ lọt thông tin khách hàng”, <https://laodong.vn/kinh-doanh/bao-dong-doanh-nghiep-lam-lo-lot-thong-tin-khach-hang-1311596.ldo>, truy cập ngày 18/08/2024.
6. Mai Phương, “Doanh nghiệp chịu trách nhiệm gì khi để lộ thông tin khách hàng?”, <https://thanhnien.vn/doanh-nghiep-chiu-trach-nhiem-gi-khi-de-lo-thong-tin-khach-hang-185240303234421668.htm>, truy cập ngày 18/08/2024.
7. “Vai trò, tác động của hệ thống thông tin trong doanh nghiệp”, <https://tuyensinh.vnu.edu.vn/index.php/Home/viewnews/201>, truy cập ngày 18/08/2024.



# PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT THÔNG TIN CÔNG BỐ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN – ĐỘNG LỰC CHO SỰ MINH BẠCH THỊ TRƯỜNG

**TS. Trương Vĩnh Xuân**

*Học viện Chính trị khu vực IV*

## **Tóm tắt:**

Thông tin công bố của công ty cổ phần có ý nghĩa rất quan trọng trong quản lý nhà nước, đối với các bên có liên quan và cổ đông. Hiện nay, thông tin được kiểm soát thông qua hoạt động kiểm tra, thanh tra, giám sát và xét xử của các cơ quan có thẩm quyền hoạt động tự kiểm tra của cổ đông và các bên liên quan khác. Tuy nhiên, hiệu quả kiểm soát thông tin công bố của công ty cổ phần chưa cao. Trong thời gian tới, cần phải có hỗ trợ kiểm soát độc lập và nâng cao trách nhiệm của tổ chức hỗ trợ kiểm soát độc lập nhằm nâng cao tính khách quan, minh bạch và trung thực của thông tin được công bố.

**Từ khóa:** công bố thông tin, kiểm soát thông tin

## **Abstract:**

*Information disclosed by joint stock companies is very important in state management, for related parties and shareholders. Currently, information is controlled through inspection, supervision and adjudication activities of competent authorities and self-inspection activities of shareholders and other related parties. However, the effectiveness of information disclosure control by joint stock companies is not high. In the coming time, it is necessary to have independent control support and enhance the responsibility of independent control support organizations to improve the objectivity, transparency and honesty of disclosed information*

**Keywords:** information disclosure, information control

## **1. Thông tin công bố và sự cần thiết phải hoàn thiện pháp luật về kiểm soát thông tin công bố của công ty cổ phần**

### **1.1. Thông tin công bố của công ty cổ phần**

Thông tin doanh nghiệp nói chung, thông tin phải công bố của công ty cổ phần (sau đây gọi chung là công ty) có ý nghĩa rất lớn đối với quản lý nhà nước, đối tác kinh doanh và cổ đông. Việc công bố thông tin theo pháp luật là nghĩa vụ của công ty nhằm đáp ứng quyền của cổ đông và gắn liền với lợi ích chung của xã hội. Theo Luật Doanh nghiệp năm 2020, quyền thông tin của cổ đông phổ thông được pháp luật điều chỉnh thể hiện ở hai lĩnh vực: (i) thông

tin liên quan đến cơ quan quản lý và hoạt động quản lý công ty; (ii) thông tin liên quan đến điều hành công ty.

Quyền thông tin liên quan đến cơ quan quản lý và hoạt động quản lý công ty thể hiện (i) những nội dung liên quan đến tổ chức hợp và quyết định của Đại hội đồng cổ đông như thông tin danh sách cổ đông có quyền biểu quyết, điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông<sup>1</sup>, danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông<sup>2</sup> và các thông tin có liên quan (thông qua giấy mời họp và chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp, phiếu biểu quyết, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp)<sup>3</sup>, biên bản kiểm phiếu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông<sup>4</sup>; và (ii) hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát như thông tin về sổ biên bản, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát<sup>5</sup>, báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hàng năm của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát<sup>6</sup>, sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty<sup>7</sup>.

Điều hành công ty cổ phần là trách nhiệm của người quản lý công ty, tập trung ở Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc công ty. Hoạt động của công ty rất đa dạng, phong phú nên các thông tin liên quan đến điều hành công ty cũng đa dạng, phong phú. Theo Luật Doanh nghiệp năm 2020, quyền thông tin của cổ đông phổ thông liên quan đến điều hành công ty gắn liền với thực hiện quyền và nghĩa vụ của Giám đốc/Tổng giám đốc<sup>8</sup> và một phần quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị<sup>9</sup>. Tuy nhiên, quyền thông tin của cổ đông phổ thông thường chủ yếu tập trung ở thông tin liên quan đến quản lý công ty, quyền thông tin liên quan đến hoạt động của công ty ít được tập trung hơn. Pháp luật chưa quy định cụ thể quyền thông tin liên quan đến điều hành công ty cổ phần. Trong khi đó, những công ty cổ phần đại chúng hoặc những loại hình khác hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần đại chúng được quy định rõ ràng về thông

---

<sup>1</sup> Điểm đ, điểm e khoản 1 điều 115, khoản 5 điều 148, Khoản 5 điều 150 và điểm a khoản 2 điều 176 Luật doanh nghiệp năm 2020

<sup>2</sup> Khoản 3 điều 141 Luật doanh nghiệp năm 2020

<sup>3</sup> Điểm g khoản 5 điều 140, khoản 1, khoản 2 và khoản 3 điều 143 Luật doanh nghiệp năm 2020

<sup>4</sup> Khoản 2, khoản 6 điều 149 Luật doanh nghiệp năm 2020

<sup>5</sup> Điểm a khoản 2 điều 115 Luật doanh nghiệp năm 2020

<sup>6</sup> Điểm d khoản 2 điều 176 Luật doanh nghiệp năm 2020

<sup>7</sup> Điểm b khoản 2 điều 176 Luật doanh nghiệp năm 2020

<sup>8</sup> Khoản 3 điều 152 Luật Doanh nghiệp năm 2020

<sup>9</sup> Khoản 2 điều 153 Luật Doanh nghiệp năm 2020

tin công bố (Nghị định 155/2020/NĐ-CP<sup>10</sup> và Thông tư 96/2020/TT-BTC)<sup>11</sup>. Những thông tin liên quan đến điều hành hoạt động kinh doanh thường ngày có thể kể đến bao gồm: báo cáo tài chính (*bao gồm báo cáo tài chính năm và báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của công ty...*); báo cáo thường niên; hoạt động chào bán và báo cáo sử dụng vốn; giải trình về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (*như thay đổi lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm trước, giải trình lợi nhuận của quý, số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh...*); và các thông tin bất thường (*tài khoản công ty bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại, thông tin về ngành nghề kinh doanh, thay đổi kỳ kế toán...*)<sup>12</sup>

Thông tin công bố của công ty phải khách quan, trung thực, minh bạch và việc hoàn thiện pháp luật kiểm soát thông tin công bố của công ty là cần thiết và có nhiều ý nghĩa.

## ***1.2. Sự cần thiết hoàn thiện pháp luật kiểm soát thông tin công bố của công ty cổ phần***

***Thứ nhất***, đáp ứng yêu cầu của hệ thống lý thuyết về quyền của cổ đông công ty. Với vai trò là chủ thể quyền lực nhà nước, quản lý nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhà nước phải đảm bảo trật tự và định hướng mục tiêu của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Bằng công cụ pháp luật và chính sách nhà nước đảm bảo quyền của cổ đông đối với những thông tin công bố của công ty đúng pháp luật, khách quan, chính xác và kịp thời.

Từ góc nhìn pháp luật kinh tế - dân sự, cổ đông là người sở hữu cổ phần, họ có quyền kiểm tra, giám sát đối với tài sản và hiệu quả sử dụng tài sản của họ. Cổ đông là người sở hữu cổ phần nhưng đa số họ không tham gia quản lý<sup>13</sup>, những người quản lý đại diện cho cổ đông để thực hiện quản trị công ty. Trong quá trình ra quyết định quản trị, người quản lý biết nhiều thông tin, nhất là thông tin nội bộ công ty nhiều và chính xác nhất<sup>14</sup> và ảnh hưởng tiêu cực đến quyền và lợi ích của cổ đông. Trên cơ sở đó, bằng công cụ pháp luật, nhà nước tạo điều kiện

---

<sup>10</sup> Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán

<sup>11</sup> Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

<sup>12</sup> Chương II, chương III, chương IV Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

<sup>13</sup> Áp dụng lý thuyết về sự tách bạch giữa quyền sở hữu và quyền quản lý công ty trong xây dựng quyền của cổ đông: Xem thêm Trương Vĩnh Xuân (2019), Luật hóa những lý thuyết cơ bản về quyền của cổ đông phổ thông trong pháp luật doanh nghiệp Việt Nam, Tạp chí kiểm sát số 5-2019

<sup>14</sup> Áp dụng lý thuyết bất cân xứng thông tin trong xây dựng quyền của cổ đông: Xem thêm Trương Vĩnh Xuân (2019), Luật hóa những lý thuyết cơ bản về quyền của cổ đông phổ thông trong pháp luật doanh nghiệp Việt Nam, Tạp chí kiểm sát số 5-2019

cho cổ đông có nhiều quyền liên quan đến quản lý và điều hành công ty để đảm bảo hoạt động của công ty hiệu quả nhất.

**Thứ hai**, minh bạch hóa thông tin trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cũng có những khuyết tật của nó. Những khuyết tật đó có thể làm ảnh hưởng lớn đến lợi ích chung của xã hội, lợi ích của các chủ đầu tư là cổ đông và các bên liên quan khác. Thời gian qua, nhiều vụ án đang xét xử như vụ án liên quan công ty Vạn Thịnh Phát, vụ án liên quan đến tập đoàn FLC... cho thấy nhà đầu tư đã chịu thiệt hại rất lớn do thông tin của các công ty công bố không chính xác, thậm chí rất khó xác định thiệt hại của nhà đầu tư, của nền kinh tế. Tính không minh bạch của thông tin công bố đã dẫn đến niềm tin của nhà đầu tư đặt sai chỗ và gây thiệt hại cho họ, thiệt hại cho nhà nước. Vì vậy, việc minh bạch hóa thông tin công bố của các công ty cổ phần nói chung, nhất là công ty đại chúng là rất quan trọng.

**Thứ ba**, bảo vệ quyền lợi của cổ đông công ty. Cổ đông công ty là đối tượng trực tiếp bị ảnh hưởng bởi thông tin công bố của công ty. Việc xây dựng và hoàn thiện các quy định pháp luật về kiểm soát thông tin công bố của công ty cổ phần là gián tiếp bảo vệ quyền lợi cho họ. Bằng công cụ pháp luật họ có quyền sử dụng các quyền của mình để bảo vệ quyền lợi của họ.

**Thứ tư**, đảm bảo quyền lợi của các bên liên quan như người lao động, các ngân hàng thương mại... Những người có liên quan cũng có nhiều lợi ích gắn liền với quy định về công bố thông tin của công ty cổ phần. Việc hoàn thiện pháp luật về kiểm soát thông tin công bố cũng góp phần bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan.

## **2. Những quy định về kiểm soát thông tin công bố của công ty cổ phần theo pháp luật hiện hành**

### **2.1. Kiểm soát thông tin công bố từ quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước**

Đây là hoạt động của các cơ quan nhà nước nhằm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Họ không phải trực tiếp kiểm soát thông tin công bố của công ty mà trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đảm bảo việc thực hiện pháp luật của các chủ thể, họ gián tiếp đảm bảo cho việc công bố thông tin của các công ty được thực hiện đúng quy định pháp luật.

**Thứ nhất**, hoạt động thanh tra. Đây là hoạt động xem xét, đánh giá, xử lý theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định của cơ quan thực hiện chức năng thanh tra đối với việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân<sup>15</sup>.

---

<sup>15</sup> Khoản 1 điều 2 Luật Thanh tra năm 2022

*(i), Thanh tra ngành Kế hoạch và đầu tư:*

Thanh tra sở nói chung, Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan của sở, thực hiện nhiệm vụ thanh tra trong phạm vi mà sở được giao tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước; thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật<sup>16</sup>. Thanh tra sở là “*thanh tra chuyên ngành đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi mà sở được giao tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước và Thanh tra vụ việc khác do Giám đốc sở giao*”<sup>17</sup>. Nhiệm vụ cụ thể của Sở Kế hoạch và Đầu tư là “*đầu mối theo dõi, tổng hợp tình hình doanh nghiệp*”<sup>18</sup>, nên quản lý nhà nước đối với công bố thông tin của công ty cổ phần cũng thuộc nội dung thanh tra của Sở Kế hoạch và Đầu tư. So với quy định trước đây<sup>19</sup>, Luật Thanh tra năm 2022 và Thông tư 05/2022/TT-BKHĐT<sup>20</sup> chưa cụ thể hóa nhiệm vụ, quyền hạn của thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư đối với việc công bố thông tin của công ty cổ phần. Quy định hiện nay dường như thụt lùi so với quy định của Nghị định 216/2013/NĐ-CP<sup>21</sup> và Thông tư 08/2014/TT-BKHĐT<sup>22</sup>

Từ đó chúng ta có thể hiểu, hoạt động công bố thông tin công ty và lưu trữ hồ sơ công bố thông tin là thuộc phạm vi thanh tra của thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư.

*(ii), Thanh tra, giám sát của Ủy ban chứng khoán nhà nước*

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước là cơ quan trực thuộc Bộ Tài chính, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính quản lý nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán; trực tiếp quản lý, giám sát hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán; quản lý các hoạt động dịch vụ thuộc lĩnh vực chứng khoán, thị trường chứng khoán theo quy định của

<sup>16</sup> Khoản 1 điều 26 Luật Thanh tra năm 2022

<sup>17</sup> Điểm b, c khoản 1 điều 27 Luật Thanh tra năm 2022

<sup>18</sup> Điểm d khoản 9 điều 2 Thông tư 05/2022/TT-BKHĐT ngày 6/5/2022 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Kế hoạch và Đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Phòng tài chính - kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

<sup>19</sup> Theo Nghị định 216/2013/NĐ-CP và Thông tư 08/2014/TT-BKHĐT, Thanh tra ngành Kế hoạch và Đầu tư có nhiệm vụ “*thanh tra việc chấp hành các quy định về tổ chức bộ máy, quản lý, điều hành hoạt động của các loại hình doanh nghiệp*” (Khoản 3 điều 18 Nghị định 216/2013/NĐ-CP), bao gồm thanh tra “*đối với việc thực hiện chế độ lưu giữ hồ sơ, tài liệu và con dấu tại trụ sở chính của doanh nghiệp và việc thực hiện quy định về trình tự, thủ tục tiến hành họp Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên*” (Điểm a,c điều 9 Thông tư 08/2014/TT-BKHĐT)

<sup>20</sup> Thông tư 05/2022/TT-BKHĐT ngày 6/5/2022 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Kế hoạch và Đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Phòng tài chính - kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

<sup>21</sup> Nghị định 216/2013/NĐ-CP ngày 24/12/2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Kế hoạch và đầu tư

<sup>22</sup> Thông tư 08/2014/TT-BKHĐT ngày 26/11/2014 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 216/2013/nđ-cp ngày 24 tháng 12 năm 2013 của chính phủ về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Kế hoạch và đầu tư

pháp luật<sup>23</sup>. Thực hiện chức năng tham mưu, Ủy ban chứng khoán nhà nước có nhiệm vụ quản lý, giám sát hoạt động của các Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán và các tổ chức phụ trợ; tạm đình chỉ hoạt động giao dịch, hoạt động lưu ký của các Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán trong trường hợp có dấu hiệu ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư; chấp thuận các quy định, quy chế của các Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán; chấp thuận việc đưa vào giao dịch các loại chứng khoán mới, thay đổi và áp dụng phương thức giao dịch mới, đưa vào vận hành hệ thống giao dịch mới; Thanh tra, giám sát, xử lý vi phạm hành chính và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán<sup>24</sup>.

Với vai trò đó, Ủy ban chứng khoán nhà nước ban hành nhiều quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các công ty cổ phần là công ty đại chúng vi phạm pháp luật về nghĩa vụ công bố thông tin<sup>25</sup>. Tuy nhiên, thẩm quyền thanh tra, giám sát của Ủy ban chứng khoán nhà nước đối với nghĩa vụ công bố thông tin chỉ áp dụng đối với các công ty cổ phần là công ty đại chúng, còn những công ty cổ phần không phải là công ty đại chúng sẽ được thực hiện theo quy định về thanh tra ngành Kế hoạch và Đầu tư.

Các thông tin thanh tra, giám sát và quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán (bao gồm công bố thông tin của công ty đại chúng) được công khai. Trong khi đó, mức độ công khai của các quyết định về xử phạt hành chính của thanh tra ngành Kế hoạch và Đầu tư là chưa cao.

*(iii), Hoạt động điều tra của cơ quan cảnh sát điều tra*

Thanh tra ngành Kế hoạch và đầu tư, thanh tra giám sát của Ủy ban chứng khoán nhà nước đối với việc công bố thông tin là nhiệm vụ thường xuyên. Hoạt động điều tra của cơ quan điều tra là hoạt động khi có dấu hiệu phạm tội (như tiếp nhận đơn và thụ lý dựa theo đơn thư tố giác tội phạm, có đề nghị của các cơ quan có thẩm quyền trong thực hiện chức năng nhiệm vụ, quyền hạn (như của thanh tra nhà nước, thanh tra ngành Kế hoạch và đầu tư hoặc các cơ quan khác), hoặc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ điều tra các vụ án khác mà có dấu hiệu tội phạm liên quan đến công bố thông tin của các công ty.

Các tội danh được quy định trong Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) chủ yếu liên quan đến công bố thông tin của các công ty đại chúng niêm yết trên thị trường chứng khoán, như: Tội cố ý công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu thông tin trong

<sup>23</sup> Quyết định Số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban chứng khoán nhà nước trực thuộc Bộ tài chính

<sup>24</sup> Khoản 7,8 điều 2 Quyết định Số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban chứng khoán nhà nước trực thuộc Bộ tài chính

<sup>25</sup> Thông tin các quyết định xử phạt vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán nói chung, vi phạm công bố thông tin nói riêng tại trang web: [https://ssc.gov.vn/webcenter/portal/ubck/pages\\_r/m/tintc-skin/thanhtra-gimst](https://ssc.gov.vn/webcenter/portal/ubck/pages_r/m/tintc-skin/thanhtra-gimst)

hoạt động chứng khoán (điều 209); Tội sử dụng thông tin nội bộ để mua bán chứng khoán (điều 210); Tội thao túng thị trường chứng khoán (điều 211); Tội làm giả tài liệu trong hồ sơ chào bán, niêm yết chứng khoán (điều 212).

*(iv), Hoạt động xét xử của tòa án*

Tòa án là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nhiều vụ án dân sự (bồi thường thiệt hại), vụ án hình sự do thông tin công bố không chính xác gây thiệt hại cho các chủ thể khác. Quy trình tố tụng của tòa án cũng góp phần có tính chất răn đe, giáo dục pháp luật và đảm bảo cho việc thực hiện pháp luật về công bố thông tin của công ty. Tuy nhiên, kiểm soát công bố thông tin công bố của công ty trong trường hợp này là khi sự việc đã xảy ra, đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của cổ đông, của các chủ thể khác và lợi ích của xã hội, của nhà nước. Nhiều trường hợp, chúng ta rất khó xác định được thiệt hại hoặc đôi khi các đối tượng vi phạm sẵn sàng vi phạm do lợi ích thu được từ vi phạm pháp luật lớn hơn rất nhiều so với trách nhiệm dân sự, trách nhiệm hình sự mà họ gánh chịu và nhiều lúc tính bù đắp rất khó thực hiện.

***2.2. Quy định pháp luật về kiểm soát thông tin công bố của công ty cổ phần mang tính dự phòng, độc lập và chủ động của cổ đông và các chủ thể khác.***

Với vai trò là người sở hữu cổ phần, cổ đông được pháp luật quy định các quyền, trong đó bao gồm quyền kiểm tra, xem xét, tra cứu, trích lục, sao chép hoặc sao chụp<sup>26</sup> thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến quản lý, điều hành công ty và có quyền yêu cầu sửa đổi một số thông tin không chính xác như thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết, Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông, sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác..., trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty. Mức độ quyền của cổ đông cũng gia tăng đối với cổ đông sở hữu cổ phần ở tỷ lệ cao hơn (như trên 5%, trên 10%).

---

<sup>26</sup> Điểm b, điểm c khoản 2 điều 49; Điểm đ, điểm e khoản 1 điều 115; và điểm a khoản 2 điều 115; khoản 3 điều 122; khoản 3 điều 141; điểm c, điểm d điều 164; khoản 3 điều 165 Luật Doanh nghiệp năm 2020

Bên cạnh đó, cổ đông cũng như những cá nhân, tổ chức khác khi phát hiện việc công bố thông tin sai lệch, vi phạm pháp luật có quyền tố cáo<sup>27</sup>, đơn thư tố giác tội phạm<sup>28</sup> đến cơ quan có thẩm quyền và yêu cầu giải quyết.

Đây là hình thức sử dụng quyền của cổ đông trong quá trình thực hiện pháp luật. Nó vừa tạo ra tính chủ động của cổ đông nhằm đảm bảo thực hiện đúng quy định pháp luật nhưng cũng đồng thời tạo ra tính dự phòng để các chủ thể có nghĩa vụ trong công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin đúng quy định pháp luật và đảm bảo tính chính xác.

Ngoài cổ đông, tổ chức kiểm toán cũng góp phần thực hiện kiểm soát thông tin của các công ty cổ phần đại chúng. Thông tin định kỳ về báo cáo tài chính năm, báo cáo tài chính 06 tháng phải được soát xét và chấp thuận bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thì mới được công bố<sup>29</sup>.

### **2.3. Đánh giá chung**

Kiểm soát thông tin công bố được thực hiện xuất phát từ nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có nhiều hiệu quả nhưng có phần thụ động, trong một số trường hợp sự việc đã xảy ra và ảnh hưởng rất lớn đến đời sống xã hội. Nếu việc công bố thông tin của các công ty, nhất là công ty chứng khoán trong các vụ án gần đây minh bạch và chính xác thì chắc có lẽ thiệt hại không quá lớn. Sau khi xét xử, dù mức án được tuyên có thích đáng thì thiệt hại của nhà đầu tư, của xã hội cũng đã xảy ra rồi.

---

<sup>27</sup> Theo Luật Tố cáo nếu nhiệm vụ của công ty cổ phần là công bố thông tin nhưng thông tin công bố sai lệch, không chính xác ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của cổ đông thì cổ đông có quyền tố cáo đến cơ quan có thẩm quyền, trước hết là thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Khoản 1, Khoản 2 Điều 2 Luật tố cáo năm 2018 (sửa đổi, bổ sung năm 2020)

1. *Tố cáo* là việc cá nhân theo thủ tục quy định của Luật này báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, bao gồm:

- a) Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ;
- b) ...

2. *Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ* là tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của các đối tượng sau đây:

- a) ....
- b) ...;

c) Cơ quan, **tổ chức**.

<sup>28</sup> Khoản 2 Điều 5 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) “2. Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ phát hiện, tố giác, báo tin về tội phạm; tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm”.

<sup>29</sup> Điểm a khoản 1 điều 129 Luật Chứng khoán năm 2019, khoản 1 Điều 3 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán



Pháp luật về kiểm soát của cổ đông đối với thông tin công bố tuy nhìn bề ngoài có nhiều thuận lợi, chủ động nhưng chủ yếu gắn với nghĩa vụ của những cơ quan, những bộ phận hoặc người có trách nhiệm trong công ty. Cổ đông yêu cầu nhưng người quản lý công ty không thực hiện quyền của cổ đông hoặc điều lệ quy định thủ tục phức tạp và gây khó khăn cho cổ đông thì cuối cùng, sự chủ động của cổ đông sẽ chuyển thành cơ chế thụ động của cơ quan nhà nước. Chưa kể, cổ đông nhỏ tốn rất nhiều chi phí và thời gian cho việc đánh giá thông tin công bố và điều đó là công cân xứng với lợi ích của họ. Các chủ thể khác như các tổ chức tín dụng, người lao động... cũng chịu tác động không nhỏ từ thông tin công bố của công ty cổ phần.

Nhìn chung, pháp luật kiểm soát thông tin công bố của công ty đã ít nhiều mang lại hiệu quả nhưng hiện nay còn thiếu một cơ chế độc lập trong thẩm định, đánh giá thông tin công bố.

### 3. Kiến nghị

Pháp luật về kiểm soát thông tin công bố của công ty khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tương đối hiệu quả thì cần phát huy mạnh mẽ hơn nữa. Đồng thời, pháp luật kiểm soát thông tin công bố của công ty cần tiếp tục hoàn thiện theo hướng công khai, minh bạch và hiệu quả hơn:

(i), Các công ty xây dựng mạng thông tin nội bộ và công bố danh sách cổ đông. Công ty tạo và cấp “tài khoản” và “mật mã” cho cổ đông, họ có thể tiếp cận thông tin công bố của công ty. Việc tạo account và password là dễ thực hiện, góp phần tăng cường khả năng kiểm soát thông tin công bố nhưng đảm bảo tính riêng tư thông tin của công ty và cổ đông. Nếu thông tin không công khai, minh bạch và ảnh hưởng đến lợi ích của cổ đông, họ có quyền thực hiện quyền khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với người quản lý công ty do không thực hiện nghĩa vụ đảm bảo quyền thông tin của cổ đông.

(ii) Ngoài trừ những quy định hiện hành, pháp luật cần quy định có một tổ chức độc lập có thẩm quyền trong việc xác thực tính chính xác, minh bạch và trung thực của thông tin công bố:

Pháp luật về doanh nghiệp và công ty chứng khoán quy định một số loại thông tin công bố phải được thẩm định/xác thực bởi những tổ chức độc lập. Ví dụ, Công ty đại chúng phải công bố báo cáo tài chính năm (*bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp*) đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận<sup>30</sup>. Việc tiếp tục quy định và trao quyền cho các tổ chức độc lập khác thẩm định/xác thực thông tin là phù hợp và có thể thực hiện được. Hình thức thẩm định có thể là “*chứng thực*”, “*xác nhận*”, “*kết luận*”... hoặc một hình thức khác phù hợp.

---

<sup>30</sup> Khoản 1 điều 8 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

Những loại thông tin khác trong quản lý và điều hành công ty cổ phần, Luật doanh nghiệp và pháp luật có liên quan có thể quy định công ty phải lựa chọn tổ chức thẩm định/xác thực thông tin công bố. Đây là tiền đề cho cổ đông và các chủ thể khác có liên quan thực hiện quyền của họ. Điều lệ công ty hoặc điều lệ công ty và quy chế công bố thông tin, quy chế quản trị nội bộ công ty mẫu nên quy định có điều khoản về lựa chọn tổ chức độc lập trong thẩm định/xác thực thông tin công bố và chịu trách nhiệm đối với nhiệm vụ thẩm định/xác thực của mình. Đây là sự thể hiện tinh thần “*nếu không có sự thỏa thuận khác*” mà pháp luật quy định. Pháp luật nên phát huy vai trò của các tổ chức khác như Thừa phát lại, Văn phòng công chứng/phòng công chứng hoặc các tổ chức khác mà doanh nghiệp lựa chọn trong việc thẩm định/xác thực thông tin công bố. Họ có nhiệm vụ “*ghi nhận sự kiện, hành vi có thật*”<sup>31</sup>, “*chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của hợp đồng, giao dịch dân sự khác bằng văn bản*”<sup>32</sup>. Nhiệm vụ đó là phù hợp và nếu chúng ta mở rộng thẩm quyền cho những cơ quan này thì việc xác thực, ghi nhận ... là có thể thực hiện được và đồng thời tăng tính trách nhiệm của người quản lý công ty, của công ty cổ phần.

Gắn liền với quyền lợi và quyền lợi phải cao trong thẩm định/xác thực thông tin công bố, pháp luật phải quy định trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân thẩm định/xác thực. Trách nhiệm phải bao gồm trách nhiệm của tổ chức thẩm định/xác thực và trách nhiệm của người trực tiếp thẩm định/xác thực. Bộ luật hình sự nên quy định thêm tội danh của tổ chức và cá nhân thẩm định/xác thực, vì thiệt hại đôi khi quá lớn, ảnh hưởng lâu dài cho xã hội, cho nền kinh tế; trách nhiệm dân sự của tổ chức nên quy định *trách nhiệm đóng* và *trách nhiệm mở*: trách nhiệm đóng là trách nhiệm cố định, tức tổ chức thẩm định/xác thực phải chịu trách nhiệm bồi thường một mức cố định khi gây thiệt hại ở mức độ nào đó; còn trách nhiệm mở là trách nhiệm lệ thuộc vào chứng cứ chứng minh của người bị thiệt hại. Mọi quan hệ giữa tổ chức thẩm định/xác thực và người trực tiếp thẩm định/xác thực là mối quan hệ nội bộ, trách nhiệm lẫn nhau.

**Tóm lại**, hậu quả cho xã hội, cho nền kinh tế của thông tin công bố của công ty quá lớn, ảnh hưởng đến đời sống xã hội quá nhiều nên việc mở rộng quy định về thẩm định/xác thực thông tin là cần thiết./.

---

<sup>31</sup> Trong trường hợp lập vi bằng theo Nghị định 08/2020/NĐ-CP ngày 8/1/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa Phát lại

<sup>32</sup> Khoản 1 điều 2 Luật Công chứng năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2018)